

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Nghi Hoàng (I)

Tiểu sử

Bút hiệu: Thông Biện tiên sinh.

Tác phẩm

Truyện người viết sử, Ân sĩ, Cõi người ta, Gã cùi và miếng dứa non, Quỷ mỹ truyện, Cõi người ta, Yellow Mama và những bài thơ riêng "Kẻ sĩ", Gã cùi và miếng dứa non (In chung với Trần Thị Bông Giấy)



Thông Biện Tiên Sinh lúc
"..xuống tóc"
qua nét hí họa của
NGÔ VƯƠNG TOẠI

Mục Lục

Nói chuyện với Trần Nghi Hoàng – Nguyễn Đức Tùng – 2

Trường hợp Thụy Khuê: Giọng ca sai nhịp...- 25

Bóc quá khứ, nhìn về phía trước...- Đoàn Nhã Văn – 35

Phùng Nguyễn, vết nứt thời gian – 42

Giáo Sư Nghiêm Thâm Bị VC Sát Hại Như Thế Nào? - 45

Phụ đính:

Cuộc ly hôn của chữ nghĩa - Xuân Diệu và Tô Hoài, và "Mối Tình Trai"

Kiệt Tấn: Rằng quen mặt nét đi rồi! - Vũ Hạnh và Con đường thứ ba của...

Ngày xuân, đọc một bài thơ của Lý Bạch - Việt Nam, tiếng mi gõ "xúc tác"...

"Dòng Đời" chảy về đâu - Bọn sinh viên Việt Cộng giết thầy giết bạn

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Nói chuyện với Trần Nghi Hoàng Nguyễn Đức Tùng



Nguyễn Đức Tùng: *Chào anh Trần Nghi Hoàng, một trong những người viết trường ca sớm nhất và hay nhất ở hải ngoại.*

sao tạt cạn dòng sông tâm tưởng
mở triều nghiêng mấy bận xôn xao
con cá nhảy bờ ao
mắc cạn thuở tình cong miệng ngáp

cuộc mặc cả bồng chùng gấp gáp
bởi thời gian trót lở trôi qua
mờ vàng trán nguy nga
mà một nếp nhăn là thước đo không triển hạn

ban đồng ca đổi giọng
kẻ trước người sau chẳng kịp tấm hơi
cuộc rượt đuổi tiếp diễn không ngừng nghỉ

(trích trường ca *Mở cửa tử sinh*)

Đâu là cơ duyên của anh đối với trường ca, thay vì các thể thơ khác? Trong thơ tiếng Anh, chỉ có một khái niệm tương ứng gọi là long poems - các bài thơ dài. Trường ca có phải là bài thơ dài không?

Trần Nghi Hoàng: Dường như trường ca có một cái gì đó bí mật, lôi cuốn tôi. Chắc tại lúc còn bé, tôi được ông cụ dỗ tôi ngủ bằng... truyện *Lục Vân Tiên* chẳng? Tôi bắt đầu thực sự mê thích và dán díp với trường ca khi viết cuốn *Văn hóa các sắc tộc Việt Nam* và đọc được những truyện thơ của người dân thuộc các sắc tộc khác. Trường ca tất nhiên là một bài thơ dài. Ở một bài thơ dài, tác giả có thể dàn trải được những tương quan của sự việc, hình ảnh, ý niệm, khái niệm, quan niệm ... và ngay cả một hệ thống tư tưởng nếu có. Do đó, rất nhiều trường ca mang tính sử thi.

Nguyễn Đức Tùng: *Điều gì thúc đẩy anh đặt bút bắt đầu trường ca Mở cửa tử sinh?*

Trần Nghi Hoàng: Trường ca *Đề đất để nước* của người Mường là một động năng rất lớn thúc đẩy tôi bắt đầu *Mở cửa tử sinh*. Nhưng *Mở cửa tử sinh* là một trường ca không có cốt truyện. Thực ra, lúc bắt đầu viết *Mở cửa tử sinh* là giai đoạn tôi cùng cực cô đơn. Cô đơn chứ không... cô độc. Lúc đó, tôi vừa ly thân với Trần Thị Bông Giấy. Con gái tôi Trần Nghi Âu Cơ còn rất bé, mới 10 tuổi, vẫn sống với mẹ. Tuy căn gác trọ tôi ở rất gần để mỗi ngày tôi vẫn có thể về đưa, đón cháu đi học nhưng tôi vẫn nhớ Âu Cơ vô cùng. Có thể nói tôi bắt đầu trường ca *Mở cửa tử sinh* bằng sự cô đơn và những ưu tư về con gái Trần Nghi Âu Cơ của tôi.

Xin nói thêm để anh dễ hiểu hơn, *Mở cửa tử sinh*, thực ra, là một thứ... nhật ký thơ. Trong đó, những suy niệm nhất quán nằm trong chủ đề thân phận con người, về thời đại mình đang sống... và sự thường trực đối diện với chính mình trong từng sát na giữa thân phận và thời đại... Dũng Văn, khi viết về *Mở cửa tử sinh*, đã nhận ra nhiều điều hết sức chính xác: "Trần Nghi Hoàng luôn luôn đối diện với chính mình trong một thế giới tâm linh đa chiều để nhận diện chính mình trong cuộc tử sinh với hết thảy tiềm năng văn hóa Đông phương và văn hóa Tây phương mà anh tàng trữ được." (Bài viết này đăng trên tạp chí *Văn Học* tại California số 157, tháng 5 năm 1999, trang 55- 64). Do đó, *Mở cửa tử sinh* là những suy niệm, suy tư hay suy diễn và những cảm xúc, cảm nhận hay cảm thức của tôi từng giờ, từng ngày được ghi xuống bằng Thơ...

Và tôi bắt đầu *Mở cửa tử sinh* bằng một hình ảnh đập mạnh vào tâm linh mình: hình ảnh cái nghĩa trang nằm gần chỗ tôi ở trọ mà ngày nào tôi cũng đi ngang qua... Tôi nhìn vào những tấm bia, những ngôi mộ và bồng mường tượng ra thành những cánh buồm đang lướt gió... lướt gió đi về một nơi chốn nào không biết! Xin anh đọc lại mấy câu mở đầu của *Mở cửa tử sinh*:

*trong nghĩa trang những cánh buồm nuốt gió
và dưới lòng mộ nguy nga
khởi đi bằng nụ cười nhe răng hình-nhi-thượng
loài thú ưu việt hai chân tuyệt tích
phút chốc biến sinh*

Cần nói thêm là *Mở cửa tử sinh* trước đó tôi đã viết nhiều lần, có lần lên đến 800 câu và tôi đã xé bỏ hết...

Nguyễn Đức Tùng: *Nhiều nhà thơ cũng có kinh nghiệm xé bỏ bản thảo như anh. Điều gì làm anh quyết định xé bỏ, hay viết lại một phần hay hoàn toàn, một tác phẩm của mình? Từ những lí do tâm lí hay nghệ thuật? Hay như người ta nói, một cách giản dị, nhưng không phải bao giờ cũng thô thiển, là "nó dở quá"?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi quan niệm rằng, mỗi tác giả luôn là độc giả đầu tiên của mình. Ở vai trò vừa là tác giả, vừa là "độc giả đầu tiên" của tác phẩm mình, tùy theo mức độ hài lòng của "tác giả và là độc giả đầu tiên", tôi sẽ xé bỏ hoàn toàn hay viết đi viết lại vài phần của tác phẩm. Lí do nghệ thuật nhiều hơn tâm lí. "Nó dở quá" cũng là một lí do hay ho. Tuy nhiên, cá nhân tôi chưa từng gặp phải. Chỉ là "chưa hài lòng" hoặc "chưa đủ chín" như mình kỳ vọng...

Nguyễn Đức Tùng:

Mưa gió
Đồi thấp băng chân mây

Cuộc hòa giải bất chợt đằm nát cỏ
Bãi chiều loáng thoáng bóng ma chơi
Lạc hướng trời mây
Hơi thở chờ hơi thơ đăm đăm
Chai rượu uống một mình cạn rót thiên thu
Cất tiếng gào lớn hư-vô-nghĩa

Anh muốn nói đến cuộc hòa giải nào? Giữa anh và một người khác, giữa quá khứ và hiện tại, giữa con người và thiên nhiên hay giữa thơ và cuộc đời?

Trần Nghi Hoàng: Đây là cuộc hòa giải giữa Mình với Chính Mình! Giữa tôi và người khác? Anh Nguyễn Đức Tùng chưa biết tôi là một... anarchist. Tôi không tin vào những hòa hợp, hòa giải. Giữa con người với con người, chỉ có "chấp nhận" nhau hay là "khước từ" nhau. Giữa quá khứ và hiện tại lại càng vô phương hòa giải. Mỗi một giây phút, theo tôi, là một bắt đầu khác... Giữa con người và thiên nhiên? Con người không phải cũng là một "thứ thiên nhiên" đó sao? Giữa thơ và cuộc đời? Thơ và cuộc đời là Một. Thơ đẻ ra cuộc đời và cùng lúc, cuộc đời đẻ ra thơ...

Nguyễn Đức Tùng: *Trong trường ca, nhà thơ sáng tác bằng chính kinh nghiệm cá nhân của mình (personal experience) hay bằng chiếc mặt nạ nhân vật (persona)?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi chỉ xin trả lời trường hợp của cá nhân tôi (mà không thể trả lời giùm cho các tác giả trường ca khác!): Tôi sáng tác trường ca từ những trải nghiệm của chính tôi. Nếu có nhân vật, chỉ là một thứ biểu tượng cá tính trong một thời tính ngẫu nhiên nào đó (như trong trường ca *Bài ca cho thế kỷ mới* tôi đang viết. Do đó, một nhân vật thật nào khác không hiện diện trong thơ tôi, mà chỉ là những cái "mảnh tôi" phân tán mà nhất quán. Phân tán để cố gắng nhìn thấy tất cả, rồi ghi nhận và đem vào trong phạm trù suy niệm nhất quán của mình.

Nguyễn Đức Tùng: *Thơ Trần Nghi Hoàng, đối với tôi, bắt rễ sâu xa từ những kinh nghiệm trong đời sống cá nhân và gia đình. Nhà thơ Canada Todd Bruce có nói: It hurts to be honest about your life. Nói thật về cuộc đời riêng của mình, có khi cũng đau đớn. Anh có cảm thấy khó khăn khi viết về một người cụ thể, một người thân không? Anh muốn độc giả biết nhiều hay ít về đời sống riêng tư của mình?*

Trần Nghi Hoàng: Ông bố tôi suốt đời chỉ dạy tôi một câu: "Trong cuộc sống, con cứ hành xử mọi điều theo tấm lòng con. Nếu mỗi đêm, con nằm vắt tay lên trán, mà không thấy hổ thẹn với chính mình về những công việc ứng xử trong ngày hôm đó, là được rồi. Còn thiên hạ, họ không sống cho đời mình; mình cũng đâu có sống cuộc đời cho họ."

Trong cuộc đời riêng, tôi dĩ nhiên có những nỗi đau đớn riêng. Nỗi đau đớn đó có thật, cho nên đâu cần phải nói dối!!!

Tôi sống minh bạch, có đau đớn và hoan lạc cùng lúc, nên không thấy có gì "hurts to be honest about my life".

Theo tôi, viết về bất cứ một người thân nào cũng là công việc khó khăn tẻ nhạt... nếu người viết muốn trung thực với nhận xét, cảm quan... và tình cảm của mình. Về câu hỏi theo sau đó của anh Tùng, tôi xin trả lời hơi dài dòng một tí:

- Chung quanh tôi có không ít những "dư luận" về tôi. Đúng sai tôi không quan tâm! Tuy nhiên, nếu độc giả biết về tôi dù sai hay đúng, nhưng chỉ nhằm vào "cá nhân chính tôi", không liên quan tới một người thân nào khác của tôi thì tôi "thích" hơn.

- Trường hợp "cái biết" của độc giả lại nhằm vào những chuyện "riêng tư" của tôi mà có liên quan tới những người thân khác của tôi, thì tôi mong rằng độc giả biết càng ít càng tốt. Và nếu biết, thì nên biết cho... đúng sự thật.

Nguyễn Đức Tùng: *Gần đây anh ít làm thơ. Tại sao? Nó làm anh mệt mỗi rồi chẳng?*

Trần Nghi Hoàng: Dăm ba năm qua, tôi có ít làm thơ thật, nhưng vẫn làm thơ... không ít! Vài bằng hữu của tôi cũng đã có nhận xét như anh. Thậm chí, có người, như Đoàn Nhã Văn chẳng hạn... đã khuyên tôi nên... bỏ tất cả để chỉ... làm thơ. Thực ra, tôi... lười phổ biến thơ tôi thì đúng hơn.

Tại sao? Tôi đang... âm thầm thực hiện hai trường ca cùng lúc... và lại phải viết nhiều bài này nọ do bạn hữu... yêu cầu. Tuy nhiên, lúc nào tôi cũng có những dự tính về chuyện sáng tác của mình.

Mệt mỗi với thơ? Một thoáng nào đó... khi hốt nhiên nhận ra rằng thơ... rốt cùng vẫn là thơ! Chứ không phải là bất cứ một thứ gì khác!

Nguyễn Đức Tùng: *Công việc (work) của một bài thơ của anh là gì? Làm sao để anh biết nó, bài thơ ấy, đang thực hiện công việc của nó đối với người đọc?*

Trần Nghi Hoàng: Trong lúc làm công việc sáng tác hay sáng tạo một bài thơ, là tôi thực hiện cho chính tôi, người đọc không có mặt trong công việc đó của tôi. Người đọc chỉ hiện diện sau khi tôi phổ biến bài thơ. Sau khi tôi phổ biến bài thơ là công việc của bài thơ và người đọc. Tôi biết bài thơ ấy đang thực hiện công việc của nó với người đọc, qua quá trình bài thơ đó đã "thực hiện công việc của nó" với chính tôi, "tác giả - độc giả đầu tiên"

Nguyễn Đức Tùng: *Anh chủ trương Văn Uyển trong mười năm, tạo được tiếng vang lớn. Văn Uyển là một đóng góp lớn cho văn học Việt Nam hải ngoại. Anh có những kỷ niệm vui buồn nào với nó, các tác giả và độc giả?*

Trần Nghi Hoàng: Kỷ niệm vui nhất, mà cũng buồn nhất là trong một chuyến về thăm Việt Nam, tôi bỗng "bắt gặp" hai số Văn Uyển nằm trong đồng sách một người lái sách. Ông này là chuyên viên sưu tầm sách báo để... bán lại. Ông ta cho tôi biết đã mua được hai số tạp chí Văn Uyển qua đường dây "sách báo bị cấm". Hai số Văn Uyển này ông ta chỉ để... cho mượn (10.000 một ngày, năm 1992) và chỉ bán khi có người "trả đúng giá".

Sự việc này làm tôi vừa vui, vì công trình của mình thực hiện vẫn có những người xa xôi từ trong nước... muốn đọc! Nhưng cũng chính sự việc này làm tôi buồn, vì nó cho thấy Việt Nam vẫn là một vùng đất còn quá nhiều những cấm đoán, phân biệt... Vẫn chưa có những tự do căn bản và tầm thường nhất: Như tự do sống thờ, sáng tác và đọc...

Với các tác giả, tôi luôn có niềm vui trong thời gian làm Văn Uyển. Những người đã thành danh hiện nay như Đoàn Nhã Văn, Đặng Sơn, Phan Nhiên Hạo, Đỗ Kh., v.v..., đều là những người đã từng cộng tác với Văn Uyển... Đặc biệt, tác giả chuyên viết phê bình Thạch Các là một cây viết "bất ngờ" mà tôi vô cùng thích thú.

Nguyễn Đức Tùng: *Trong giới cầm bút, Trần Nghi Hoàng nổi tiếng là một người có thái độ độc lập, hay tranh luận, đôi khi kỳ lạ. Điều đó có đem lại cho anh những khó khăn khi làm việc không?*

Trần Nghi Hoàng: Cách đây hơn 10 năm, trong một bài phỏng vấn, Văn Thanh (tác giả "Gái Hà Nội khóc ai"), có hỏi tôi một câu, đại khái như sau: "Thưa ông Trần Nghi Hoàng, trong giới văn nghệ cầm bút, có luồng dư luận cho ông là một người "lập dị". Ông nghĩ sao về dư luận này?"

Tôi nhớ đã trả lời Văn Thanh thế này:

"Tôi thà "lập dị" hơn là lập lại."

Sự độc lập, không bè phái cũng có mang lại cho tôi một số những hậu quả đấy! Nhưng tôi không gọi đó là những... khó khăn. Thí dụ, chắc anh Nguyễn Đức Tùng đã nhận ra là tôi hầu như không hề có tên trong những tuyển tập kiểu *Hai mươi năm văn học hải ngoại* hay *Tuyển tập văn chương lưu vong* gì đó đại loại... Bài viết của một số nhà... tổng kết hoặc phê bình văn học hải ngoại khi nhắc đến những nhà văn, nhà thơ, lẽ tất nhiên là không có tên Trần Nghi Hoàng. Và nếu có nhắc đến, thì sẽ như thế này:

"Năm nay, Trần Nghi Hoàng có xuất bản hai tác phẩm: Trường ca *Mở cửa tử sinh* và tập truyện *Truyện người viết sử*". *Truyện người viết sử* là tập truyện viết về một... (ba dấu chấm của TNH) thời xa xưa lắm. Trần Nghi Hoàng luôn vung tay quá trán. Ông ta đã đem những nhân vật lịch sử ra mà bôi bác, xếp chung với lưu manh dĩ điểm..."

Anh thấy chưa? Trường ca *Mở cửa tử sinh* chỉ được nhắc đến... cái tựa! Còn *Truyện người viết sử*, một công trình nghiên cứu rất công phu của tôi, thì được xếp... là "truyện viết về một thời xa xưa lắm". Xong, nhà phê bình ta phán cho một câu là "Trần Nghi Hoàng luôn vung tay quá trán". Tôi chẳng biết nhà phê bình đó có đọc, thực sự đọc *Truyện người viết sử* không? Và nếu có đọc, ông ta có đủ "trang bị kiến thức" để hiểu tôi viết gì không?

Tuy nhiên, như tôi đã nói từ đầu, những thứ rác rến đó không hề là những khó khăn cho công việc của tôi. Và theo tôi, công việc của một người sáng tác là "đối diện từng giây với chính mình", chứ không phải tụ tập với nhau để "nghe người khác công nhận mình" và lẽ đương nhiên, "mình cũng sẽ phải công nhận người đó lại tức thì" như là một phương trình "đền đáp". Tôi gọi lối làm văn học kiểu bè phái như trên là "văn học Quan, Hôn, Tang, Tế". Tức văn học "thù tặc". Sự cố tình "cô lập" hay gì đó của những bè nhóm văn học, chẳng những không gây khó khăn chỉ cho "công việc" của tôi; mà thậm chí, còn là chất xúc tác để tôi viết, tôi sáng tác khỏe hơn và... sướng hơn.

- Trần Nghi Hoàng có thái độ độc lập? Đúng.

- Trần Nghi Hoàng hay tranh luận? Đúng. Tôi cho rằng sự tranh luận rất cần thiết để con người đến gần "chân lý" hoặc ít ra cũng... mỗi lúc một khá hơn!

- Trần Nghi Hoàng là một người... kỳ lạ? Trời đất! Tôi chỉ thấy tôi là một gã rất bình thường... bình thường.

Nguyễn Đức Tùng: *Như vậy, anh đã chọn làm một người đứng hẳn trong những hệ lụy nhân gian, chịu sự tác động của các hệ lụy này, mặc dù đôi khi chúng tạo ra các kết quả tốt? Anh có tin rằng một chút thay đổi trong cách tiếp cận hoặc hành xử có thể tiết kiệm được cho anh nhiều năng lượng hơn để làm việc?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi nghĩ ngược lại. Tôi thấy, "chọn lựa" của tôi là "đứng ngoài hệ lụy nhân gian" đó chứ! Còn kết quả "tốt" hay "xấu", lại là thứ "cảm quan" tùy thuộc vào quan niệm "thành

quả" của chính mình.

Tôi luôn thấy mình có "thừa" năng lượng để làm việc, mà không có đủ thì giờ trong một ngày "chỉ có" 24 tiếng đồng hồ. Và lại, tôi "rất hài lòng" trong cung cách tiếp cận cũng như hành xử của tôi với đời sống... Chỉ tại nhiều người không thực sự "tiếp cận" với tôi, họ chỉ "tiếp cận" với những "dư luận" chung quanh tôi, nên có thể họ cho rằng tôi bị nhiều "hệ lụy" đó thôi!

Nguyễn Đức Tùng: *Xin anh một chút riêng tư: cuộc tình của anh với nhà văn Trần Thị Bông Giáy và sự tan vỡ của cuộc tình đó mang lại điều gì cho thơ anh?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi hầu như... rất ít làm thơ tình... Chuyện tan vỡ với Trần Thị Bông Giáy là một ân hận lớn của tôi với cháu Âu Cơ. Do đó, như tôi đã trả lời với anh Nguyễn Đức Tùng ở một câu hỏi trước, cháu Trần Nghi Âu Cơ là một trong hai người tác động cho tôi viết *Mở cửa tử sinh*. Người thứ hai hiện tại là nhà tôi, Hoàng Thị Bích Ti. Cháu Trần Nghi Âu Cơ + Hoàng Thị Bích Ti + Nỗi cô đơn + Những suy niệm về đời sống, con người... làm thành *Mở cửa tử sinh*... và nhiều bài thơ khác.

Nguyễn Đức Tùng: *Anh nghĩ sao về tình trạng của thơ Việt Nam hôm nay, các tác phẩm của những nhà thơ trẻ?*

Trần Nghi Hoàng: Wow! Trong nhiều bài viết, tôi có tỏ vẻ khó chịu, dè bĩu về cái câu "mỗi người Việt Nam là một... thi sĩ"; không biết anh có đọc?

Thơ Việt Nam hôm nay có những chuyển động của nó. Chuyển động, theo tôi, trước hết đã là dấu hiệu tốt. Tuy nhiên, theo tôi, hầu như những cố gắng của các nhà thơ (cả trẻ lẫn già) đều chưa phải là sự sáng tạo thơ đích thực? Tôi cho rằng "sáng tạo" khác với "làm mới". "Sáng tạo" đích thực là làm ra... cái mới. Làm ra cái mới khác với làm mới.... cái cũ. Đa số những người làm thơ thuộc trường phái "hậu hiện đại" hay "cách tân" gì đó, họ chỉ mày mò với công việc "làm mới cái cũ" hoặc ở một hướng khác, là bắt chước, nhại lại những cái đã quá cũ của Âu Mỹ... làm cái mới của mình.

Không ít những nhà thơ trẻ, hoặc không còn trẻ nữa đã có những công cuộc tìm kiếm... Thơ. Trong công cuộc tìm kiếm ấy, có tìm thấy được Thơ hay không, lại là một vấn nạn.

Không thể phủ nhận là đã có những thành tựu thơ mà các nhà thơ trẻ đạt được. Họ có những "sáng tạo" đích thực. Chuyện những sáng tạo đó có được "công nhận" hay không, phải để thời gian trả lời. Song le, điều tôi muốn nói là, "sáng tạo", làm ra cái mới... thế nào đi nữa nhưng bắt buộc thơ vẫn phải là Thơ. Nó khác với việc "làm ra những cái kỳ cục" rồi đặt tên cho chúng là Thơ.

Nguyễn Đức Tùng: *Xin anh nói rõ hơn về điểm này. Đa số những bài thơ cách tân gần đây trên báo chí trong nước và hải ngoại, như trên tạp chí Hợp Lưu, Văn, Văn học, liên mạng Tiền Vệ, talawas, Đa màu, Văn nghệ Sông Cửu Long, eVăn, v.v... là mới hay cũ? là kỳ cục hay không... kỳ cục?*

Trần Nghi Hoàng: Rất khó để "nói rõ" một cách chi li với anh về điểm này. Trên những tạp chí hay liên mạng ở trong nước hay ở hải ngoại mà anh vừa nêu tên, gần đây, dĩ nhiên có bài "mới" và bài "cũ". Có tác giả càng lúc càng "mới" và có tác giả vẫn tiếp tục... "cũ" hoặc đi lạc dù rằng đã cố gắng "làm mới"....

Chỉ có thể đưa ra vài ví dụ.

Tôi đương nhiên không phải là một người chủ trương hay gài gữ gì với các thứ đạo đức Khổng Mạnh hay niềm tin kiểu van xin quỳ lạy... Nhưng một bài "... " như thế này của Lê Thị Thắm Vân, thì tôi thấy là "ác độc" quá:

Trần trối

*Con gái mẹ
Yêu ai, con cứ fuck họ
Ghét ai, con cũng có thể fuck họ
Khinh ai, mẹ để tùy ý con.*

*Ai quý mến cưng chiều
con luôn tử tế biết ơn
nhưng không nhất thiết phải để họ fuck*

.....
*Bố con biết tự sướng thân, vác cặc đi đụ tứ phương thiên hạ.
Còn lồn mẹ, cứ ủ kín để dành hiến dâng bố con đêm động phòng
Đó là điều ngu nhất đời mẹ.*

(trích Tiền Vệ)

Tôi không tin Lê Thị Thắm Vân thực tình muốn con gái mình đi "fuck" tùm lum như vậy. Dù là "fuck" giao cấu hay "fuck" nguyên rữa. Nhưng cái "thông điệp" của Lê Thị Thắm Vân nó "tàn bạo" quá khi đó là lời "dạy dỗ" của một người mẹ dành cho con gái mình. Nguyên do đầu tiên cho sự hiện diện của đứa con gái mình trong cuộc đời có "yêu, ghét, khinh..." này vì mình đã để cho anh chồng mình nó "fuck" mình hoặc mình đã "fuck" anh chồng mình. Lúc đó, chỉ mình và anh chồng mình sướng (hay người sướng người không hoặc sao đó...), chứ đứa con gái không hiện diện. Bây giờ, Lê Thị Thắm Vân không nên can dự vào chuyện đứa con gái nên cho ai "fuck" hoặc xúi chấu nên "fuck" ai... Cứ để cháu nó tùy nghi... Và nhất là không nên "trần trối" cho con gái bằng "cái gọi là thơ" kiểu "kỳ cục" như vậy... Đó là hành động molesting thơ cùng lúc với molesting con gái của mình.

Tuy nhiên, tôi cũng đọc được những bài thơ khá hay của Lưu Hy Lạc, tác giả mà tôi thấy ngày càng đạt được mức gần đều tay. Thí dụ như "Bài thơ tặng tôi vào đêm Giáng Sinh", có những câu tôi thích:

*lên mặt màn hình thực chưa đâu
vào đâu thơ chưa sống đời thơ
chữ chưa sống đời chữ...*

nàng lại xẹt qua nói

*đúng kiểu tay sính thơ thứ thiệt
té ra vào những ngày nàng có
kinh thể này y rằng lo vật
lộn với "nó" tôi nào hay trong*

*lòng bấy giờ luôn dạt dào một
niềm cảm thương nàng vô hạn và
cũng chính mối thương cảm ấy khiến*

tôi phát thèm muốn trải nghiệm

*ý tưởng khiêu cách này nọ lên
mặt màn hình....*

(trích Tiền Vệ)

Hành trình tìm kiếm thơ của Lưu Hy Lạc, ít ra, đã có vài kết quả...

Khá nhiều những tác giả khác tôi thấy có "nội lực" như Lý Đợi, Bùi Chát... trong nước. Hải ngoại thì Đỗ Kh., Đinh Linh, Phan Nhiên Hạo... là những cá biệt trong công việc làm mới thơ.

Nguyễn Đức Tùng: *Trên talawas, tháng 10 năm 2006, tác giả Bùi Công Thuấn viết: "Trong cái ao làng văn chương Việt Nam hiện nay... người sáng tác chưa ý thức đầy đủ về nhân cách nhà văn của mình, lại viết bằng con mắt hẹp bản năng..."*

Anh nghĩ sao về nhận xét có phần nghiêm khắc nói trên? Các nhà thơ Việt Nam, hải ngoại và trong nước, có thể làm gì để thay đổi tình trạng này?

Trần Nghi Hoàng: Nhận xét của Bùi Công Thuấn, ít ra, cũng đúng tới 90% theo tôi thấy! Còn chuyện các nhà thơ Việt Nam có thể làm được gì để (khả dĩ) thay đổi tình trạng này thì, xin thưa với anh, là tôi chỉ có vài góp ý:

- Vứt bỏ quan niệm nhà thơ thì... không cần kiến thức. Nhà thơ, theo tôi, rất cần kiến thức và tri thức.
- Do đó, phải đọc. Đọc càng nhiều càng tốt: thơ ca (và các món khác) của các quốc gia khác trên thế giới. Không phải để bắt chước, mà là để tiếp cận thêm những "cảm quan mới", "tâm cảnh mới" của nhân loại ngoài Việt Nam. Đọc là "học", là "trải nghiệm" và "mở rộng tâm thức".
- Có "độc lập" mới thực sự có "sáng tạo trong tìm kiếm".

Nguyễn Đức Tùng: *Anh nhiều lần nhắc đến "tìm kiếm thơ". Theo anh, một tác phẩm như thế nào thì được coi là có tính thơ?*

Trần Nghi Hoàng: Đây là một câu hỏi khó! Ba chữ "tìm kiếm thơ" trong trường hợp này không phải là một hành động, mà là một "trạng thái", một "ý thức" thì đúng hơn. Thơ là gì? Hãy nhắc đến Bùi Giáng một chút. Đại khái, ông Bùi nói: "Để diễn giải một bài thơ này, chỉ có cách duy nhất là làm một bài thơ khác." Như vậy, để định nghĩa (?) "thơ là gì", chỉ còn cách duy nhất... liệt kê ra "cái gì là thơ"!

Bất cứ "cái gì" cũng có thể là thơ. Và bất cứ "cái gì" cũng... không phải là thơ! "Thơ" hay "không thơ", cuối cùng, là một thứ "vô thức cảm nhận".

Trong đời, tôi cũng đã có đôi lần nói: "Cái này mà là thơ à?"... khi đọc phải những vần điệu hoặc không vần điệu... quá cliché, quá mòn cũ không gây một chút xúc động nào ngoài sự... bực mình.

Có thể nói, "thơ" là một thứ NGÔN NGỮ làm người đọc nó bị ngạc nhiên và xúc động, tức là bị "tấn công" như tôi đã từng phát biểu.

Nguyễn Đức Tùng: *Tôi xin được diễn dịch một ý của anh ở trên như sau: Không cần cố "làm mới thơ", vì chỉ cần làm thơ hay, là có thơ mới. Nhưng thưa anh, có thể nào thơ thì hay mà vẫn*

cũ? Xin chép những đoạn thơ sau đây, được nhớ lại một cách ngẫu nhiên. Hoàn toàn theo trí nhớ. Nghĩa là chúng làm tôi nhớ:

Em đến hôm nào như hoa bay
Tình không độc được mà đắng cay
Mùa thu tàn nhẩn từ đôi mắt
Mùi hương sát nhân từ ngón tay

(Đinh Hùng)

Áo tím chiều ơi nắng gió ơi
Mênh mông là chỗ có em ngồi
Xin cho một chấm trong trời đất
Để vịn qua chiều em dắt tôi

(Trần Mạnh Hào)

Và:

Cốc cà phê càng ngụi
Màu cà phê càng đen

(Nguyễn Quang Thiều,)

Theo anh, chúng là mới mà dở, hay là cũ mà hay; là vừa mới vừa hay, hay là vừa cũ vừa dở?

Trần Nghi Hoàng: Tôi sẽ lần lượt trả lời theo thứ tự câu hỏi: diễn dịch của anh... gần gần đúng với điều tôi muốn nói. Tôi đưa một ví dụ: Thập niên 80, thời tôi còn ở San Jose, California, trong một bữa tiệc sinh nhật của ai đó, có một "bút nhóm" mấy ông lớn tuổi làm thơ... hiện diện (thời đó tôi còn khá trẻ!). Mấy ông này thấy sự có mặt của tôi (tôi rất ít khi đi vào mấy chỗ "đám đông" như thế này!), bèn đề nghị được "cật vấn" dăm điều. Xin chú thích thêm: mấy ông lớn tuổi này "chủ trương" làm thơ là phải có luật, có vần... và họ xếp tôi vào loại làm thơ... không niêm luật, vô trật tự! Câu hỏi của mấy ông lớn tuổi như sau:

"Theo ông Trần Nghi Hoàng, làm thơ 'luật' khó, hay làm thơ 'tự do' khó?"

Tôi đã trả lời:

"Thưa quý ông, theo tôi, làm thơ... cho ra thơ, và thơ hay là khó nhất!"

Chả biết anh định nghĩa như thế nào là "cũ", "mới"? Vần điệu, thể luật... chưa chắc là những tiêu chuẩn chân chính trói buộc bài thơ vào cái cũ. Những câu dài, ngắn khác nhau, không vần điệu... chưa hẳn làm thành một bài thơ mới! Cái cốt yếu của thơ vẫn là cách sắp xếp ngôn ngữ, hình ảnh và ý tưởng. Tôi đọc anh nghe câu thơ... Đường luật (tôi chỉ còn nhớ duy nhất một câu!), của tác giả Vũ Văn Học, mà theo tôi thì nó... rất mới:

thuyền trung tửu lãng khuyh bôi khắp

tôi dịch:

trong thuyền sóng rượu xô chén khắp

hoặc vài câu thơ của người H'Mông:

*anh đã về tới nhà rồi
mà hồn còn nằm trong vạt áo em*

*nếu anh là giọt sương khuya
anh xin được tan dưới gót chân em*

vẫn là những chữ bình thường nhưng ý tưởng, hình ảnh... bộ không mới chác? Anh Tùng nghĩ sao?

Bây giờ, tôi sẽ "đi vào" ba bài (đoạn?) thơ mà anh Tùng đưa ra:

*Em đến hôm nào như hoa bay
Tình không độc được mà đắng cay
Mùa thu tàn nhân từ đôi mắt
Mùi hương sát nhân từ ngón tay*

Đoạn thơ trên của Đinh Hùng, tôi tin nó đã rất mới vào thời điểm nó xuất hiện. Và cho đến bây giờ, nó vẫn chưa "bị cũ"... lắm, dù là thơ vần điệu. Đinh Hùng đã làm được công việc là liên kết những từ không mới mẻ gì tạo thành những trường hình ảnh lạ: hoa bay, độc được, đắng cay, tàn nhân, sát nhân.

Bốn câu thơ trên của Đinh Hùng, theo tôi, vẫn còn có thể gọi là hay được trong trào lưu neo-classic.

Trường hợp thứ hai:

*Áo tím chiều ơi nắng gió ơi
Mênh mông là chỗ có em ngồi
Xin cho một chấm trong trời đất
Để vịn qua chiều em dắt tôi*

(Trần Mạnh Hào)

Là mới hay là cũ?

Là một bài thơ... thường thôi! Nhưng đã có thể gọi là thơ được rồi! Song le, nếu trong bốn câu, Trần Mạnh Hào làm sao "lọc" bớt đi một chữ "chiều", có lẽ bài thơ sẽ "tới" hơn. Hai câu dưới:

*Xin cho một chấm trong trời đất
Để vịn qua chiều em dắt tôi*

có ý... muốn mới. Và ít ra, đây là một bài thơ khá của Trần Mạnh Hào.

Kết luận: Bốn câu này của Trần Mạnh Hào, tôi chưa thấy qua khỏi thời "thơ tiền chiến".

Trường hợp thứ ba:

Cốc cà phê càng nguội

Màu cà phê càng đen

(Nguyễn Quang Thiều, trích theo Trần Mạnh Hảo)

Là hai câu thơ khá đặc biệt và hay. Mới ở ý. Với những con chữ bình thường tầm thường, tác giả đã làm cho ý thơ trở nên sâu bén: chữ "càng" ở câu thơ thứ nhì tô đậm sự cô đơn, âm đậm, tầm tối của hình ảnh, khiến cho câu thơ không phải là một thông báo bình thường, trung tính nữa.

Nguyễn Đức Tùng: *Tôi xin được đồng ý với anh... hơn một nửa. Tôi tin rằng cả ba đoạn trích trên đều là những đoạn thơ hay. Mỗi tác giả một cách khác nhau.*

Đinh Hùng thì cũ, rất cũ, mà vẫn tuyệt hay. Bây giờ chúng ta không làm thơ như thế nữa. Không thể, mà cũng không nên.

Trần Mạnh Hảo thì tài hoa về ngôn ngữ, nhưng anh ấy đứng trên, và vẫn còn tiếp tục đứng trên, mảnh đất của hệ thống thẩm mỹ cổ điển. Tuy nhiên, cần nhớ rằng những câu như:

"Mênh mông là chỗ có em ngồi"

Một số người khi đã đọc qua thì thấy dễ làm. Tưởng như ai làm cũng được. Họ làm. Thơ có vẫn không dễ làm như thế.

Câu của Nguyễn Quang Thiều, anh đã bắt được cái tinh tế của nó. Theo tôi, mặc dù Nguyễn Quang Thiều nổi tiếng về các câu thơ rậm rạp, đóng góp quan trọng nhất của anh là cách tiếp cận cái đẹp thông qua cảm giác (sense). Thơ anh có nhiều thị giác, vị giác, xúc giác, v.v... Hai câu này làm tôi nhớ đến hai câu khác của Tomas Transtromer, nhà thơ Thụy Điển, một bậc thầy.

Sau một ngày đen tối, tôi chơi nhạc Haydn
Và thấy hơi ấm trên hai lòng bàn tay

(After a black day, I play Haydn
And feel a little warmth on my hands)

(bản dịch tiếng Anh, hình như của Bly, cũng chép theo trí nhớ)

Bây giờ xin được hỏi anh một câu hỏi đi ra từ các câu hỏi trên: Theo anh, thơ Việt Nam hiện nay đang thiếu điều gì. Anh ước muốn điều gì cho nó?

Trần Nghi Hoàng: Hiện nay, thơ Việt Nam từ trong nước cho tới hải ngoại dường như đã có... chút sinh khí. Nhưng lại thiếu tính chất dynamite. Thơ Việt Nam đang rất cần tạo ra những chấn động, những dynamite thực sự, chứ không phải do lãng xê giả tạo... như một vài "hiện tượng" đã xảy ra.

Mong ước của tôi là "một thứ ngôn ngữ mới cho thơ"; "một cung cách mới cho thơ"... Ngôn ngữ mới cho thơ nằm trong thủ pháp... xếp chữ! Cung cách mới cho thơ thể hiện ở kỹ thuật và cảm xúc mới. (Kỹ thuật và cảm xúc sẽ "mới", nếu trí tuệ, quan điểm, kinh nghiệm và thể nghiệm của người làm thơ được tự kiến tạo trong công cuộc tìm kiếm của mình để đi tới cái tìm thấy cho riêng mình). Và những người làm thơ... không nên tập hợp với nhau để "đồng ca thơ". Thơ

là một cõi rất riêng cho mỗi người làm thơ. Thơ không chia sẻ, không kết bầy, không hướng đạo đồng phục đất đường... Và sau hết, *thơ phải là thơ*.

Nguyễn Đức Tùng: "*Thơ là một cõi rất riêng*" thì đúng, nhưng thơ "*không chia sẻ, không kết bầy*" thì rất cần suy nghĩ lại, nó *controversial* lắm anh ạ. Anh xem, các nhà thơ Nga tập hợp trong nhóm Ly Tâm (Centrifuge) của Boris Pasternak trước đây, các nhà thơ Nga khác thuộc nhóm Vị Lai (Futurists) của Mayakovsky, các nhà thơ Mỹ thuộc Black Mountain (College) của Charles Olson, các nhà thơ Beats của Jack Kerouac, nhóm San Francisco Renaissance của Robert Creeley, v.v... đã tạo nên biết bao động lực tinh thần và năng lượng thơ ca? Anh nghĩ sao?

Trần Nghi Hoàng: Anh cứ "suy nghĩ lại"! Vấn đề tự nó đã *controversial* rồi, thì làm sao? Nhóm Ly Tâm (Centrifuge) của Boris Pasternak... gần như không tồn tại trong lịch sử văn học Nga, ngoại trừ Boris Pasternak. Cha mẹ Boris Pasternak là bạn thân của Rainer Maria Rilke và Tolstoy. Cá nhân Boris Pasternak từng rất "ngưỡng mộ" Rilke, theo như thân phụ của Pasternak xác nhận trong một bức thư ông gửi cho Rilke. Nhưng tôi không tìm thấy "bóng dáng" của Rilke "chia sẻ" trong những sáng tác của Pasternak. Về trường hợp Mayakovsky, có ai khác trong nhóm Vị Lai (Futurism) ngoài Mayakovsky còn "tồn tại", nghĩa là được nhắc nhớ tới trong văn học đâu? Những David Burluk, Velimir Khlebnikov, Alexei Kruchenykh... hầu như chìm khuất, thỉnh thoảng mới được nêu tên bởi những nhà nghiên cứu văn học thời Mayakovsky và nhóm Futurism. Và một chuyện "ngoài lề" khá lý thú, Pasternak chưa bao giờ xem Mayakovsky là một nhà thơ... đáng kể (major poet). Riêng Beats của Jack Kerouac lại là trường hợp khác. Beats là một phong trào, một biến động văn hóa chứ không thuần là một nhóm văn học. Beats Generation là một thời đại, một cần thiết của lịch sử trong văn học Hoa Kỳ. Giống như Tự lực Văn đoàn của Nhất Linh tại Việt Nam.

Dĩ nhiên, những "nhóm" văn học, nếu có những thành tựu thì ảnh hưởng của họ sẽ biến thành động lực cho năng lượng sáng tạo thơ ca của lớp sau. Nhưng điều này liệu có "kết quả tốt" như chúng ta mong mỗi không?

Khi tôi nói "không chia sẻ, không kết bầy" là thuần lý trong phạm trù sáng tác. Trong tuyển tập Irish Poetry có tựa là *After Yeats*, người chủ biên, Maurice Harmon viết:

"Such distinction did not necessarily make the work of the next generations easier. They did establish standards by which younger writers should measure themselves and they did make it necessary for them to find a personal idiom and a distinctive voice. For the young poet in 1920 or 1930, the question was how not to write like Yeats and how to find areas not already dominated, or exhausted, by him. For the young poet in the fifties and sixties that question was less pressing."

(Tạm dịch: Một sự phân biệt như thế không tất yếu làm cho công việc của những thế hệ sau trở nên dễ dàng hơn. Họ định ra những tiêu chí mà nhờ đó, các nhà văn trẻ hơn có thể tự thẩm định được mình, và chúng hết sức cần thiết để các nhà văn tìm thấy cách diễn đạt cá nhân và giọng điệu riêng biệt. Đối với nhà thơ trẻ những năm 1920 -1930, vấn đề đối với anh ta là làm thế nào để không viết giống Yeats và làm thế nào để tìm thấy những lãnh địa chưa bị Yeats thống ngự hay khai thác cạn kiệt. Đối với nhà thơ trẻ thập niên 50 -60, vấn đề đó trở nên ít cấp thiết hơn.)

(Maurice Harmon, *Irish Poetry After Yeats* Little, Brown & Company xuất bản 1979. Phần "Introduction", trang 9. Trong cuốn sách này, Maurice Harmon đưa ra 7 nhà thơ: Austin Clarke, Richard Murphy, Patrick Kavanagh, Thomas Kinsella, Denis Devlin, John Montague và Seamus

Heaney và một số những bài thơ tiêu biểu cho thành tựu của họ.)

Cho đến ngày hôm nay, thập niên đầu của thế kỷ 21, những nhà thơ Irish chắc chắn đã đi đến giai đoạn sáng tạo thơ ca mà không còn bị... bóng của Yeats... đè!

Maurice Harmon đã giải trình một cách khá cặn kẽ:

"Thành tựu của Yeats là cái mốc đã tạo ra một thời đại YEATS. Việc diễn phạm hóa hay quy phạm hóa này có giá trị như một vùng đất, một thời đại đã bị cấm cờ chiếm lĩnh. Những kẻ hậu sinh nên tìm cách 'thoát ra khỏi tầm ảnh hưởng của Yeats'. Hoặc, nếu thực sự tài ba, thì phải nên tự tìm cho mình một 'lãnh địa riêng'; và tạo Một Thời Đại Của Mình."

Một tác giả "lớn", tầm ảnh hưởng "di truyền" qua bao nhiêu thời đại. Và Yeats không cần phải "chia sẻ, kết bầy" với ai hết! Và lại, tôi cho rằng sự "chia sẻ, kết bầy" trong văn học làm cùn nhạt, tê dại và giảm đi rất nhiều năng lượng của những nỗ lực trong sáng tạo của mỗi cá nhân.

Trong *Quotations about Poetry and Poets (Những trích dẫn về thơ và nhà thơ)* của Allen Ginsberg, có vài câu tôi rất thích:

"Poetry is not an expression of the party line. It's that time of night, lying in bed, thinking what you really think, making the private world public, that's what the poet does."

(Thơ ca không phải là một cách biểu đạt của một chính đảng. Công việc của nhà thơ là: mỗi khi đêm về, anh nằm trên giường, suy nghĩ về những gì mình thật sự nghĩ, làm cho cái thế giới riêng tư của anh được bộc lộ ra với công chúng.)

Và:

"I have a new method of poetry. All you got to do is look over your notebooks... or lay down on a couch, and think of anything that comes into your head, especially the miseries. Then arrange in lines of two, three or four words each, don't bother about sentences, in sections of two, three or four lines each."

(Tôi có một phương pháp thơ mới. Tất cả những gì bạn phải làm là xem xét kỹ những cuốn sổ tay của bạn... hay nằm xuống trên đi văng, nghĩ về bất cứ điều gì đi vào trong đầu mình, đặc biệt là những nỗi thống khổ. Rồi sau đó, hãy sắp xếp chúng thành dòng, mỗi dòng hai, ba, bốn từ, đừng bận tâm về các câu, cứ hai, ba, bốn dòng hợp thành một đoạn.)

Sáng tác thơ ca là công việc "một mình" của người làm thơ. Thơ ca không phải football hay những trò chơi thể thao tập thể mà cần... teamwork!

Nguyễn Đức Tùng: *Theo anh, thế nào là một bài thơ hay? Xin anh cho một ví dụ.*

Trần Nghi Hoàng: Thế nào là một bài thơ hay? Một bài thơ hay, là một bài thơ "tán công" được người đọc nó... Tấn công và làm người đọc nó chấn động.

Ví dụ? Khó à nghe! Đạo này tôi đã biết "sợ" làm người khác mất lòng! Đưa ví dụ bằng thơ ông này, thì những ông khác sẽ... không vui.

Có kỳ cục lắm không nếu tôi đưa ví dụ là một bài thơ của tôi? Nhưng vậy thì đã sao, hả anh?

Xin đọc:

mở ngoặc cho ngày cuối năm

gửi T.

*khi loài cá hồi vẫy đuôi ngược vào biển thẳm
lũ câu vòng ngũ sắc chập chờn lượn lờ trên
những chân trời riêng
và tôi thềm gọi tên Em*

*từng ngậm thời gian
mọc ngoài dự báo
tôi là đấng tiên tri mà nhân loại sẽ quên tên
sự nhắc nhở không cần thiết
tôi gửi tặng CON NGƯỜI rất ráo
bao nhiêu là báu vật của tương lai
có Em làm chứng cho cuộc hiến tế âm thầm*

*con đường mọc hàng hà cửa sổ và sao sương
hơi khuya và hơi mưa làm nên cuộc nhân duyên phiến muộn
Em đếm hộ tôi những ánh đèn khuất mặt
những CON NGƯỜI khuất mặt
trong HỘI HOA ĐĂNG và tiếng kêu của thế giới khác
trăm trăm hồi trống ngắt khoảng
giọng nấc lâm ly rớt rụng câu Xê*

*tôi bủa năm ngón tay làm phép lành
nhất thiết Em kiên trì xiển dương điều tán tụng
mùa băng hoại chảy trôi về vô tận
nụ hôn Tôi môi đắng phía luân hồi
Em Em như thể Em chưa từng Tôi mấy bận
ngắt ngưỡng tầm mắt xa
Tôi nắm chặt lửa thời sơ khai Em thất lạc
vẫn giữ điều chưa từng hứa
cho nhau*

*rừng nền sáng trên rừng cây bất tận
sao sương nghiêng
úp mặt vào đêm
Đêm Em Riêng và và Đêm
Tôi Nguyệt Thực
mầm mống xanh tươi mẫn khai trăm hướng
những Nụ Đồi nở rộ khôn nguôi
bầm bầm màu rượu thắm lướt mặt
cánh chim Côi
ở một lần táng tận*

*khoe miết màu sớm, nghe
trễ tràng hơi thở đã mất hạn
bắn ngấn ngợ vào trái tim Đồi và Em gọi*

tên Tôi

treo từng cục thời gian trên không gian vô lượng
Tôi treo đời tôi vào Em
làm dấu một thời đại sau tiền kiếp
cho chuyến thổ mộ được kéo bằng băng
do loài ngựa bạc đầu cương vàng khóa ngọc một chuyến
hư vô
hư vô

trầm tĩnh mấy cơn say
định hình thời mặc định
vực lại mênh mông trong ngậm tuyết đắng
còn hơi rượu sôi trong triền máu thiêng
Tôi xếp hai bàn chân ngựa
nói với Em về chỗ căn duyên

tiếng võ trùng hơi tận túy
lời ra nửa chữ sao sa
sao rụng như một lần Tôi muốn rụng
chờ nghe em hát Cổ Bồn Ca

Tôi tự họa chân dung mình
trên tờ thời gian miết biết
đâu mắt mũi râu
vàng trán thiên thâu với những dòng sông
khô nẻ
hơi thở nào trong tai như tiếng sóng tiếng sấm

và chọt Em lần vạt tóc dài trải hết đời Tôi
trong khoảng cách của cánh cửa chiêm nghiệm và
ánh mặt trời mù khuya

Tôi vẫn gọi tên Em
lần này thật Lớn và thật Lớn

Virginia ngày cuối năm
Dec 31-05

Nguyễn Đức Tùng: Anh nói "đưa ví dụ bằng thơ của ông này, thì những ông khác... sẽ không vui". Anh có nghĩ rằng các nhà thơ Việt Nam, nhất là các nhà thơ anh quen biết, có thể hẹp hòi đến thế chăng?

Trần Nghi Hoàng: "Đưa ví dụ bằng thơ của ông này, thì những ông khác... sẽ không vui"... Đó là một câu nói đùa... mà thật! Lẽ đương nhiên, người làm thơ nào cũng phải tự thấy thơ mình... hay! Thơ mình mà không hay... thì thơ ai hay đây, hở trời?

Khi anh Nguyễn Đức Tùng đưa câu hỏi "như thế nào là một bài thơ hay, và cho ví dụ"... , nếu tôi đưa bất cứ bài thơ của bất cứ người làm thơ nào khác, cũng đều không... thật lòng với chính tôi! Tuy nhiên, quan niệm sống của tôi là trước hết phải luôn thành thật với chính mình... Và bởi thế, tôi nói thật những điều tôi nghĩ.... dù "nói thật" thường khi rất dễ khiến mịch lòng. Chẳng

những mích lòng không thôi, lắm người đã khó chịu với tôi và thậm chí... "không ưa" tôi nữa!

Tôi nhận ra một điều rằng, về mặt lý luận văn học nói chung, Việt Nam xưa nay vẫn luôn thể hiện một tư thế rất ư là nhược tiểu!

Trước 1975, những bài viết có chủ đề hoặc liên quan đến tư tưởng văn chương, thì những tác giả hầu như thường vẫn phải sử dụng những tên tuổi của những "cụ phách" Tây phương kiểu Jean Paul Sartre, Albert Camus hay Arthur Schopenhauer, v.v... để "củng cố" cho bài viết của mình. Thi ca thì lại Rainer Maria Rilke đã viết như thế này, Guillaume Appolinaire đã có những câu thơ thế kia, v.v... Ở hải ngoại, bây giờ, người ta lại đem Roland Barthes ra làm tiêu chuẩn cho văn và Stéphane Mallarmé làm nền tảng cho thơ... Rồi thì Joseph Brodsky, Milan Kundera này nọ... Đồng ý là khi làm công việc lý luận văn học, có lúc phải đưa ra một số tên tuổi "đại gia" để làm "bảo kê" và sáng tỏ thêm vấn đề chủ thể. Nhưng tôi thấy, lắm bài viết mà tư tưởng và tên tuổi được dẫn chứng nhiều đến nỗi đọc xong, chỉ thấy đúng là... một bảng liệt kê danh sách và những quote. Có nghĩa là, người đọc sẽ không biết chủ thể bài viết của tác giả... ở chỗ nào? Và đâu là "tư tưởng rột ráo" của tác giả? Do đó, tôi chọn cách đưa "tôi" ra làm ví dụ... cho tiện! Vì đâu có ai hiểu thơ mình bằng chính mình, phải không? Còn các nhà thơ Việt Nam nói chung, có "hẹp hòi" không? "Bá nhơn, bá tánh" tôi... làm sao mà biết được. Riêng những ông nhà thơ... lẽ là bạn tôi thì tôi thấy ông nào cũng... vắng mạng. Trong tự điển của mấy cha này, dường như bị thất lạc hai chữ "hẹp hòi". Chuyện để hiểu thôi, những người "hẹp hòi"... làm sao "dám" xem tôi là bạn, anh ạ!

Thực ra, việc tôi chọn bài "dấu ngoặc cho ngày cuối năm" cũng có phần mang tính chất tức thời. Nó là bài thơ hiện lên ngay trong tâm trí tôi khi anh Nguyễn Đức Tùng hỏi tôi câu hỏi đó. Nếu ở phút này đây, anh Nguyễn Đức Tùng đặt lại câu hỏi giống như trên, biết đâu tôi sẽ lại chọn một bài thơ khác... mà tôi thấy hay hơn! Tất nhiên, là cũng của tôi.

Nguyễn Đức Tùng: *Cám ơn anh đã nhắc đến lý luận văn học. Thật là khó khăn để nói trong một vài câu nhận xét của riêng tôi (có thể còn nhiều thiếu sót) về một nền văn học khá lớn (tôi tin rằng nền văn học Việt Nam, nhìn qua nhiều thế kỷ, xứng đáng được gọi là một nền văn học khá lớn). Đành nói giản dị thế này vậy: Trong giai đoạn trước 1975, văn học miền Nam mạnh về sáng tác, văn học miền Bắc mạnh về nghiên cứu, lý luận. Lý do có thể có nhiều, trong đó có thể hoàn cảnh là một nguyên nhân quan trọng. Ở miền Nam, sáng tác phát triển bởi môi trường sáng tác tự do và khí hậu văn hoá thơ mộng ở miền Nam, bất chấp cuộc chiến tranh, một cuộc chiến tranh không huy động toàn xã hội. Trong khi đó ở miền Bắc, trong bối cảnh của một cuộc chiến tranh huy động toàn xã hội, chính quyền dành cho lý luận nghiên cứu một sự quan tâm đặc biệt. Ở Hà Nội, theo tôi nhận thấy, có những nhà nghiên cứu lớn, có tài. Nhưng nếu nói phê bình thì cả miền Nam và Bắc trong quá khứ, chúng ta chưa bao giờ có một nền phê bình đúng nghĩa cả. Sau năm 1975, đặc biệt là sau sự sụp đổ của Liên Xô, cởi trói rồi trói lại (chữ của Trần Mạnh Hảo) ở Việt Nam, các nhà lý luận và phê bình văn học như bầy chim vỡ tổ: họ ngo ngoác, mất tư tưởng, phải mất không ít thời gian mới định thần lại được. Ở hải ngoại, một cộng đồng di dân, dĩ nhiên cũng chưa hình thành được một "nền" lý luận. Tình hình sáng sửa lên nhờ những cá nhân riêng lẻ, mà chúng ta có thể tạm kể, xen kẽ nghiên cứu, lý luận, và phê bình, chẳng hạn như: (đang ở hải ngoại) Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Phan Cảnh, Đặng Tiến, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc-Tuấn, Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc, (đang ở trong nước) Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Ngọc Hiến, Lại Nguyên Ân, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Mạnh Hùng, Đỗ Đức Hiếu, Đỗ Lai Thúy... Có vẻ như tôi đang dẫn giải khá dài nhưng cuối cùng là để đặt ra câu hỏi này, muốn trao đổi cùng anh: Sự phát triển của thơ độc lập hay phụ thuộc vào một nền lý luận phê bình? Chúng ta, với tư cách là những người sáng tác, có thể trông đợi gì ở các nhà lý luận hay phê bình?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi đồng ý một số điểm anh nêu ra ở phần "mào đầu" của câu hỏi trên. Có lẽ tôi và anh sẽ phải "đàm luận" thêm về đề tài này ở một dịp khác, bài khác chẳng? Riêng câu: "Sau năm 1975, đặc biệt là sau sự sụp đổ của Liên Xô, cõi trời rồi trời lại (chữ của Trần Mạnh Hảo) ở Việt Nam, các nhà lý luận văn học như bầy chim vỡ tổ: họ ngỡ ngác, mất tư tưởng", thì tôi muốn góp ý như thế này: Lý luận văn học của miền Bắc trước 75 lệ thuộc vào lý thuyết chủ nghĩa xã hội của chính quyền. Điều này từ căn bản đã không ổn, nó làm mất đi tự do của người sáng tác, và tạo cho văn học thành một "bầy đồng phục". Như vậy, xem như Việt Nam (Nam, Bắc và cả hải ngoại) chưa từng bao giờ có lý luận văn học cả.

Về câu hỏi của anh, tôi trả lời như sau:

- Sự phát triển của thơ ca hoàn toàn độc lập, không phụ thuộc vào một nền lý luận phê bình. Chẳng những thế, sự độc lập phải được rất rõ thể hiện ở từng con người sáng tạo thơ ca. Thơ ca xuất hiện trước, lý luận và phê bình mới... từ tồn theo đó mà xuất hiện. Những tác giả và tác phẩm là động năng sản sinh ra phê bình và lý luận. Đặc biệt phê bình. Khi nhà phê bình làm công việc của mình một cách công phu, có giá trị; từ đó, một lý luận văn học bắt đầu trường sinh.
- Tôi cho rằng những người sáng tác thực sự chỉ trông đợi ở những nhà phê bình một tri kiến đầy đủ; một cảm nhận thâm thấu sắc bén; và sau hết, một thái độ khách quan (vừa phải) và chỉ đối diện với văn bản cùng với bối cảnh sáng tác của tác giả mà thôi.

Romain Rolland đã nói như thế này: "Người ta không thể miễn cho mình cái việc phê phán đánh giá: đó là điều cần thiết để mà sống". Nhưng phê phán đánh giá thì phải phê phán đánh giá cho đúng kia. Trong *Văn Đài loại ngữ* thì Lê Quý Đôn đã khuyên dè một cách ôn hòa nhưng sâu sắc như sau: "Văn chương là của chung thiên hạ, phân tích thì được chứ không nên chê mắng." Tuy nhiên, phân tích cũng có nhiều... phương pháp và cách diễn đạt để "áp dụng" trong lúc phân tích. Đôi khi, có thứ ngôn ngữ phân tích mà đọc không... thông, rất dễ khiến người đọc hiểu lầm ra là chê mắng! Vả lại, Lê Quý Đôn quên không có lời dạy về thái độ phải nên cư xử ra sao với những "nhà phê bình thiếu kiến thức và bệ phái"?

Pushkin, vàng thái dương của thi ca Nga, cũng có câu:

"Ở đâu không có tình yêu nghệ thuật thì ở đó không có phê bình".

Tôi hoàn toàn đồng ý với suy nghĩ này của Pushkin. Vì tình yêu nghệ thuật, rất nên làm công việc phê bình. Phê bình trong tinh thần phân tích như lời của Lê Quý Đôn.

Nguyễn Đức Tùng: *Tôi nghĩ tôi cần bổ sung điều sau đây: nói riêng về các nhà nghiên cứu văn học trong nước, trong vòng mười năm trở lại đây, họ đã làm được nhiều việc đáng kể. Những bài viết của Hoàng Ngọc Hiến, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Mạnh Hùng, Đỗ Đức Hiếu, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Huệ Chi, v.v... mà tôi được đọc, thấm đẫm tinh thần nhân văn, cởi mở, và họ đang góp phần giới thiệu cho độc giả trong nước, và cả ở hải ngoại, những tinh hoa mới nhất về lý luận và phê bình văn học của thế giới. Chẳng hạn, những phân tích của Đỗ Lai Thúy về Thơ Mới gần đây, khá xuất sắc, có ảnh hưởng của phương pháp "close reading" (đọc tập trung) của Phê bình Mới (New Criticism). Phương pháp "close reading", được Nguyễn Hưng Quốc dịch là "đọc gần", Đỗ Đức Hiếu dịch là "đọc kỹ", không chỉ giới hạn như một vấn đề lịch sử mà đã trở thành thao tác căn bản của sinh viên. Chữ "close" trong tiếng Anh có ít nhất năm nghĩa: gần (close relative), thân mật (close friend), kỹ (close observation), kín (close space), chính xác (close examination).*

Nhưng tôi xin quay lại với bài thơ của anh ở trên. Chúng ta đang ở vào một tình thế tế nhị: cần phải diễn giải cho người đọc rằng bài thơ trên là một bài thơ hay, tức là nó đang... tấn công họ. Anh có thể nói thêm về nó được chăng?

Trần Nghi Hoàng: Chà! Tình thế nguy ngập đến nỗi thế sao? Tự đưa ví dụ bài thơ của mình là một bài thơ hay, không ngờ lại lâm vào "hiểm địa" như vậy!

Tự cho bài thơ của mình là một bài thơ hay, kể cũng là việc "tế nhị"! Diễn giải để những người đọc cũng thấy... bị bài thơ tấn công..., tức là nó hay, lại là một tình thế "tế nhị" hơn nữa! Song le, đã lỡ rồi, tôi cho... "lỡ" luôn!

Trước hết, với tôi, một bài thơ "tấn công" được người đọc thì thoát kỳ thủy, nó đã phải... tấn công chính tác giả của nó. Không những một lần, mà sau nhiều lần, tác giả vẫn còn muốn, còn bị nó "dụ hoặc" phải đọc lại. Thích thú và "chấn động" mà đọc lại. Hay có thể nói khác đi, một bài thơ mà tác giả của nó... không còn muốn đọc lại nó nữa, chắc chắn là bài thơ đó... "có vấn đề". Thường là chính tác giả nhận ra rằng bài thơ... quá dở (hoặc bài thơ quá hay... sao đó, để nếu tác giả đọc lại có thể bị... khơi vết thương lòng chẳng! Đây là một trường hợp "biệt lệ"! Than ôi!)

Nói thêm về một bài thơ hay: Theo quan điểm của tôi, tác giả đã sáng tác bài thơ trong một trạng huống chấn động với chính mình. Trạng huống chấn động này, tôi gọi là "tâm thức thơ". Tác giả đã sáng tác bài thơ từ một "tâm thức thơ". Sự chấn động là kết quả của vô thức nuôi dưỡng và kết tụ qua đời sống, suy niệm, thể nghiệm và tất nhiên, cảm xúc... Rồi còn lại là "thủ pháp thơ", tức kỹ thuật. Cách diễn đạt, chọn chữ, sắp xếp câu chữ ngắt dòng, ngắt chữ, v.v... Ngay cả một bài thơ ở thể loại "ngẫu hứng" hay "mì ăn liền" theo tư thế "biểu diễn" tại chỗ cũng phải có quá trình hình thành của nó... trong vô thức. Có thể hiểu trong vô thức của mỗi người làm thơ luôn có một "tàng thức thơ". "Tàng thức thơ" là cái "kho" lưu trữ, cất chứa những ý niệm, mầm cội cho những bài thơ... Khi một "cái gì đó" tức ý niệm, hay mầm cội trong "tàng thức thơ" được khơi động, tức thì "tâm thức thơ" hiển lộ, và thơ được khai sinh...

Sự tấn công của một bài thơ có thể tác động vào người đọc, theo tôi, cần những điều kiện và quá trình như thế và như thế. Nhà thơ, nếu chỉ vin vào những "chữ nổ" để "tấn công" người đọc, chẳng hạn những chữ mà tôi bắt gặp nhiều hiện nay: những chữ như "cặc", "lồn", "đụ", "vú", "mông"... mà không cho những "ý niệm" hay "mầm cội" này có thời gian trưởng sinh của nó trong "tàng thức thơ", tức là hành trình sống, suy niệm, thể nghiệm, cảm xúc... trong "cõi thơ"... thì tôi không tin đó là một bài thơ "tấn công" được người đọc theo quan niệm của tôi. "Tấn công" khác với "khủng bố". Cũng như một "bữa ăn lạ" khác với một "bữa ăn... dở" đôi khi bỏ thêm dấu hỏi (?).

Ngôn ngữ, đã là ngôn ngữ trần gian, dù là ngôn ngữ hè phố hay hàn lâm thì đương nhiên có thể biến thành ngôn ngữ "Thơ". Vấn đề còn lại là, trong "tâm thức thơ", bạn sử dụng, cấu trúc nó như thế nào, ở trường hợp nào và ra sao...

Trường hợp "mở ngoặc ngày cuối năm" hình thành khởi đi từ ý niệm về Giới Hạn của những khái niệm như Miên Viễn, Hiện Hữu, Tồn Tại... chuyển động thành "tâm thức thơ".

Do đó, tôi (rất tự) tin rằng bài thơ "mở ngoặc cho ngày cuối năm" của tôi là một bài thơ... tấn công được người đọc nó! Vì trước hết, bài thơ đã "tấn công" tôi, tác giả của nó, ngay lúc tôi sáng tạo nó. Và sau đó khi tôi đọc lại, bị thôi thúc đọc lại, nhiều lần, vẫn bị bài thơ "tấn công", cho đến bây giờ.

Một điều cần nói thêm, tôi chưa từng "thắc mắc" hay "tự lự" là thơ mình thuộc "trường phái" nào... Có cần thiết "xếp loại" thi ca theo từng "trường phái" không anh?

Nguyễn Đức Tùng: *Không cần tự xếp loại anh ạ. Nói riêng, tôi cũng thích bài thơ của anh. Nó có một giọng điệu (tone) rất riêng. Nhưng trước khi tôi có thể phân tích thêm, xin quay lại với câu hỏi căn bản dành cho anh.*

Như thế, theo anh, "trước hết", một bài thơ hay là một bài thơ làm xúc động tác giả của nó. Không những thế, sau nhiều năm tháng, mỗi khi được đọc lại, hay nhớ lại, nó vẫn còn đủ sức làm tác giả của nó xúc động như thuở ban đầu.

Điều anh nói, dĩ nhiên là đúng và quan trọng, tôi chắc không ai phản đối. Nhưng hình như chưa đủ anh ạ, vì có mấy điều sau:

- Trong văn học, có trường hợp tác giả từ chối đưa con của mình, hay không thích nó nữa, không thấy xúc động khi đọc lại, mà người khác vẫn cho nó là hay.

- Thứ hai là, nhiều khi bài thơ làm tác giả xúc động nhưng lại không làm người đọc khác xúc động thì sao?

Khi bị người yêu bỏ, thất tình, một cô gái có thể làm bài thơ như sau :

Trời ơi anh trốn đi đâu
Lòng em là một biển sầu mênh mông

Lúc mới làm xong, cô ấy đọc đi đọc lại lấy làm xúc động lắm. Nhiều năm sau thỉnh thoảng nhớ lại, có khi cô cũng còn ứa nước mắt, giữa hai nụ hôn của chồng. Bởi vì bài thơ kia khơi lại những vết thương cũ mà cô đã trải qua. Những kinh nghiệm hoàn toàn cá nhân. Nhưng tôi không dám chắc là bài thơ của cô ấy có làm anh xúc động không? Và nếu có thì có cùng một cường độ với tác giả chăng? Còn những người đọc khác thì sao?

- Thứ ba là, ngay cả khi cả tác giả và nhiều người đọc cùng bị "tấn công" bởi một tác phẩm, mà chưa chắc tác phẩm đó đã hay. Vì vậy, mới có hiện tượng các tác phẩm, bài hát thương mại, thời thượng, nhưng không bền lâu.

- Thứ tư là, tuy lí luận khó như thế, thực tế có thể lại giản dị hơn, như hôm nay, ngồi viết bài này, trên bàn viết một cuốn sách để mở, tôi tình cờ đọc lại:

Mây xanh trắng mới in ngần
Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa

Thì tôi biết ngay là tôi đang gặp một câu thơ làm mình xúc động. Đọc đi đọc lại tôi phát hiện ra rằng tôi có thể phân nào phân tích được nó, tức là nỗi xúc động ấy, và tại sao nó có thể làm tôi xúc động như thế.

Chữ của Nguyễn Du rất mới, mặc dù là những chữ giản dị, ai cũng biết. Cái âm ngân nga của vần "a" trong "mây", "xanh" (hay ai), "ngần", "phấn", "phần", "xa", làm cho câu thơ nhẹ như hơi thở, trang nhã và dịu dàng, đúng là để nói về một cô tiểu thư mới lớn, tuyệt sắc. Âm "u" trong ba chữ "thừa", "hương", "cũ", đi liền nhau gây cảm giác chán chường, chua xót, pha chút phần nộ ngấm ngấm, được nén lại. Chữ "phấn" và "hương" dài các, cũ kỹ, nên đi kèm với chúng là "bội", chữ Hán Việt - "bội phần". Các tiểu thi sĩ chắc là sẽ viết: nhiều phần, trăm phần, muôn phần,

v.v... Chưa hết, "in ngân", là in gì, mà khiến ta chỉ ám ảnh với hai vần "n" cuối cùng để đến nỗi quên tất cả, thấy là cảm xúc, vang động, mà không biết từ đâu, như một tiếng chuông ngân nga mất dấu. Chữ "mới" giản dị bình thường, ai viết cũng được, lại là chữ chết người của Nguyễn Du, trong hai câu thơ trên. Nó là key word anh ạ.

Như vậy, phải chăng một bài thơ mà ta có thể phân tích được tác động thẩm mỹ của nó lên người đọc, trả lời được phần nào tại sao nó "tấn công" ta, phân tích (analysis) chứ không phải là tuyên bố (statement), là một bài thơ hay?

Trần Nghi Hoàng: Điều tôi nói dĩ nhiên là cốt lõi của vấn đề. Còn những yếu tố phụ thuộc thì nhiều lắm...

- Một: Sau một thời gian, tự tác giả không còn thấy bài thơ mình... làm mình xúc động nữa, mà người khác vẫn thích và khen hay... Dễ hiểu thôi! Lúc ấy, tâm cảm tác giả đã "chuyển động", "thay đổi" nhưng những "xúc động" do tác giả di tiếp vào bài thơ vẫn còn đó! Vì vậy, những người đọc "đồng cảm" sẽ bị tấn công và thích nó... Và cũng nhiều khả năng, một tác giả không còn thích, "xúc động" từ một bài thơ mà mình đã từng thích vì một hay vài lý do "rất riêng tư" mà chỉ mình tác giả biết... Như vậy, bài thơ vẫn là một bài thơ hay đó chứ! Bài thơ vẫn còn hay với một số "người đọc". Tôi chưa từng bao giờ "từ chối" bất cứ "đứa con" nào của mình... Mặc dù, tôi cũng có nhiều đứa con "dở hơi" lắm anh Tùng ạ!
- Hai: Bài thơ làm chính tác giả "xúc động", mà người đọc không ai "xúc động", là trường hợp "thường tình". Tác giả, khi sáng tác, là đã di tiếp cái "đang xúc động" của chính mình vào tác phẩm... Người đọc, có khi tiếp nhận không được, không đúng "level" của điều tác giả muốn bộc bạch... Do đó, một tác phẩm, một bài thơ có thể là tuyệt vời với một số người đọc (hay ngược lại, chỉ với chính tác giả!), và "rất dở" với một số người đọc khác... Tóm lại, cái "hay" của một bài thơ, nhiều khi, giới hạn với một số người đọc, với một "level" độc giả nào đó... Có nhiều "levels" tác giả, tất nhiên, cũng có rất nhiều "levels" độc giả khác nhau... Thí dụ như cha tôi, ông Ba Tri Nam Kỳ chỉ thích anh chàng Lục Vân Tiên tán gái rất nhà quê theo kiểu Khổng Phu Tử bị Lục Tinh hóa... "*Khoan khoan ngòi đó chớ ra, Nàng là phận gái ta là phận trai*".

Những điều tôi vừa trả lời trong câu này, cũng "lý giải" cho câu hỏi "thứ ba" của anh Tùng. Xúc động của từng người đọc, trước một bài thơ, có thể hoàn toàn khác nhau hoặc chỉ khác nhau trên một số tiểu tiết.

Cần nói thêm, một bài thơ hay, đúng như anh Tùng nói, nhiều khi vì một hai chữ thần kỳ nào đó (key words) đẩy bài thơ lên.

- Bốn: phải chăng một bài thơ mà ta có thể phân tích được tác động thẩm mỹ của nó lên người đọc, trả lời được phần nào tại sao nó "tấn công" ta, phân tích (analysis) chứ không phải là tuyên bố (statement), là một bài thơ hay ?
- Điều này đúng, như Lê Quý Đôn đã nói. Song le, tôi không muốn làm công việc "phân tích" (analysis) bài "mở ngoặc cho ngày cuối năm" của tôi. Sự "té nhị" này là do tôi muốn cho dung lượng bài thơ có cái "vô cùng" của nó. Nhưng tôi có thể nói, ở bài "mở ngoặc cho ngày cuối năm", tôi đã thể hiện được "cái khoảng cách của cánh cửa chiêm nghiệm và ánh mặt trời mù khuya trong tình yêu và nỗi cô độc của con người".

Do đó, khi "tuyên bố" rằng bài thơ "mở ngoặc cho ngày cuối năm" hay, là tôi đã cùng lúc làm

công việc "phân tích" (analysis) cho nó.

Nguyễn Đức Tùng: *Anh đọc ai? Những tác giả văn học nào làm anh say mê nhất?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi đọc tất cả những gì có chữ... trong tầm tay. Nhiều tác giả văn học tôi thích. Nhưng không có tác giả nào làm tôi "say mê" nhất. Tóm lại, tôi không có tác giả nào làm "kinh điển"... Tôi thích:

- *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn, nguyên tác cũng như bản dịch (vẫn còn tồn nghi) của Đoàn Thị Điểm;
- García Lorca - con chim sơn ca của thơ ca Tây Ban Nha;
- Lỗ Tấn, Ba Kim, Kim Thánh Thán, Mạc Ngôn, Kim Dung, Cổ Long... của Trung Quốc;
- Walt Whitman, Jack Kerouac, Allen Ginsberg... của Mỹ, Joseph Brodsky (Mỹ gốc Nga).

Nhưng có những tác giả, tôi chỉ thích... vài tháng, có khi vài ngày rồi thôi, hết thích.

Nguyễn Đức Tùng: *Trên talawas, ngày 06 tháng 12, 2006, tác giả Trần Ngọc Cư, có bài "Thi ca xứ này", với nhận xét tiêu biểu: "Nói ra thì thật bẽ bàng, nhưng đối với người Mỹ, dù là người ở ngoài đường phố hay là một trí thức chuyên gia, thi ca là một loại hình văn chương đang trên đường đi tới chỗ diệt vong". Ở trên anh có nhắc đến Allen Ginsberg. Trả lời câu hỏi của nhà phỏng vấn lừng danh Lawrence Grobel: "Bạn nghĩ thế nào về tình trạng thơ (Mỹ) hiện nay?" (What is the state of poetry today?), Ginsberg nói như sau (1997): "Trước hết, chưa bao giờ có nhiều thơ như hiện nay. Ngày càng có nhiều người nghe thơ hơn trước, bởi vì thơ ảnh hưởng đến toàn bộ Rock and Roll, New Wave, Punk... Mọi người lắng nghe chúng, có điều họ không gọi đó là thơ. (Với họ) đó là các ca từ hay lời ca trữ tình. Như vậy mọi người rất hào hứng với thơ truyền khẩu (oral poetry), một hình thức rất căn bản của thơ vậy". ("First of all, there is more poetry than ever. There are more people listening to poetry since poetry affected the entire Rock and Roll, New Wave world, Punk... Everybody listens to it without calling it poetry. It's lyrics. So everyone is very much in touch with oral poetry, which is the basic medium for poetry: the oral form". Lawrence Grobel, *Endangered Species*, p 162, Da Capo Press, 2001). Là người sống ở Hoa Kỳ gần ba mươi năm, và chắc là đọc nhiều, anh nhận xét ra sao về nền thơ của xứ sở mà anh cư ngụ? Anh học hỏi được điều gì ở họ?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi hoàn toàn không đồng ý với Trần Ngọc Cư. Chỉ qua đoạn trích của anh, Allen Ginsberg trả lời Lawrence Grobel, chúng ta thấy rõ là: thi ca ở Hoa Kỳ đã trở thành một hiện thực linh hoạt, đi vào đời sống hằng ngày của con người như nước ngọt coca cola, như bánh mì kẹp thịt MacDonald... Cháu Âu Cơ từ tiểu học đã được khuyến khích đọc sách và sáng tác thơ ở trường... Các thành phố như San Francisco, New York, Boston MA... và nhiều thành phố, tiểu bang ở Hoa Kỳ mà tôi đã sống hoặc đã đi qua, từ lâu nay vẫn có những nhóm "đọc thơ" mỗi tuần với nhau. Thơ được sinh động hóa và đến với mọi người... Có thể Trần Ngọc Cư chờ đợi ở cung cách thưởng ngoạn thơ theo kiểu đốt trầm trong một căn phòng tĩnh lặng, với bình hoa và tranh tĩnh vật, với trà Thiết Quan Âm và tiếng đàn tranh hòa với tiếng sáo trúc... làm nền cho những bài thơ chẳng?

Như vậy, thi ca với người Hoa Kỳ chẳng những không hề có dấu hiệu gì phải... diệt vong, mà nó đã sinh hoạt cùng với đời sống mọi người trong từng phút giây, một cách thân nhiên, hồn nhiên... Không cầu kỳ so vai, không lên gân tuxedo với lại micro âm thanh nổi!

Không biết anh đã xem phim *Cocktail* do Tom Cruise với Elisabeth Shue đóng chưa?... Anh chàng bartender Brian do Tom Cruise thủ diễn, thỉnh thoảng lại được các khách hàng "bơm

nhậu" yêu cầu leo lên quầy rượu đọc một bài thơ do anh ta... sáng tác!

Tôi thích tính chất "thực tiễn" với thi ca của người Hoa Kỳ. Và điều chắc chắn, người Hoa Kỳ không hề lơ là với thơ ca của họ. Mỗi năm, họ đều có một cuốn *The Best American Poetry* được ấn hành một cách trang trọng.

Điều tôi học hỏi được trong lãnh vực thi ca Hoa Kỳ là sự tỉnh thức khi sáng tạo thơ ca. Đặc biệt là sự tỉnh thức ngay cả trong... những cơn lên đồng, mê muội với chữ nghĩa nhất của mình.

Nguyễn Đức Tùng: *Anh là người làm thơ tự do. Anh nghĩ sao về thơ có vần, như lục bát, bảy chữ, hiện nay? Tương lai của chúng ra sao?*

Trần Nghi Hoàng: Thỉnh thoảng tôi vẫn "vạch bốn câu ba vần" đó chứ! Lục bát nữa... cho vui! Tôi thấy bảy chữ sẽ còn tồn tại với một hồn vía mới, lạ... Còn lục bát, chắc khó qua khỏi năm 2010.

Nguyễn Đức Tùng: *Các nhà thơ trẻ hiện làm thơ tự do ngày càng nhiều. Trong số họ, có không ít người, nói như nhà thơ David O'Meara, "làm thơ tự do một cách vô tội vạ" (contemporary poets are taking free verse for granted). Anh có tin rằng có một thứ kỹ thuật nào đó của thơ tự do, như một thứ nguyên tắc hay khuôn phép chẳng hạn? Sự ngắt câu thì sao?*

Trần Nghi Hoàng: Picasso trước khi khai mở trường phái cubism, đã có thời kỳ xanh, thời kỳ hồng... Thơ tự do đương nhiên là đòi hỏi phải có kỹ thuật, nhưng nguyên tắc hay khuôn phép thì không nhất thiết! Mỗi nhà thơ có thể tự tìm cho mình một thứ nguyên tắc hay khuôn phép riêng. Và theo tôi, kỹ thuật ở thơ tự do cao cường hơn thơ "vần, luật" rất nhiều. Đâu phải "họa sĩ" nào bắt chước vẽ "méo mó" theo Picasso cũng thành cubism được? Ở thơ "vần, luật", chỉ gò ép sao cho những câu thơ đúng số chữ, và những chữ nào cần "vần" với nhau là ít ra, cũng thành một bài ề a... Nhất tam ngũ bất luận - nhị tứ lục phân minh... a ha! Còn thơ tự do, từ sự ngắt câu, khoảng cách giữa các chữ, cách nhấn chữ, nhấn câu, hình ảnh, âm thanh, tạo nghĩa cho chữ khi đặt chữ ở vị trí bất thường vân vân... đó là kỹ thuật. Kỹ thuật với thủ pháp đi đôi với nhau. Và theo tôi, khi người làm thơ đã đạt một số kỹ thuật riêng nào đó, anh ta sẽ có thủ pháp riêng để sử dụng những câu chữ cho thơ.

Nguyễn Đức Tùng: *Hai mươi năm trở lại đây, thơ trình diễn (performance poetry) trở thành một trào lưu quan trọng ở Bắc Mỹ, bên cạnh thơ đọc (oral poetry). Nó cũng bắt đầu được giới thiệu ở Việt Nam. Anh nghĩ sao về thơ trình diễn? Anh có tin rằng nó có một tương lai sáng sủa ở Việt Nam, hay là sẽ mau chóng đi vào quên lãng, và theo chân bao nhiêu trào lưu khác từng được giới thiệu theo kiểu cây xanh tươi tốt được đem đi trồng ở mảnh đất khác, có lá cành nhưng không có rễ mang theo?*

Trần Nghi Hoàng: Tặng tôi không "ngủi" được "thơ trình diễn", anh Tùng ạ! Một người đứng lên cầm micro đọc thơ cho nhiều người khác nghe, đã là... quá đáng rồi (đặc biệt là thơ sáng tác bằng tiếng Việt)! Tuy nhiên, nếu loại thơ được trình diễn theo kiểu như nhạc rap, new wave vân vân, hay loại bài về như hát bài chòi ở Bình Định, Việt Nam, thì lại khác. Nó có hấp lực và giá trị riêng.

Theo tôi, thơ trình diễn ở Mỹ khả dĩ tồn tại bởi ngôn ngữ, tình cảm, hình ảnh, v.v... trong thơ Mỹ... dễ phối hợp hơn với cung cách và kỹ thuật trình diễn. "Thơ trình diễn" Việt Nam, tôi có đôi lần "bị" xem, nó nhà quê sao sao đó... làm tôi ngượng! Tôi không tin "thơ trình diễn" tồn tại lâu dài ở Việt Nam! Nhưng biết đâu đó, anh Tùng ạ! Hiện nay, người Việt Nam trong nước đang "cật lực" làm mới bằng cách "bắt chước" trong mọi lãnh vực. Mà thi ca là lãnh vực "được cho tự

do" bắt buộc nhất!

Nguyễn Đức Tùng: *Có một sự khác nhau căn bản nào đó giữa loại thơ dùng để đọc / ngâm và loại thơ không phải viết ra để đọc/ ngâm chăng?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi cho là có. Cũng như có loại thơ làm ra để... phổ nhạc; và có loại nhạc làm ra để... phổ thơ. Lại có một loại thơ làm ra chỉ để người ta đọc... một mình.

Nguyễn Đức Tùng: *Bạn bè văn chương của anh ra sao?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi quen biết nhiều, nhưng không có nhiều bạn "văn chương" lắm. Tuy nhiên, người nào thực sự là bạn tôi, họ rất thương tôi. Xin kể anh Nguyễn Đức Tùng nghe, tôi có ông bạn vừa là họa sĩ vừa là văn thi sĩ... nổi tiếng nhưng khá nghèo. Ông đọc xong *Mở cửa tử sinh*, thì e-mail cho tôi rằng: "Phải chi tôi trúng số, tôi sẽ BAO cho ông sống mà LÀM THƠ... Không phải LÀM BẤT CỨ GÌ KHÁC!"

Nguyễn Đức Tùng: *Anh có nuôi một giấc mơ là trở lại làm chủ bút một tạp chí văn học nào đó trong tương lai, như kiểu tờ Văn Uyển, hay không?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi hầu như... không bao giờ mơ! Nhất là lại "nuôi một giấc mơ"... thì tốn kém quá! Tuy nhiên, thi thoảng, tôi mua một tấm vé số, khi nào lô "độc đắc" lên đến vài chục triệu đô la. Tôi nói với Hoàng Thị Bích Ti, nếu anh trúng số, anh sẽ mua một khoảng đất lớn, làm thành một cái "làng văn học" để kéo những bạn hữu cầm bút về đó ở mà sáng tác... Khỏi phải lo gì vấn đề cơm áo... Vài chục triệu đô Mỹ thì dư sức "bao" bạn văn nghệ... Và lúc ấy, dĩ nhiên là sẽ hình thành một tạp chí văn học... đúng nghĩa.

Tức là, tôi vẫn "thích" thực hiện một tạp chí văn học, nhưng điều kiện đầu tiên phải có thật nhiều tiền... để khỏi lo âu về tài chính mà chắc chắn tờ tạp chí vẫn không bị "chết bất đắc kỳ tử"... Và nhất là, mình có thể thực hiện một tờ tạp chí văn học thực sự không lệ thuộc vào bất cứ cái gì hết!

Nguyễn Đức Tùng: *Anh có tự xem mình là một nhà thơ lưu vong? Một người sống rất xa đất nước của mình có thể viết như thế nào về đất mẹ?*

Trần Nghi Hoàng: Tôi là một người làm thơ lưu vong... ngay cả hồi thời mười bảy tuổi, sống và làm thơ trên đất nước mình đã được sinh ra và lớn lên là Việt Nam. Anh hỏi: "Một người sống rất xa đất nước của mình có thể viết như thế nào về đất mẹ?" Xin trả lời: tôi không biết! Tôi nghĩ không thể có một chuẩn mực nào cho một người cầm viết, viết như thế nào về đất mẹ của mình. Viết rằng: xa quê hương nhớ mẹ hiền chăng? Tôi chỉ có thể nói là trong bất cứ hoàn cảnh nào và viết về bất cứ gì, tôi chỉ viết ra những điều "tôi nghĩ"... Chứ không thể viết một điều gì đó mà mọi người "cùng nghĩ"... hoặc muốn "cùng nhau nghĩ" như vậy! Tôi có viết loạt bài với tựa "Vọng mãi từ tâm một tiếng chuông", về những chuyến trở lại Việt Nam của tôi... Anh có thể tìm thấy trên một vài trang web nào đó...

Nguyễn Đức Tùng: *Cám ơn anh về cuộc trò chuyện hào hứng này. Chúc anh mau trúng số và làm thơ hay.*

Trần Nghi Hoàng: Cám ơn anh Nguyễn Đức Tùng. Mấy ông bạn "tử vi, phong thủy" nói tôi không có... số trúng số, anh à! Còn làm thơ hay hả? Khi nào cảm thấy mình làm thơ không còn hay nữa, tôi sẽ tự động... retire. Bây giờ thì tôi vẫn còn đang làm thơ.

© 2007 talawas

Trường hợp Thụy Khuê: Giọng ca sai nhịp và trật Sol-fe (Trích phê bình và phê bình những nhà phê bình)

Bài này, tôi viết về một nhà phê bình : Thụy Khuê Và ba nhà thơ: Lê Đạt, Nguyễn Đức Liêm, Tô Thùy Yên. Cả bốn người tôi đều không quen, nhưng có biết. Biết Thụy Khuê từ một số bài viết, đặc biệt là hai bài về thơ Lê Đạt. Biết Lê Đạt và Nguyễn Đức Liêm qua thi ca Riêng Tô Thùy Yên, tôi biết qua... lời đồn. Tôi chỉ nhắc tới nhà-thơđân-tộc Tô Thùy Yên, nhân làm một so sánh về số lượng thơ với Lê Đạt. Nhưng tại sao Thụy Khuê, Lê Đạt lại có Nguyễn Đức Liêm can dự vào hẳn là nhiều người đọc tới đây đang đặt câu hỏi này Câu hỏi sẽ được tôi trả lời một cách nghiêm túc. Trước khi vào chính đề, tôi cần bàn sơ qua về một vài hội chứng Việt Nam, đây là một cần thiết. Tôi sẽ “bàn sơ về một vài”, vì tôi sẽ có một bài khác “bàn kỹ về những” hội chứng Việt Nam.

A/ HỘI CHỨNG CÁCH MẠNG: Việt Nam là một trong vài dân tộc làm cách mạng (xin hiểu “cách mạng” thuần trong nghĩa “đổi mới”) nhiều nhất thế giới Cách mạng trên để mọi bình diện. Từ lịch sử, chính trị, xã hội, tình cảm, văn chương, thi ca v.v... Nguyên do là vì tinh-thần-cách-mạng được sản sinh từ tinh-thần-như.c-tiểu Những dân tộc thiếu... tinh-thần-như.c-tiểu, chẳng thể nào có tinh-thần-cách-ma.ng. Những dân tộc không có tinh-thần-cách-mạng này chỉ biết luôn nỗ lực vào sự tiến bộ và vững mạnh của quốc gia mình.

Chú thích (1): Cứ đổi mới là được, là xong. Không cần biết sau khi đổi mới, sẽ “tốt hơn” hay “tệ hơn”. Thí dụ: Có một nhà thơ nào đó tôi quên tên, trên tạp chí Thơ đã kêu gào đại loại: “Thà làm thơ kiểu mới dở ẹt, hơn làm thơ kiểu cũ hay”! Lý thuyết này được một nhà phê bình khác là Nguyễn Hưng Quốc nhiệt liệt hưởng ứng và bảo vệ..

Chú thích (2): Tôi rất cổ vũ những đổi mới (cách mạng?) trong văn học, nhưng phải đổi mới cùng lúc với tiến bộ, tức là phải hay hơn cái cũ. Lối thơ cắt dán chữ hình (tôi gọi là Thơ Thẻ Công) hoặc đánh computer một số chữ lớn chữ nhỏ khác size nhau, ngang dọc không cần nghĩa (Như Hạnh Nguyễn Tự Cường, đặt tên là loại thơ Khi Đánh Computer. Thật ra nhiều thi sĩ Mỹ đã mày mò từ lâu... cho đỡ buồn, những lúc bế tắc trong sáng tạo Chưa thấy một thi sĩ nào của Mỹ hoặc Âu Châu hay Phi Châu nổi tiếng và tồn tại nhờ mấy loại thơ này

B/ HỘI CHỨNG CẤP TIẾN: Hơn một thập niên qua, văn học Việt Nam hải ngoại đã hồ hởi mở rộng vòng tay với văn học Việt Nam trong nước. Một số người cầm bút trong nước cũng đã tỏ ra thân thiện, dễ dãi hơn với một số người cầm bút hải ngoại Điều này, trên một khía cạnh nào đó, là dấu hiệu đáng mừng. Nhưng trên nhiều khía cạnh khác, lại rất đáng ngại Đáng ngại cho cái gọi là văn-ho.c-hải-ngoại của Việt Nam.

Bởi, sự dễ dãi, thân thiện hơn của giới cầm bút trong nước cũng chỉ nằm trong một khuôn mức, giới hạn rất qui đi.nh. Trong khi, một số trong giới cầm bút hải ngoại thì lại hết sức tận tụy trong việc khoa trương sự am hiểu của mình về những khám phá, cách tân của văn học trong nước. Cùng lúc với sự tận tụy này, là cơ hội để họ khoa trương thái độ cởi mở, kiến thức và sự thông thái trong việc thẩm định văn học của mình. Theo tôi, đây là một căn bệnh chung của khá đông trí thức miền Nam trước 75 đã được mang theo trên đường tha phương và được bảo tồn, phát triển ngày càng vững mạnh ở hải ngoại Căn bệnh này tôi đặt tên là hô.i-chứng-cấp-tiến. Những người mang hô.i-chứng-cấp-tiến rất dễ dãi, bao dung và có khi hết sức tôn sùng “phía bên kia”. Trước năm 75, những trí thức mang hô.i-chứng-cấp-tiến gồm nhiều nhà hoạt động chính trị hay văn hóa sống ở miền Nam, nhưng khoái ca ngợi miền Bắc (đừng cho rằng tôi chụp mũ họ là cộng sản, tôi không có ý này). Sau 75, những người mang hô.i-chứng-cấp-tiến ở

hải ngoại luôn chứng tỏ sự hiểu biết và đồng cảm của mình về những biến động chính trị hoặc văn hóa xảy ra trong nước. Ngược lại, họ rất vô tình, lãnh đạm với những gì ở hải ngoại. Và họ hân hoan tự ca ngợi mình là những trí-thức-thời-đại đúng nghĩa. Thậm chí, lắm khi họ còn có thái độ phê phán những tài năng cùng đang sống ngoài Việt Nam như họ. Thụy Khuê cũng là một đại biểu sáng giá cho những người bị hời-hợt-cấp-tiến.

**

THỤY KHUÊ: GIỌNG CA SAI NHỊP VÀ TRẬT SOL-FE

Viết về tập thơ Bóng Chữ của Lê Đạt, Thụy Khuê mở đầu: "Tập thơ Bóng Chữ của Lê Đạt do nhà xuất bản Hội Nhà Văn in năm 1994 gồm 138 bài thơ, sáng tác trong khoảng thời gian trên 30 năm. Tác phẩm của một đời người và người đọc cũng không thể một sớm một chiều hiểu hết được."¹

Thứ nhất, thi ca là để cảm nhận chứ không phải để hiểu. Và hiểu hay không hiểu thơ của Lê Đạt, thì cũng đâu có đi tới cái thế giới nào khác hơn trái đất này! Thứ hai, 30 năm tận lực lao động, sáng chế ra 138 bài thơ, thì quả tài năng Lê Đạt cũng chẳng hơn được nhà-thơ-đân-tộc Tô Thùy Yên miền Nam là bao nhiêu. Tô Thùy Yên làm thơ gần 40 năm, tuyển tới tuyển lui được 37 bài (Nói là Thơ Tuyển, nhưng dường như ngoài 37 bài trong tập, cam đoan ngay tác giả cũng không thể nhớ mình có làm được bài nào khác từ thứ 38 trở lên?) Tuy nhiên, nếu tính từng bài thì, trung bình mỗi bài thơ của nhà-thơ-đân-tộc có dài hơn mỗi bài của nhà-thơ-cách-mạng về số lượng câu và chữ.

**

Nhưng cuối cùng, tôi phát hiện ra vài sự thật đáng giá, chứng minh rằng về số lượng, thơ Lê Đạt hơn thơ Tô Thùy Yên rất nhiều.

Trong bài Đỗ Kh. phỏng vấn Lê Đạt², Lê Đạt nói "Bóng Chữ là một cố gắng lần mò trong gần 20 năm."

Thụy Khuê nhất định tăng hơn 10 năm để cho công phu tác giả và trọng lượng tập thơ thêm phần vĩ đại!

Gần 20 năm để sáng tác 138 bài thơ! Điều này như có gì không ổn. Tài năng một kiện tướng Nhân Văn Giai Phẩm chỉ vậy thôi sao. Trong Nhà Văn Hiện Đại, do Hội Nhà Văn Việt Nam ấn hành năm 1992 (có hình ảnh từng nhà văn kèm theo cẩn thận), tôi đọc thấy tiểu sử một ông Lê Đạt: "Tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10-9-1929. Quê ở Á Lữ, Bắc Giang. Công tác ở Hội (tức Hội Nhà Văn) từ 1952-1962. Hiện sống ở Hà Nội."

Đã xuất bản: Bài Thơ Trên Ghế Đá (in chung với Vĩnh Mai - 1958), 36 Bài Thơ Tình (in chung với Dương Tường 1990), Thơ Lê Đạt Sao Mai (in chung với Sao Mai 1991), Bác Hồ (trường ca - 1990).³

Như vậy, số lượng sáng tác của nhà-thơ-cách-mạng Lê Đạt và nhà -thơ-quốc-gia Tô Thùy Yên chênh lệch khá... trầm trọng! Chỉ riêng tập Bác Hồ, chưa bàn tới nội dung, cái tên tác phẩm kèm theo hai chữ Trường Ca đã thấy Lê Đạt ăn đứt Tô Thùy Yên một bậc! Tô Thùy Yên nổi tiếng làm nhiều bài thơ dài, nhưng chưa nghe nói có bài nào là trường ca cả!

Chú thích: Cấu Trúc Thơ có bài Thụy Khuê viết về Bóng Chữ Lê Đạt in năm 1995, Tạp Chí Thơ có bài Đỗ Kh. phỏng vấn Lê Đạt in năm 1998. Nếu đọc hai bài nói trên và chú ý đến thời gian tính trước sau, chúng ta có thể thấy những câu trả lời phỏng vấn của Lê Đạt "ảnh hưởng" rất nhiều từ bài viết mớm ý của Thụy Khuê.

Thì ra, Thụy Khuê đã cố tình lờ đi những tác phẩm khác của Lê Đạt, cũng chỉ với mục đích muốn lấy cái Bóng Chữ mịt mù kia mà đề lên nền thi ca Việt hiện đại và tự thỏa mãn những mục đích thầm kín của mình. 36 Bài Thơ Tình, Thơ Lê Đạt Sao Mai và nhất là Trường Ca Bác Hồ (mà tôi chắc nhiều người hết sức muốn được đọc), đã xuất hiện trước Bóng Chữ và trong

thời gian gần 20 năm “mày mò” đó chứ! Một thi sĩ chịu “mày mò” làm nguyên cái Trường Thi ca ngợi lãnh tụ, thì hẳn nhiên là phải có tài!

Trường Ca Bác Hồ tôi không có trong tay Thôi thì, chúng ta thử tìm hiểu cái tài của Lê Đạt qua Thụy Khuê với Bóng Chữ và Ngó Lờì, tập thơ theo sau Bóng Chữ. Đồng thời, tôi cũng sẽ giới thiệu một kiện tướng của dòng thơ Thụy Khuê đặt tên là Thơ Tạo Sinh: Thi sĩ Nguyễn Đức Liêm. Một thi sĩ mà theo tôi, mới đúng là người đầu tiên khởi xướng dòng Thơ Tạo Sinh, một thi sĩ từ lâu bị giới văn học hải ngoại bỏ quên vì tinh thần bè phái và cái Hô.i-Chúng-Cấp-Tiến.

Tôi sẽ làm công việc đem thơ Nguyễn Đức Liêm để cạnh thơ Lê Đạt.

Chú thích: Nguyễn Đức Liêm là tác giả Thủy Mặc, 1984; Cửa Những Vương Tròn, 1992; Sấm Huyền Hồng, 1994 và tập thơ duy nhất mà tôi có trong tay, do mượn từ một người bạn: Ở Tuổi Không Có Đầu, 1997.

*

NHỮNG CƠN SAY THƠ LÊ ĐẠT CỦA THỤY KHUÊ

Thụy Khuê viết tiếp, định nghĩa Bóng Chữ: “Bóng Chữ nằm trong dòng thơ hiện đại của thế kỷ này, mà chúng tôi tạm gọi là Thơ Tạo Sinh, mới trong quan niệm cũ, khác với thơ chữ tự do bị lạm dụng đã nhiều Tạo trong nghĩa sáng tạo, sinh trong nghĩa sinh ra, sinh sôi, nảy nở, phức âm, đa tầng, đa nghĩa và đa ngã.”⁴

Ở một phần sau, Thụy Khuê khai triển tan hoang sự thông hiểu của mình về thơ Lê Đạt:

“-Tạo hình bằng tính chất đa ngã của chữ.

- Tạo hình bằng cách ngắt chữ, cắt câu, gián đoạn mạch chữ, mạch văn.

- Tạo hình bằng cách chuyển động mạch văn, chối bỏ sự ngắt câu cố định, chuyển sang cách ngắt câu bất định

- Tạo hình bằng tính cách đối hình, đảo ngữ và nói lái trong ngôn ngữ Việt. Và trên tất cả, Bóng Chữ mang tính chất hồn nhiên, thơ đại, nói đúng ra là ngây ngô, trong ý nghĩa naïf hội họa, của một người:

Ngây ngô quên hết lối về già.⁵

Dường như, thỉnh thoảng Thụy Khuê cũng có viết phê bình cả về Hội Họa (Tội nghiệp thay cho giới nghệ sĩ tạo hình). Nhưng nếu như những gì Thụy Khuê vừa công bố về kỹ thuật thơ của Lê Đạt, thì làm thế nào Bóng Chữ có được tính chất hồn nhiên thơ đại, ngây ngô trong ý nghĩa naïf hội họa được? Những kỹ thuật trên quá cầu kỳ và nhiều khệ Hồn nhiên, thơ đại và ngây ngô không xuất hiện ở những gì cầu kỳ và nhiều khệ

Câu thơ “Ngây ngô quên hết lối về già” chỉ gợi cho tôi nhớ câu “Trẻ khôn qua, già lú lại” hoặc “Người quá già sẽ biến thành trẻ thơ” nhưng cũng chỉ là một ông già trẻ thơ Còn cách làm thơ đối hình, đảo ngữ và nói lái thì trước Lê Đạt, đã có quá nhiều người! Với những kỹ thuật mà Thụy Khuê cho là khám phá mới của Lê Đạt, tôi đã đọc thấy đầy dẫy từ lâu:

- Đối hình, ngay cả đối chữ trong ca dao Việt Nam đã có:

Loan ôm lấy Phụng, phụng bông lấy loan.

Và trong Đường thi thì nhiều không kể xiết. Với Nguyễn Đức Liêm, chẳng những đối hình, đối chữ, mà còn đối ý, lộng ý một cách rất ngoạn mục:

Đột nhiên nàng cầm dao

đâm vào tim tôi tới tấp

Tôi tránh được

Tôi không được tránh

.....

(Ở Tuổi Không Có Đầu, trang 32)

Nàng đâm tới tấp. Nguyễn Đức Liêm tránh được nhưng không được phép tránh. Hay Nguyễn Đức Liêm được tránh không hay tránh được không? Câu hỏi này sẽ trùng điệp đặt ra nghìn câu hỏi khác cho tới khi mình mảy đã nát bấy máu me... mà vẫn chưa có câu trả lời!

- Đảo ngữ: Thời lớp nhất, tôi và các bạn đã chơi đùa chữ nghĩa với nhau:

Thầy giáo tháo giày vấy đất vấy đầy, Biệt thự bụi thiết.. v.v...

- Nói lái: Trong Bóng Chữ, Lê Đạt viết câu:

Chiều Âu Lâu

bóng chữ động chân cầu

(Bóng Chữ, không thấy ghi số trang)

Thụy Khuê run rẩy tán: “Ở đây, bóng chữ hay bóng em vụt thoáng qua trong chữ động (Cá đầu đớp động dưới chân bèo, Nguyễn Khuyến) và vụt biến đi trong chữ ‘bóng’. Nhưng nếu đọc lái hai chữ ‘chân cầu’ bằng giọng Bắc thành ‘câu chân’ thì câu thơ trở thành:

Bóng chữ động câu trần

lại mở ra một thực tại khác vô cùng đắm say và thơ mộng giữa hai thực thể chữ và câu 6

Thụy Khuê hỗn hển kết luận:

“Bóng chữ chao đảo giữa mộng và thực, giữa tục và thanh, giữa người và ảnh, giữa phôi pha và vĩnh cửu”⁷

Điều quan trọng, sau khi nói lái hai chữ ‘chân cầu’ thành ra ‘câu chân’ với giọng Bắc là ‘câu trần’, Thụy Khuê cũng chẳng thông dịch được hai chữ ‘câu trần’ ý nghĩa ra làm sao mà lại: “... mở ra một thực tại khác vô cùng đắm say và thơ mộng giữa thực thể chữ và câu”

Để giúp Thụy Khuê, tôi dĩ nhiên phải tìm cách giảng hai chữ ‘câu trần’ vô duyên... Và tôi bắt buộc giảng bằng tâm thức Thụy Khuê để Thụy Khuê có thể hiểu dễ dàng:

Lê Đạt dùng “Bóng Chữ” để “câu”... cá hay gì đó! Động từ “câu” xuất hiện rất thần tình sau khi Thụy Khuê nói lái hai chữ “chân cầu” thành “câu trần”. Ở đây cho thấy Lê Đạt là một ngư ông có tài (hơn cái tài làm thơ của ông rất xa), Lê Đạt đã dùng lưới câu móc tung hết quần áo, khiến “con cá” bị “lột trần”. “Câu trần” là lối dùng chữ “tắt” đa ngã, đa nghĩa, đa tình kỳ tuyệt của Lê Đạt mà Thụy Khuê tuyệt đối ngưỡng mộ.. Tuy nhiên, vẫn còn một công án cần được giải thích. Loài cá không biết mặc quần áo thì làm sao có sự vụ ở trần? Vậy, xem ra Lê Đạt không câu cá mà câu người, vì chỉ loài người mới biết mặc quần áo Nhưng cái ẩn mật trong thơ Lê Đạt là ông muốn “câu ai” và đã câu “được ai”. Điều ẩn mật này sẽ có đáp án sau khi chúng ta thấy ai đó bị “lột trần” vì thơ Lê Đạt. Và từ đó, từ sau khi thơ Lê Đạt đã “lột trần” được đương sự rồi, thì “lại mở ra một thực tại khác vô cùng đắm say và thơ mộng giữa chữ và câu” Và đó cũng là cái chao đăceo giữa mộng và thực của người bị “lột trần”.

Tôi đã tự dẹp bỏ trí tuệ của mình để giảng thơ Lê Đạt theo kiểu Thụy Khuê giùm Thụy Khuê Tôi không đòi hỏi một sự đền ơn đáp nghĩa nào ngoại trừ một yêu cầu: “Thụy Khuê nên ngưng viết phê bình... bá láp.”

Với loại thơ nói lái hay chơi chữ này nọ, tôi có thể giới thiệu cho Thụy Khuê một số đại danh gia để Thụy Khuê mở rộng kiến thức:

Ông Thảo Am Nguyễn Khoa Vi ở thôn Vĩ Dạ là một cao thủ về loại thơ nói lái Ông để lại nhiều bài rất ngộ nghĩnh, và đối với ông chỉ là “chơi cho vui”. Một bài điển hình:

Cầu đạo nên chi phải cạo đầu,
Dầu lai dưa muối cũng dài lâu
Na bường bát tới nương bà vãi,
Dầu sãi không tu cũng giải sầu!⁸

Ngoài ra, Bùi Giáng cũng là thi sĩ cừ khôi về nói lái:

Thưa rằng gió núi dồn làn...

Và, tôi xin nhại Bùi Giáng, tiếp:

Lá hoa còn có dặm ngàn phôi phai...

Trong bài viết về Ngó Lờ, một tập thơ khác sau Bóng Chữ, Thụy Khuê mang từng hai câu thơ của Lê Đạt ra tụng:

Vườn nắng mắt gió bay mùa hoa cải

Bóng lá rằm ngày Phả Lại đấng cay
(Phả Lại, Ngó Lòi, trang 18)

Thụy Khuê: “Hai câu 8 chữ, tổng cộng 16 chữ. Trong 16 chữ này không có chữ nào bóng bẩy, không có chữ sang, chữ diện, toàn những chữ tầm thường mà ta có thể bắt gặp ở bất cứ ngõ ngách nghèo nàn nào trong chợ chữ. Nhưng nếu thử vài động tác chuyển hoán vị trí của chúng trong câu:

Vườn lá rằm gió bay mùa hoa cải
Bóng ngày phả lại nắng mắt cay”⁹

Bằng cách đọc “tâm thần” của Thụy Khuê, ta thử đọc hai câu thơ Nguyễn Đức Liêm:

nữu ước hoàng hôn liên tưởng
bình minh cựu ước

(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 80)

hoán vị chữ để chuyển nghĩa:

tưởng

nữu ước bình minh

hoàng hôn liên

cựu ước

Chẳng những nói lái từng hai hay ba chữ, hay đảo lộn thứ tự của con chữ trong thơ làm thành những câu thơ khác, tôi xin mở rộng tầm mắt cho Thụy Khuê và những người đang cố gắng làm mới chữ nghĩa bằng lối thơ đọc nhiều cách. Tôi sẽ đưa ra một loại thơ có thể đọc ngược đọc xuôi, đọc ngang đọc dọc thế nào cũng được, mà lại có ý nghĩa đàng hoàng. Kỹ thuật thơ loại này đã có từ rất lâu, theo tôi thì nó được phát minh bởi những ông đồ nho gặt gù chơi chữ. Bài thơ tác giả vô danh dưới đây có 8 cách đọc căn bản:

Ta mền cảnh xuân ánh sáng ngời

Thú vui thơ rượu chén đầy vui

Hoa cài đậu trúc cành xanh biếc

Lá quỳ hương xuân sắc thắm tươi

Qua lại khách chờ sông lặng sóng

Ngược xuôi thuyền đậu bến đông người

Xa ngân tiếng hát đàn trầm bổng

Tha thướt bóng ai mắt mím cười 10

Cách thứ hai đọc: (ở những cách đọc khác này, tôi chỉ chép hai câu làm thí dụ)

Cười mím mắt ai bóng thiết tha

Bổng trầm đàn hát tiếng ngân xa...

Cách đọc thứ ba là bỏ hai chữ đầu ở mỗi câu, vẫn đọc xuôi thành thơ 5 chữ:

Cảnh xuân ánh sáng ngời

Thơ rượu chén đầy vui...

Cách thứ 4 bỏ hai chữ cuối ở mỗi câu, và đọc ngược thành thơ 5 chữ:

Mắt ai bóng thướt tha

Đàn hát tiếng ngân xa...

Cách thứ 5, bỏ 3 chữ đầu ở mỗi câu, vẫn đọc ngược, thành thơ 4 chữ:

Cười mím mắt ai

Bổng trầm đàn hát...

Cách thứ 6 bỏ 3 chữ cuối ở mỗi câu, đọc xuôi:

Ta mền cảnh xuân

Thú vui thơ rượu...

Cách thứ 7 bỏ 4 chữ đầu mỗi câu, đọc xuôi:

Ánh sáng ngời

Chén đầy vui...

Cách thứ 8 bỏ 4 chữ cuối mỗi câu, đọc ngược:

Bóng thướt tha

Tiếng ngân xa...

Cách đọc thứ 9 của Phù Dung, tác giả bài viết là gộp nhặt hai câu chính với các biến thái:

Qua lại khách chờ sông lặng sóng

Ngược xuôi thuyền đợi bến đông người

Khách chờ sông lặng sóng....

Dường như đây là loại thơ với nhiều cách đọc mà những nhà thơ tự nhận là “hiện đại” và “cách mạng” đang cố truyền bá khuếch trương! Cách này cũ mèm rồi! Bài thơ trên tôi chép tặng, để mấy nhà thơ “hiện đại” và “cách mạng” lấy làm tiêu chuẩn học tập.

**

Để nói về chữ Đê trong thơ Lê Đạt, Thụy Khuê lác lư viết:

“Chữ dê gợi những âm đồng nghĩa: dê, dâm, dương, mà còn gợi những âm khác nghĩa: như dương trong thái dương, như dân trong canh dân, như dân trong quốc dân, hay Quốc và dân...

Ông cụ chẵn dê hình như còn là người chẵn chữ:

“Ở những con A con B con C

con Đê

bản trong trắng thảo thơm”

(Bóng Chữ trang 60)

Với cái đà xoay mòng này, Thụy Khuê sẽ còn dẫn người ta đi tới đâu bằng Bóng Chữ Lê Đạt?

Bằng những con chữ A, B, C, D... Thảo Am Nguyễn Khoa Vi đã chơi giỡn dí dỏm hơn Lê Đạt biết bao nhiêu:

A Di Đà Phật muốn qui thuyền,

B bết lòng tham hãy cứ nguyên,

C xích cho gần nơi cửa tịnh,

Đ đầu nguyện dứt mối trần duyên. 11

Chữ Đ trong thơ Nguyễn Đức Liêm lại bay lộng lên một vùng trời khác:

Người bước vào

ôm con chó nhỏ

Trong mõm chó không có ngà voi

người và chó

vấn tâm đầu ý hợp

Người bước ra

bỏ người ở lại

sau khi hình như đã

đê em mờ nhau

cứ loạn cả lên.

(Ở Tuổi Không Có Đầu, trang 68)

Con chó bỗng chốc nhấc tới con voi “Trong mõm chó, sao mọc được ngà voi”. Tuy nhiên, người và chó vẫn ý hợp tâm đầu mặc dầu mõm chó không mọc được ngà voi! Người bước vào là thế. Vậy khi người bước ra! Người bước ra bỏ người ở lại hay người ở lại bỏ người bước ra! Nào ai biết chắc! Có điều, mọi chuyện đã “y du hi” sau khi cả hai kẻ ở người đi đều đã “đê em mờ” nhau loạn cả lên rồi! Chữ “Đê” để mở ra, mở ra “em” và chữ “mờ” hư ảo khép lại!

THƠ TẠO SINH:

NGUYỄN ĐỨC LIÊM GIẢI ĐỌC LÊ ĐẠT

Trở lại với Ngô Lòi, Thụy Khuê đọc hai câu thơ của Lê Đạt:

Trang thiên thanh áp xanh mùa cốm biếc

Thư ủ tình thu ép biếc hơi hương

(Thư Xưa, trang 49)

rồi ngâm nga cung cách rất Thụy Khuê:

“không chỉ có một kiếp sống, mà chúng có thể có những kiếp sống khác, tùy theo sức tạo sinh của người đọc:

Trang thư ủ tình xanh mùa cốm biếc

Áo thiên thanh xanh ép biếc hơi hương

hay

Biếc trang tình ép thu xanh mùa cốm

Tiếc hơi hương ủ áp thu thiên thanh

Bằng cách của Thụy Khuê, tôi lại đọc hai câu thơ trích Nguyễn Đức Liêm, chúng ta sẽ thấy tính chất Tạo Sinh trong thơ họ Nguyễn mãnh liệt và sâu sắc hơn thơ họ Lê:

Như hạnh phúc bắt nguồn từ so sánh

tôi đêm nay bày đặt uống hơn tôi

(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 72)

có thể đọc:

uống hơn tôi bắt nguồn từ so sánh

như đêm nay, bày đặt hạnh phúc tôi

hoặc:

tôi hạnh phúc như đêm nay so sánh

bắt nguồn từ bày đặt uống hơn tôi

Nhận định một cách công bình, thơ Lê Đạt trước khi bị Thụy Khuê cưỡng bức thô bạo, cũng có vài câu ngộ nghĩnh, đọc vui vui Chính Thụy Khuê đã dầy vò thơ Lê Đạt. Thụy Khuê viết:

“Về mặt ngữ căn và triết lý, ba bài thơ trên có sự tư thông giữa người và vật như người và ngựa, ngựa và mộc; chúng là chân dung phác thảo những kiếp người-ngựa, ngư.a-người, mà cũng là chân dung gỗ, chân dung ngựa gỗ, đánh số hoặc không đánh số....”¹²

Tôi có thể tưởng tượng ra hoạt cảnh lúc Lê Đạt đọc bài viết của Thụy Khuê về thơ của ông, tới đoạn trên, Lê Đạt bỗng râu tóc dựng ngược la lớn:

“Mẹ kiếp, cái thằng cha Thụy Khuê bố láo! (Thụy Khuê đã từng được Dương Thu Hương gọi bằng Ông!) Thơ của tôi mà hắn ta giảng thế nào đọc một lúc tôi rồi cả đầu Hóa ra hắn còn hiểu thơ tôi hơn cả tôi nữa... Làm gì có mấy cái sự cố bệnh hoạn kỳ cục tư thông giữa người và vật.... Cái bọn Việt kiều ở ngoại quốc nó vô luân thật!”

Chưa hết, Thụy Khuê còn là một thứ bệnh cấp tính nguy hiểm, nếu luận theo giọng mấy anh bác sĩ cộng sản thì phải như sau: “Con bệnh này, theo tôi thì rất có nhiều khả năng chết lắm!”

Tôi dù có muốn lý lẽ với mấy anh bác sĩ cộng sản tí chút, cũng đành gật gù theo: “Tôi... thôi thì nhất trí với các ông!”...

Không nhất trí cũng chẳng xong, khi Thụy Khuê thản nhiên cho người dân “đốt pháo ăn mừng đê vỡ”:

“Đê Đồng Lão vỡ, nước vỡ bờ, người ta đốt pháo mừng tuổi nước, mừng ngôi sao mới ra đời, huyền thoại kéo dài cho tới đêm Đại Mùa Thắng Xuân:

Mười chín... tám

Thì reo

Rồi ùng ục

Rẽ nước đại thụ

từ sơ địa

mặt mù đã sử

phun sáng ngần

Đêm pháo hoa mừng tuổi nước
Một ngôi sao mới lớn
(Lê Đạt, Bóng Chử, không ghi số trang)

Thụy Khuê đã nảy ở đâu ra hình ảnh người ta đốt pháo mừng đê vỡ và đưa tới đêm Đại Mùa Thắng Xuân? Đại Mùa Thắng Xuân hay Đại Thắng Mùa Xuân... Thụy Khuê muốn nói gì bằng thơ Lê Đạt? Tới đây thì tôi chịu... là không thể hạ thấp trí thông minh theo tầm cỡ Thụy Khuê để hiểu thơ Lê Đạt. Xin mời quý bạn cùng đọc thơ Nguyễn Đức Liêm để chúng ta lấy lại thăng bằng:

Gió
công kênh biển lên ngang hàng quán rượu
Bụi nước mặn
phát vào mặt phới vào lòng
xin những bước chân hãy khoan dung
cho sọc nói sôi giọng đời lạo xạo
Duyên hải ì âm phương tây trắng
hợp thức hóa vàng đen đỏ
thành một thứ hai trăm năm
muốn ăn trọn đồng đoài
(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 62)

Trong khi Thụy Khuê đề Lê Đạt ra bắt tư thông với súc vật, Nguyễn Đức Liêm vô cùng thơ mộng và nhân bản với những thấp thoáng của triết lý Phật giáo:

xin những bước chân hãy khoan dung
cho sôi nói sôi giọng đời lạo xạo
để:
hợp thức hóa vàng đen đo
thành một thứ hai trăm năm
nuốt ăn trọn đồng đoài

Thụy Khuê say thơ Lê Đạt cùng lúc với ngây chữ: “Mà cũng có thể là chân dung anh Cả, anh Ké, anh Ké, có công cải cỗ nương Voi (xem thơ Voi của Tố Hữu Voi là đại bác) thích món... giả hùm “phập phồng một vị riêng quê”, ưa trò đồ mi, nói như Xuân Hương gọi là “cắm giếng”:

Ông cắm giếng
Cồn đất múp
Sừng gái mười bảy
Đào lút hai vầu cột cờ

Mà cũng có thể chỉ là một chuyện bạch đàn. Một lịch sự mười năm trồng cây Trăm năm trồng người”

Chuyện gái mười bảy bẽ gãy sừng trâu, sao dựng lại dính dáng tới chuyện mười năm trồng người, trăm năm trồng cây Nếu không phải là Thụy Khuê đã dùng thơ Lê Đạt để ngợi ca chủ trương của họ Hồ... Trường Ca Bác Hồ của Lê Đạt xem như mất điểm... Thơ, và bị thêm cái điểm oan ương Thụy Khuê đã đem vào thơ Tạo Sinh Lê Đạt... Đâu tinh thần Nhân Văn Giai Phẩm? Đâu người trí thức bị chế độ bỏ tù vì tội đòi tự do tư tưởng và sáng tạo... Chỉ thấy đây là kẻ ca ngợi Đại Thắng Mùa Xuân, cho con người đốt pháo mừng thiên tai và vinh danh thuyết trồng cây trồng người một cách ngang nhiên ngu xuẩn... để kết đời trong Trường Ca xung tưng Bác.

Thơ Nguyễn Đức Liêm đành phao ra tay hiệp sĩ, sống với câu:
“Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả,
Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng”.

Thơ Nguyễn Đức Liêm cố giải cứu thơ Lê Đạt, người bạn đồng môn của phái Tạo Sinh:
Tôi đáng nhẽ
vẫn nằm nguyên trong gió
nhân thế gọi là
yên giấc nghìn thu
vì đã hiểu được đàn bà
là hiểu được
không thể nào hiểu được
(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 33)

Đã là nữ nhân thì dù con gái hay đàn bà, mười bảy bẻ gãy sừng trâu thì hai mươi bảy bẻ gãy sừng tê giác, ba mươi bảy bẻ gãy sừng... kuøng long... Vì thế, cho nên hiểu được đàn bà là hiểu được không thể nào hiểu được...
Tôi có bài thơ nhỏ, xin chia sẻ cùng Nguyễn Đức Liêm:
em đàn bà cũng đẹp như con gái
đàn bà con gái hiền như trái cây
trái cây chua, ngọt, tím, vàng, xanh, đoø
có trái ăn ngon ngộ độc không hay
(Trần Nghi Hoàng, Anh Có Thực Sự Muốn Thành Một Bò Tát? Văn Uyển xuất bản 1990)

Thụy Khuê không còn có thể ngừng được trong thơ Lê Đạt:
“Bóng Chũ còn tạo hình nhờ cận ảnh (gros plan) bằng cách đẩy vào giữa mạch câu thơ một âm thanh xa lạ, khác hẳn với nhịp câu:
Từng thớ thịt anh sống em trọn hện
chỉ bóng anh
ò e
xe Văn Điển
(Lê Đạt, Bóng Chũ, trang 23)

lại Thụy Khuê: "...chiếu gros plan lên âm thanh “ơ hô” gọi hình ảnh khóa thân:
Ơi em rất ô
Ơi em rất hồ
Trắng vổ ò hô trúc bạch
Bước động ngày thon róc rách
(Bóng Chũ, trang 28)

Nguyễn Đức Liêm vẫn nhân nhã một cách mãnh liệt với thơ, với Em tên gì đó, với đam mê cận cùng hơi thở:

Đổ loan biết
điệu tôi xuân gì đó
Tôi đang buồn mưa đấy
uyên ơi
Thơ không chấm hết
giữa đường chim cánh mồi
Hốt hoảng yêu
Bình tĩnh đêm xong đời
(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 14)

Nguyễn Đức Liêm cà tưng với thi ca, với cuộc đời:
Cầm chiếc đầu lâu mân mó mãi
Mà tu bi o nót tu bi
Uy Liêm hỏi Đức Liêm không hỏi
Thánh Thán cho rằng hãy sống đi
(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 15)

Uy Liêm nào đây Có phải William Shakespeare hay Uy Liêm Hối Dù có sự gì thì Đức Liêm cũng không thèm hỏi Đâu cần ỏ e hay ồ hô, vì tu bi hay nót tu bi cũng là bí ẩn không nói được của hiểu đàn bà là hiểu được không thể nào hiểu được.

Thụy Khuê còn cho từ: "... đôi mắt xanh, Lê Đạt tạo những biến cố khác nhau trong nồng độ, âm độ và sắc độ, pha trộn hội họa, thi ca và âm nhạc:

Mắt xưa xanh

mưa mảnh

sương liễu song

Mùa sang may

thu đánh ngải lông mào

(Bóng Chữ, trang 94)

Có gì đâu, hãy nghe Nguyễn Đức Liêm múa cổ tích và hát huyền thoại Nhưng lại là cổ tích và huyền thoại của một tương lai nhìn thấy:

Ở phương nao có một người xanh tên thắm

múa kỳ lân

buồn lung linh thú

hát phượng hề

sặc sỡ cô đơn

.....

Gió trong mắt

Bụi trên môi

Đêm còn trẻ quá

Này

tôi đi chân đất đá chân trời

Bất quá ngủ

Kệ

Suối vàng không quán trọ

(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 12, 13)

Trong cơn ngậy ngất, Thụy Khuê từ thơ Lê Đạt bước lóng ngóng: "Bóng chữ còn làm mới cổ tích, đem cô Tấm lồng vào hồn thơ hiện đại:

Anh rình / trắng nghìn trắng / nghiêng ngõ mộng

Bước thị thơm chân / chữ động em về

(Bóng Chữ, trang 82)

Anh rình chỉ để thấy trắng nghìn trắng rồi về nghiêng ngõ mộng thôi, thì dù chữ có động em cũng bỏ về là phải lắm!

Nguyễn Đức Liêm không trần tục, chẳng làm dáng cao siêu mà chỉ ngông ngạo ngang nhiên:

Thiên thu biết có còn mai một

Cưỡi ngựa lên từng thế kỷ chơi

(Ở Tuổi Không Có Đâu, trang 16)

Thiên thu là hai chữ rất cũ, cũ đến nỗi sáo Nhưng Nguyễn Đức Liêm cho đi sau thiên thu năm chữ biết có còn mai một thì câu thơ đột nhiên mới cả lời lẫn ý. Cưỡi ngựa, thế kỷ... là những chữ rất thường, chơi là chữ dung tục... Chen vào những chữ thường và dung tục đó, Nguyễn Đức Liêm cho lên từng... Lên từng, hai chữ đứng chen giữa đột nhiên sáng lên và làm sáng cả câu thơ... Từng là mỗi thế kỷ mà cũng là trăm triệu vô số những tầng lớp thế kỷ chồng chất lên nhau

Thơ Tạo Sinh là như vậy! Là làm mới tư tưởng trong chữ và chữ trong tư tưởng. Tôi tin là Nguyễn Đức Liêm đã làm Thơ Tạo Sinh như một Bầm Sinh. Không gượng ép, không mất... hai, ba mươi năm mảy mò và cũng không cần ngay cả người ta đặt tên cho trường phái thơ của

mình là Thơ Tạo Sinh. Thôi thì, tôi xin trả ba chữ Thơ Tạo Sinh lại Thụy Khuê để dành cho Lê Đạt. Thơ Nguyễn Đức Liêm đã Tạo Sinh trước khi Thơ Tạo Sinh ra đời...

Và cứ để cho Thụy Khuê trong cơn sượng ngất với thơ Lê Đạt, kết luận về Thơ Tạo Sinh:

“Thơ Lê Đạt khó và tối Tác giả niêm phong tác phẩm của mình bằng sự cô đọng chữ nghĩa Nhưng đó là cái khó của sự tìm tòi khoa học, cái tối là ẩn số của bình minh, là sự niêm phong gạn lọc tư tưởng. Cho đến nay chúng ta chưa có một tác phẩm nào thể hiện sự thay đổi toàn diện trong phong cách thơ, từ bản sắc triết học, đến cấu trúc hình thức và nội dung như thế. Với Bóng Chữ thơ mới đã thực sự nhường ngôi cho một dòng thơ khác, Thơ Tạo Sinh hiện đại trong tinh thần khuynh đảo và tái sinh những giá trị cổ điển”.

Thụy Khuê từng viết Bóng Chữ Lê Đạt mang tính chất naif của hội họa Bây giờ, cũng lại Thụy Khuê kêu kên lên thơ Lê Đạt khó và tối! Tôi chỉ thấy thơ Lê Đạt ngây ngô ngọng nghịu! Bóng Chữ bắt đầu mịt mù khó và tối từ khi bị Thụy Khuê truyền cho chứng tâm thần, để mầy mò truy tìm cái bản sắc triết học vốn không có trong thơ Lê Đạt.

Lần này, là một đề nghị chứ không còn là yêu cầu, của tôi, với Thụy Khuê: Thụy Khuê nên “về nguồn” bên Lê Đạt... Mua một căn nhà hay căn chòi bên cái nguồn nước của Lê Đạt. Thế là tiện cả đôi bề: Mỗi khi Lê Đạt hoàn tất một bài Thơ Tạo Sinh, hay chỉ cần ném ra một đồng chữ, Thụy Khuê lại viết một cái manual cho bài thơ hay đồng chữ đó, như kiểu manual cho người ta sử dụng nồi cơm điện National, để bảo đảm là những ai đọc thơ Lê Đạt sẽ hiểu được đúng ý Thụy Khuê Đồng thời, để Thụy Khuê tiếp tục hưởng những cơn sượng ngất bằng Thơ Tạo Sinh của nhà-thơ-cách-mạng, tác giả Trường Ca Bác Hồ Lê Đạt.

VA, ngày 13 tháng 9 năm 98

CHÚ THÍCH:

- 1- Thụy Khuê, Cấu Trúc Thơ, Văn Nghệ xuất bản, trang 220.
- 2- Đỗ Kh. Phòng Vấn. Tạp chí Thơ số 12, 1998.
- 3- Hội Nhà Văn Việt Nam, Nhà Văn Hiện Đại 1992, trang 44 (A-59 Lê Đạt)
- 4+5- Thụy Khuê, Cấu Trúc Thơ, Văn Nghệ xuất bản 1995, trang 222.
- 6+7- Thụy Khuê, Cấu Trúc Thơ, Văn Nghệ xuất bản 1995, trang 236.
- 8- Hương Giang Thái Văn Kiểm, Tình Duyên Thôn Dã, trích từ Việt Nam Gấm Hoa, Làng Văn xuất bản 1997, trang 174.
- 9- Thụy Khuê, Cấu Trúc Cách Ly Trong Ngó Lờ Của Lê Đạt, Tạp chí Thơ số 12, trang 71.
- 10- Phù Dung, Cảnh Xuân, Bài Thơ Lạ Từ Trong Nước, Tạp chí Văn Uyển Hè 1992, trang 41.
- 11- Hương Giang Thái Văn Kiểm, Tình Duyên Thôn Dã trích từ Việt Nam Gấm Hoa, Làng Văn xuất bản 1997, trang 174.
- 12- Thụy Khuê, Cấu Trúc Thơ, Văn Nghệ xuất bản 1995, trang 225.

Bóc quá khứ, nhìn về phía trước hay đọc “Truyện người viết sử” của Trần Nghi Hoàng Đoàn Nhã Văn

Dùng lịch sử để dựng những thiên truyện ngắn hay, trong văn chương Việt Nam, có vài tên tuổi nổi trội. Trong nước, Nguyễn Huy Thiệp tạo được những cơn sóng trên mặt hồ văn nghệ ở những năm cuối 1980's và đầu 1990's. Ngoài nước có Trần Vũ với những truyện ngắn táo bạo gây nên những tranh luận một thời gian ngắn sau đó, và Trần Nghi Hoàng đầy tung tẩy với những truyện ngắn lịch sử trong tập “Truyện Người Viết Sử” (TNVS). Mỗi người mỗi khác. Tuy

nhiên, ở góc độ bình thường hóa những nhân vật lịch sử, Vũ có nét tương đồng với Thiệp. Hoàng sãi bước theo hướng riêng của mình.

Truyện Người Viết Sử gồm 9 truyện ngắn và vở kịch “Sen tàn trong ngày 30 tháng tư”. Trong 9 truyện ngắn đó, có 4 truyện ngắn liên quan đến những nhân vật lịch sử: Quang Trung, Nguyễn Ánh, Lê Long Đĩnh, Ngô-Thì Nhậm, Ngô Thì Chí và những nhân vật phụ khác. Những truyện còn lại lấy bối cảnh lịch sử cận đại, tại Việt Nam cũng như tại Mỹ.

Vở kịch “Sen tàn trong ngày 30 tháng tư” chuyên chở một phần triết lý nhà Phật qua những nhân vật đầy trần tục. Xa hơn, nó có thể được xem là mặt thứ hai của đồng tiền, khi mặt thứ nhất là vở kịch “Sen nở trong ngày 29 tháng tư” của Nguyễn Huy Thiệp. Tuy nhiên, bài viết này sẽ không đi sâu vào vở kịch, cũng như những truyện ngắn lấy bối cảnh cận đại của cuộc sống, bởi vì, thứ nhất, bài viết này đi sâu vào những điểm nổi bật về truyện ngắn của Trần Nghi Hoàng trong dòng “truyện ngắn lịch sử”; thứ hai, để có một sự so sánh đầy đủ về bút pháp và đặc biệt là tư tưởng của hai nhà văn qua hai vở kịch, cần một bài viết so sánh khác, đặt hai vở kịch song song với nhau.

Trần Nghi Hoàng, qua tập truyện ngắn “Truyện Người Viết Sử”, không vay mượn lịch sử theo cái nghĩa thông thường. Bằng vào một hay nhiều sự kiện lịch sử, mà người đi trước hoặc không viết thêm ra, hoặc không giải thích rộng hơn, hay vì một lý do nào đó họ ngừng lại ở chỗ mà, theo ông, lẽ ra phải giải thích cho hậu thế tận tường, Trần Nghi Hoàng đã đào xới, mổ xẻ và tổng hợp với những sự kiện khác, đã xảy ra trước, hoặc sau đó, để lý giải, trước hết là tìm cho mình một lời giải đáp. Và sau đó là chia xẻ đến độc giả những điều lý giải này. Bằng một lối viết đầy hình ảnh và bố cục rất chặt, những điều ấy tạo nên những thích thú trên những trang văn của ông. Cách tháo gỡ và tổng hợp những sự kiện lịch sử của ông làm tôi liên tưởng đến mấy câu thơ của Tuệ Sĩ trong tập thơ “Giấc Mơ Trường Sơn”:

Ta gọi kiến, ngạt ngừng mây bạc
Đường ta đi non nước bồi hồi
Bóc quá khứ, thiên thần kinh ngạc;
Cẩn vô biên trái mộng vỡ đôi.

Vâng, những lý giải, những lớp quá khứ được bóc ra, qua TNVS, ít nhiều làm những người khác khó chịu. Không khó chịu sao được, chẳng hạn, khi ai ai cũng biết rằng, qua những điều học được từ chính sử, Lê Long Đĩnh là một ông vua nổi tiếng ác ôn, Nguyễn Ánh có những cách trả thù ghê rợn v.v. Nhưng đằng sau những “ác ôn”, những ghê rợn đó là một trời tâm sự của họ được TNH dựng lại đầy thích thú, có khi đến ngạc nhiên.

Qua TNVS, tôi để ý đến hai điều nổi bật: một, nổi cô đơn của những nhân vật lịch sử; và hai, tư tưởng cấp tiến cùng cái tâm của những nhân vật lịch sử đó, dù là những người bị “chính sử” nguyên rủa.

Nổi Cô đơn của những nhân vật lịch sử

Những người làm nên lịch sử là những người vượt lên trên muôn người. Chính vì điều đó, họ thường là những kẻ cô đơn. Cô đơn, một phần vì ít ai hiểu được họ. Cô đơn, phần khác, vì khi đã ngất ngưỡng trên ngai cao, họ ít tin người. Họ là những Gia Long, Quang Trung ... của lịch sử Việt Nam. Tên tuổi càng lớn, nổi cô đơn của họ càng lớn. Trần Nghi Hoàng khai thác triệt để nổi cô đơn của họ trên những trang sách của ông.

Trên ngai vàng chất ngất, Gia Long luôn được người chờ chực, kẻ hầu hạ nhưng lúc nào cũng bị phủ chụp bởi một không khí cô đơn, một nỗi cô đơn cùng cực. Tâm sự của ông là tâm sự của một người thắng, nhưng bại. Thắng, vì đã thu phục giang sơn về một mối. Còn cái bại nằm ở những nỗi ám ảnh, những nỗi bất an trong tinh thần dù là đang nắm quyền sinh sát trong tay. Chính cái bất an và lòng thù hận ngút trời đã tạo nên những cuộc trả thù ghê rợn. Chẳng hạn tâm trạng bất an của ông khi ngồi trên thượng đài theo dõi nữ tướng Bùi Thị Xuân bị hành hình:

“Nhà vua chợt nhìn thấy trên khuôn mặt nát tan và bê bết máu của nữ tướng Tây Sơn Bùi Thị Xuân một nụ cười. Nụ cười vừa khinh miệt, vừa rạn vỡ của kẻ thực sự chiến thắng. Của kẻ mà mọi áp đặt bên ngoài đều bất khả xâm phạm vào được cái phần tinh thần của họ ... Toàn thân Gia Long hốt nhiên lạnh ngắt. Nhìn những lóp vãi lụa đẫm máu vẫn quấn chặt quanh người viên nữ tướng, câu hỏi cũ đã được quay trở lại: “Ai? Ai là người đã cung cấp vải lụa cho mẹ con Bùi Thị Xuân chuẩn bị trước cuộc hành hình?”” (Trang 24).

Cái thất bại khác của Gia Long khi ngồi trên ngai vàng: không thu phục được những bại tướng, những người thân của Quang Trung. Gia Long, dưới ngai bút của Trần Nghi Hoàng còn có một điểm khác: trọng nhân tài, muốn thu phục những bại tướng, muốn chiếm đoạt trái tim chứ không phải thể xác của giai nhân. Tuy nhiên, có lẽ vì bản tánh của ông đã làm người khác quay lưng, chấp nhận những nhục hình chứ không chịu cúi đầu. không bao giờ ông mua được lòng người.

Một Trần Quang Diệu, tướng tài của Quang Trung, người mà Gia Long cố công thu phục, người mà Gia Long từng phải nghiêng mình, trước cuộc hành hình, đã nhắn người nói với Gia Long rằng:

“Nói với Nguyễn Ành, ta thêm tạ lòng thiên tài của y. Nhưng tôi trung không thờ hai chúa. Chỉ xin Nguyễn Ành nếu thực sự trọng ta, và nếu còn nghĩ tới chút ân tình ta đã có năm nào với Võ Tánh khi vây thành Bình Định, thì hãy tha chết cho mẹ ta. Bà đã 80 tuổi, không còn có thể can dự vào chuyện quốc gia đại sự được ... Chắc chắn bà không thể nào là hậu hoạn của Nguyễn Gia Miêu.” (Trang 15-16)

Hay cái khinh khi của Bắc cung Hoàng Hậu – Ngọc Hân:

“Đáng lý ta phải tự sát ngay lúc này để tạ tội với Đức Quang Trung ta, vì ta đã cố tình cho người xâm phạm vào ngọc thể của ta. Nhưng ta muốn chứng minh người biết một điều, dù người có “lấy” được thân thể ta, ta vẫn là người của Đức Quang Trung. Ta đã thuộc về Ngài và bởi thế, trong ta có sự hiện diện của Ngài, của Long Nhượng tướng quân, của Bắc Bình Vương, của Quang Trung Hoàng Đế. Người mà chỉ nghe tên người đã bay hồn bạt vía. Cũng như đất đai và thiên hạ Đại Việt này dù có nằm trong tay người, vẫn muôn đời có sự hiện diện của Thái Tổ Võ Hoàng Đế Quang Trung Nguyễn Huệ. Người đã hiểu rõ cái giá chân của thành bại hay chưa, hờ tên hèn hạ, tiểu nhân ty tiện ... Rồi đây sử sách của đời sau, tên họ người là để cho cháu con Đại Việt phỉ nhổ, khinh ghê ...” (Trang 33-34)

Cái quay lưng chờ chết của Trần Quang Diệu, cái phỉ nhổ, khinh khi của Ngọc Hân, cái mỉm cười thách thức của nữ tướng Tây Sơn Bùi Thị Xuân càng làm rõ nét cô đơn của một người đã thấu suốt cả thiên hạ và muốn gì được nấy nhưng không bao giờ mua được lòng người, những người bên kia chiến tuyến. Và càng không mua được lòng người, những người ở gần ông, như Võ Minh, chẳng hạn.

Gia Long hiện ra dưới ngòi bút của Trần Nghi Hoàng trước hết là một kẻ cô đơn, thứ đến là một người đầy tham vọng, tàn nhẫn và thủ đoạn. Người mà nghĩ đến việc trả thù như một khoái cảm. Kẻ thù càng đau đớn, khoái cảm càng dâng cao. Khi khoái cảm dâng cao tột đỉnh cũng là lúc nhận ra mình cũng cực cô đơn. Đó là cá tính và đó cũng là số phận của một lãnh tụ.

Không chỉ ở Gia Long, cái cô đơn lớn đó còn nhìn thấy ở nhiều nhân vật khác, như Quang Trung, như Ngô Thị Chí, mà nhất là Lê Long Đĩnh.

Chúng ta nghe nói đến Lê Long Đĩnh là một vị vua tàn ác khét tiếng. Sử sách gọi ông là Lê Ngọa Triều, người đã từng sai thủ hạ róc mía trên đầu sư. Cái khuấy tấp của lịch sử là chưa giải thích được tại sao Lê Long Đĩnh lại nằm trên cán khi tiếp kiến quần thần, và tại sao ông lại tạo ra cảnh “róc mía trên đầu sư” để bá tánh khinh khi, để thiên hạ phỉ nhổ? Có gì khuấy tấp? Hay nhà chép sử của triều đại mới phải làm theo lệnh để chinh phục lòng người cho một triều đại mới?

Cái công án “róc mía trên đầu sư” được TNH lý giải để trả lời cho sự tàn bạo của vị vua trẻ, tài hoa, nhưng không kém phần ghê rợn khi xuống tay, theo chính sử. Trần Nghi Hoàng dựng nên những chuỗi hình ảnh, giải thích sự ngọa triều của vị vua trẻ này và nhất là đối lập với giả thiết là nhà vua trẻ đắm say trong nhục dục đến nỗi không thể ngồi trên ngai để xử lý mọi việc trong triều.

Nỗi cô đơn của Lê Long Đĩnh là không ai hiểu được nỗi lòng của ông, nỗi lòng của một vị vua biết nhìn xa, biết lo cho bá tánh, MUỐN nhường ngôi mà không được. Chỉ có một người duy nhất hiểu được: Viêm Cơ. Và Viêm cơ, người trinh nữ khóa thân lại là một nhân vật hư cấu. Ở điểm này, Hoàng và Thiệp có nét tương đồng: dùng nhân vật nữ hư cấu để “tái” điều mình gờ gẫm. Tuy nhiên, cái khác biệt: Hoàng dùng Viêm Cơ để bầy nhân vật Lê Long Đĩnh lên cao, Thiệp dùng Nguyễn Thị Vinh Hoa để kéo Quang Trung xuống thấp với đời thường.

Tư tưởng cấp tiến của những nhân vật lịch sử

Trần Nghi Hoàng đánh giá cao về chiều sâu về sự cấp tiến trong tư tưởng của những nhân vật lịch sử. Nhân vật càng lớn, tư tưởng của họ càng cao, vượt khỏi tầm của thời đại mà họ đang sống, như Quang Trung chẳng hạn. Cứ lấy một ví dụ nhỏ để minh chứng để thấy cái khác biệt giữa TNH và Nguyễn Huy Thiệp.

Cùng một sự kiện lúc Nguyễn Huệ lâm chung, Nguyễn Huy Thiệp viết: *“Khi lâm chung có Vinh Hoa đứng hầu bên giường, nhà vua nhìn mãi Vinh Hoa mà không nhắm mắt. Cả triều đình thương cảm. Con trai nhà vua là Nguyễn Quang Toàn vuốt mắt cho cha nhưng hễ buông tay ra là mắt nhà vua mở trừng trừng. Đến cả hoàng hậu Ngọc Hân cũng thế. Sau Vinh Hoa phải lấy ngón tay út của mình đặt lên hai mi mắt thì mắt nhà vua mới nhắm lại được. Sau đấy, chỗ ngón tay út của Vinh Hoa đen như chàm, rửa thế nào cũng không sạch.”* (Phẩm Tiết)

Cũng trong lúc lâm chung, Trần Nghi Hoàng cho rằng, Quang Trung đã cho gọi tướng tài Trần Quang Diệu về mà trần trối rằng: *“Đại Việt là của muôn dân, chẳng phải của riêng một dòng họ nào cả. Nếu sau này Nguyễn Aùnh có lấy được thiên hạ, lo được cho thiên hạ ấm no, thì các người cũng đừng vì cái xác rữa của ta mà gây thêm binh loạn.”* (Trang 16)

Cùng một khoảng khắc lâm chung của Quang Trung, hai nhà văn dựng hai hình ảnh khác nhau.

Ở Nguyễn Huy Thiệp, một Vinh Hoa giả tưởng với ngón tay út đen như chàm sau khi đặt lên mắt Quang Trung cho thấy kết quả còn lại của một đời người từng vấy vùng từ Nam ra Bắc, khi nhắm mắt, tất cả còn lại là vết đen, cặn bã. Đó cũng là một phần trong phong cách dựng lại cái đời thường của những nhân vật lịch sử trong chùm truyện ngắn lịch sử của ông.

Còn Trần Nghi Hoàng? Trong “*La Sơn Phu Tử*”, Hoàng Xuân Hãn có viết rằng vua Quang Trung mất ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý, giờ Dạ Tý (khoảng 11-12 giờ khuya ngày 16 tháng 9 năm 1792). Trước khi mất, ông đã đòi Trần Quang Diệu về trời trần. Xa hơn, Hoàng Lê Nhất Thống Chí cũng nhắc đến việc triệu hồi Trần Quang Diệu của Quang Trung.

Nếu Nguyễn Huy Thiệp bịa ra nhân vật giả để nắm bắt cái còn lại đen như chàm của một vị vua, của một danh tướng, thì Trần Nghi Hoàng đi gần với chính sử hơn. Cái hư cấu mà ông dựng nên là lời trời trần với vị tướng tài Trần Quang Diệu. Lịch sử không ghi lại Quang Trung đã trần trời lại điều gì cho người tướng tài mà ông tin cần. Người chép sử không biết, hoặc có biết nhưng đã để bên ngoài những trang sử của ông. Dân thường không biết vì làm gì được đứng gần Vua trong giây phút cực kỳ nghiêm trọng đó. Chỉ có điều: người từng làm nên lịch sử thường để lại những câu nói lịch sử. Trong chiều hướng đó, Trần Nghi Hoàng đã cố ý đưa lời trần trời này của Quang Trung mà gởi lại cho người sau. Câu nói của Quang Trung mang một độ “lớn” như cái lớn của chính hình ảnh ông trong lòng bao người dân nước Việt. Cái lớn của nó nằm trong cả hai phần của câu nói. Trước hết, ông khẳng định nước là của dân. Điều này khác hẳn với suy nghĩ của thời phong kiến: nước thuộc về Vua, vì Vua chính là thiên tử. Nó hé lộ cái cấp tiến của một nhà quân sự tài ba, của một lãnh tụ biết nhìn người. Thứ hai, Quang Trung đánh giá cao Nguyễn Anh. Đây chính là phong cách: anh hùng trọng anh hùng, dù họ là kẻ thù không đội trời chung. Quang Trung đặt kẻ thù của mình đúng vào vị trí của họ. Đó là cái nhìn vượt tầm của một nhà thao lược: hiểu tường tận các tướng của ông, dù tài, giỏi cách mấy cũng không qua được Nguyễn Ành. Ông nhìn thấy có một ngày, sau khi ông nắm xuống, Nguyễn Ành sẽ thâm tóm giang sơn. Mà nếu Nguyễn Ành mà tạo được cơn no áo ấm cho bá tánh thì đừng bao giờ nghĩ đến việc trả thù. Nguyện vọng lớn của nhân vật lớn: nghĩ đến người dân trên cả vận mệnh của một gia tộc và danh dự của chính mình.

Bằng một câu nói tạo cho nhân vật của mình để lại lúc lâm chung, Trần Nghi Hoàng đã trả lại chỗ đứng lịch sử cho một nhân vật lừng danh trong lịch sử. Chỗ đứng đó không phải tạo dựng bằng sự kiện mà bằng một chất văn lời cuốn, bằng một giọng điệu sắc sảo trên những trang sách.

Nói đến tư tưởng cấp tiến của những nhân vật lịch sử, không thể không nhắc đến một người khác. Trong lịch sử Việt Nam, một dòng họ nổi tiếng về đường công danh, khoa bảng mà hầu như ai ai cũng biết đến, đó là dòng họ Ngô-Thì. Suốt nhiều đời, dòng họ Ngô-Thì đã góp vào lịch sử dân tộc nhiều vị quan, nhiều tiến sĩ danh tiếng. Phải nói rằng, đây là một dòng họ mà tài danh và khoa hoạn được xem là vào bậc nhất của Bắc Hà. Ngày nay, đền thờ của họ Ngô-Thì còn ghi hai câu đối mà đọc lên mới thấy cái lầy lừng của họ này trong suốt nhiều đời tiếp nối:

*Thập bát Quận Công, tam Tể Tướng
Bách dư Tiến Sĩ, cửu phong Hầu.*

Vì thế, chúng ta không lạ, trong những cuộc tranh giành quyền lực triều chánh, người của họ Ngô-Thì cũng có mặt ở cả hai phía. Chính vì vậy, những gút mắc của gia đình, của dòng họ đã tạo nên những sự tranh luận nảy lửa.

Là một kẻ sĩ của thời cuộc, chữ TRUNG phải được hiểu như thế nào, khi đứng trước cơn bão lửa, binh đao của lịch sử? Câu hỏi này dằn vặt cả hai anh em: Ngô Thì Nhậm và Ngô Thì Chí.

Theo sử sách, Ngô Thì Chí làm quan, phục vụ nhà Lê, mất năm 1788 (thọ 35 tuổi) khi nhận lệnh Lê Chiêu Thống lên Lạng Sơn mộ lính để chống nhau với nhà Tây Sơn. Trong khi đó, Ngô Thì Nhậm lại là người của Tây Sơn. Hai anh em, hai điển hình khoa bảng, nằm trong hai chiến tuyến trong thời tao loạn. Vậy chữ “Trung” phải hiểu thế nào mới là đúng?

Bằng vào một lối viết tung tẩy, tạo được không khí của một thời đã qua, từ lối đối thoại, hình ảnh, đến từng chi tiết, xê dịch trong truyện, Trần Nghi Hoàng đã xây dựng một câu chuyện cuốn hút, mang tính thuyết phục, trong đó có nhiều đoạn tranh luận nảy lửa của hai anh em, Ngô Thì Chí và Ngô Thì Nhậm. Hãy đọc một đoạn truyện ngắn để thấy lập luận của Trần Nghi Hoàng khi soi rọi lại những vấn đề lịch sử.

“Thì Chí nhấp một ngọn trà, ngược nhìn Thì Nhậm:

-Khi chiều, lúc mới đến, em có nghe anh Nhậm hỏi Thì Du. Và em đã mạn phép trả lời: “Trung là một lòng với Vua, là trọn đạo thần tử.” Em thấy nhà Lê đang hồi suy biến, bị quân giặc Tây Sơn làm loạn, trấn áp. Đây là lúc kẻ bầy tôi phải dốc lòng đêm tài trí vì Vua, giúp nước.

Thì Nhậm xoay tách trà trong tay, nhẹ lắc đầu:

-Vi Vua, chưa hẳn là giúp được nước. Trung với một ông Vua, với một dòng tộc, có khi mang họa đến cho xã tắc, mang gông xiềng cùm lên trăm họ... Thì chữ Trung đó là Ngu Trung của bọn hủ nho...

Sắc mặt Thì Chí tái xanh, ông cắn chặt răng. Thì Du kích động hẳn trên khóe môi như chực nói. Thì Nhậm cho tay vào áo, đưa ra một phong thư:

-Chú đọc đi. Đọc cho cả Thì Du cùng nghe. Thư của Trung Thư Lệnh nhà Tây Sơn là Trần Văn Kỹ. Chắc chú Chí và Thì Du có nghe bậc danh sĩ đất Thuận Hóa này.

Thì Chí mở thư, đọc:

“Hi Doãn huynh nhã giám,

Kể từ ngày hội ngộ, lòng đệ luôn tưởng nhớ đến huynh...

Nay thế nước đã thay, nhà Lê không còn ai tài đức. Nghe đâu vì cái ngai vàng của tộc họ, mà Chiêu Thống đã mưu định cho người sang cầu viện ngoại Thanh vào để đối đầu cùng Tây Sơn.

...

Đệ mong Hi Doãn huynh vì tiền đồ của nòi Nam Việt, vì phúc lợi của con cháu Hồng Lạc mà sớm ra góp tay với Bắc Bình Vương. Trước, cùng đánh đuổi ngoại Thanh. Sau, là anh định thiên hạ ...”

Thì Chí run tay dần mạnh tờ thư xuống mặt bàn:

-Rồi anh Nhậm trả lời Trần Văn Kỹ ra sao?

-Tôi đã hẹn ngày với Trần Văn Kỹ, để ra gặp Bắc Bình Vương.

Thì Chí nắm chặt hai bàn tay, hét nhỏ:

-Trung thần bất sự nhị quân.

Thì Nhậm đanh giọng:

-Tôi Trung với nước chứ không trung với một ông vua.

Thì Chí chua chát:

-Có phải vì anh hơn 8 năm lận đận vừa qua, mà sinh ra đối dạ với nhà Lê?

Thì Nhậm bật cười lớn:

-Kẻ Sĩ tiến thoái, xuất, xử phải biết lẽ.

-Nhưng nhà Lê chưa từng phụ anh.

-Tôi chẳng phụ nhà Lê. Nhưng tôi cũng không muốn vì nhà Lê mà có tội với đất nước, với tiền nhân, với trăm họ.

Thì Chí cuối mặt thờ dài. Giọng ông đầy boăn khoăn:

-Thì Du, còn chú thì sao?

Thì Du đặt tách trà xuống mặt bàn, thẳng người, ngang nhiên đáp:

-Em đồng ý với anh Thì Nhậm. Trung là Trung với nước, chứ không phải Trung với Vua. Vì Trung với Vua mà làm cái việc rước voi dày mả tổ, là có lỗi với cha ông, là thành tội đồ thiên cổ của lịch sử.

Thì Chí bần thần:

-...Là có lỗi với cha ông... Là thành tội đồ thiên cổ của lịch sử. Ta lại là người chép sử... Nhưng Trung thân bất sự nhị quân...

Thì Nhậm nghiêm giọng:

-Phải, chú là người chép sử. Chú lại là người dâng kế sách cho Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh. Trong cuốn Hoàng Lê Nhất Thống Chí mà tôi biết chú đang biên soạn, chú sẽ viết như thế nào về sự việc này?" (trang 297-300)

Sau đó, sử sách chép lại rằng: trên đường lên Lạng Sơn mộ lính, theo lệnh Lê Chiêu Thống, để chống lại Tây Sơn, Ngô Thì Chí bị bệnh mà mất tại Gia Bình, thọ 35 tuổi. (Theo Tự điển danh nhân Việt Nam, trang 465). Tuy nhiên, từ sự chặt chẽ trong cách dàn dựng, cái sắc lạnh trong đối đáp, và nổi boăn khoăn của hai anh em thuộc dòng họ Ngô Thì, hai khuôn mặt lớn của lịch sử, Trần Nghi Hoàng dẫn người đọc đi đến kết luận: Ngô Thì Chí tự vẫn chứ không phải bệnh tật như sử sách đã chép. Lý do tự vẫn là vì ông "không minh bạch được chữ Trung của kẻ sĩ". Dù đồng ý hay không với lập luận của Trần Nghi Hoàng, người đọc vẫn thấy câu chuyện đầy cuốn hút và hấp dẫn. Điều thành công của tác giả là làm người đọc suy nghĩ, lôi kéo người đọc tự tìm cho mình câu trả lời. Và quan trọng hơn hết chính là tư tưởng mà Trần Nghi Hoàng đã cài đặt trong truyện ngắn: kẻ sĩ thời Tây Sơn đã có những suy nghĩ táo bạo, cấp tiến. Không nhất thiết: Trung là phải sống, chết với một người mà bỏ rơi trăm họ.

Cũng cần phải tìm hiểu tại sao phải mượn lịch sử để hình thành truyện ngắn. Bởi đó là một phần trong quan niệm nghệ thuật của nhà văn.

"Lịch sử, cũng như tất cả những sự việc khác trong cuộc đời, trong cõi nhân gian, thường là một đồng tiền hai mặt. Giữa anh hùng và phản quốc, giữa quân tử và tiểu nhân, lẫn ranh tường chừng rất rõ ràng.

Tường chừng rất rõ ràng, do đó chỉ là lẫn ranh được vạch ra từ khuôn phép của những định kiến.

(.....) Dưới chế độ phong kiến, người chép sử đa số là những ông quan. Làm quan, hưởng bổng lộc và chịu dưới quyền sai xử của vua, thì tất nhiên phải theo lệnh vua. Người chép sử phải viết như thế nào về những kẻ đối thủ trước kia của ông vua đang trị vì trong cuộc tranh ngôi Vương Đế? Người chép sử phải viết như thế nào về ông vua đang trị vì? Và người chép sử phải tự viết như thế nào về ông ta, nếu chính người chép sử cũng từng tham dự vào lịch sử? Cái tốt, cái công nghiệp thì quá dễ. Nhưng còn cái xấu và những tội nghiệt?

Xin tạm trả lời: Chỉ giống bao của thời gian mới thổi tung được bao lớp bụi mờ phủ che lịch sử, giải tỏa được những oan khiên ... Tuy nhiên, một điều kiện tất yếu nữa, là cần phải có những con người hậu thế với những tấm lòng thành ..." (Trang 292)

Đó là lời khẳng định, đó cũng là quan niệm nghệ thuật của Trần Nghi Hoàng khi dựng nên những truyện ngắn mang tính chất lịch sử. Và đó cũng là điều mà ông kỳ vọng ở độc giả, những người đến với lịch sử bằng một tấm lòng thành.

Từ quan niệm nghệ thuật đó, lịch sử trên những trang văn của Trần Nghi Hoàng luôn có hai mặt. Đó cũng là tính lưỡng nguyên của cuộc đời. Chính ở điều này, độc giả có khi vừa thấy ghê rợn nhưng cũng vừa cảm thông với nhân vật này, lại vừa thấy ghét cái thú tánh nhưng cũng vừa phục cái tầm nhìn xa của nhân vật khác. Nhìn lịch sử là nhìn cả hai mặt, đọc lịch sử là đọc giữa những dòng chữ, soi rọi lịch sử là soi rọi bằng cái tâm của người hậu thế, và quan trọng hơn hết, mượn lịch sử là trả sòng phẳng, trả bằng cả hai mặt của vấn đề, không phải mượn hai (hùng và hèn) nhưng chỉ trả một (hèn), để tạo nên những cú sốc trên mặt hồ văn chương. Đó là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt những trang văn của Trần Nghi Hoàng. Và đó cũng là con đường của riêng ông: đến với lịch sử bằng cái tâm của người hậu thế.

Có một điều cũng nên nhắc ở đây: hình ảnh MƯA được lập lại khá nhiều trong truyện ngắn của TNH. Mưa ở Hoa Lư, Mưa ở Thuận Hóa, Mưa ở Đà Lạt, Mưa ở Hà Tiên, Mưa ở D.C. v.v.. Mưa, Mưa, và mưa. Một mưa mịt mù nhân ảnh. Một mưa rây rây không thành hạt. Một mưa xám ngắt nhân gian. Một mưa thúí đất, úng trời. Một mưa bay bay, lạnh lùng nhân thế. Mỗi cơn mưa bao phủ một vùng đất trời rộng lớn nhưng mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Có khi mưa để tẩy xóa những vết dơ của lịch sử. Có khi mưa làm ướt lòng người. Có khi mưa để hé lộ những sự thật bị che giấu bởi lòng người hạn hẹp. Và, quan trọng nhất, mưa để bắt đầu cho những đợt mùa mới, khởi đầu cho vận hội mới của dòng Bách Việt.

Như đã nói trong phần đầu, trong số những nhà văn viết về lịch sử, nếu Nguyễn Huy Thiệp khai thác cái tầm thường, xấu xa của những nhân vật lịch sử, nếu Trần Vũ quay trong chiều kích bạo lực và dâm loạn, nếu Nguyễn Mộng Giác thành công ở những chi tiết, ở cái thật bình thường, thì Trần Nghi Hoàng đẩy tư tưởng của nhân vật mình lên một bậc, đó là cái nhìn cấp tiến của những nhân vật lừng danh trong lịch sử. Có thể nói, ông là người gần nhất với cổ nhân, khi dựng những nhân vật lịch sử, qua câu: “Nuôi thân sinh nô tài, nuôi óc sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài”.

Từ lâu, người đọc vẫn biết đến Trần Nghi Hoàng như một thi sĩ. Không chỉ làm thơ, Trần Nghi Hoàng hầu như xông xáo vào mọi lĩnh vực; từ viết truyện, biên khảo, đến viết kịch, tạp văn, làm báo, và gần đây hơn, ông dành nhiều thời gian trong lãnh vực phiếm luận, phê bình. Tham dự nhiều, xông xáo lắm, nên cái này có khi làm mờ cái khác. Tuy nhiên, theo tôi, khi mọi thứ lắng đọng theo thời gian, độc giả sẽ nhớ Trần Nghi Hoàng, trước hết, như một thi sĩ và kế đến, như một người viết truyện mà TNVS như một dấu ấn riêng, trong mảng truyện ngắn viết về lịch sử của Trần Nghi Hoàng.

Phùng Nguyễn, vết nứt thời gian

1. Tôi trở lại Mỹ cuối năm 2012. Bốn tháng sau, từ San Francisco, tôi cùng Phương tiếp tục cuộc thiên di. Chúng tôi bay qua miền Đông, tiểu bang Pennsylvania, quận hạt Lancaster. Không còn nhà quê một cục tuyền ruộng bắp với nhà thờ nữa, giờ đây Lancaster, quê hương của James Buchanan, vị tổng thống thứ 15 Hoa Kỳ, cũng là nơi có cái làng Amish mà người dân chuyên mặc đồ đen, đi xe ngựa được dùng làm bối cảnh trong phim “The Witness” do Harrison Ford đóng đã có những căn “apartment” hay “condo” ở *down town* giá bán lên tới 400-500 ngàn đô la cho những cậu trẻ thành đạt trong giới Yuppies. Tôi lục lại hành trang, tìm lại những số điện thoại hiếm hoi của bạn bè người quen cũ. Lê Tào, Phùng Nguyễn, Phan Nhiên Hạo, Trần Trung Việt... Lê Tào và Phùng Nguyễn thì ở California. Vậy mà tôi đã quên không gọi họ khi lưu lạc San Francisco. Tôi đã quên, nhiều khi tôi quên trắng mọi chuyện. Nói chuyện

với Phùng Nguyễn, tôi biết anh và Quỳnh Loan đã dọn về Maryland được một thời gian. Tôi nói với anh tôi đang ở Pennsylvania, Lancaster. Phùng Nguyễn bảo, tôi có hay tin anh về lại Mỹ nhưng cứ nghĩ anh đang ở California. Tôi cười nói với Phùng Nguyễn: “Tôi ở đây thì gần anh hơn. Chỉ một hai tiếng lái xe là cùng.”

Thực sự, tôi rất mừng khi biết Phùng Nguyễn đang ở Maryland. Khi quyết định cùng Phương bay về Lancaster, tôi đã dọn cho mình cái tâm thế của một người đi ở ẩn. Đi ở ẩn cùng hồng nhan tri kỷ của mình, há chẳng vui sao? Về vùng đất băng giá quanh hiu này, tôi đã biết trước trong danh sách bạn hữu có thể nói được cùng nhau một câu chuyện, một câu chuyện thực sự, không có ai ở gần dưới nửa ngày đường lái xe. Phải hiểu, một câu chuyện thực sự có thể chỉ cần năm phút, nhưng nhiều khi lại phải kéo dài cả ngày, khi đó là một câu chuyện không thể nói qua điện thoại hay qua những phương tiện “technology” tối tân nhất, như vừa nói chuyện vừa nhìn thấy nhau qua màn hình “chatcam computer.” Một câu chuyện thực sự, theo tôi, là những người muốn nói với nhau phải cùng ngồi trong một không gian, cùng mặt đối mặt, người này phải thở không khí của sự hiện diện của người kia. Tôi và Phùng Nguyễn lên kế hoạch gặp gỡ để rồi có thể sẽ có kế hoạch làm việc cùng với nhau.

Trong hiện tình sinh hoạt văn chương văn nghệ èo uột hiện nay ở hải ngoại, hiếm còn được người như Phùng Nguyễn. Anh thường quan tâm tới chuyện sáng tác và xuất bản sách, không phải cho cá nhân anh mà là cho tất cả những người cầm bút lưu vong ở hải ngoại. Kế hoạch “Trên kệ sách” của anh và trang mạng Da Màu dường như không khả quan lắm. Tôi loáng thoáng nghe anh nhắc tới phương án “*print on demand*” và Amazon. Anh hứa sẽ đi vào chi tiết khi chúng tôi gặp mặt. Sau đó không bao lâu, anh và Quỳnh Loan tới Lancaster thăm tôi và Khánh Phương. Rồi chúng tôi giữ liên lạc khá chặt chẽ.

Có bận, tôi và Khánh Phương đã qua Maryland ở lại với anh và Quỳnh Loan nguyên một “long weekend.” Tôi được cho ăn món mì Quảng, đặc sản của quê hương anh do tự tay Phùng Nguyễn nấu. Như một thói quen nhiều năm không lý giải, tất cả những bài viết cho Da Màu tôi đều gửi qua anh, từ một bài thơ, bài lý luận hay bất cứ thể loại nào. Từ khoảng giữa tháng 8, năm 2015, tôi gửi anh bài viết “Một câu chuyện về một câu chuyện” hay “Một cuốn sách về một cuốn sách.” Đây là bài tôi viết về cuốn *Hậu chuyện kể năm 2000* hay *Thời biến đổi Gene* của Bùi Ngọc Tấn. Phùng Nguyễn điện thoại cho tôi nói, anh Nghi Hoàng cắt bớt còn khoảng ngàn rưỡi ngàn tám chữ gì đó, được không, để tôi đăng trên VOA trước rồi sẽ đăng “*full version*” lên Da Màu sau. Đăng trên VOA anh sẽ được ít tiền nhuận bút. Khi bài tôi viết về Bùi Ngọc Tấn đã đăng trên VOA và Da Màu rồi, Phùng Nguyễn lại điện thoại nhắc, cứ cách khoảng 4 hay 5 tuần, anh Nghi Hoàng viết cho tôi một bài để đăng trên VOA rồi sau đó đăng trên Da Màu hay đâu cũng được.

Qua tuần lễ đầu tháng 11, Khánh Phương nhắc tôi: “Cún viết bài cho anh Phùng đi, sắp tới hẹn rồi đó.” Lần này, tôi viết bài “Khủng bố và khủng bố mãn tính” nói về bọn khủng bố Hồi Giáo và khủng bố Trung Cộng. Rút kinh nghiệm, để khỏi phải cắt xén như lần trước, tôi viết chỉ trên dưới ngàn rưỡi chữ. Chín giờ tối hôm ấy, viết xong, tôi nói với Khánh Phương lúc sửa soạn bước vào phòng tắm, “Meo đọc lại bài anh viết cho anh Phùng rồi gửi đi giùm anh ngenh.” Vừa dợm bước đi, tôi nghe tiếng Khánh Phương kêu “Anh ơi.” Giọng của Phương có vẻ hốt hoảng, bất thường. Tôi dừng lại hỏi, “Sao thế, Meo?” Phương nói, “anh Phùng Nguyễn mất rồi anh ơi.” Phương vừa đọc được một dòng tin trên mạng, nhà văn Phùng Nguyễn ra đi sáng ngày 17 tháng 11 năm 2015 tại Maryland. Phương gần như lạc giọng hỏi tôi: “Có phải thật không anh?” Tôi nói, “Anh không nghĩ ai dám đùa chuyện này đâu.” Khánh Phương buột miệng: “Hôm nay là ngày sinh nhật của anh.” Tôi đã quên bém ngày sinh nhật của tôi, Khánh Phương thì có lẽ vừa chợt nhớ. Còn Phùng Nguyễn, anh đã chơi ngang lựa đúng ngày sinh nhật của tôi mà bỏ đi. Và

có lẽ từ bây giờ tôi khó có thể quên ngày sinh nhật của mình cũng như chẳng thể quên được ngày giỗ của anh.

2. Trước tháng Tư năm 2013, tức là trước lúc tôi và Khánh Phương ngụ cư ở Lancaster và trước cả thời gian tôi quay về Việt Nam hồi cuối năm 2007, tôi và Phùng Nguyễn liên lạc trao đổi với nhau hầu như là qua email, chỉ có vài lần qua điện thoại. Tôi cũng không còn nhớ cơ duyên nào đã khiến tôi và Phùng Nguyễn quen biết nhau rồi kết nhau nữa. Có điều tôi biết chắc là càng ngày tôi cộng tác với Da Màu thường xuyên hơn là qua anh. Trong năm năm quay về Việt Nam làm cuộc thử nghiệm với lửa, Phùng Nguyễn là một trong số ít người hiếm hoi tại Mỹ tôi còn giữ liên lạc. Mùa xuân năm 2011, Phùng Nguyễn *email* báo sẽ về Việt Nam thăm gia đình và sẽ ghé xem “căn biệt thự và gift shop do nhà nước cộng sản Việt Nam tặng cho tôi” như tin đồn trên mạng.

Buổi chiều, Phùng Nguyễn gọi cho tôi nói anh vừa từ Saigon về tới Đà Nẵng, nhằm lúc tôi đang chơi ở Đà Nẵng với Nguyễn Thụy Kha. Tối hôm ấy chúng tôi đã có buổi họp mặt thật vui trên tầng hai cái nhà hàng đường như là của em Phùng Nguyễn. Một buổi họp mặt quốc tế vì có cả Thường Quán từ Canada hay Úc gì đó về dự đám tang của bố, và Phùng Nguyễn từ Mỹ, có Trần Thiên Thị, Huỳnh Lê Nhật Tấn ở Đà Nẵng, Liêu Thái ở Vĩnh Điện và cô bạn gái tên Nhi người Quảng Trị, giờ đã là bà mẹ hai con của Liêu Thái. Tiền mấy chai vang đêm đó là 500 ngàn tiền nhuận bút một bài thơ của Thường Quán đăng trên báo Lao Động từ hồi nào chẳng biết, do Nguyễn Thụy Kha đưa.

Tiệc tan, tôi theo Phùng Nguyễn về nhà người em của anh qua đêm. Sáng hôm sau, Phùng Nguyễn xách ba lô theo tôi đi đón xe buýt về Hội An. Từ bến xe buýt, hai tên hai chiếc ba lô trên lưng lóc cóc về tới số 12 Phan Thành Tài, tôi vừa mở khóa cổng vừa nói với Phùng Nguyễn, đây, căn biệt thự của tôi. Phùng Nguyễn vừa bước qua cổng vừa cười lớn, thơ mộng đầy chữ, có cả cây kiểng, hoa lá ngoài sân. Nào hồng sa mạc, nào bông giấy đủ sắc màu. Vào nhà hai tên vớt hai ba lô xuống sàn xong, Phùng Nguyễn thọc tay vào túi quần đi một vòng từ trước ra sau xong trở về tới cái bàn ở phòng khách kéo ghế ngồi rồi hỏi tôi: “Anh Nghi Hoàng trả bao nhiêu một tháng?” Tôi đáp lúc tôi mới về, Lý Đợi giới thiệu tôi với người bạn tên Lê Hữu Thọ, Thọ giới thiệu tôi với chủ nhà. Lý Đợi đưa tôi tới gặp chủ nhà rồi trả giá giùm. Lúc đó chủ nhà đòi hai triệu một tháng. Lý Đợi trả giá còn triệu tám. Đó là hồi đầu năm 2008. Bây giờ tôi đã trả lên tới hai triệu hai một tháng. Cứ ba tháng trả tiền nhà một lần. Mỗi tháng trả thêm tiền điện và *internet* này nọ khoảng hơn 500 ngàn đồng nữa. Phùng Nguyễn hỏi tôi: “Sống được chứ? Anh dạy Anh văn và viết bài lai rai cho vài tờ báo phải không?” Tôi gật. Phùng hỏi tôi: “Anh mệt không? Đi ra phố?” Tôi cười, “Mệt gì mà mệt. Minh đi”. Phùng bảo, hôm nay mình đi cưỡi ngựa xem hoa thôi, mai tôi sẽ nhờ anh đi mua ít quà lưu niệm.

Hai tên thả bộ ra đường Hai Bà Trưng rồi cứ thế mà tiến thẳng vào giữa phố cổ Hội An. Trần Phú, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... Đứng bên này Hội An ngó qua bên kia An Hội mà ở giữa là sông Hoài, vẫn là một khúc của sông Thu Bồn với vài chiếc xuồng lác đác, thỉnh thoảng một con đò máy chạy qua té nước lên cùng tiếng âm âm tịch lặng, rồi tôi kéo Phùng Nguyễn về cái quán nhỏ có tên “Đầu làng” trước lối quẹo trái đi về Cẩm Nam. Quán này tôi đã từng ngồi với Trần Quảng Nam, có cả Phạm Phú Sương và Kim Tuyền. Tôi và Phùng Nguyễn ngồi nói chuyện về Hội An và Đà Nẵng. Về văn nghệ trong nước, ngoài nước. Về California, nước Mỹ. Về đủ mọi thứ chuyện có liên quan và không liên quan với nhau. Buổi tối, trong căn nhà 12 Phan Thành Tài, Phùng Nguyễn nhìn chiếc giường ngủ cười, hỏi tôi. Ông có “ghê”[1] hay “bai”[2] không vậy cha? Tôi cười lớn, Trần Nghi Hoàng “thăng băng”[3] ông à. Sáng hôm sau, hai tên kéo nhau ra phố chơi mỗi tên một tô bún chả cá xong tôi và Phùng lại kéo nhau vào phố cổ cho anh mua quà lưu niệm. Tới tiệm nào tôi cũng trả giá rất kỹ giùm cho anh. Tuy những người buôn bán trong phố cổ Hội An không nói thách tận trời xanh như nhiều chỗ khác, nhưng

cũng có. Cậy mình dù sao cũng cư dân Hội An gần ba năm, tôi ra về sành sỏi mua bán giùm cho bạn mình ở xa về vậy thôi. Đến một cửa hiệu bán hàng lưu niệm, ở bậc thềm có một người đang ngồi chơi. Thật khó để gọi người này là thanh niên hay cậu bé, vì khuôn mặt vuông hơi ngắn, rúm nắng là của một người đàn ông trên ba mươi, nhưng tay chân và chiều cao thì thấp ngắn như một cậu bé mười hai. Phùng Nguyễn nói nhỏ với tôi, tiệm này của người bà con. Tôi mua gì, họ ra giá bao nhiêu, anh cứ để tôi mua, không cần phải trả giá giùm nhé. Lần này tôi về có việc và không đủ giờ để thăm họ hàng, đành chỉ thăm họ bằng cách này thôi. Anh có chắc là họ không nhận ra anh? Anh gật. “Tôi chắc.” Phùng Nguyễn mua một số món đồ lưu niệm và không hề trả giá cho một món nào. Hai người bán hàng rất ngạc nhiên. Thậm chí lúc tính tiền họ đã tự động bớt cho anh vài món. Phùng Nguyễn có những tế nhị âm thầm như vậy. Nếu tôi không đi chung với anh lần đó thì làm sao biết được. Chia tay Phùng Nguyễn ở trạm xe buýt để anh đi Đà Nẵng, chúng tôi hẹn gặp lại. Tôi cười lớn, không ở Việt Nam thì ở Mỹ. Phùng Nguyễn nói tôi sẽ về thăm anh nữa, nếu anh còn ở Việt Nam.

3. Năm 2012, Phùng Nguyễn về lại Việt Nam và phone cho tôi. Nhưng lúc đó tôi và Phương đang ở Hà Nội nên chúng tôi không gặp được nhau. Tháng 5 năm 2011, tôi bị tai biến, nằm bệnh viện Thái Bình Dương tám ngày, Khánh Phương chăm sóc cho tôi, từ tắm rửa cho tới thuốc thang, miếng ăn, giấc ngủ. Phùng Nguyễn từ Mỹ đọc tin tôi bị tai biến trên Internet đã gửi một text nhắn tin cho tôi. “Anh Nghi Hoang, duoc tin anh bi stroke, khi nao anh noi chuyen duoc thi phone ve My cho toi. Day la so dien thoai cua toi.”

Phùng Nguyễn điềm đạm và ân cần với bằng hữu. Thành thạo anh cũng có chút tinh nghịch, những đức tính này có thể nhận ra trong văn chương Phùng Nguyễn. Nhưng đây là lần anh đã chơi ngăng[4] và chơi ngang cùng lúc. Phùng và tôi ngang ngửa tuổi nhau. Nếu tính ngày giờ, tôi còn lớn hơn anh vài tháng. Vậy mà Phùng Nguyễn đã thản nhiên không bóp còi lách ngang qua mặt tôi bỏ đi không một lời từ già. Lại chọn đúng ngày sinh nhật tôi để chơi cú này thì đúng là chơi ngăng. Tôi nói thầm với Phùng Nguyễn, mai một gặp nhau tôi sẽ tính với anh, Phùng Nguyễn à.

Lancaster, PA ngày 14 tháng 9, 2016

[1] “Ghê”: gay, đồng tính nam

[2] “Bai”: bisexual

[3] “Thẳng băng”: straight

[4] “Ngăng”: tiếng địa phương Quảng Nam, nghĩa là nghịch phá.

Giáo sư Nghiêm Thẩm bị VC sát hại như thế nào?



Gs Nghiêm Thẩm

GS. Nghiêm Thẩm: Vị giáo sư anh hùng - Nhà khoa học chân chính

Sau ngày 30-4-1975, nhiều giáo sư các Đại học miền Nam bị loại ra khỏi Đại học. Một số giáo sư tìm cách vượt biên, một số bất hợp tác thẳng thừng, một số chấp nhận hợp tác, hợp tác miễn cưỡng hay hợp tác tự nguyện. Có một sự thật phũ phàng là, hợp tác tự nguyện hay hợp tác miễn cưỡng, các vị giáo sư ấy đều bị kì thị và không được tin dùng. *Thêm một sự thật khác nữa, đó là các vị ấy thường xuyên nhận được lệnh phải viết lách hoặc thực hiện những công trình “khoa học” nhằm phục vụ nhu cầu chính trị.* Trong cuốn Bên Thắng Cuộc của Huy Đức vừa mới được phổ biến, có đoạn trích lời phát biểu của Huỳnh Kim Báu, Tổng thư ký Hội Trí thức Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận sự thật ấy: “Những năm ấy, các trí thức Sài Gòn vẫn nhận được điện thoại từ Văn phòng Thành ủy hỏi xem: ‘Có công trình khoa học chào mừng 3-2 hay 19-5 không?’. Những Giáo sư như Phạm Biểu Tâm, Lê Văn Thới thì mắng ngay: ‘Không có thứ khoa học nào gọi là khoa học chào mừng cả’. Nhưng một số người khác thì có, người thì làm ra chất tẩy rửa ‘pentonic’, người chứng minh ‘ăn mấy ký khoai mì bỏ bằng một ký thịt bò’, người thì ‘ăn bo bo nhiều dinh dưỡng hơn cả gạo’. Nhưng ngay cả những ‘nỗ lực’ đó cũng không giúp kiến tạo được lòng tin”. (Huy Đức. Bên Thắng Cuộc. Cuốn I, Phần I: Miền Nam, Chương VI: Vượt Biên. Bodoilambao.wordpress.com).

Trong số những giáo sư Đại học ở lại và hợp tác miễn cưỡng, đã nổi bật lên một vị giáo sư anh hùng, dám đem mạng sống của mình để bảo vệ danh dự của một nhà giáo, một nhà khoa học chân chính. *Vị giáo sư đó chính là Giáo sư Nghiêm Thẩm, Giám đốc Viện Bảo tàng Sài Gòn, giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn và cũng là giáo sư của hầu hết các Đại học công tư ở miền Nam hồi đó.*

Thân thế

Gs. Nghiêm Thẩm sinh năm 1920, tại huyện Đông Anh, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc Hà Nội); là con thứ 5 của cụ Nghiêm Hoàn Luyện, người làng Hòa Xá, phủ Ứng Hòa, Hà Nội.

Dòng tộc Gs. Nghiêm Thẩm, lớp trước, có nhiều người xuất thân khoa bảng, quan lại. Thế hệ sau, ở miền Bắc, có người là thứ trưởng, đại sứ, doanh gia; ở miền Nam, người anh thứ ba của Gs. Nghiêm Thẩm là Gs. Nghiêm Đăng, nguyên Phó Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chính và anh thứ 4 là Nghiêm Mỹ, Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Malaysia, Jordan và New Zealand. (Xin xem Bài Phát Biểu của Ông Nghiêm Kiến Nam trong buổi lễ kỉ niệm ngày húy 90 năm của Cụ Bàng Mai Lâm Nghiêm Châu Tuệ tổ chức ngày 18.9.2011. Nghiemchungtam.wordpress.com)

Sau khi tốt nghiệp Trung học ở Hà Nội, ông được gửi sang Pháp, học trường École du Louvre, Paris, ngành bảo tàng (de Muséologie).

Năm 1956, ông về nước. Từ đó, ông lần lượt đảm trách nhiều công tác văn hóa giáo dục:

- Phục vụ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn, đặc trách khai quật di tích lịch sử Óc Eo (Ba Thê, An Giang); hướng dẫn các đoàn đi nhiều nơi ở miền Nam để khai quật những di chỉ khảo cổ.
- 1961, được bầu làm thành viên Hội đồng điều hành khóa 10 Hội Tiền sử Viễn Đông (Far Eastern Prehistory Association - FEPA). Cũng trong năm này, ông được mời làm giáo sư ngành nhân chủng học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn và Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định.
- Năm 1964, ông được mời làm Giám đốc Viện Khảo cổ Sài Gòn và giáo sư tại Đại học Vạn Hạnh vừa mới thành lập; đồng thời, được mời làm cố vấn xây dựng chùa Vĩnh Nghiêm.
- Năm 1966, được mời giảng dạy tại trường Đại học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt.

- Năm 1968, Quản thủ Viện Bảo tàng Quốc gia Sài Gòn.
- Năm 1969, Ủy viên Ủy ban Khoa học Nhân văn của Hội đồng Quốc gia Khảo cứu khoa học Việt Nam Cộng hòa.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Gs. Nghiêm Thẩm ở lại và tiếp tục được coi là nhân viên giảng huấn như trước. (Chúng tôi chưa biết Gs. Nghiêm Thẩm “được phép” dạy môn gì).

Cuối tháng 11 năm 1979, Gs. Nghiêm Thẩm bị giết chết một cách tàn ác tại nhà riêng số 29/27 Nam Kỳ Khởi Nghĩa (tên cũ: đường Công Lý), phường 8, quận 3, Tp. HCM.

Những công trình khảo cứu

Gs. Nghiêm Thẩm để lại nhiều công trình nghiên cứu nhân chủng và khảo cổ quý báu cho đời sau (theo Wikipedia).

1. "Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam", Quê-hương bộ 2 tập I, tháng 4/1962, tr. 108-123. (tài liệu tham-khảo đã được Pierre Bernard Lafont nhắc lại trong "Contributions à l'étude des structures sociales des Chams du Việt-nam", Bulletins de l'Ecole française d'Extreme-Orient, No 1/volume 52, p157 - p171, 1964).
2. "Sơ lược về các kho tàng chứa bảo vật của các vua Chăm", "Việt-nam khảo-cổ tập san", số 1, 1960, Saigon Tham khảo bổ-túc cùng tác-giả Văn-hóa Nguyệt-san, số 56, trang 1359-1366, 1960 và Văn-hóa Nguyệt -san, số 57, trang 1567-1575, 1960 "Đi thăm kho tàng các vua Chăm".
3. "Esquisse d'une étude sur les interdits chez les Vietnamiens" (tiếng Pháp), Ministère de la culture et de l'éducation la République du Vietnam, 1965, 240 trang. Tủ sách Viện Khảo Cổ (trích đoạn: "le nom d'une personne fait partie integrante de son individu. On doit ménager ces noms individuels comme si l'on a affaire avec la substance precieuse et sacrée qu'est l'âme.(tr.74)" [tham khảo bổ túc "Interdits concernant les noms imperiaux sous le règne des Nguyễn" Tạ quang Phát, tập san khảo cổ 4, Saigon, 1966, pp 52–84].
4. "Tương quan giữa Sử địa và Nhân chủng học", Tập san Sử địa cuốn 1, th.1,2,3, 1966.
5. "Công trình sự Trần Văn Học", Tạp chí Văn hóa, số 61, 1962.
6. "Tìm hiểu đồng bào Thượng" Tạp chí Quê-hương, số 31, giêng/1962, tr 130-150 Bản dịch tiếng Anh của Voth Donald E. "Seeking to understand the highlanders: the two tribal kingdoms of the vietnamese Court in the past, king of Fire (Po Tau Pui) and King of Water(Po Tau Ea)". South-East Asia. An international quarterly, vol 1, pp335–363, 1971.Tham-khảo bổ-túc tư-liệu của ông Adhemar Leclere "Compte-rendus des seances de l'Academie des Inscriptions et Belles Lettres 3903, vol 47, issue 4, pp 369-378. Bị vong lục của Công-sứ Pháp tại Cao-miên, Adhemar Leclere, phúc-trình Hiến-chương về việc sáng-lập một Đại thọ lâm Phật giáo "veah" (Vihara), ở Sâmbok (tỉnh Kratie), mà quốc vương Cao-miên Sauriyopor, gọi là "ngọ môn"(threa nokor) trong đó có nhắc đến các "Vua Lửa" (Hỏa xá) & "Vua nước" (Thủy xá) mà hai vương quốc Cao-miên và Ai-lao phải triều cống cứ ba năm một lần (kèm theo danh sách dài các loại cống-vật), ngoài ra còn cam kết sẽ bảo-lãnh chu toàn việc hậu sự cho các tiểu vương Hỏa xá và Thủy xá nếu một trong hai vị này băng hà. Vihara (đại tông lâm) Sâmbok, khoảng 10 kms bắc Kratie (Kracheh), hay, Wat Phnom Sâmbok, dựa theo hiến chương này được sáng lập vào năm 1601. Bản phúc-trình của Công sứ Leclere được in bởi nhà Alphonse Picard & fils, libraires des archives nationales et de la Société de l'École des Chartes, 82 rue Bonaparte, Paris 6.
7. "Kĩ thuật Bảo tàng học và giáo dục căn-bản", 96 trang, UNESCO, Saigon, 1959 (dịch).
8. "Persistence culturelle du substrat indonesien chez les Vietnamiens" (Sự tồn tại của bản chất Indonesien trong nền văn hóa Việt Nam) ngày 11 tháng 9 năm 1961.
9. Tờ trình về việc đi xem công tác xây cất hai ngôi đền tại Kalong và tại Sopmadronhay, để chứa bảo vật của các vua Chăm, và ghé thăm các Tháp Po Dam, tháp Phổ Hải (Pajai), còn gọi Tháp Po Sah Inư trên Đồi Bà Nài và đền thờ vua Po Nrop (đồng tác giả với Lưu Quý Tân).
10. Phúc trình việc đi tiếp nhận những tảng đá chạm tại trường tiểu học Tam Hiệp, quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.(chú giải: v/v những tảng đá chạm, yêu cầu bạn đọc nên tham khảo bổ

túc ở Louis Malleret, "II. Pierres gravées et Cachets de divers pays du Sud-Est de l'Asie, trường Viễn Đông Bác Cổ, B.E.F.E.O, vol 51, issue 51-1, pp 99–116, 1963).

11. R.Y. Lefebvre D'Argencé, Les céramiques à base chocolatée au musée Lous Finot de l'Ecole française d'Extrême-Orient à Hanoi.

Đời tư

Có 3 vị phụ nữ đã chính thức đi qua cuộc đời Gs. Nghiêm Thẩm: Hồi còn học bên Pháp, ông sống chung với bà Gerda Meta Nielsen, một nghệ sĩ phong cầm người Đan Mạch. Ông bà có với nhau 1 con gái tên là Đan Tuyết Thẩm Nghiêm, sinh năm 1956, tên đầy đủ là Ester Bondo Đan Tuyết Thẩm Nghiêm.

Đi du học về, ông thành hôn với Bà Ds. Đỗ Thị Thuần Bích. Bà là giáo sư dạy tại trường đại học Dược khoa Sài Gòn. Gs.Thuần Bích sinh 2 con trai, Nghiêm Thẩm Đan Nghị và Nghiêm Thẩm Đan Đại. Năm 1977, Bà Thuần Bích đưa 2 con đi vượt biên và định cư tại Hoa Kỳ. Bà đã qua đời tại Sacramento, CA., vào năm 2010.

Sau khi Bà Ds. Thuần Bích đi vượt biên được một thời gian, Gs. Nghiêm Thẩm sống chung với Bà Ngô Thị Dung. Bà Ngô Thị Dung giảng dạy tiếng Nhật tại Đại học Tổng hợp Thành phố HCM (Đh. Văn khoa cũ) sau ngày 30.4.1975.

Phong cách

Gs. Nghiêm Thẩm là một trí thức thứ thiệt, có cuộc sống giản dị, thanh bạch. Phong thái ông an nhiên, tự tại; nét mặt thường tươi vui, hiền lành. Ông cười bằng miệng và cả bằng mắt. Chiếc tẩu hút thuốc "pipe" coi như là vật tùy thân của ông. Gs. Đỗ Khánh Hoan, Trưởng Ban Anh văn Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 30.4.1975, đồng nghiệp lâu năm của Gs. Nghiêm Thẩm, nhận xét về Gs. Nghiêm thẩm như sau: "Theo chỗ tôi biết Gs. Thẩm hiền lành, không gây thù chuốc oán với ai, không ganh đua kèn cựa với ai, coi mọi thứ như 'nợ pa.'" (Email của Gs. Đỗ Khánh Hoan ngày 02.02.2013).

Mức lương một giáo sư Đại học ở miền Nam thời ấy đâu đến nỗi nào, song suốt bao năm, ông rong ruổi khắp mọi con đường Sài Gòn chỉ với một cái xe đạp, đằng sau ràng chiếc cặp samsonite đựng tài liệu giảng dạy. Bọn đạo chích đã từng chiếu cố chiếc samsonite này của ông nhiều lần! Những thứ đó làm nên dáng dấp và phong cách đĩnh đạc rất dễ mến của Gs. Nghiêm Thẩm.

Có lẽ của cải vật chất quý giá nhất của ông là căn nhà do chính phủ Đệ nhất Cộng hòa cấp cho. Gia đình ông đã sống tại đây trên 20 năm và cũng chính tại nơi đây, ông đã bị thảm sát. Cuộc sống Gs. Nghiêm Thẩm tuy thanh bạch về của cải vật chất, song trong căn nhà ông, chất chứa cả một kho tàng văn hóa vô giá. Thật vậy, chỉ cần phát mại một pho tượng đồng đen hay một chiếc búa khảo cổ không thôi, ông đã có thể kiếm được một món tiền khá lớn, đây là chưa kể đến tủ sách hiếm quý của ông. Còn nhớ, khi được Gs. Nghiêm Thẩm nhận đỡ đầu tiểu luận, ông đã đưa tôi lên lầu thăm kệ sách của ông kê chung quanh phòng ngủ. Ông hãnh diện bảo tủ sách của ông có những cuốn hiện ở cả miền Nam không đâu có. Liên tục trong nhiều năm, giáo sư đã chi tiêu một khoản tiền khá lớn để thuê người đóng bìa cứng cho những cuốn sách hiếm quý mà ông sưu tầm được. Đương nhiên những cuốn sách này là vô giá trong thị trường văn hóa, chữ nghĩa.

Cái chết anh hùng của một nhà giáo, một nhà khoa học chân chính

Gs. Đỗ Khánh Hoan cho biết: Gs. Nghiêm Thẩm chỉ miệt mài nghiên cứu và giảng dạy, không

bao giờ dính dáng chuyện chính trị (qua cuộc tiếp xúc điện thoại với Gs. Đỗ Khánh Hoan ngày 08 và 09, 01. 2013) .

Ai cũng nghĩ, sau 30.4.1975, một người luôn luôn xa tránh chính trị như Gs. Nghiêm Thẩm, sẽ được sống an thân dưới chế độ mới. Đáng tiếc, điều đó đã sai. Bởi vì, dưới chế độ Cộng Sản, tất cả đều phải phục vụ chính trị, đều phải phục vụ tuyên truyền. Chống chế độ, đương nhiên sẽ bị chế độ bóp nát. Không chống chế độ, nhưng không chịu làm tay sai cho chế độ, cũng bị chế độ nghiền nát.

Đó là trường hợp Gs. Nghiêm Thẩm.

Hồi tưởng, khoảng gần cuối tháng 4 năm 1975, vì có việc phải vào gặp Ông Chấn tại Văn phòng Đại học Văn khoa Sài Gòn; khi đi ra ngang cửa Câu lạc bộ Văn khoa, tôi gặp Gs. Nghiêm Thẩm. Ông vẫn xách chiếc samsonite như mọi khi, nhưng khuôn mặt ra chiều rất đăm chiêu. Tôi chào ông và hỏi ông tình hình rồi sẽ ra sao. Giáo sư bảo: “Hết rồi. Sài Gòn sẽ như Nam Vang” (Nam Vang thất thủ ngày 17. 4. 1975). Ông còn nói như tiên tri: “Đại sứ Mĩ Martin (Graham Martin) sẽ cuốn cờ, leo lên máy bay trực thăng mà đào thoát y như Đại sứ Mĩ Dean (John Gunther Dean) ở Nam Vang”. Tôi hỏi tiếp: “Thầy có đi không”. Ông buồn buồn bảo: “Tôi không đi. Tôi già rồi, đi làm gì”. Đó là lần cuối cùng tôi gặp Gs. Nghiêm Thẩm.

Năm 1988, đi tù cải tạo về, nghe tin Gs. Nghiêm Thẩm đã bị sát hại, tôi rủ anh Nguyễn Văn V. tới thăm Gs. Toan Ánh và cũng để hỏi về cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm. (Anh NVV. là giáo sư Trung học, cũng đi tù cải tạo về vì tội chống đối nhà trường XHCN).

Theo lời Gs. Toan Ánh kể cho hai chúng tôi thì Gs. Nghiêm Thẩm vẫn thường hay lên nhà ông chơi. Rồi, một sáng, Gs. Nghiêm Thẩm từ nhà Gs. Toan Ánh đạp xe về nhà, khi bước lên lưng chừng cầu thang, Gs. Nghiêm Thẩm đã bị một tên hung thủ dùng cái búa khào cổ của ông đập vào đầu ông tới chết. Một điều đáng ngạc nhiên là, không biết căn cứ vào đâu, Gs. Toan Ánh nghi ngờ nguyên do vụ án mạng là vì tình.

Khi sang tới Hoa Kỳ, tình cờ tôi được đọc cuốn “Rồng Xanh Ngục Đỏ” (Hội Hữu xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1986) của Lm. Vũ Đình Trác, trong đó có nói về cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm.

Lm. Vũ Đình Trác và Gs. Nghiêm Thẩm quen nhau và trở thành đôi bạn thân từ năm 1978 khi hai vị, như hầu hết các giáo sư Đại học còn ở lại, đã gia nhập vào các nhóm nghiên cứu văn hóa thành lập sau 30.4.1975. Vì say mê khào cổ, cho nên khi nghe Lm. Vũ Đình Trác nói ông có Cuốn Bách Việt Tiên Hiền Chí, trích ra từ Đại Bộ Dã Sử Trung Hoa Lĩnh Nam Di Thư, ngay lập tức, Gs. Nghiêm Thẩm tìm tới làm quen với Lm. Vũ Đình Trác. Rồi từ chỗ trao đổi sách cổ và tài liệu cổ, hai vị trở thành đôi bạn tri kỷ, tâm giao.

Lần đầu tới thăm Gs. Nghiêm Thẩm, Lm. Vũ Đình Trác ngạc nhiên được biết thêm Gs. Nghiêm Thẩm đang sống chung với bà Ngô Thị Dung. Sau 30.4.1975, bà Ngô Thị Dung dạy Nhật ngữ tại Đại học (Văn khoa cũ). Lm. Vũ Đình Trác quen biết Bà Ngô Thị Dung hồi cả hai còn học bên Nhật. Gs. Nghiêm Thẩm nói ông và bà Ngô Thị Dung đã làm hôn thú để làm đơn xin đi đoàn tụ với ba má bà đang sống ở Canada.

Trong thời đại “đồ đều cáng” sau 30.4.1975, dưới những con mắt tham lam và tàn ác của những ông kẻ văn hóa, việc sở hữu những đồ cổ và sách cổ quý giá cũng trở thành một mối lo hại thân cho các khổ chủ .

Cho nên Gs. Nghiêm Thẩm phải dặn dò Lm. Vũ Đình Trác: “Linh mục phải giữ bí mật những tài liệu cổ này, kẻo tụi nó đánh hơi được thì phiền to; chiếc búa khào cổ của tôi, tụi nó cũng đã biết

rồi, mà cứ nay đũa này, mai đũa khác đến hỏi thăm và đòi xem”(Sđd. Trang 253).

Còn Bà Ngô Thị Dung thì thổ lộ: “Anh Thắm là một nhà khoa học thuần túy, nên anh thiếu sự đưa đẩy uyển chuyển, khi giao tiếp với công an cán bộ”. Bà cũng nói thật “ Anh Thắm quý cha lắm, mới tiết lộ những bí mật của anh như thế” (Sđd. Trang 253).

Thêm vào đó, sau khi chiếm trọn miền Nam, với khí thế thắng lợi ngút trời, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ bộc lộ tham vọng muốn làm bá chủ toàn vùng Đông Nam Á. Trên thực tế, vào thời điểm đó, CSVN đã chiếm đóng Lào, rồi Kampuchea, và đang chuẩn bị “giải phóng” Thái Lan. Để thực hiện âm mưu, họ tích cực chuẩn bị mọi mặt. Trong kế hoạch chuẩn bị, họ toan tính lợi dụng chất xám của trí thức để đánh mặt trận tâm lí, khơi dậy ý chí quật cường và lòng kiêu hãnh dân tộc. Đây là điểm khởi đầu cho tai họa sắp đổ ập xuống cuộc đời của một trí thức thứ thiệt như Gs. Nghiêm Thắm.

Đúng như vậy. Gs. Nghiêm Thắm đã tâm sự với Lm. Vũ Đình Trác chuyện Tổng Bí thư đảng CSVN Lê Duẩn, với sự thắp bùng của Nguyễn Tuân, đã vào Nam và cho mời Gs. Nghiêm Thắm tới khách sạn Majestic mà đãi đằng, khen ngợi, rồi “đưa đơn đặt hàng” cho ông.

Cuối bữa tiệc thịnh soạn, Lê Duẩn nói với Gs. Nghiêm Thắm:

“Anh Nghiêm Thắm, chắc anh biết: cả thế giới đang coi Việt Nam mình như “đỉnh cao trí tuệ loài người” mà anh cũng được vinh dự ấy. Việt Nam chúng ta phải làm chủ miền Đông-Nam-Á này. Mọi yếu tố làm chủ hầu như đã đầy đủ, chỉ còn thiếu một điều... Từ trước tới nay, mấy thằng chép sử “nhãi ranh” vẫn cho rằng: nguồn gốc các sắc tộc miền Đông-Nam Á-Châu này là Mã Lai hay Indonesien. Đại Nga-xô mới tìm được ít dấu vết chứng tỏ rằng Việt Nam chúng mình mới là thủy tổ. Chúng ta đang làm lại lịch sử Đông-Nam Á-Châu. Khoa nhân chủng học và khảo cổ của ta lúc này đang phát đạt vô biên, nên anh phải nắm lấy cơ hội này, với uy tín sẵn có của anh, anh phải viết một bài lớn, thẩm định lại: Dân Việt Nam là thủy tổ các dân tộc Đông-Nam Á-Châu. Như thế mới đúng ý nghĩa của “Đỉnh cao trí tuệ loài người” và mới xứng đáng tài năng hiếm có của anh”.

Tôi im lặng một phút...trả lời hần:

“Uy tín của tôi lúc này là nói đúng và nói thật. Theo các tài liệu khoa học hiển nhiên, nhất là khoa khảo cổ học và nhân chủng học quá rõ ràng, tôi không thể viết thế khác được. Viết như đồng chí nói là phản khoa học”.

Hần mỉm cười, bảo tôi:

“Anh nói thế tức là còn đang ở trong vòng gò bó của sách vở, của óc đế quốc, của hủ lậu, chứ không theo sự quan một tí nào cả”.

Tôi cảm thấy tức đày ruột...nên tôi hơi bạo lời:

“Nếu tôi viết như thế, thì các nhà khảo cổ và nhân chủng học trên thế giới sẽ cho tôi và cả chế độ tôi phục vụ là con chó chết. Tôi không bao giờ làm chuyện sa đọa ấy”.

Lê Duẩn vẫn không lộ vẻ tức giận. Hần hỏi tôi vẫn tất: “Anh nhất định không làm chuyện đó?”. Tôi bỗng tìm được một danh từ xưng hô, trả lời hần: “Tôi không thể đáp ứng yêu cầu của đàn anh trong việc này”.

Lê Duẩn ném cho tôi một cái nhìn có vẻ dữ tợn với câu nói cộc lốc: “Anh nhất định thế...Mong

anh đổi ý”.

Tôi cũng nhìn thẳng vào mặt hắn, trả lời cương quyết: “Tôi không bao giờ đổi ý”.

Hắn đi ra, không nói thêm nửa lời.

Tôi coi đó như một biến cố đổ vỡ trong đời tôi, dưới chế độ khốn nạn này. Nhưng tôi thà tan vỡ cả tấm thân với cả chế độ này, còn hơn đổ vỡ cho đất nước tôi, cho chí hướng và danh dự học thức của tôi” (Sđd. Trang 254, 255,256).

Sau lần gặp Lê Duẩn, Gs. Nghiêm Thắm sống thấp thỏm, lo âu, chờ đợi một điều gì đó không hay xảy ra cho ông. Nhưng rất bất ngờ, giáo sư lại được mời đi họp một lần nữa. Người mời lần này là Bộ trưởng Thông tin Văn hóa CSVN Nguyễn Văn Hiếu. Thập tùng Bộ trưởng Thông tin Văn hóa còn có Gs. Phạm Huy Thông, Viện trưởng Viện Khảo cổ Hà Nội và mấy viên bộ trưởng khác. Nơi hội họp là khách sạn Hữu Nghị. Thời gian họp kéo dài ba bốn ngày. Đưa rước bằng xe Mercedes. Ăn uống sang trọng. Mục đích được cho biết là chuẩn bị tham dự Đại hội khảo cổ sắp diễn ra ở Moscow. Họ yêu cầu Gs. Nghiêm Thắm đóng góp tài liệu và kiến thức; họ nói úp mở có thể sẽ mời giáo sư tham gia phái đoàn.

Đáp lại, Gs. Nghiêm Thắm dứt khoát không chấp nhận đưa ra quan điểm nào khác, ngoài sự tôn trọng tính khách quan của những tài liệu khảo cổ và giáo sư cũng ngỏ ý xin được miễn thập tùng phái đoàn đi Moscow, viện có “tôi có nhiều ý kiến đối nghịch, sẽ bất lợi cho Đại hội” (Sđd. Trang 256).

Trước thái độ cương quyết của Gs. Nghiêm Thắm, viên bộ trưởng nói: “Cái đó tùy anh” và “Anh chưa đủ thành thực”.

Gs. Nghiêm Thắm nói với Lm. Vũ Đình Trác: “Tôi nghe câu đó như một bản án kết tội; từ đó, tôi bắt đầu chán sống. Bà NTD (Ngô Thị Dung) bảo tôi: thái độ như vậy không hay. Coi chừng tội nó cho mình là phản chế độ, là bất hợp tác. Anh nên mềm dẻo với tội nó thì hơn” (Sđd. Trang 257).

Chuyện Gs. Nghiêm Thắm bị bọn Cộng sản làm phiền cũng được Gs. Đỗ Khánh Hoan xác nhận qua email ông gửi cho tôi ngày 02.02.2013 như sau: “...Nhiều lần gặp nhau anh (tức Gs. Nghiêm Thắm) chỉ nói: Bọn nó muốn 'toucher' moa nhưng moa không thích, dính vào tội nó bần người và khó chịu lắm. Họ chứ không phải phúc đầu, Hoan! Moa chỉ mong nó bảo nhau đến nhận chìa khóa cơ sở là moa bai bai!”.

Vào thời điểm đầu Tháng 11.1979, Gs. Nghiêm Thắm rất bi quan, chán nản; thậm chí có lần ông còn thổ lộ với Lm. Vũ Đình Trác là ông muốn vào đạo Chúa, mong nắp bóng từ bi của Ngài và được Ngài an ủi, phù trì.

Nỗi chét chóc càng ngày càng ám ảnh tâm trạng Gs. Nghiêm Thắm.

Tuy rất thông cảm tâm trạng u uẩn của bạn, nhưng Lm. Vũ Đình Trác không biết làm gì để giúp bạn. Rồi vì phải đi Cần Thơ giảng dạy lớp Đông y, linh mục buồn bã chia tay Gs. Nghiêm Thắm, ông nói với giáo sư: “Số phận chúng mình dưới chế độ Cộng sản chỉ có thế”.

Sau mấy tuần đi dạy ở miền Tây, Lm. Vũ Đình Trác trở lại Sài Gòn và tới thăm Gs. Lê Tôn Nghiêm (cựu linh mục, giáo sư Triết học). Gs. Lê Tôn Nghiêm cho linh mục biết Gs. Nghiêm Thắm đã bị sát hại cách đó 2 tuần, tức là vào cuối Tháng 11.1979.

Theo sự tường thuật của Lm. Vũ Đình Trác thì vụ sát hại Gs. Nghiêm Thắm xảy ra vào lúc 11 sáng. Thủ phạm là 2 tên lạ mặt. Chúng tông cửa vào nhà và móc súng ra, uy hiếp Gs. Nghiêm

Thẩm phải giao ra chiếc búa khảo cổ của ông. Khi lấy được chiếc búa khảo cổ, một tên dùng chính chiếc búa khảo cổ đập 3 búa lên đầu giáo sư, rồi chúng tẩu thoát cùng với chiếc búa cướp được. Gs. Nghiêm Thẩm nằm chết trên vũng máu. Lúc xảy ra án mạng, bà Ngô Thị Dung không có ở nhà chỉ có cô cháu lén nhìn trộm thấy mọi diễn biến.

Cô cháu vội đi tìm bà Ngô Thị Dung. Công an tới lập biên bản và niêm phong tủ sách của giáo sư.

Bà Ngô Thị Dung lo việc mai táng cho Gs. Nghiêm Thẩm. Có một ít đồng nghiệp tiễn đưa giáo sư ra nghĩa trang.

Sau lễ an táng, một số giáo sư thân hữu đã ngồi lại với nhau để hồi tưởng về Gs. Nghiêm Thẩm. Qua trao đổi tâm tình, các vị biết được Gs. Nghiêm Thẩm đã thổ lộ tâm sự bi quan, yếm thế với 6 thân hữu khoảng 10 ngày trước khi ông bị thảm sát. Gs. Lê Tôn Nghiêm và Gs. NTN (chưa đoán ra là vị nào) mời thân hữu nâng li, đang khi đó Gs. TNT ngâm lên bài thơ chiêu hồn thống thiết:

Nghiêm Thẩm! Nghiêm Thẩm!
Anh là đỉnh cao của hoa gấm Giang sơn,
Anh ra đi mang nặng những oán hờn.
Có khôn thiêng, xin hãy về chứng giám
Vạn lòng thành, vạn niềm tin tưởng niệm
Của anh em trí thức dưới trời Nam.
Nguyện làm gió quét sạch lũ sài lang,
Nguyện làm mưa cho quê hương mát mẻ,
Nguyện làm nắng cho rục màu đất mẹ,
Nguyện làm trăng gieo rắc ánh thanh bình.

Phụ đính:



Cuộc ly hôn của chữ nghĩa

Cuối tuần trước, sáng thứ Bảy tôi “lên núi! Hai chữ “lên núi” với đầy đủ những ý nghĩa của nó. Trần Lộc và Diệp từ Dallas Texas bay qua, nói “tụi em muốn có những ngày khó quên” với anh chị! Một bữa rượu “quên đời” rồi “rời bỏ trần gian” chẳng?
Tôi chọn Sky Line và nói Ti mươn hai cabin trên Sky Land.

Trời mưa từng chập. Không gian ủng thủy và những đám mây mù xám ngập ngập lưng chừng không gian.

Núi và rừng đi lên từng hồi theo những độ cao. Núi xám, xanh, đen và bí hiểm. Rừng đổi màu theo trùng điệp lá phai và thắm màu. Những màu sắc của chiêm bao và kỷ niệm. Tôi bỏ lại trần gian mang theo nỗi niềm ngậm ngùi của một tay bách chiến không đương nếm mùi thua cuộc chẳng biết vì đâu!

Đêm trên núi! Những chai rượu bầm và tiếng lá. Tiếng gió! Người nhạc sĩ hai tay ôm cây tây ban cầm, miệng bắn ra từng lời hoang dại của John Denver. Đêm thắm và núi thắm. Rừng ẩm hơi cổ đại. Tôi đi về đâu tôi chừng như không biết!

Buổi sáng và những màu lá chuyển mình chập chờn mang theo nhiều cơn mộng mị chẳng thể nào sắp xếp cho yên.

Hai ngày trên núi. Tôi sống như trong chiêm bao. Không nói được và chẳng thể nào nhớ được, một cách ngọn nguồn.

Hai ngày không có sách, không có những điều phải “phân tranh” trong những điều suy nghĩ! Tôi hốt nhiên nhận ra hạnh phúc của một đời người chỉ nằm gọn gàng trong hai chữ rủ bỏ và quên...

Quên đi chính mình là hạnh phúc tuyệt vời nhất mà một hành giả có thể đạt được. Quên đi “giác tha” là một hạnh phúc khác mà kẻ đi tìm những bước chân thánh tích tuần đạo đã bao nhiêu lần mất dấu.

Trưa nay về tới nhà tôi nhận thêm một thùng sách. Hai ba ngày liên tiếp vừa qua, mỗi ngày tôi đều nhận được một, hai thùng sách từ ông Khoa, người chủ nhà in đã in cuốn “Trần Văn Thủy: Chuyện KHÔNG Tử Tế” của tôi. Ông Khoa đóng thùng, gửi sách cho tôi cùng một ngày, nhưng bưu điện thì cứ lai rai như chơi trò “Đổ Vui Đổ Học”... Mỗi ngày giao một, hai thùng cho vui.

Một cuốn hút lạ lùng không tên, không lý giải được bắt tôi mở thùng sách vừa nhận được, đang nằm cạnh những thùng sách của hôm qua, hôm kia....

Ông Khoa lại gửi thêm cho tôi “Made In Vietnam” của Thuận. Có cả “Sống Với Chữ” của Nguyễn Hưng Quốc. Nguyễn Hưng Quốc thì không có khả năng sống với chữ, chưa nói tới những gì là những thông dong của nghĩa. Nghĩa của chữ và muôn trùng cạm bẫy. Nguyễn Hưng Quốc chưa sống được đời mình, làm sao có thể sống với Chữ... Vì trong từng con chữ còn có những nghĩa lý của Nó!

Tôi thấy Nguyễn Huy Thiệp với “Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu”.

Trong “Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu” mà Nguyễn Huy Thiệp gọi là tiểu thuyết, Thiệp trích rất nhiều những slogan từ “Bách Khoa Danh Ngôn Tự Điển” do Hoàng Xuân Việt tuyển dịch, nxb thành phố Hồ Chí Minh 1992. Cái tựa “Tuổi Hai Mươi yêu Dấu” theo Thiệp là hơi cải lương. Ở chú thích 5, chương cuối, ghi là:

“Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu” là một tựa đề có phần... cải lương. Tác giả đã có ý định đặt tên cho nó là “Khuê” (lấy tên nhân vật chính), hoặc “Tuột Xích”, “hoặc “Bút Ký Phiêu Lưu Của Một Sinh Viên Đại Học”. Hoặc “Bài Ca Tuổi Trẻ”... Suy nghĩ kỹ, tác giả lấy tên “Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu”

là muốn nhằm vào đối tượng độc giả thanh niên, những độc giả mà tác giả vẫn kính trọng và luôn yêu mến.”

(Nguyễn Huy Thiệp, Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu. Văn Mới xb 2004. Trang 193.)

Như vậy, Nguyễn Huy Thiệp thuộc vào “trường phái “viễn kiến”. Bắt đầu một tác phẩm, Thiệp đã tự mình chọn độc giả cho cuốn sách của mình!

Chương Một của “Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu”, có tiểu tựa là “Chẳng Ai Hiểu Cóc Khô Gì”.

Thiệp mở bằng thơ Bùi Giáng:

Hỏi tên? Rằng biển xanh dâu
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên là một hai ba
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm...

Nhân vật Khuê của tiểu thuyết Nguyễn Huy Thiệp tỏ ra “bức xúc”, và nếu nói theo ngôn ngữ dân chơi miền Nam của Sài Gòn trước 1975, là anh Khuê nhà này có điều chi đó “bẩn xúc xích”. Trong rất nhiều những tác phẩm, Nguyễn Huy Thiệp có chêm vào những bài “gọi là thơ”, hầu như mang tính đồng dao và “sấm ký”. Tóm lại, cái ý, cái mà Nguyễn Huy Thiệp muốn chuyển tới người đọc mơ hồ có gì đó “thâm sâu”. Nhưng những câu về việc mà ông chêm vào truyện của ông thì đa số ngô nghê và thô thiển.

Thiệp còn tỏ ra khan hiếm những câu về (thơ) để chêm vào truyện của mình. Bằng chứng là đoạn “thơ” Thiệp dùng sau đó trong phần mở đầu của “Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu”, lại trích từ truyện ngắn “Những Bài Học Nông Thôn” của chính tác giả.

Chúng ta thử đọc đoạn thơ trích của Nguyễn Huy Thiệp từ Những Bài Học Nông Thôn qua Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu, xem đâu là sự chuyển động của ngôn và ngữ trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp:

“Ký ức đẹp đẽ của tôi về nhà trường (và của tất cả những ai lương thiện thực sự) - tôi xin thề như vậy, chỉ là ở việc dạy học, dạy viết, dạy cộng trừ nhân chia... thấp thoáng với mấy bóng hình thầy cô thâm hại. Tôi đã đọc ở đâu nay một bài thơ viết về họ, câu chữ ở trong bài thơ thì không ra gì nhưng tình cảm của người viết khiến tôi xúc động:

Người ta phải cảm ơn anh, người thầy giáo nông thôn
Anh là người khai hóa vĩ đại của nhân dân tôi
Dạy mới là kiến thức tinh khiết
Cho dù nó vừa thô sơ, vừa sai lầm, lại ấu trĩ nữa
Nó là a, b, c
Anh phải làm việc với lũ ranh con thò lò mũi
Chúng không biết thế nào là tay phải, tay trái
Anh sẽ dạy chúng, phải không, sẽ dạy chúng:
Tay phải thì giương cao, còn tay trái đặt lên trái tim
Anh sẽ dạy chúng phải không, sẽ dạy chúng:
Mẹ thì không bao giờ được quên

Phía trước là chân lý
Rất có thể có nạn hồng thủy

Mà ngoài trái đất là thiên hà
Chữ đầu tiên là chữ a...?
(Nguyễn Huy Thiệp. "THMYD. Văn Mới xb 2004. Trang 9 & 10.)

Thiệp sính thơ. Dường như yêu thơ và "thèm khát thơ". Nhưng Thiệp (hầu như) chỉ hiểu thơ như là một dạng thức "bí ngôn" để tuyên truyền!

Có thể phản ứng suy tưởng vô thức này là do bởi Nguyễn Huy Thiệp đã sinh ra, lớn lên dưới chế độ Việt Cộng từ miền Bắc!

Nguyễn Huy Thiệp sử dụng "tuyên truyền" để chống lại "tuyên truyền" chẳng?

Điều thích thú ở đây, là hôm nay tôi chẳng phải viết về "Tuổi Hai Mươi yêu Dấu" của Nguyễn Huy Thiệp. Mà là tôi chỉ "dạo chơi" trên con đường hoang vu, và bất chợt nhìn thấy "Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu" của Nguyễn Huy Thiệp...

Tôi thích tiêu đề của phần Một trong "Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu". "Chẳng Ai Hiểu Cóc Khô Gì."

Chẳng phải thời tuổi nhỏ, hầu hết những chàng thiếu niên tuấn tú thông minh lẫn những anh ù lì đần độn u mê đều tự nghĩ là "Chẳng ai hiểu cóc khô" gì về mình cả!

Cảm giác "cô đơn thần thánh" của một thiên tài bị bỏ quên!

Tôi đã từng băng qua rất nhiều những "lục địa" và "đại dương", đã viết xuống hàng chục nghìn những câu thơ, hàng trăm nghìn những con chữ lý luận này nọ... Chẳng phải là để đi tìm "một ai đó" có thể hiểu được một chút "cái cóc khô" gì của tôi sao? Nếu nói như vậy thì tội nghiệp cho chữ và nghĩa của tôi lắm lắm! Nhưng khả dĩ đó là một sự thực chẳng? Tôi cũng không biết và không thể trả lời câu hỏi nghiêm túc này một cách ngang nhiên không suy nghĩ được! Nhưng suy nghĩ lại là một vấn nạn khác của vấn đề "chữ" và "nghĩa".

Vấn nạn này vừa nghiêm túc vừa bi thảm. Dĩ nhiên, những gì bi thảm thường dẫn tới những bi kịch. Tôi vốn ghét những bi kịch và chỉ thích "hành động". Phim "action".

Năm mười lăm tuổi, tôi viết những câu thơ "cải lương", mà bay giờ đọc lại, có lúc tôi lấy làm xấu hổ!

"Anh làm thơ cho mỗi mình anh đọc - mỗi mình em đọc - vì chung quanh không ai chịu hiểu anh."

(Thơ TNH năm 17 tuổi)

Ừa? Tại sao chung quanh lại phải chịu cái "tai ương" là hiểu "thơ tôi"????!!!

Nhưng nói cho cùng, hồi đó tôi còn bé! Còn dại và còn tin yêu vào cuộc đời lắm lắm. Giọng điệu chán đời "không ai chịu hiểu mình" chỉ là một lối làm dáng, làm điệu chả có gì hay ho cho lắm!

Anh chàng Khuê, nhân vật chính trong "Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu" của Nguyễn Huy Thiệp muốn gì???

Trong tiểu thuyết này của Nguyễn Huy Thiệp (tôi chưa đọc), nhưng dường như bối cảnh không phải là giữa một cuộc chiến tranh. Nhân vật thanh niên Khuê hẳn nhiên là không phải lo đến

vấn đề thi rớt là phải lên đường “đi quân dịch là thương nòi giống”, làm nghĩa vụ công dân miền Nam... Và cũng không phải lo chuyện bị động viên vào bộ đội của Bác Hồ đảng Việt Cộng để thi hành nghĩa vụ Quốc Tế Vô Sản!

Vi lý lẽ đó, cậu Khuê nhà ta có đủ thì giờ để tần ngần trách móc cuộc đời là “Chẳng ai hiểu cóc khô gì về mình cả!”.

Và dĩ nhiên, cậu Khuê nhà ta cũng chưa từng bao giờ nghĩ rằng muốn cuộc đời hiểu “cái cóc khô” của mình, thì trước hết, mình cũng phải hiểu ít nhiều “cái cóc khô” gì đó của cuộc đời!!!

Nằm dưới “Tuổi Hai Mươi Yêu Dấu” của Thiệp là “chữ dưới chân tường” của Nguyễn Viện. Tôi từng đọc thơ Viện và đồng thời biết được đây là một tay lý luận.

Viện mở đầu cuốn sách bằng những dòng nói về chữ, nghĩa mà biểu tượng là những cuốn sách. Nguyễn Viện viết:

“HỒI ỨC TRONG MÁU

1.

Những cuốn sách được nghiền nát rồi hòa với nước làm thành một thứ thuốc chích bơm thẳng vào máu đã tỏ ra là một liệu pháp hiệu nghiệm trong việc giáo dục và đào tạo những nhân cách tiên tiến. Chính vì thế mà tôi tiếc khi phải đem bán từng cuốn sách. Nó chẳng được mấy bát cơm hay mấy ly cà phê. Chắc chắn là đã từng được bơm cái thứ nước hòa với bột sách ấy, khi có những lúc tôi không kiểm soát được chính mình. Zarathoustra đã nói như thế hay Alexis Zorba chịu chơi xúi giục, tôi vẫn ngồi lì ở một góc phố nhâm nhi cô gái bán cà phê và cả những cô gái tát tả đi qua với cái mông lép. Không thể nào biết chuyện gì sẽ xảy ra khi đột nhiên những cuốn sách bị lôi ra đường rồi châm lửa đốt. Họ bảo như thế là tốt hơn. Tốt hơn thì nhất định nên làm. Nhưng tôi bảo tôi cần mấy đồng bạc để trưa nay ăn cơm. Họ bảo muốn ăn cơm thì hãy lao động. Đúng là như thế. Chúa cũng bảo như thế. Nhưng tôi vẫn muốn bán mấy cuốn sách cũ hơn là đem đốt. Ít ra thì cũng có một ly cà phê sáng để nhâm nhi cô gái bán quán và nhâm nhi những cô gái đi ngoài đường.”

(Nguyễn Viện. “chữ dưới chân tường”. Văn Mới xb. 2004. Trang 7)

Alexis Zorba thì chưa chắc đã chịu chơi đúng mực! Tuy nhiên, tôi có lẽ vô cùng phân vân giữa sự vụ đốt sách “lửa phần thư” và đem ra bán sole cho các tay đầu nậu sách ở lề đường. Nói theo Nguyễn Viện và không cần sự tiếp tay của Zarathoustra Nietzsche, thì những cuốn sách vẫn còn giá trị của một bát cơm và một tách cà phê. Bên cạnh một bát cơm và tách cà phê, giá trị của những cuốn sách, tức là cái phần “bột, giấy”, là bóng dáng cô hàng cà phê có thể có cái mông nảy hấp dẫn cặp vú to, và ngay cả những cô gái đi ngang qua với cái mông lép và cặp vú chẳng lấy gì làm “ấn tượng” lắm!

Nhưng điều xót xa ở nay là, như vậy, con đường mòn của chữ nghĩa tức là con đường cụt vô phương khai mở chẳng?

Ngoài bột và giấy, những cuốn sách còn lại gì???

Phải nói là công dụng của những tờ sách, nếu qua Nguyễn Viện như thế là không đủ và không công bằng. Bạn tôi, Tường Năng Tiến đã nói về công dụng của những cuốn sách cũ sau 1975.

Nó còn có giá trị để đánh đổi lấy những đồng tiền mua những ly rượu suông, và cho những cô hàng bánh mì dùng để gói những ổ bánh cho khách hàng.

Như vậy, bạn có thể suy ra những cuốn sách, những tờ sách bị xé ra, Nó còn vô số những công dụng thực tiễn khác nữa!!!

Năm 1990, tôi về thăm lại Việt Nam lần đầu. Tại chợ Nha Trang, tôi bị chột bụng cần phải đi toilette. Hỏi người giữa chợ. Được chỉ tới thiên đường. Ngay cửa thiên đường, có anh chàng mặt mày bặm trợn, đang cầm một cuốn sách dày... tôi tả trên tay, dường như là cuốn “Tội Ác Và Hình Phạt”, bản dịch của Trương Đình Cử thì phải. Muốn vào được toilette, vào được thiên đường, phải qua ông “thánh Phê Rô” bán vé này. Hai chục ngàn để được anh ta xé đưa cho ba tờ sách. Bạn muốn có thêm vài tờ sách cho “chắc ăn”, cho vững tâm khi hành sự? Cứ mỗi ba tờ là hai chục nghìn.

Cái chuyện Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn học trò, theo tôi là chuyện tất nhiên vào thời đó! Thời đó, sách bán sole không có người mua, vì người ta mua cũng chẳng biết để làm gì! Giấy in sách bằng thạch bản hay mộc bản thời đó thì quá mỏng, bằng những thanh tre thì lại càng vô phương. Chẳng gói, chẳng chùi được gì sất! Đốt là phải! Học trò, học trật, cứ đi học mãi mà chẳng nghĩ đến chuyện làm thầy thì chôn đi là đáng lắm!

Nhưng điều còn sót lại là dù có mang những cuốn sách đi bán sole để lấy tiền ăn cơm hay uống cà phê và uống bóng dáng cô hàng cà phê vui tính, uống luôn “cô đi qua, bà đi lại” mỏng lép và ngực chảy”; hay mang tất cả những cuốn sách mà đốt đi... Tức là chỉ bán được, hay đốt được những bột giấy và những con chữ vô tri.

Những con chữ, nói cho cùng, nó cũng chẳng có giá trị gì hết. Nếu, trong trùng trùng những con chữ đó không hàm chứa được một nghĩa lý gì cho cuộc sống, cho con người!

Nguyễn Viện viết: (Tôi sẽ có một bài riêng nhận định về cuốn sách này của Nguyễn Viện, sau khi đọc một cách đàng hoàng!):

“Đồng tiền có những dòng chữ con gái (tôi đoán thế), một bèn viết: Một con vịt xòe ra hai cái cánh, bốn con vịt xòe ra bao nhiêu cái cánh? Ở mặt phía bên kia, dòng chữ viết bên cạnh con rỗng: Chúc “you” luôn hạnh phúc. Tôi bỗng nhiên nghi ngờ mọi sự. Bốn con vịt có phải thực sự xòe ra tám cái cánh? Và “you”, you có hạnh phúc không? Và dù bốn con vịt có bao nhiêu cánh đi nữa, you có hạnh phúc hay không, đồng tiền ấy tôi vẫn đổi được một tách cà phê và mấy điều thuốc.”

((sđd. Trang 8)

Thực tại đời sống không phải là thực tại tâm thức con người. Cái “thực tại” trong tâm thức con người, nói cho cùng, chỉ là một thứ thực tại của vọng tưởng chiêm báo. Cái tôi của Nguyễn Viện trong “chữ dưới chân tường”, ngay cả một chút thực tại của tâm thức vọng tưởng chiêm báo cũng cạn kiệt không còn. Thực tại chỉ còn là cơm, là cà phê, là bóng dáng của giống cái.... Của một đàn bà con gái dù mỏng lép hay ngực chảy vẫn là thực phẩm của mắt nhìn sinh khí trần gian....

Những bột giấy và chữ. Số phận của quên lãng đọa đày. Những tàng ẩn nghĩa lý trong những con chữ trong những tờ bột giấy ấy... là thân phận của lưu vong không bờ về bến đậu!

Nguyễn Viện viết:

Những
xác
chết
làm chứng
gian
về
thiên
đường

(sđd. Trang 32)

Như vậy, thiên đường có phải là địa ngục. Câu trả lời chưa có, hay chưa có ai đã trả lời câu hỏi tồn nghi hàng ức triệu năm này.

Trong chữ có nghĩa. Người ta nói như thế. Nhiều người xưa lẫn người nay nói như thế. Nhưng chả có ai chịu làm chứng về điều mà (dường như) lắm kẻ xem như là hiển nhiên này.

Những (tài) thơ Việt Nam từng vinh danh chữ nghĩa tốt cùng. Sự móc nối giữa quá khứ và dĩ vãng. Những tài thơ Việt Nam (dường như) chưa từng đi qua lần ranh của cuộc ly hôn giữa chữ và nghĩa!

Vì thực ra, đã từ lâu, chữ và nghĩa của ngôn ngữ Việt Nam đã làm một cuộc ly thân rồi ly hôn một cách rất âm thầm nhưng vô cùng quyết liệt!

Do đó, những đứa con của Chữ và Nghĩa của Ngôn Ngữ Việt Nam đang trong hiện tình Vô Thừa Nhận và chẳng còn biết bà con Nội Ngoại hay họ hàng thân tộc còn được những ai!

Những đứa con hoang trực trần tội nghiệp.

Chúng ta phải làm gì để cứu Chúng Nó.

Xuân Diệu và Tô Hoài, và "Mối tình trai"

Cuối thế kỷ 20, bước qua đầu thế kỷ 21, "đồng tính luyến ái" gần như được "bình thường hóa" trong xã hội con người của nhiều vùng đất trên thế giới.

Đã có một thời, ở Việt Nam người ta xếp loại đồng tính luyến ái là một căn bệnh. Những người đồng tính luyến ái, cả nam lẫn nữ thường hay bị dè bĩu, diễu cợt, xem thường... Trong nhiều thập niên cận đại, những người đồng tính đã chứng minh cho thấy sự thông minh, khả năng nhạy cảm và hiệu quả trong công việc làm của họ. Ở hầu hết mọi lãnh vực, nhất là nghệ thuật sáng tạo, người đồng tính thường có nhiều phát kiến đi trước thời đại. Phải chăng, điều này nảy sinh từ tâm thức tự do, phá vỡ những cái bình thường của suy tưởng tiềm thức "vượt mọi biên giới" trong con người đồng tính, đã cho họ nguồn lực quý giá của một con người sáng tạo?

Giới văn học, đặc biệt Tây Phương, nhiều tác giả lừng danh vốn là người đồng tính. André Gide cuối thế kỷ XIX của Pháp, Allen Ginsberg cuối thế kỷ XX của Mỹ .v.v... chẳng phải là hai tên tuổi lừng lẫy trên khắp địa cầu sao?

(Tô Hoài, Cát Bụi Chân Ai, Thanh Văn (không thấy ghi năm xb), trang 188 & 189)

Điều trước hết phải nên ghi nhận, Xuân Diệu quả là một người mê đắm và đom đóm! Những đặc tính rõ nét của một người đồng tính. Áo Tuyết so lụa mỡ gà, cà vạt lấm tấm vàng sẫm... Xem ra, nét ăn mặc của Xuân Diệu từ hơn nửa thế kỷ trước, so với những tay đom đóm hiện đại chẳng có gì thua sút lạc điệu. “Hoài đi ủng hộ Diệu”. Câu nói nhẹ nhàng, mỏng manh đầy nữ tính nhưng quyết liệt. Và hai chữ “tâm hồn” nói nhịu. Tại sao? Nói nhịu như một bà già bán bánh đúc trong làng có tật nói nhịu nhảm! Đó là cái ám ảnh của bản chất, hay là sự thể phản ánh của một nỗi cuồng si?

Xuân Diệu cầm tay Tô Hoài và âu yếm vuốt lên, vuốt xuống. Nhưng là “bốn mắt nhìn nhau đắm đuối”. Có nghĩa, Tô Hoài cũng đã đắm đuối nhìn vào mắt Xuân Diệu. Cái đắm đuối mà Tô Hoài chẳng thể nào hiểu nhưng nó có làm Tô Hoài cảm động và rung động!

Tô Hoài kể tiếp. Rành mạch, rõ ràng với một trí nhớ xanh tươi:

“Thỉnh thoảng, Xuân Diệu lại lên nhà tôi. Vẫn nắm tay cả buổi, nhìn tha thiết. Xuân Diệu yêu tôi. Nhớ những tình yêu con trai với nhau, ở trong làng và ở lớp, khi mới lớn. Học lớp nhất trường Yên Phụ, nói võ tiếng ồ ồ mặt sùi trứng cá, chúng nó cứ bảo tôi là con gái. Nhiều thằng cặp đôi với tôi, đòi làm vợ chồng. Có hôm chúng nó tranh vợ đánh nhau lung tung. Có đứa xô vào ôm chặt, sờ soạng toạc cả đũng quần tôi. Nhiều hôm đi học không dám đến sân trường sớm. Phải lẩn vào trong ngõ Trúc Lạc, nghe trống mới chạy ù đến sắp hàng vào lớp.”

(Tô Hoài, sđd, trang 189)

Tô Hoài hôm nay đã là một ông già. Nhưng ông già Tô Hoài vẫn chưa hiểu lắm về sự khác biệt giữa “Tình Trai” và những nghịch phá của tuổi học trò con nít. Chắc rằng Tô Hoài lúc bé ẻo lã và giống con gái. Cho nên lũ bạn tiểu học mới dờ những trò chơi tình quái đó. Nhưng với Xuân Diệu thì khác! Đúng như Tô Hoài đã xác định: Xuân Diệu yêu Tô Hoài. Tình yêu thật sự của tuổi thanh niên trưởng thành. Tình trai, tuy là “tình trai”, ai cấm giai đoạn mở đầu vẫn khai mào bằng những gì đậm thắm, thơ mộng. Tay cầm tay. Mắt nhìn mắt. ... Đắm đuối. Nồng nàn...

Nhưng mối tình của Xuân Diệu với Tô Hoài không chỉ có thế. Không chỉ là tay cầm tay, mắt nhìn mắt. Tô Hoài làm tôi ngạc nhiên ở đoạn tôi sắp trích dẫn dưới đây, khi họ Tô kể lại, miêu tả lại bằng giọng văn tài tình có tay nghề của ông:

“Mới xế chiều đã chập tối, chẳng còn người thò chân ra đường xóm đá tảng lầy lội. Cơm xong, nhà ăn đóng cửa, mái rạ lấn vào sườn đòi chơ vợ. Máy cưa văn phòng ở một mình, xong bữa lại quẳng bát đĩa này, vào chơi ngủ luôn tại các nhà trong xóm. Có cậu việc gấp, đánh máy đêm xong rồi cũng chuồn mất. Dãy buồng ở tập thể không đèn đóm, tối thui. Không nghe tiếng người trở mình, giát giường không ken két. Im như đất hoang. Nhà tôi ở ngoài ven ngõ giữa đồng. Rượu khuya, đường mưa lội tôi ngủ lại.

Chúng nó sợ, đi bỏ trống cả cơ quan. Cả dạo mưa gió, Xuân Diệu ở lại u tỳ quốc không ra ngoài. Giọt gianh lách tách mái nứa gọt về những đêm ma quái, rừng rợn, say đắm. Bàn tay ma ở đâu rờn vào. Không phải. Tay người, bàn tay người này đặt, ấm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ. Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng ấm dần lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, hai cơ thể con người quấn quai, quấn quit, cánh tay, cặp đùi thong chã trối lại, thít lại, giằng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, dữ dội giằng ngửa cái xác thịt kia.

(Tô Hoài, sđd, trang 190 & 191)

Tôi có thể thấy như trước mắt cái đầu hiu hoang sơ trên triền Tam Đảo. Và những cuồn mê xác thịt giữa mưa gió, bóng tối và những khảng trống vắng trơ lạnh giữa núi rừng Yên Dã. Bao vò rượu nếp của kiến trúc sư Võ Đức Diên hẳn nhiên sẽ nung nấu dòng máu nóng của những chàng thanh niên như Tô Hoài, Xuân Diệu. Và thế là cơn đồng thiếp được gọi lên. Chỉ là ở một người. Bắt đầu ở một Xuân Diệu thi sĩ Tình Trai. Tô Hoài là kẻ bị cuốn vào cơn sóng dập dờn đó. Bằng vô thức. Không suy nghĩ suy luận phân tích gì hết. Nhưng tôi thấy rõ ở những dòng chữ kể lại của Tô Hoài một ý thức rất tinh táo. Và nhất là không chút mặc cảm hay vò xé (cảm thiết) theo thói thường của một cái gì đó gọi là Truyền Thống Việt Nam hay Luân Thường Đạo Lý kiểu áo dài khăn đóng!

Tô Hoài tiếp tục tỉ mỉ, rất văn chương với những dòng kể tiếp theo:

“Rồi như chiêm bao, tôi ngã ra, thống khoái. Im lặng. Nghe mưa rơi xuống tàu lá chuối trong đêm và cái mệt dịu dàng trong mình. Giữa lúc ấy, hai bàn tay mềm như lụa lại vuốt lên mặt. Làn môi và hơi thở nóng như than bò vào mắt, xuống vú, xuống roan, xuống bẹn... Cơn sướng lại còn lên cho đến lúc ngã cả ra, rúc vào nhau. Rồi bàn tay dịu dàng lại vuốt lên mặt. Lần này thì tôi lữ lả, tôi nguôi ra rên ư ừ, như cơn điếm mê tôi không nhớ nổi người thứ mấy, thứ mấy nữa.”

(Tô Hoài, sđd, trang 191)

Tôi đã đọc Hồ Trường An, Ngô Nguyên Dũng, Hoàng Mai Đạt.v.v... viết về đồng tính. Tôi cũng từng đọc vài nhà văn nữ Việt Nam ở hải ngoại viết về những mối tình, những cơn ái ân đồng tính. Theo tôi, chưa có ai xuất sắc như Ông Già Tô Hoài khi viết lại mối tình trai của ông và Xuân Diệu.

Tô Hoài táo bạo mà vẫn nên thơ. Buông thả một cách tận cùng nhưng đồng lúc lại vẫn như e dè muốn níu lại hết. Níu lại một cái gì đó rất mơ hồ ngay chính họ Tô chẳng hề biết hiểu, chẳng hề phân biệt được:

“Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi he hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trơ ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa mưa.”

(Tô Hoài, sđd, trang 191)

Những níu lại vô ích vô thức. Những hứng thú quả tình khủng khiếp! Nhưng vẫn là những hứng thú kỳ bí “nồng nàn kích thích”. Trong bóng tối.

Bởi ánh sáng bạch bình minh ban ngày sẽ làm tan rã hết. Sẽ làm “lạnh” đi những “nồng nàn kích thích” trong đêm mưa gió giữa núi rừng.

Tô Hoài chạy trốn những “khủng khiếp” của cơn hứng thú. Trong cái khựng lại e dè (tôi không thấy nói chút gì đến niềm sợ hãi hay ân hận!), vẫn có một sự “tuôn chảy băng băng” vào “chốn đó”. Dù cái “nơi chốn đó” có là thiên đàng hay địa ngục. Xin nghe Tô Hoài kể tiếp:

“Nhưng đêm mai lại vào cuộc dữ dội. Trong đêm quái quỷ lại thấy mình như không phải mình mọi khi, cũng không biết rồi trời lại sáng. Cho đến khi thấy rạng sáng mới rờn rợn.”

(Tô Hoài, sđd, trang 191)

Chỉ là rờn rợn khi ánh sáng mặt trời đã trở về với không gian. Rờn rợn như một phản ứng thiên nhiên tự nhiên không lý giải. Do đó, khi đêm về, Tô Hoài đã không có ý niệm, không biết là rồi trời sẽ lại sáng!

Nhưng một mối, hay những mối tình trai trong thời “kháng chiến” như vậy làm sao qua mắt nổi “cơ quan”! Và hậu quả của những cơn “hưng thú khủng khiếp” là ánh sáng. Là phải phô bày, tự thú. Là phải lòi từ đêm thắm, từ gió mưa của rừng núi ra những lời bộc bạch. Phải mang bóng tối ra trình diện trước ánh sáng.

“Mọi công việc cơ quan lặng lẽ, nhưng cứ tối đến thì nháo lên, nháo lên một cách âm thầm. Các chàng trai trẻ vào ngủ lang trong xóm. Thăng Đại trắng trẻo, mồm mím thì biến là phải. Nhưng cả đến thằng Nghiêm Bình cao to hiên ngang như thế, tối cũng lẳng lẳng vác cái ghi ta ra đi. Bốn bên im như tờ.

. . . . chiếc màn một tơ trời của lão Hiến, đôi khi cả màn của Kim Lân, của Nguyễn Hồng ở Bắc Giang sang, ngủ tạm nay. Chẳng biết đêm hôm có ông kính nào bị bàn tay hung sờ vào roan không. Cuộc kiểm điểm Xuân Diệu kéo liền hai tối. Hồi ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn, nhưng hàng ngày chúng tôi làm việc giờ giấc nghiêm ngặt, mỗi tổ buổi chiều trước giờ tăng gia lại hội ý rút kinh nghiệm. Cả cơ quan họp đến khuya. Chỉ có ông Phan Khôi lên buồng vẫn mắc màn sẵn đi ngủ từ chập tối, bỏ ngoài tai mọi việc.

Xuân Diệu chỉ ngồi khóc, chẳng biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mai, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, thằng Đại và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, nhưng cũng không ai nói ra. Tôi cũng câm như hến. Lúc rỏ lên, trong đêm tối quẩn rũ, chính mình cũng điên kia ma. Không nói cụ thể việc ấy, nhưng ai cũng to tiếng gay gắt “tư tưởng tư sản, phải chữa đi”. Xuân Diệu nức nở “tình trai của tôi... tình trai...” rồi nghẹn lời, nước mắt lại ứa ra.”

(Tô Hoài, sđd, trang 193)

Hắn là còn may mắn, vì “hồi ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn”, nên Xuân Diệu chỉ bị mắng mỏ là “tư tưởng tư sản, phải chữa đi”. Chỉ tội nghiệp cho cái gọi là “tư sản”! Làm như chỉ có những con người “tư sản” mới biết đến “đồng tính luyến ái”!

Chẳng có đầu tố, khai tội và phỉ nhổ chửi bới. Chẳng có ném đá hay hành hạ cụ thể tức thì. Nhưng sau đó ít lâu, thì Xuân Diệu bị đưa ra khỏi ban thường vụ.

“Và cũng thành một cái nếp kéo dài, từ đấy không ai nhắc nhở đến những việc chủ chốt trước kia Xuân Diệu đã phụ trách. Bỗng dưng, Xuân Diệu thành một người được nhiều thời giờ chỉ chuyên đi viết. Mà Xuân Diệu cũng như xa lánh mọi công tác.”

(Tô Hoài, sđd, trang 193)

Xem ra, hình phạt như vậy đối với những “tội tình, bê bối” mà Xuân Diệu đã làm ra đã là quá nhẹ. Đảng Việt Cộng vì trọng tài Xuân Diệu nên nương tay? Hay vì là giai đoạn can kết nạp, cần những cán bộ tiếng tăm, có tài, nên Đảng đã ngó lơ phần nào cho Xuân Diệu? Tôi lại nghĩ những lí do vừa nêu ra có thể là vài chục phần trăm. Nhưng nhiều phần trăm chính yếu là Đảng đã “mắc cỡ”! Đảng ngưng ngưng chẳng biết... kết tội ra làm sao với trường hợp Xuân Diệu.

Và như thế, Xuân Diệu, theo như Tô Hoài đã ghi, vốn là một người “đào hoa” với những mối tình trai. Xuân Diệu không biết chung thủy. Xuân Diệu chỉ biết mê đắm. Tô Hoài hồi ức:

“Từ thuở trẻ, cái bắt tay như vồ lấy, trán đập vào nhau, bốn con mắt nghiêng ngả vuốt ve nhau. Ở đâu Xuân Diệu cũng đào hoa những mối tình trai. Buổi chiều trong kháng chiến, đã hết lo đám máy bay lên đánh bom, chúng tôi đặt ba lô nghỉ chân ở Âm Thượng xuống sông tắm tấp xong lên dạo phố. Đêm nay thị trấn mời Xuân Diệu nói chuyện thơ. Bọn con trai choai choai kháu khỉnh xúm xít quanh nhà thơ. Tuổi trẻ, trai gái thấy nhau như có điện, dù điện yêu hay điện ghét, thái độ hiện ngay ra con mắt, nụ cười, cái biau môi, dáng xóc cổ áo, bãi nước bọt. Đằng này, con gái đi ngang mặt đứng dưng như không, nhưng con trai xoắn xít vòng trong vòng ngoài. Sáng hôm sau còn đến chơi. Xuân Diệu nắm cổ tay từng đưa mân mê như chọn đũa mía, và nhìn dõng vào mắt...”

(Tô Hoài, sđd, trang 196)

Xuân Diệu quả là một tay đào hoa với những mối tình trai. Qua ngòi bút Tô Hoài, chúng ta thấy một Xuân Diệu đồng tính thân nhiên và ngây thơ không mặc cảm. Mặc cảm, một trạng thái gần như (đương nhiên và thậm chí cần thiết) bắt buộc phải có ở những con người đồng tính chẳng những vào thời thi sĩ Xuân Diệu, mà ngay cả ở thời nay tại Việt Nam!

Và như Tô Hoài đã kể, Xuân Diệu chẳng phải là một tay chung tình. Tuy nhiên, để kết luận về Xuân Diệu, Tô Hoài viết:

“Mỗi khi nhớ, chuyện về Xuân Diệu buồn thương, buồn cười và đáng yêu, chỉ đáng yêu...”

(Tô Hoài, sđd, trang 193)

Để dứt bài này, tôi xin chép lại nay một bài thơ “Tình Trai” của Xuân Diệu, gửi một người lính trẻ rời thành phố vào chiến trường. Bạn đọc nếu không biết trước, chắc chắn sẽ nhầm đây là một bài thơ Tình Gái, do một chàng trai viết gửi cho người yêu bé nhỏ của mình:

EM ĐI

Tặng Hoàng Cát

Em đi, để tấm lòng son mãi
Như ánh đèn chong, như ngôi sao
Em đi, một tấm lòng lưu lại
Anh nhớ thương em, lệ muốn trào

Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga
Chưa chi ta đã phải chia xa!
Nụ cười em nở, tay em vẫy,
Ôi mặt em thương như đóa hoa

Em hỡi! Đường kia vướng những gì
Mà anh mang nặng bước em đi!
Em ơi, anh thấy như anh đứng
Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa

Nhưng bóng em đi đã khuất rồi.
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!
Tình ta như mối dây muôn dặm
Buộc mãi đôi chân, dẫu cách vời

Em hẹn sau đây sẽ trở về
Sống cùng anh lại những say mê...
Áo chần em gửi cho anh giữ,
Xin gửi cùng em cả hẹn hề!

Một tấm lòng em sâu biết bao
Để anh thương mãi, biết làm sao!
Em đi xa cách, em ơi Cát
Em chớ buồn, nghe! Anh nhớ yêu..."

(Đêm 11/7/1965 * 23 giờ 30)

Kiệt Tấn: Rằng quen mắt nét đi rồi!

I.

Cái thời tôi còn chủ trương tạp chí *Văn Uyển*. *Văn Uyển* ra một năm 4 số, theo... mùa. Trên tạp chí thì ghi là Xuân, Hạ, Thu, Đông, chẳng cần ngày tháng... Nên tôi muốn *Văn Uyển* xuất hiện giờ nào trong ba tháng của mùa đó năm đó, cũng an toàn, chưa có quý độc giả hay quý văn hữu cộng tác nào tỏ lời phiến trách.

Một trong 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông của *Văn Uyển* năm 1992, có bài Thạch Các, một tay viết phê bình văn học rất sắc bén... mà nhân hậu của *Văn Uyển*, viết về Kiệt Tấn. Và sau đó, tôi và Kiệt Tấn có giao thiệp qua điện thoại. Từ California nói chuyện với một quận ngoại ô của Paris Pháp quốc. Kiệt Tấn cứ nằng nặc bài viết ký tên Thạch Các là của tôi. Tôi phải đưa tay thẻ thốt Thạch Các là một ông giáo hồi trước 1975, có xương da máu thịt rành rành, rất giỏi về ngữ pháp Việt Nam... Xin ông Kiệt Tấn đừng có lấy công của người mà giao cho tôi, tội nghiệp!

Tôi đọc hầu hết của Kiệt Tấn. Dư luận về Kiệt Tấn trong văn đàn quả không phải ít! Nhưng tựu trung, những nhà phê bình đều nói, đại khái, Kiệt Tấn là một nhà văn nhân bản tuy có hơi bị nặng về tình dục; tự do mà yêu thiên nhiên; mê đắm và duyên dáng... Thậm chí xấu đẹp tùy người đối diện...

Lúc chưa đối diện với Kiệt Tấn (tận mặt đá vàng), tôi thấy Kiệt Tấn như sau:

Kiệt Tấn từng viết:

"Nếu có người xả mình binh vực những nhân vật không cần ai binh vực hết (như Thượng đế, như lãnh tụ, như chủ tịch, như tổng thống) thì tôi, tôi binh đi."

Trong bức thư gửi cho Lộc (Lê Tấn Lộc, anh ruột của Lê Tấn Kiệt tức Kiệt Tấn) có in trong *Nghe mưa*^[1], Kiệt Tấn viết:

"Em vừa vạch da cây vịnh bốn câu ba vần trong 'Đêm cỏ tuyết' là quần hùng nhón nháo. Có thân hữu đề nghị bôi chữ cỏ. Em nói: Tao đã cạo chữ kia để thay bằng chữ cỏ, bây giờ mày

biểu tao cạo chữ cỏ thì biết thay bằng chữ gì bây giờ? Chẳng lẽ để cho em bé đòi luôn? Lại có thân hữu khác đưa ra nhận xét: Truyện này viết sao chỗ nào cũng thấy đưa ra dĩ điểm. Đáp: Tao ở gần xóm dĩ từ nhỏ tới lớn, không viết về dĩ thì biết viết về cái gì bây giờ? Hỏi: Sao truyện của này đầy ấp tình dục? Đáp: Tình dục nuôi nắng tao từ tám bé cho tới lúc lưng dài vai rộng thì tao viết về tình dục là một lẽ đương nhiên..." (trang 246-247)

Thực ra, có phải Kiệt Tấn chỉ chuyên viết về tình dục không? Và Kiệt Tấn là một nhà "Đĩ Quyền" chuyên bênh vực dĩ?

Thưa, theo tôi thấy thì không hẳn vậy. Thấy vậy mà chưa chắc vậy đâu nghe!

Kiệt Tấn viết về tình dục, đúng. Mà viết hay hết sẩy nữa! Nhưng điểm cần lưu ý là, thái độ của Kiệt Tấn đối với tình dục, đối với việc rờ rẫm sờ mó và màn tình nó hết sức... trong sáng mà mê đắm... Như một đứa bé đòi mẹ viên kẹo hay cái bánh... Thử đọc một đoạn thư của Louise, Nữ Chúa Tàu Ma hay người tình xứ tuyết Ca Ná Đà của Kiệt Tấn viết cho Kiệt Tấn:

"Tức cười khi hình dung một ngày nào đó Bambino của em bắt buộc trở thành một đảng lang quân, dù là của em hay của ai khác. Thú thiệt em không hình dung nổi. Anh để ý mà coi. Khi gặp em, anh làm điều gì trước tiên? Anh luồn tay vào áo em... Mà khổ một cái là em cũng không đủ can đảm theo như bản tính mình để từ chối điều gì với anh được hết. Si tình là như vậy chẳng? Nếu vậy thì em đã si tình anh mất rồi! Em chấp nhận. Em chấp nhận hết những gì anh muốn. Em có cảm tưởng nếu em gỡ tay anh ra thì biết đâu chừng anh sẽ lặn ra... nằm vạ! Anh muốn em. Vậy thôi. Rất dễ thương..." (Sđd, trang 57)

Không ai nói về Kiệt Tấn tình dục có thể đúng bằng những... người đàn bà con gái trong đời Kiệt Tấn! Và tôi nhận ra, Kiệt Tấn không chỉ "binh dĩ", mà đối với phái đẹp, với tất cả những vị nữ lưu, Kiệt Tấn luôn dùng một ngôn ngữ văn chương giọng nhẹ, âu yếm, tôn xưng và nhất định đứng về phần... khấp nép (giả dạng quân ta, hạ cha nội?).

Thử đọc một đoạn Kiệt Tấn "tả" chuyện người yêu xứ tuyết, nàng Louise tình cờ tới một dạ tiệc và bắt quả túm Kiệt Tấn ta đang ôm trong tay nàng Danyèle mà Kiệt Tấn tặng cho cái hỡn danh là "tám nệm xóp":

"Sau khi đi tản từ góc này sang góc khác mà vẫn không trốn lánh được, tôi quyết định ra trình diện. Ôm tám nệm xóp khư khư trong vòng tay học trò, tôi lẩn lẩn trong điệu luân vũ trong bóng mờ từ từ tiến ra pháp trường hỡn chánh. Lả lướt hỡn chánh.

Và rồi chuyện gì phải xảy ra bèn xảy ra. Louise bước tới túm lấy cổ áo veston của dâm tặc, giận run, ghen lời. Và dâm tặc đã lưu lại một vết như muôn đời không rửa sạch trong lịch sử tình ái: Dâm tặc từ từ rút hai cánh tay tỉnh bơ ra khỏi áo, để lại cái veston tồn teng trên tay Nữ Chúa! Mạnh Lệ Quân thoát hài! Tôi cũng không dè trong người mình lại ẩn tàng một *tiềm năng tôi bại tới mức như vậy*. Thiệt là cẩu trệ. Tuyệt cùng cẩu trệ! Tôi cũng không khỏi ngạc nhiên sao nàng lại không cầm chai rượu xáng lên đầu tôi một cái phun máu ngay lúc đó."

Kiệt Tấn không "gồng mình" khi viết văn. Ông viết về Kiệt Tấn hay viết về bất cứ gì cũng bằng giọng văn... thành thật một cách vô tội vạ như vậy. "Tôi cẩu trệ, tôi tôi bại. Vậy đó. Rồi sao?" Hai chữ "rồi sao?" không phải để thách thức. Mà là một câu hỏi cho thấy cái tình huống huề vốn của vấn đề! Tôi từng đọc nhiều đoạn văn tả cảnh đánh ghen. Nói rõ hơn là tả công cuộc đánh ghen của những bậc nữ lưu. Nhưng chưa ai tả một công cuộc đánh ghen mà mình là nhân vật chính, lại... vui và hấp dẫn như Kiệt Tấn. Không có níu tóc quào mặt. Không có xé quần xé áo tình địch. Không có "con dĩ ngựa này con dĩ chó kia..." giữa hai người phụ nữ. Mà chỉ thấy hành

vi "cầu trệ và tòi tệ" của thằng cha làm ra chuyện!!!

Kiệt Tấn yêu "đầm Ca Ná Đà" thì như vậy. Chứ Kiệt Tấn mười bảy tuổi yêu nữ sinh tỉnh nhỏ thì sao? Kiệt Tấn đưa Hoa (người yêu của Kiệt Tấn trong "Bến đò trao thơ") đi xem hát bóng (tức xi-nê-ma) tuồng Việt Nam có cái tựa ly kỳ khó hiểu: *Lý Chơn tâm, Anh hùng cõi củi!* Tôi nhỏ hơn Kiệt Tấn nên chưa biết được có cái tuồng này (than ôi!). Trong rạp hát, dĩ nhiên chàng Kiệt Tấn ta còn tâm trí đâu để mà xem xi-nê-ma... Xin mời đọc:

"Tôi không thiết gì tới tuồng tích. Bàn tay tôi lúc đầu nắm lấy bàn tay nàng trong bóng tối, từ từ buông ra dọ dẫm. Sa-ten mát rượi. Hoa rùng mình chụp lấy tay tôi giữ lại cứng ngắt. Nắm siết. Chặt chẽ. Rồi yếu dần, buông lỏng, thờ dài... Tôi cũng thờ dài mà ngực nghẹn tức..." (Kiệt Tấn, *Nụ Cười Tre Trúc*, Văn Nghệ xuất bản 1987. Trang 91)

Thủ phạm thờ dài mà nạn nhân cũng thờ dài. Trời đất! Lý Chơn Tâm xẹp lép trong màn ảnh đang cõi củi bay chập chờn trên mây, chứ chàng Kiệt Tấn nhà ta thì đã bay lên chín tầng mây mà chỉ cần có một... cây củi nhỏ xíu (nếu so với bó củi của Lý Chơn Tâm!!!)

Đó chỉ mới là sự vụ mở đầu! Đừng nóng, từ từ mà đọc thêm đoạn sau đây:

"Trước khi ra về, chúng tôi ra ngồi quán nước cạnh bờ sông giải khát hứng mát (và chờ cho Hoàng Tử Lưng Gù hạ hoả)... Đêm khuya thức dậy ngó trời, thấy sao phía Bắc đã dời phía Nam... Hai câu ca dao còn lờn vờn trong đầu, tôi vói bàn tay mặt ơ thờ cầm cái ly đá chanh ảm hơi nước đọng bên vách ly đưa lên định... bỗng giật mình vì ly nước chọt vượt khỏi bàn tay nắm của mình, như bàn tay có thoa mỡ, *tron mướt!* Ly đá chanh tuột xuống va trên mặt bàn khua một tiếng rè đục như sấp bẻ... Không ai hiểu. Tôi cũng không hiểu, ngay lúc đó. Tôi đổi ly sang tay trái, đưa lên uống bình thường. Ngâm nghĩ. Chọt hiểu! Và cũng chọt bồi hồi xúc động thương người yêu bé bỏng của mình hết sức! ..." (Kiệt Tấn, *Nụ Cười Tre Trúc*, Văn Nghệ xuất bản 1987. Trang 91)

Kiệt tấn *hiểu* chuyện gì vậy cà? Những chuyện mà hầu như những nhà văn đều... tránh viết ra, hoặc nếu viết ra theo kiểu... hiện đại của phái "cách mạng tình dục" gì đó bây giờ, thì vô duyên và thô tục, thì Kiệt Tấn đã viết được bằng những đoạn văn thơ mộng dễ thương. Nhất là, sau sự vụ đi xi-nê-ma tối đó về, chàng Kiệt leo lên chiếc giường trong phòng trọ học:

"... Lưng đau như dằm. Tôi lấn sấp người lại úp mặt trong lòng bàn tay, rên ư ử. Thoang thoảng một dư hương rất lạ, chưa từng biết, ngây ngất trong lòng bàn tay. Gì như thể... như thể... Đúng rồi! Hương Trinh Nữ! Hương của Hoa..." (Kiệt Tấn, *Nụ cười tre trúc*, trang 94 ^[2])

Cách nay gần hai mươi năm, khi đọc truyện này, tôi đã phone cho Thạch Các:

"Ông tìm đọc Kiệt Tấn đi."

Theo nhận xét của tôi, Kiệt Tấn không "sáng tác" truyện... tình. Kiệt Tấn chỉ kể lại những mối tình của ông với những người đàn bà con gái trong đời ông. Kiệt Tấn yêu dĩ, yêu nữ sinh, yêu đàn bà, yêu con gái, yêu vũ nữ, yêu ca ve, yêu gái quê... đều "bằng như nhau". Kiệt Tấn không... phân biệt giai cấp trong tình yêu lẫn tình dục của ông.

Đó là Kiệt Tấn qua "văn bản" mà tôi bắt gặp gần mười lăm năm trước... Cho đến khi...

II.

Năm 2002 thì phải, là lần đầu tôi gặp mặt Kiệt Tấn. Đó là buổi ra mắt thơ của PTNN tại Washington DC. Vợ chồng tôi và vợ chồng anh chị PTNN & QĐ khá quen thân. Trong buổi ra mắt thơ của chị PTNN, Kiệt Tấn và tôi là hai trong bốn diễn giả nói về "tác phẩm và tác giả"...

Người nói trước tiên là Kiệt Tấn, rồi đến tôi.

Lúc Kiệt Tấn nói, có lẽ vì buổi sáng chàng chưa đủ độ rượu, cũng có thể vì cái giọng lè nhè không "ăn micro" nên hơi bị khó nghe! Đã vậy, Kiệt Tấn còn soạn một bài khá dài (tuy rất có duyên và tinh tế) lên nói... Phía dưới, có dăm bảy người không biết Kiệt Tấn là ai. Và chắc cũng "đáp tàu" lỡ chuyến đến với buổi ra mắt sách sao đó nên dễ bề nóng ruột... bèn la inh ỏi đòi đuổi Kiệt Tấn xuống. Chàng Kiệt Tấn thản nhiên khoát tay xuống mấy quý vị đó rồi phán một câu xanh rờn:

"Nhằm nhò gì mấy cái lè tè!"

Rồi tiếp tục nói hết bài của Kiệt Tấn viết về tác giả PTNN.

Sau đó, tôi và Kiệt Tấn cũng có ngồi với nhau qua dăm ba bữa rượu lai rai. Nhưng là ngồi chung với nhiều người ngoài giới... "giang hồ". Và, Kiệt Tấn không ở Washington DC lâu mà đã "lưu diễn" qua California liền sau đó. Nên tôi và Kiệt Tấn chỉ kịp "nhận" nhau, cũng có nói chuyện qua lại, nhưng chưa có một bữa rượu tới bên để "biết" nhau.

Còn nhớ, cả Kiệt Tấn lẫn QĐ sau đó đều kể cho tôi nghe một câu chuyện như sau:

"Một lần, QĐ rụt rè hỏi Kiệt Tấn:

"Anh Kiệt Tấn à, tôi nghe nhiều người nói là anh... điên! Mà anh có điên thiệt không vậy?"

Kiệt Tấn trợn mắt trả lời:

"Điên thiệt quá đi chứ cha! Tui điên có 'bằng cấp' mà!"

Hai năm sau, Kiệt Tấn lại từ Pháp bay qua Washington DC dự đám cưới của con gái anh chị PTNN & QĐ. Tôi quên nói, chị PTNN và Kiệt Tấn rất thân nhau, đã quen biết từ thời ở Việt Nam. Tôi được anh chị PTNN & QĐ nhờ lo phần tiếp tân và chiêu đãi quần hào văn nghệ sĩ. Do đó, hàn xá bèn biến thành biệt viện cho quần hào tạm trú mà bày đại tiểu yến, cũng như dưỡng quân sau khi đã liên hồi đánh đấm! Những danh tài như Nguyễn Xuân Thiệp, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Trọng Khôi, Lâm Chương... bèn mỗi ông được nhà tôi, Hoàng Thị Bích Ti phát cho hai tấm chăn, một cái gối... Có vị sẽ hỏi tại sao tới hai tấm chăn, bộ thời khoảng đó là mùa Đông, lạnh lắm hả? Xin thưa, lúc đó chưa tới mùa Đông. Nhưng mỗi danh tài được phát hai tấm chăn là vì một tấm để lót trên sàn nằm và một tấm để đắp!

Thế là, không tiếc lớn ở nhà anh chị PTNN & QĐ thì tiếc nhỏ ở nhà tôi. Nhiều lần, Kiệt Tấn thấy bọn tôi vui quá, bèn bôn đào không chịu ở nhà PTNN & QĐ, mà lánh nạn qua nhà tôi để... tha hồ uống rượu và có bạn để đấu hót.

Trong một bữa rượu, Nguyễn Trọng Khôi giả giọng ông Tông Tông Trần Văn Hương, đọc bài nói chuyện của Tông Tông cựu nhà giáo trong một trường trung học, như sau:

"Kính thưa Ban Giám Học, kính thưa quý thầy, quý cô cùng các em học sinh thân ái! Tôi xin lưu

ý Ban Giám Học rằng là, tôi nhận thấy các em nữ sinh của trường mình mặc quần áo hơi quá mỏng. Tôi xin lập lại là quá mỏng! Làm cho quý thầy và các em nam sinh trường ta đi đứng có phần hơi bị... khó khăn!"

Cả nhà tất nhiên lẫn ra cười! Riêng Kiệt Tấn, sau đó, cứ ngồi lẩm bẩm câu: "đi đứng có phần hơi bị... khó khăn" mà thắm ý cười tùm tùm hoài!

Lúc vừa gặp lại Kiệt Tấn tại nhà anh chị PTNN & QĐ, tôi nói:

"Ông Kiệt Tấn, cái bài 'Sục cặc trước bàn thờ' của ông trên talawas, nhà tôi, Ti khen hay lắm. Tôi có đăng lại trên báo LP. Sau đó, liền bị mất hai trang quảng cáo, ông ạ!"

Kiệt Tấn nhìn Ti gật gù:

"Lạ thiệt! Lạ thiệt! Cô là vị nữ lưu đầu tiên mà chắc cũng là cuối cùng khen cái bài mắc dịch đó! Viết bài đó, tôi bị mấy bà, mấy cô cảm rằm đay nghiến quá trời!"

Tôi lại nói với Kiệt Tấn:

"Còn phần tôi thì tâm đắc nhất hai câu của ông. Dĩ nhiên tôi cũng thích thú cả bài."

Kiệt Tấn hỏi:

"Hai câu nào?"

Tôi cười, đọc:

"Ờ hải ngoại lẫn trong nước, các bà các cô đều vọc lòn mình mà la làng hét ráo... (rời) Đụ là đụ! Đâu có cần gì phải quăng cái lòn lông lên không trung mà đặt câu hỏi nhón (không dè nó rút xuống trúng u đầu có cục)."

Chú thích thêm của Trần Nghi Hoàng:

Kiệt Tấn vốn rất trang trọng và trân quý chuyện tình dục. Đối với Kiệt Tấn, tình dục và tình yêu đều rất đẹp như nhau. Kiệt Tấn không "chịu" được khi một số các nhà văn gần đây cứ mang chuyện tình dục ra mà viết một cách "thiếu nghệ thuật", tục tĩu. Đa số trong các nhà văn ấy lại là các cô, các bà! Do đó, ông viết "Sục cặc trước bàn thờ". Một bài viết tục và dữ dằn hết cỡ để phản bác, theo nguyên tắc "lấy độc công độc". Đoạn cuối bài, Kiệt Tấn có tuyên bố sẽ sẵn sàng "lý luận" tiếp, nếu có ai đó lên tiếng khó chịu về bài này. Cho đến hôm nay, Nov 26 - 2006, tôi chưa thấy có phản ứng nào một cách chính thức về bài viết này!

"Sục cặc trước bàn thờ" là bài viết của Kiệt Tấn nhân đọc mấy bài tung hô các nhà văn nữ hiện đại đòi quyền "khoe lòn và các thứ" qua các văn bản của các nhà đòi "Lòn Quyền" và không đòi gì hết sau:

- *"Tình dục và các nhà văn nữ di dân Việt Nam" của Thế Uyên. Hợp Lưu số 81, 2005. (Bài này tôi chưa đọc, nhưng nguyên cái tựa có ba chữ 'nhà văn nữ' đã không thấy ổn! Trên thế giới này, kể cả từ xưa cho đến hôm nay, dường như chỉ có Việt Nam ta mới 'đề' ra ba chữ 'nhà văn nữ'!)*
- *"Nhận diện một số nhà văn Việt đầu thế kỷ 21" của Nguyễn Văn Lục, Hợp Lưu số 81, 2005. (Bài này tôi cũng chưa đọc luôn! Vốn dĩ, tôi rất ít khi nếu không muốn nói là chả*

bao giờ bỏ công đi đọc những cái vụ "nhận diện"... này nọ. Bồi, xấu đẹp tùy người đối diện. Mỗi người sẽ có một "đường lối" nhận diện khác nhau!

- *"Trò chuyện với hoa thủy tiên" của Nguyễn Huy Thiệp, Văn Học số 223, 2006. (Bài này thì tôi có đọc, đọc kỹ và đã có mấy bài "góp ý cò ý kiến".)*
- *"Có thật đa số các nhà văn đều vô học, các nhà thơ đều lưu manh" của Trần Mạnh Hào, Văn Học số 223, 2005. Bài này tôi cũng có đọc, và cũng đã có bài "góp ý cò ý kiến".)*
- *"Khi nhà văn cưới nhà thơ" của Ngọc Anh, Văn Học số 223, 2005. Bài này tôi chưa đọc.*

Hết chú thích.

Trong một bữa rượu ở nhà tôi, có mặt đầy đủ quần hào và thêm một vị nữ lưu vốn là nhà văn, xin tạm gọi là L. Cô nhà văn L này hay bị tôi và Nguyễn Trọng Khôi, người luôn tự nhận là Điền Bá Khôi... (nhưng xem ra lại rất đứng đắn đàng hoàng, chưa từng thấy dở trò... nài hoa ép liễu bất cứ ai!) cáp độ, tức là gán ép (chơi cho vui) với Phan Xuân Sinh. Thấy có bóng hồng trong bữa rượu, Kiệt Tấn ta bèn mặt mày sáng rỡ. Cái dáng lừ đừ biến mất hết năm chục phần trăm. Kiệt Tấn vừa ngồi bên kia bàn uống tí tí, vừa lom lom ngắm nghía nhà văn L. Câu chuyện trong bàn chắc chắn là đang diễn ra tưng bừng hào hứng. Hốt nhiên, Kiệt Tấn từ tốn đứng dậy khỏi ghế, đứng đỉnh bước qua phía bên kia bàn, tiến trước nhà văn L. rồi ôm cô này và hôn một phát! (Hôn ở đâu xin quý vị cứ tự do tưởng tượng, như vậy mới ly kỳ... hấp dẫn!) . Cô nhà văn L. tỏ ra là một cao thủ trong những trường hợp bất ngờ và thậm chí bất an (ninh) như vậy, cô cười cười nói:

"Anh Kiệt Tấn hôn L., không sợ anh Phan Xuân Sinh ghen sao?"

Phan Xuân Sinh cũng tỏ ra là một tay hào hoa phong (cá) độ:

"Ai "hun" cứ "hun". Tôi yêu tôi cứ yêu."

Kiệt Tấn đã về đến cái ghế của mình. Vừa ngồi xuống ghế, Kiệt Tấn vừa lau bàu:

"Ai yêu cứ yêu. Tui thích "hun" thì cứ "hun" hà!"

Quả là kỳ phùng địch thủ. Bên nửa cân, người tám lạng, phong vũ ma chiết trùng trùng nhưng không khí vẫn rất ồn ào vui vẻ!

Bữa rượu cuối cùng sau tiệc cưới. Một bữa rượu khuya ở nhà anh chị PTNN & QĐ. Gần 3 giờ sáng. Đã vài anh hùng hảo hán rớt đài, nằm đâu đó hay la liệt nơi phòng khách mà an giấc điệp. Trong bàn còn anh Nguyễn Xuân Thiệp, Kiệt Tấn, Độc Cô Cầu Thắng, QĐ (ra vô on & off), anh Tông, Hoàng Thị Bích Ti và tôi. Chẳng biết câu chuyện lan man thế nào, mà hai ông bạn lớn (tuổi) Kiệt Tấn và Nguyễn Xuân Thiệp lại đi vào đề tài tình yêu! Trời đất!

Tôi nghe loáng thoáng Nguyễn Xuân Thiệp nói:

"Tôi cho rằng, tình yêu đích thực nó tồn tại mãi với thời gian, dù rằng hai người xa xôi cách trở. Chỉ cần gặp lại, hôn lên trán người yêu một cái, là tôi thấy đã quá đủ. Quá hạnh phúc rồi!"

Giọng Kiệt Tấn đã đến giai đoạn lè nhè, lè nhè ở mức không thể lè nhè hơn:

"Ông nói sao tôi hồng biết! Chứ với tôi, yêu là phải sờ mó, phải nắm bóp, phải... đủ thứ. Tức là phải có màn tình thì nó mới "trợn vện cái chữ yêu" ông ơi!"

Thế là hai ông bạn lớn (tuổi) của tôi cứ tiếp tục tranh luận về hai quan điểm "yêu" rất khác nhau

như vậy tà tà. Cuộc tranh luận xem ra hết sức lằng lể nhưng vẫn hoà bình và đầy tình thân ái. Đến nỗi, có lúc hai ông rót rượu cho nhau, ôm nhau thăm thiết (xin có hình đính kèm làm bằng, để tránh lời ong tiếng ve cho rằng là Trần Nghi Hoàng tôi bịa chuyện!).

Tuy nhiên, chẳng bữa rượu nào mà kéo dài mãi... phải không? Có điều, cho đến lúc tàn cuộc rượu, đâu chừng khoảng 5, 6 giờ sáng (vì tôi nghe vắng từ lùm cây ở sân sau nhà anh chị PTNN & QĐ có tiếng chim ríu rít), tôi không biết hai ông bạn lớn (tuổi) của tôi, Nguyễn Xuân Thiệp và Kiệt Tấn đã dắt nhau đi đến cái chỗ kết luận chung cuộc ra sao. Điều này vẫn còn là một bí mật cho đến ngày hôm nay. Quý vị nào thắc mắc, xin cảm phiền tìm hỏi thẳng hai đương sự để tận tường thoả mãn.

Với tôi, từ tiếp cận Kiệt Tấn qua văn bản, tôi đã tiếp cận Kiệt Tấn tận mặt đá vàng! Kiệt Tấn đáng yêu ngay ở *tiềm năng tôi bại tới mức như vậy* của ông ta. Kiệt Tấn có khả năng tôi bại một cách cực kỳ... trong sáng và vô (số) tội!

Vũ Hạnh và Con đường thứ ba của Dương Nghiễm Mậu

Trước 1975, tôi tình cờ đọc được một truyện ngắn của Vũ Hạnh, mà tôi cho là hay. Tôi đã quên đề tựa truyện. Chỉ nhớ truyện kể về một cô gái người sắc tộc, bị một người Kinh hiếp trong một lùm cây. Sau khi tên dâm tặc bỏ đi, cô sơn nữ vừa khóc, vừa dùng cái rìu đi rừng của mình chặt chém tan nát lùm cây. Cô cho rằng, vì trong lùm cây có ma quỷ trú ngụ, nên đã xúi giục tên dâm tặc hiếp cô. Cô không tin trên đời có người xấu xa như vậy. Phải có ma quỷ nhúng tay vào, thúc đẩy một con người bình thường vốn "tính bổn thiện" có những hành xử như súc vật... Không một lời nói, một ý nghĩ thoáng qua về sự căm thù của cô đối với tên dâm tặc... tất cả tội ác đều là tại ma quỷ trong lùm cây...

Thời gian gần đây, Công ty văn hoá Phương Nam và Nhà xuất bản Văn nghệ TPHCM cho in lại 4 tập truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu, và truyện dài Nguyệt Đồng Xoài của Lê Xuyên.

Có nhiều dư luận trong nước, sớm nhất là một cô giáo tên Lê Ánh Đào, đã phản đối nhà xuất bản và Công ty Phương Nam. Cô giáo này cho rằng: "Đọc sách Dương Nghiễm Mậu - Thú vật hóa con người và lưu manh hóa hình tượng văn học". Trình độ đọc sách của "giới giáo chức" trong nước thì tôi đã có biết qua! Thậm chí có giáo viên cho cái tên Nhất Linh có liên quan tới "cải lương" chi đó!

Nhưng đáng kể là, tôi lại cũng tình cờ đọc được bài viết "Đâu là tiêu chí của người xuất bản" của Vũ Hạnh, một nhà văn có chút tên tuổi xưa ở miền Nam, "đầu tổ" nhà xuất bản và Công ty Phương Nam và hai tác giả Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên, đăng trên trang nhà *Sài Gòn Giải phóng* ngày 22 tháng 4 năm 2007.

Tôi dùng chữ "đầu tổ", vì ngôn từ và cung cách viết bài này của Vũ Hạnh sặc mùi "đấu tranh giai cấp" và loảng xoảng sắt máu hận thù, không thua sút chút nào với những bài của các "văn công" đã "đầu tổ" nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* hơn năm mươi năm về trước. Nào là "tha hóa lớp trẻ hầu đưa đẩy họ vào sự chống phá cách mạng, chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc...", nào là "sách của Dương Nghiễm Mậu nổi bật là tính phản động thì sách của Lê Xuyên là tính đồi trụy..." Và Vũ Hạnh... ngậm ngùi thêm: "... và các tác giả - Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên - sống lại ở thành phố này vẫn được đối xử bình đẳng, không hề gặp bất cứ sự quấy phiền nào."

Tôi biết rất rõ; chúng tôi, những người Việt nói chung, những văn nghệ sĩ lưu vong đều biết

rất rõ những văn nghệ sĩ miền Nam còn ở lại sau tháng Tư 1975 "vẫn" được đối xử bình đẳng và... "vẫn" không bị "sự quấy phiền" như thế nào... Thậm chí, Dương Nghiễm Mậu "sung sướng" quá phải bỏ viết, đi học nghề làm tranh sơn mài... Và Lê Xuyên thì "rất an vui" ngày ngày ngồi bán thuốc lá lẻ, quần áo vá chằng đụp sống ngậm tăm trên hè phố!

Bây giờ đã là năm thứ 7 của thế kỷ 21, Thế Kỷ Mới. Mọi thông tin hầu như không thể giấu giếm, bùng bít. Và thời đại này người ta từng giây phút kêu gọi con người tiến tới chữ "NHÂN". "Nhân quyền", "nhân sinh", "nhân từ", "nhân nghĩa", "nhân đức"... Vũ Hạnh chưa từng "nhảy núi" vào rừng, sao có lỗi mập mờ khóa láp nói đại nói càn, xem thường trí thông minh của nhân loại như thế?

Theo tôi biết, Dương Nghiễm Mậu là nhà văn tiên phong dùng những nhân vật lịch sử, hoặc hình tượng tiêu biểu trong văn học làm ẩn dụ để "viết lại" và đưa ra cái cảm quan đặc dị của riêng ông:

Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không chết đứng giữa trận tiền. Cao Bá Quát là người đi tìm "cái đẹp"...

Và Kinh Kha không bị giết trong cung điện của Tần Thủy Hoàng, mà đã cùng Tần Thủy Hoàng làm một cuộc mật đàm về cái thế an định và mang hạnh phúc cho thiên hạ. Nhưng sau đó, Kinh Kha bị Tần Thủy Hoàng phản bội những điều đã cam kết trong mật đàm. Kinh Kha trở về, tìm bạn là Tay Kiếm Vô Danh và Cao Tiệm Ly để vầy một cuộc đội đá vá trời khác: "Lại hành thích Tần Thủy Hoàng".

Câu chuyện này được kể lại bởi một trong hai người đang cùng nhau tìm đường vừa trốn Tây, vừa trốn Việt Minh. Người lớn tuổi cho biết có ông anh làm cách mạng lưu lạc qua Tàu, tình cờ đọc được một cuốn "kỷ sự lịch sử" có tựa *Ba lần gặp Kinh Kha...*

Hai người bạn đã dùng câu chuyện này để suy luận mà tìm một con đường cho chính mình.

Và phần kết luận, Dương Nghiễm Mậu viết:

Người trẻ tuổi nói: "... Bây giờ có nhiều đất Tần bát trắc, nhiều Tần Thủy Hoàng, nhiều sông Dịch phải vượt qua... Chiến sĩ một đi không trở lại, tôi không chấp nhận quan niệm ấy, lên đường là phải nghĩ đến ngày trở về..."

Còn người lớn tuổi, kể đã kể lại câu chuyện mới về Kinh Kha:

"Tôi từ chối lựa chọn cả hai con đường ấy. Ai buộc chúng ta phải chấp nhận con đường có sẵn?..."^[1]

Người lớn tuổi muốn chọn con đường thứ ba. Một con đường mà chính tác giả Dương Nghiễm Mậu cũng chưa biết nó ra sao!

Đó là thân phận trí thức trong đất nước Việt Nam cuối thế kỷ XX.

Vũ Hạnh thời trước tháng Tư 1975 sống ở miền Nam, được không ít những bạn bè trong lẫn ngoài văn giới là những người ở miền Nam bảo bọc. Những trí thức miền Nam yêu nước và có ý thức. Vũ Hạnh chơi với Trương Đình Cử, dịch giả *Tội ác và hình phạt*, *Con bạc...* của Dostoevski; với họa sĩ Phạm Tư... trong hồ tắm Chi Lăng Gia Định. Tức Vũ Hạnh cùng trong nhóm Hòa bình Bánh vẽ. Vũ Hạnh làm tờ báo *Tin văn* chờ ngày 30 tháng Tư 1975 để vẽ cờ đỏ

sao vàng tung hô Đảng.

Cuối bài viết nói trên, Vũ Hạnh kết luận: "Ông Dương Nghiễm Mậu hành động vì cái gì, hành động theo hướng nào thì chúng ta đã rõ, ngoại trừ ông Phạm Xuân Nguyên và những người chủ trương đưa sách của ông Dương Nghiễm Mậu đến với đông đảo bạn đọc."

Nhưng dường như Đảng không biết Vũ Hạnh là ai, đã làm được những gì cho Đảng! Ngoại trừ một lần được Đảng ban chút ân sủng cho đi Nga, sau đó, dường như Vũ Hạnh không được Đảng "cho" thêm ân huệ nào. Đó là con đường thứ ba của Vũ Hạnh. Vậy tại sao Vũ Hạnh lại "tấn công, đầu tở" khi Phương Nam in lại sách của Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên? Vũ Hạnh có mục đích gì?

Và tôi nhớ tới truyện ngắn cô sơn nữ bị hiếp trong lùm cây của Vũ Hạnh. Có phải xã hội đó, vùng đất đó có "ma, quỷ", nên Vũ Hạnh bị ám và đặt bút viết lên những dòng chữ không nên, và chẳng thể viết từ một người có đầu óc suy nghĩ bình thường về những bạn đồng nghiệp của mình sau 32 năm chiến tranh đã chấm dứt trên đất nước?

Tôi lại đọc được một bài của nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên trả lời Vũ Hạnh, với tựa "Gửi Ông Vũ Hạnh", đăng trên trang nhà talawas ngày 24 tháng 4-2007. Trong bài trả lời này, Phạm Xuân Nguyên nhắc tới Trần Mạnh Hào trong một câu chuyện rất nên biết, nhất là đối với những người Việt ở hải ngoại mấy lúc gần đây khi đọc những bài "phê bình Đảng và Nhà nước" của Trần Mạnh Hào, đã tung hô Trần Mạnh Hào là... "anh hùng dân tộc". Xin trích:

"Riêng về thơ, tôi (PXN) đã nêu lại nhóm Sáng Tạo và vai trò của Thanh Tâm Tuyền trong sự vận động đổi mới thơ Việt sau 1945. Đề xuất của tôi vấp phải những phản ứng quyết liệt, gay gắt của một số người mà tựu trung lý lẽ của họ cũng như ông (Vũ Hạnh) bây giờ: nhân thân tác giả là "ngụy", và nội dung tác phẩm là "phản động, đồi trụy". Ông Trần Mạnh Hào đã có hơn một bài phê phán trực tiếp tôi về chuyện này, và liên quan đến thơ Thanh Tâm Tuyền ông ấy đã cho tôi là "giật lá cờ máu trong tay thơ ca kháng chiến trao về phía bên kia."

Trần Mạnh Hào, dường như là một trường hợp rất hiếm trong giới nhà thơ... rất thích MÁU!

Nhưng cũng Trần Mạnh Hào, trong bài "Lại bàn về thơ hiện đại" đăng báo *Nhân dân Chủ nhật* (số 45, ngày 6 tháng 11-1994) thì lại viết về vấn đề này như một vòng quay 180 độ:

"Trong dòng văn học chính thống của miền Nam Việt Nam, Thanh Tâm Tuyền giữ một vị trí khá quan trọng. Về thơ, ông là ngọn cờ trong nhóm Sáng Tạo." (Trích Phạm Xuân Nguyên. "Biển cổ thứ nhất của văn học thời hậu chiến: Thanh Tâm Tuyền", talawas ngày 23 tháng - 2006)

Tôi đã từng viết: Trần Mạnh Hào "ly thân", rồi Trần Mạnh Hào "tái hôn" là vậy. Và trường hợp của Trần Mạnh Hào cũng làm tôi nhớ tới truyện ngắn cô sơn nữ bị hiếp trong lùm cây của Vũ Hạnh. Vũ Hạnh đã viết được một truyện ngắn "để đời". Cô sơn nữ bị hiếp và chỉ thù "lùm cây", nơi cô bị hiếp. Cô không có chút oán hờn tên dâm tặc đã hiếp cô! Truyện ngắn của "trường hợp thứ ba". Bởi con đường thứ ba là con đường mà những người như Vũ Hạnh và Trần Mạnh Hào không đủ bản lĩnh và khả năng để tìm đến. Nhưng "trường hợp thứ ba" lại là trường hợp của bi hài và khốn nạn.

Nước Mỹ trong những thời gian an bình nhất, thời kỳ Rag-Time và ngay cả vài thập niên cuối thế kỷ XX, trước triều đại Bush con, vẫn còn tương đối bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng, thì hai chữ "anh hùng" (hero) là những hình tượng, ấn tượng rất dễ chịu. Đó là các cầu thủ football, basket-ball; đó là một ca sĩ nhạc Rock & Roll; hay một chú bé 14 tuổi vừa nhào

xuống sông cứu được một cô bé 8 tuổi đang sắp bị chết chìm, v.v...

Bây giờ, "anh hùng" của nước Mỹ là "anh hùng Iraq". Tức là loại "anh hùng" vì nhờ đã đổ máu chính mình hoặc đã làm đổ máu kẻ khác. Loại anh hùng được vinh danh trên màu đỏ của MÁU! Có nghĩa là nước Mỹ đang trên đà... tuột dốc! Vì vậy, "lá cờ máu" đỏ của Trần Mạnh Hào, có muốn trao thì chưa chắc phía bên kia có người (dám) chịu nhận. Vũ Hạnh, Trần Mạnh Hào cứ tiếp tục làm "anh hùng" trong những cơn lên đồng của hai ông! Nhưng hãy "tha" cho những người khác và đất nước Việt Nam.

Tôi cầu mong đất nước Việt Nam thôi đừng có những... "anh hùng".

"ANH HÙNG", và "ANH KHÙNG", chỉ khác nhau có một chữ "K".

Bao giờ đất nước Việt Nam còn "cần" những Anh Hùng, "Anh Khùng Dân Tộc", ngày ấy dân tộc Việt Nam còn có người đổ máu và bị hàm oan, trần lột, hiếp đáp, tù đày... Và quê hương Việt Nam còn làm than chậm tiến.

Ngày xuân, đọc một bài thơ của Lý Bạch

Lý Bạch, người thi sĩ của những huyền thoại, của "ngàn năm mây trắng" hay "túy lúy càn khôn". Người thi sĩ sinh thời cách nay đã 13 thế kỷ (701-762), tức một ngàn ba trăm năm, nhưng dường như vẫn hiện diện trong Cõi Trần Gian giữa chúng ta từng giây phút! Tên tuổi Lý Bạch sau 13 thế kỷ ngày càng được con người trên khắp mặt địa cầu biết đến, từ Đông sang Tây, Từ Á sang Âu. Lý Bạch, người thi sĩ mà hầu như bất cứ ai có duyên với thơ, hay chỉ thuần là một tín đồ yêu thơ, đều đã từng có một lần tưởng nghĩ tới ông.

Lý Bạch tự là Lý Thái Bạch, hiệu Thanh Liên Cư Sĩ. Ông người Miên Châu, tỉnh Tứ Xuyên, có thuyết nói rằng Lý Bạch mang hai dòng máu Hán – Hồ trong người. Lý Bạch chẳng những là một nhà thơ lớn đời Đường, ông là nhà thơ bất tử của Trung Hoa và của thế giới thi ca

Năm 12 tuổi Lý Bạch đã làm thơ. Ông cũng từng vào núi theo một lão giang hồ luyện kiếm. Từ năm 20 tuổi, Lý Bạch đi chu du khắp nơi

Năm Thiên Bảo thứ nhất, Đường Huyền Tông, nhờ có người tiến cử, ông được vua Huyền Tông vời vào kinh đô cho làm quan trong Viện Hàn Lâm.

Tuy nhiên, với bản chất phóng dật tự do tự tại, sau ba năm Lý Bạch từ quan, xin lui về, tiếp tục ngao du sơn thủy. Có thuyết còn cho rằng, sau khi rời khỏi quan trường, họ Lý đã sử dụng tài kiếm của mình hành hiệp giang hồ, cùng lúc với sức sáng tạo dựng mảnh một dòng thơ tiêu sái

Trong loạn An Lộc Sơn, Lý Bạch bị ép làm quân sư cho Lý Lĩnh tức Vĩnh Vương, nên bị bắt.

Cái sai lầm của Vĩnh Vương Lý Lĩnh là vì quá yêu, mà đã tôn một người thơ làm thầy cho một cuộc chiến chinh. Chẳng khác chi Lê Duy Cự dấy binh chống Nguyễn Gia Miêu, lại có Chu Thần Cao Bá Quát làm Quốc Sư ngồi trong trường hoạch định chuyện thành bại, thì "tất bại" là đương nhiên chứ làm thế nào mà thành cho được!

Chu Thần Cao Bá Quát thua cuộc "*Bình Dương, Bỏ Bản vô Nghiêu Thuấn; Mực Dã, Minh Điều hữu Võ Thang*" và phải trả giá bằng chính sinh mạng của mình. Lý Bạch may mắn hơn nhiều! Nhờ có một nhà thơ khác đang giữ một chức khá cao trong Đường triều là Quách Tử Nghi xin cho, nên ông được tha

Chuyện Lý Bạch mê rượu vang tiếng khắp nhân gian chẳng thua gì tài thơ của ông. Có truyền thuyết một hôm Lý Bạch say rượu, thấy bóng trăng dưới sông nhào xuống ôm lấy nên bị chết đuối. Nhưng nhiều phần trăm đó chỉ là truyền thuyết bịa đặt để tạo thêm những huyền thoại chung quanh một tài thơ ngoại hạng.

Có sách chép rằng Lý Bạch vì đau yếu đã lâu, nên mất năm 762.

Lý Bạch làm thơ vô hồi kỳ trận, tất nhiên là rất nhiều thơ. Có nhà nghiên cứu cho rằng thơ Lý Bạch đã bị thất thoát hơn ba phần tư vì những loạn lạc của thời ông tức Đường Huyền Tông... và vì thời gian. Nay chỉ còn lưu lại được độ hai nghìn bài...

Thất thoát hơn ba phần tư, mà sự nghiệp sáng tác còn độ hai nghìn bài thơ và hầu như tuyền là những bài thơ hay. Hay vừa, hay nhiều hoặc là tuyệt tác! Tôi thà hỏi chẳng biết ông Bùi Giáng của Việt Nam ta, một thi sĩ cũng có tài làm thơ vô hồi kỳ trận, đã để lại tất cả là bao nhiêu bài thơ? Chẳng biết chúng ta đã có một ai đó, làm công cuộc thống kê toàn bộ thi ca của người thi sĩ trung niên vĩnh viễn Bùi Bằng Giúi, hay chưa ?

Tuy nhiên, bài viết này hôm nay của tôi là về một bài thơ Xuân của Lý Bạch. Lý Bạch còn để lại dăm ba bài thơ Xuân. Chẳng hạn như Xuân Tứ:

*Yên thảo như bích tì,
Tần tang đề lục chi
Đương quân hoài qui nhật,
Thị thiếp đoạ trường thi.
Xuân phong bất tương thức,
Hà sự nhập la vĩ*

Dịch nghĩa:

*Ý Xuân
Cỏ đất yên giống như tơ biếc
Đâu đất Tần tươi thắm rủ cành éo lá
Ngày chàng nghĩ đến chuyện trở về
Chính là lúc lòng thiếp quặn thắt é chề
Làn gió Xuân kia nào có quen biết chi...
Tại sao lại thổi vào trong màn lụa ?*

Nhưng bài thơ Xuân của Lý Bạch tôi muốn nói tới bây giờ lại là một bài khác. Một bài thơ Xuân rất Lý Bạch vì nó đậm nồng mùi rượu và hơn nữa lại cư mang cá tính nhân sinh con người của họ Lý:

Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn Chí

*Xử thế nhược đại mộng
Hô vi lao kỳ sinh?
Sở dĩ chung nhật túy,
Đôi nhiên ngoạ tiền doanh.
Giác lai miện đĩnh tiền.
Nhất điều hoa gian minh.
Tá vấn thử hà nhật?
Xuân phong ngữ lưu oanh.
Cầm chi dục thán tức,*

*Đổi chi hoàn tự khuynh.
Hạo ca đãi minh nguyệt.
Khúc tận dĩ vong tình.*

Nguyễn Quảng Tuân dịch nghĩa như sau:

Ngày Xuân Say Rượu Tỉnh Dậy Nói Chí Minh

*Ở trên đời giống như ở trong giấc mộng lớn.
Làm chi cho vất vả thân mình.
Cho nên suốt ngày ta say sưa,
Nằm lãn quay ra ngủ trước hiên.
Lúc tỉnh dậy ngó ra phía trước sân,
Thấy một con chim hót trong khóm hoa
Ướm hỏi người ta, hôm nay là ngày gì,,
Mà con chim oanh bay chuyền học nói trong gió Xuân?
Xúc cảm trước cảnh ấy, ta muốn thở than.
Đổi cảnh ấy ta tự nghiêng bầu rượu
Ta cất tiếng ca vang, đợi chờ trăng sáng.
Ca hát xong, ta quên cả mối tình buồn lúc trước.*

Cả bài thơ đã có hai câu đầu trấn giữ làm một khí phái bàng bạc ngang nhiên. *Xử thế nhược đại mộng. Hồ vi lao kỳ sinh?* Đời như giấc mộng lớn. Đã biết đời là giấc triền miên mộng, hà có còn bon chen vất vả tẩm thân với cuộc trần ai ?

Thần thái thi ca Lý Bạch, hay triết lý nhân sinh quan của ông, hầu như được thể hiện khá đầy đủ trong hai câu thơ này.

Đời là Mộng. Vậy thì tại sao không sống bằng những Cơn Mộng giữa Đời. Vì lẽ đó, nên từ quan. Từ quan để ngạo du sơn thủy. Rồi sơn cùng thủy tận lại ra làm quân sư cho Lý Tân Vĩnh Vương dấy loạn. Lý Bạch muốn chức cao quyền trọng hơn thời ông làm quan trong Viện Hàn Lâm của Đường Huyền Tông chăng?

Tôi không tin là như vậy! Tôi cho là, chẳng qua Lý Bạch muốn chơi “những cơn mộng” với cuộc đời. Cũng có thể nói ngược ngạo lại rằng: Lý Bạch đi làm quân sư cho Vĩnh Vương Lý Tân, là tò mò muốn đem chính cuộc đời ông để “chơi một cơn mộng”, xem sao

Quân sư cho Lý Tân Vĩnh Vương để làm giặc. Hay là treo ấn từ quan không phải để “lên non tìm động hoa vàng ngủ say”, mà là ngạo chơi sơn cùng thủy tận... Rốt ráo cũng là những “cuộc chơi”.

Tư tưởng này của Lý Bạch được người thơ lăm lăm nhắc lại trong thi ca của ông, như hai câu cuối trong bài Tuyên Châu Tạ Thiếu Lâu Tiễn Biệt Hiệu Thư Thúc Vân:

*Nhân sinh tại thế bất xứng ý.
Minh triều tán phát lộng thiên chu*

*(Ở đời trời chẳng chiều lòng
Sớm mai bung tóc nguyệt chèo thuyền chơi)*

Luôn luôn là những cuộc chơi trong đời Lý Bạch. Trước đó, ở hai câu đầu trong cùng bài trên, Lý Bạch viết:

Khí ngã khứ giả, tạc nhật chi nhật bất khả lự
Loạn ngã tâm giả, kim nhật chi nhật dạ phiền ư
(Bỏ ta đi hôm qua, ngày ta không thể giữ. Bận lòng ta hôm nay, ngày ta lảm u phiền)

Và:

Trừu đao đoạn thủy, thủy cánh lự
Cử bôi tiêu sầu sầu cánh sầu

(Cầm đao chém nước, nước cứ trôi
Nâng chén giải sầu, sầu cứ sầu)

Đó là cái lẽ của “minh triều tán phán lộng thiên chu .

Cho nên, tuy tự dặn mình là “xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh”, nhưng bao nỗi u hoài trong lòng Lý Bạch chẳng lúc nào nguôi. Nỗi u hoài trong lòng thi nhân không phải do một tâm sự riêng nào đó của Lý Bạch, mà bởi “nhân sinh tại thế bất xúng ý”. Là nỗi buồn nhân thế nói chung!

Vậy ra, Lý Bạch ,muốn tìm gì trong dòng đời ô trọc phong ba này? Cái sự vụ “đi tìm” của Lý Bạch, nói cho cùng, lại cũng chỉ là một cuộc chơi trường kỳ bất tận để tìm một cái đẹp gì đó, mà thi sĩ họ Lý dường như chỉ mơ hồ cảm nhận.

Lý Bạch có rất nhiều những bài thơ tiễn biệt. Tống Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng (Tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng). Kim Lăng Tửu Tứ Lưu Biệt (Trong Quán Rượu Tại Kim Lăng, Làm Thơ Để Lại Từ Biệt). Tống Hữu Nhân (Đưa Tiễn Bạn). Độ Kinh Môn Tống Biệt (Đưa Tiễn Bạn Vượt Núi kinh Môn).v.v...

Như vậy, phải chăng cái sự “tan, hợp” vốn là khúc đoạn trường của Lý Bạch. Người thơ họ Lý luôn khắc khoải xót xa trước những cuộc chia ly.

Cái mâu thuẫn lớn lao trong thơ Lý Bạch, theo tôi, là tuy luôn miệt đời chỉ là một cơn mộng. Mọi cuộc hợp tan hay hoan lạc bi thương đều chỉ là huyễn... Nhưng họ Lý lại dường như bị ám ảnh đau buồn trước những cuộc chia ly... bất xúng ý!

Ly biệt với bằng hữu, với cảnh thỏ, với không gian, thời gian kỷ niệm kỷ vật. Ly biệt với Nỗi Niềm Thơ. Người Ly Biệt Thơ. Thơ Ly Biệt Người! Và cũng có khi, chỉ một mình mình ly biệt với chính mình. Đó phải chăng là tâm sự của Lý Bạch? Minh của ngày hôm nay, chia biệt với mình của ngày hôm qua. Minh của một hiện tại, ly biệt với mình của quá khứ. Cái tôi nào, quá khứ hôm qua hay hiện tại hôm nay, cuối cùng cũng chỉ là huyễn mộng. Biết là huyễn mộng nhưng vẫn bồi hồi tưởng tiếc, là tại làm sao?

Có phải tôi đang lạc đề chăng? Tôi đang viết về bài thơ *Xuân Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn Chí*. Thưa không, tôi chẳng lạc đề! Ngày Xuân say, tỉnh dậy nói lên cái chí của mình. Lý Bạch nói lên cái chí của ông bằng hai câu đầu một cách hùng hồn và quá rõ ràng: Xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh. Tôi từ hai câu thơ này, cùng với ý của toàn bài mà nhân dịp nói thêm về thơ Lý Bạch.

Bài *Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn Chí*, Tản Đà dịch thành lục bát như sau:

Ở đời như giấc chiêm bao
Cái thân còn đó, lao đao làm gì?
Cho nên suốt buổi say lý,
Nằm lẩn trước cột, biết gì có ta.
Tỉnh thời đưa mắt sân nhà.
Một con chim hót bên hoa ngọt ngào
Hỏi xem: nay đó ngày nào
Ngày xuân gió mát, vui chào tiếng oanh.
Ngậm ngùi cảm cảnh sinh tình,
Nghiêng bầu, mình lại với mình làm vui
Hát ran, chờ tấm trăng soi,
Thoạt xong câu hát thời rồi đã quên.

Ngày Nay số 91
26 – 12 – 1937.

Trần Trọng San dịch trong Thơ Đường, cũng bằng thể lục bát, nhưng kém phần tài hoa như bản dịch Tản Đà.

Ngày Xuân, Khi Tỉnh Rượu, Nói Chí Minh

Đời là một giấc mơ thôi,
Thì làm nhọc cuộc sống này mà chỉ
Cho nên say khướt, li bì,
Suốt ngày uể oải nằm kê trước hiên.
Tỉnh ra, sân trước trông nhìn:
Trong hoa, thấy một con chim thì thào
Hôm nay là cái hôm nào
Tiếng oanh trò chuyện ào ào gió xuân.
Buồn lòng, những muốn thở than:
Thuận tay, vẫn cứ rót tràn mãi thôi
Hát vang, chờ đợi trăng chơi;
Vừa xong khúc, đã quên rồi tình kia

Say khướt, li bì thì không thể nằm uể oải! Mà phải nằm vùi như chết kia! Và khi tỉnh ra, với một câu sáu trong bài lục bát, từng chữ phải được thể hiện trọn vẹn ý, mạch của nó... “trông” với “nhìn” làm dư và uổng đi một chữ. Thơ uổng một chữ là mất khí thế toàn bài. Huống gì, cả bài dịch thơ của ông Trần Trọng San thì “uổng” rất là nhiều chữ!

Chẳng những uổng “chữ”, còn có những gò ép

Trong hoa, thấy một con chim thì thào...

Chim mà thì thào thì tôi cho là rất lạ. Chim hót líu lo, ríu rít v.v.v.. là bình thường. Chim “thì thào” này tất phải là một loài chim quý hiếm gì đó, mà chỉ có Trần Trọng San mới “trông, nhìn” ra được chăng?

Hết con chim gì đó thì thào, lại đến con “chim oanh” trò chuyện “ào ào” gió xuân.

Tôi buồn lây cái buồn của Lý Bạch. Ông Lý chết hơn nghìn năm rồi, nỗi buồn của ông, xem ra, chẳng những còn vương vấn cõi trần ai, mà trong vương vấn còn có chiều “sâu đậm” hơn, “uể oải” hơn!

Sâu đậm vì hậu nhân đem thơ ông ra vầy vò. “Uể oải” chẳng phải vì ông uống quá nhiều rượu! Lý Bạch càng uống rượu, thần khí thơ càng trào dâng. Ông “uể oải” vì... theo tôi, đọc một số bài dịch thơ ông của hậu bối ngày nay, ông chán không thèm uống rượu nữa!

Hoa chẳng, phải vời ông về thành Kim Lăng ngày cũ. Nơi tửu quán năm xưa. Phải dựng lại cái không gian của thời Thơ Rượu ấy:

Phong xuy liễu hoa mẫn điềm hương.
Ngô cơ áp tửu khuyến khách thường
Kim Lăng tử đệ lại tương tống...

(Gió thổi hoa liễu lừng hương thơm đầy quán rượu Cô gái đất Ngô hâm nóng rượu, đem ra mời khách nếm. Các con em ở Kim Lăng tụ lại đưa tiễn ta...)

Ồi! Cái không gian hào hoa cảm động dường nào cho thi sĩ! Thơ đề vách quán. Rượu uống mời sông. Trường giang tận biệt.

Cho đến bây giờ, sau bao nhiêu năm, mỗi lần đọc lại thơ Đường, là mỗi lần lòng tôi rưng rưng tưởng tiếc một thời vàng son cho những người Thơ.

Bằng tấm lòng ngậm ngùi tưởng tiếc đó, tôi đã dịch bài *Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn Chí* của Lý Bạch như sau:

Nói Chí Minh Trong Cơn Say Tỉnh Ngày Xuân

Đời như cơn mộng lớn
Cực thân để làm gì?
Thà cứ say li bì
Dựa cột quên chân ngã
Tỉnh ra, ngó sân nhà
Chim hót mềm bên hoa
Hỏi khan ngày, quên, nhớ?
Gió Xuân mừng tiếng oanh
Ngậm ngùi cảnh sinh tình
Ta mời ta uống tiếp
Hát vang chờ trăng lên
Dứt câu, liền đã quên

Những lời thơ, hơi thơ Lý Bạch tài hoa lãng đãng đi về trong giấc mộng. Như thế đó, cơn trường mộng của Lý Bạch, Giấc Mộng Lớn hay Giấc Mộng Con của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu sẽ vĩnh viễn tồn tại giữa trần ai

Thơ thực sự là Thơ, tức là chân ngã. Là Chân Ngã tức là rốt ráo của cái đẹp, của Thiện Mỹ. Thiện Mỹ thì dù cho đó là những nghi nan cật vấn nhân gian, sẽ vẫn tồn tại cùng mây ngàn gió núi. Một tửu đồ chân chính, là một Người Rượu đã từng phen tụ mời mình một chén “ly bôi”. Chén chia biệt của chính mình và với chính mình.

Virginia, Feb 15 – 2005

Việt Nam, tiếng mì gõ "xực tắc" và manh chiếu búp điều rách

Tạp chí Văn Hóa - Văn Nghệ Công An số 1/1999, Nguyễn Quang sáng mở đầu bài ký "Mì Gõ, và bài hát Hoa Trắng Roi":

"Thằng con trai tôi – Dũng - hai mươi tuổi. Một hôm nó xin:

-Đêm nay con không ngủ nhà.

-Ngủ nhà ai?

-Đi theo thằng mì gõ.

-Được. Tôi cho phép.

Nhưng nó không đi một đêm mà đi suốt cả hai đêm.

-Sao? Tôi hỏi.

-Được lắm ba!

Sau đó nó lại đi lang thang, đêm nó ngồi viết, cũng viết gần sáng đêm. Nó đang học lớp Đạo diễn Điện ảnh đã đến năm thứ ba. Sắp hết kỳ một và đến hết kỳ hai thì nó ra trường. Nó đang làm bài tập.

Trước đó, nó lục tung cái tủ sách của tôi, đọc và đọc.

-Chọn được cái nào không?

Nó lắc đầu. Tôi nghi ngờ trình độ của nó.

-Ba thấy có nhiều truyện chuyển thành kịch bản được lắm chứ. Con khó tính quá.

-Không phải. Nhiều cái chuyển được và hay nữa kia. Nhưng con không đủ sức. Như một bài tập, độ dài, dài nhất là ba mươi phút.

Sau mấy đêm thâm nhập thực tế, bây giờ nó ngồi viết.

Nhớ lại hơn 40 năm trước, cũng ở tuổi hai mươi, thì tôi bắt đầu viết. Tôi cũng thức trắng đêm. Sức trai mà. Mất sức vì nghệ thuật là niềm hạnh phúc.

Trước đây thấy nó thức khuya, tôi và mẹ nó bao giờ cũng nhắc nó đi ngủ. Bây giờ thì không.

Từ bốn, năm năm nay, tôi với nó thường hay bàn về thơ nhạc và điện ảnh. Tôn trọng nó, tôi chẳng bao giờ chen vào việc của nó, cái nào nó cho đọc thì đọc, cái gì nó giấu thì thôi.

Viết xong nó kể: Nhân vật chính là thằng Mì gõ (Nó gọi người bán mì gõ bằng thằng với giọng thân mật, theo cách gọi thông thường của dân Nam Bộ miền Trung).

Điều này tôi không sát bằng nó. Nó kể:

-Trong hai đêm đi theo Mì gõ, nhờ đó mà con hiểu được cảnh sống của những người nghèo ở thành phố. Có lẽ không ai thấy và chứng kiến nhiều cảnh đời khác nhau bằng thằng Mì gõ. Theo nó, con chứng kiến một anh xích lô say xỉn chở vợ về. Anh xích lô cho vợ đi đêm nhưng anh lại ghen. Vừa đạp vừa chửi toáng lên cả con đường vắng. Xe đỗ lại dưới gốc cây, anh ta kéo vợ xuống, đánh đấm túi bụi. Người vợ chỉ biết ôm bụng khóc. Rồi sau đó hai người lại nằm ôm nhau trên tấm vải nilông dưới gốc cây. Vợ khóc vừa quẩn lấy nhau.

.....

Mì gõ lại đi qua một vỉa hè có hàng chục người nằm xếp bên nhau. Con dừng chân nhìn một người không thể đoán là bao nhiêu tuổi. Trên thân chỉ có một chiếc quần đùi. Trời lạnh, không có nổi một cái mền, một chiếc chiếu hay một tấm nilông mà mặc một chiếc áo mưa ồ ồ xèo ồ

mỏng tanh, thấy hết thân người. Tất cả hình ảnh này sẽ nằm trong ống kính của con. Nhưng con nghĩ, đưa lên những hình ảnh như vậy không biết có bị chụp là bôi đen chế độ hay không?o”

(Nguyễn Quang Sáng, Văn Hóa Văn Nghệ Công An, ở Mi Gõ Và Bài Hát Hoa Trắng Roi, số tháng 1 năm 1999; trang 39, 40)

Chỉ trong một đoạn văn ngắn, Nguyễn Quang sáng tạo cho tôi cùng lúc ba cảm xúc rất phân biệt:

1. Nguyễn Quang Sáng thể hiện được phong cách ở nhà văn, nghệ sĩ, trí thức ở cư xử với con trai ông. Trong đó, có sự tôn trọng của một cá nhân này với một cá nhân khác. Dường như, đây là điều rất hiếm hoi trong giới cha mẹ Việt Nam sống trong nước ở lứa tuổi Nguyễn Quang Sáng. Hơn nữa, ở sự tôn trọng của ông dành cho con trai, còn ẩn tàng một lòng thương yêu sẵn sốc. (ngược lại, giới cha mẹ Việt Nam ở hải ngoại thì lại mắc phải một hội chứng khác! Sợ con cái của mình.)

2. Mì gõ, mà dân Sài Gòn trước 75 thường hay gọi là mì ỏxực tắc. Mì chỉ bán về đêm. Một chiếc xe đẩy được trang bị lò bếp, một thùng nước lèo luôn bốc khói nóng hôi hổi. Trong ỏtử xe có ngăn để tô, muống dưa, rau hành gia vị v.v... Một người đẩy xe. Một thằng nhỏ đi theo cầm hai thanh tre đã lên nước đen bóng gõ vào nhau tạo ra những âm thanh liên tục như ỏxực tắc! xực tắc! Thằng nhỏ phụ việc này vừa làm công tác rao hàng bằng tiếng gõ "xực tắc"; vừa sẽ là waiter chạy đi lấy order khi có khách từ những ngôi nhà hai bên đường réo gọi. Điều tất nhiên, những người bán mì ỏxực tắc là những nhân chứng sống động của những xóm lao động, những con hẻm, những góc phố. Mì "xực tắc", là kỷ niệm một thời thơ ấu của tôi. Là món quà đêm mà tuổi nhỏ tôi rất yêu thích, và chẳng phải lúc nào đêm nào cũng được ba mẹ cho ăn. Yêu thích cùng với những xe mía hấp. Những gánh ỏchè đậu xanh bột bán nước dừa đường cát trắng. Tôi nhớ, đã có lần tôi hỏi mẹ tôi: Mẹ! Như vậy là có một thứ đường cát đen sao con chưa bao giờ thấy? Câu hỏi tôi được mẹ trả lời kèm một nụ cười: Đường cát trắng là đường tốt. Không có đường cát đen đâu con. Chỉ có đường cát vàng mà người ta thường dùng để làm bánh ngọt. Đối với mẹ tôi và hầu như ỏtoàn dân Việt Nam ở thời đó, đường cát trắng mới là thứ đường tốt quý, và nó đắt hơn đường cát vàng. Bây giờ, vào Starbuck uống cà phê, tôi chỉ uống với đường cát vàng và sợ đường cát trắng. Vì đường cát trắng ỏxài nhiều chất hóa học... để làm cho nó trắng!

Mì gõ, mì "xực tắc"! Nguyễn Quang Sáng đã khơi dậy trong tôi cả một thời tuổi nhỏ.

3. Hình ảnh ghen tương và lối yêu thương trong sự đọa đày nghèo khó của cặp vợ chồng anh đạp xích lô say là một khắc họa rất đậm nét của xã hội Việt Nam! Không chỉ dưới thời Cộng Sản bây giờ, mà hầu như thời nào cũng có những cảnh tương tự xảy ra ở những thành phố lớn của Việt Nam, đặc biệt là Sài Gòn Hà Nội...

Nghèo, khổ, là hai thứ gia tài đặc trưng "của mẹ để lại cho con" người đất nước Việt Nam. Tháng hai năm 1975, một buổi sáng tôi có việc đến tìm người bạn ở đường Đinh Tiên Hoàng Gia Định. Lúc ấy chừng khoảng sáu rưỡi, bây giờ. Nhà bạn tôi nằm trong một khu phố trung lưu bình dân, kiểu hai bên đường là nhà hai tầng đầu mặt vào nhau, cách giữa là một con đường nhỏ vừa là sân chơi của trẻ em trong phố.

Trước sân nhà bạn tôi lúc ấy, ở góc nhà kề bên có hai đũa bè. Một đũa bé gái khoảng hai tuổi trên mặc chiếc áo thun màu cháo lòng, dưới cởi truồng đang bò lê la. Một đũa bé trai chừng ba tuổi cởi trần, dưới mặc quần đùi sọc mồn đang đứng vạch cu đá khơi khơi. Ngay sân nhà bạn

tôi, trên một manh chiếu hoa rách bươm là một đồng giẻ rách nhấp nhô... Nhìn kỹ, mới thấy một người đàn ông đang nằm trên một người đàn bà trong tư thế làm tình. Phủ lên họ là một chiếc mền vá chằng vá đụp đủ màu. Họ đang làm tình một cách yên lặng, và dường như cả hai đều nhắm tịt mắt đê mê nên đã không nghe tiếng chân tôi cũng như không thấy tôi đang đứng ngay cửa nhà và sắp gõ cửa. Tôi đành nín thở và nhẹ bước qua một góc khuất gần đó, chờ...

Tôi chờ cho hai vợ chồng (hay tình nhân gì đó) kia... làm xong công việc thiên nhiên của đàn ông và đàn bà với nhau, rồi mới gõ cửa để gặp bạn tôi...

Trong thời gian đứng chờ, tôi miên man suy diễn về cái cộng đồng bốn người: Một đàn ông, một đàn bà và hai đứa bé nheo nhóc. Họ là một gia đình ngày sống trên vỉa hè. Đêm về ngủ trước sân nhà ai đó hay một gậm cầu, hay bất cứ đâu... Gia tài của gia đình họ là chiếc chiếu hoa cạp điều rách bươm chẳng biết họ đã có được bằng cách nào và từ đâu....

Tô mì gõ "xực tắc", chiếc chiếu hoa cạp điều rách bươm là hạnh phúc Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến và văn hóa? Có bạn vì tự ái dân tộc hay vì lòng yêu nước quá độ, sẽ xỉa xói tôi và nói rằng: "Chuyện! Người nghèo khổ ở đâu, ở đất nước nào mà chẳng có. Tôi đã từng đọc của ông trong truyện ngắn "Người Đàn Bà Mặc Áo Măng Tô Màu Xám" trong "Truyện Người Viết Sử", ông cũng tả một cặp tình nhân đàn ông Mỹ đen đàn bà Mỹ trắng mùa đông ôm nhau nằm trong một đồng chăn ở hè phố New York... Đúng không?

Dạ thưa, đúng như vậy! Đúng là người nghèo khổ ở đâu mà chẳng có. Ngay trên đất Mỹ văn minh giàu có bậc nhất thế giới đây cũng đầy đầy những người nghèo khó sống trên vỉa hè, ngủ trong gậm cầu hay lề đường công viên hay bất cứ đâu... Nhưng sự nghèo khổ của những người Âu châu, người Mỹ chắc chắn không phải là nét đặc trưng của quốc gia họ. Trong khi, sự nghèo khổ của đất nước Việt Nam, của con người Việt Nam lại là nét đặc trưng của quốc gia Việt Nam, của dân tộc Việt Nam...

Xin đọc một đoạn văn của Kiệt Tấn, để thấy "tình nghèo mà vui" quả là một điều đôi khi có thật. (Tôi phải đồng ý điểm này, nhưng chẳng phải mỗi tình "nghèo" nào cũng "vui" và dĩ nhiên "tình giàu" chắc chắn... phải vui hơn. "Nghèo" mà "vui" hay "nghèo" mới "û vui"... không phải là một định luật, chỉ là một lời an ủi hên xui!):

"Cuối tuần nàng được ứng trước chút đỉnh tiền. Tôi dự định sẽ ăn một miếng sườn heo chiên đã thêm quá lâu. Nàng dắt tôi đi coi phim ở Mystère de L'Araignée Verte, một cây nhện nhện xanh dờn. Trong phim có nhiều bài ca hay hết chỗ chê. Nhút là bài ở Comme au premier jour do Jacqueline Boyer hát. Văng hát, còn chút tiền lẻ nàng mua cho hai đứa hai cây cà-rem sô-cô-la hạt dẻ, xong chui vào tiệm cà phê nghe Louis Armstrong, đánh banh điện một chút sạch trơn. Lúc đó tôi mới biết hết tiền. Ô-voa cái sườn heo, cũng như đã bán-bai con gà rô-ti ở biển. Tôi đói bụng quá nên cần nhần. Nàng nói sao tối ngày tôi chỉ nghĩ tới chuyện ăn. Tôi ức quá đứng lại hét lên giữa phố Saint Michel: "Phải! Tôi ham ăn đó! Rồi ai làm gì tôi?" Người đi đường quay lại ngó. Nàng kéo tay tôi đi, tôi dùng dằng, xô nàng chúi nhủi. Nàng tựa vào tường khóc thút thít. Nàng nói:

-Em làm có chút tiền dắt anh đi chơi mà anh cũng không bằng lòng...

Tôi nắm tay lôi Diane đi, nàng trì lại. Tôi dọa đánh đòn, nàng mới quẹt nước mắt chịu theo tôi. Về tới khách sạn, tôi vẫn còn hằm hằm. Đèn trong hành lang vụt tắt tối đen. Diane đấm ngực tôi thùm thụp, khóc thét lên rồi ngã quỵ ở cầu thang. Tôi đỡ nàng dậy, hai đứa ngồi ở bậc thang, nàng còn khóc sụt sướt, xung quanh tối thui. Tôi ôm đầu nàng hôn lên tóc, lòng hối hận vô cùng..."

(Kiệt Tấn, tuyển tập, truyện Người Em Xóm Học, Văn Mới xuất bản 2002, trang 165, 166)

Anh xích lô say sau khi đánh vợ vì ghen, cả hai vừa ôm quần lấy nhau vừa khóc. Hạnh phúc bình dân ít học. Kiệt Tấn sau khi "vòi ăn sườn heo chiên" với người em xóm học của Paris đèn vàng và hai người hết tiền nên Kiệt Tấn phải nhịn đói, bèn gây gỗ với Diane. Nhưng sau đó Kiệt Tấn đã hối hận, ôm đầu Diane và hôn lên tóc nàng. Kiệt Tấn trí thức lãng mạn và con nít đàn ông. Cái nghèo của vợ chồng anh xích lô say và cái nghèo của sinh viên Kiệt Tấn với nàng Diane... nó khác nhau.

Cũng như thế, cặp tình nhân chàng Mỹ đen với nàng Mỹ trắng trong đồng chăn mền ở vỉa hè New York mùa đông và ông gia đình bốn người một manh chiếu hoa cạp điều rách trước sân nhà bạn tôi đường Đinh Tiên Hoàng không giống nhau.

Sự thê thảm không ở những đôi tình nhân hay vợ chồng nghèo. Nếu có, cũng in ít thôi. Cũng vừa phải thôi. Sự thê thảm thể hiện mãnh liệt từ hai đứa bé; đứa trần đứa truồng lê la trên hẻm phố vào một buổi sáng tinh sương... Trong khi cha mẹ chúng đang làm tình. Đang làm công việc tiếp tục sản sinh ra những đứa bé mà tương lai cũng sẽ trần truồng lê la trên vỉa hè đường hẻm!

Tiếng mì gõ. Tiếng mì "xực tắc". Manh chiếu hoa cạp điều rách bươm. Những đồng chăn mền hôi hám trên vỉa hè New York. Tấm mền rách vá chằng đụp ở phố hẻm Đinh Tiên Hoàng Gia Định Việt Nam. Tôi đã đi một vòng trái đất để tìm một cái gì đó mà tôi chưa định hình định tướng được rõ ràng.

Văn chương, thi ca, hội họa... nghệ thuật nói chung của Việt Nam đang rất cần có rượu nồng, thịt béo và bàn trải khăn hồng khăn trắng.

Con trai Nguyễn Quang Sáng đâu cần bôi đen chế độ. Mấy trăm năm nay trên đất nước Việt Nam, có một chế độ nào mà không đen tối?

Chợt nhớ loáng thoáng những câu thơ tôi làm trong một lần về lại Việt Nam, năm 1990 hay 1992?:

*tà dương, tà dương bóng đổ chậm
bốn hướng mịt mù, đời thăm thăm
lá dứa chém rụng đầu thương thân
em gái cỡi truồng môi đỏ thắm*

Chưa một lần nào tôi nhớ hết được một bài thơ của chính mình. Trừ một vài bài rất cũ, rất xa mà tôi đã viết từ những thời tôi mười lăm, mười sáu tuổi.

Thời của những tô mì "xực tắc" và những ghim mía hấp lúc gần nửa khuya... Lúc mà từng đêm có tiếng còi hụ giới nghiêm vào đúng 0 giờ.

Miami 11 tháng 8 năm 2003.

“Dòng Đời” chảy về đâu?

Tôi có thể đoán chắc khi cầm cuốn Dòng Đời của Tiến Sĩ Lê Đình Chi trên tay, ít ra phải có chín trên mười người lâm vào tình trạng hoang mang bất định! Nhưng với riêng tôi, chính sự hoang mang này là động cơ bắt tôi phải... “lướt” qua cuốn sách.

Nhưng tại sao chỉ mới cầm cuốn sách lên tay, đã tức thì bị trượt chân vào cõi tâm thần bất định? Tất nhiên là có những lý do hùng vĩ bất khả tư nghị của vấn đề!

Trước hết, tôi xin phép “tả” qua hình thức của cuốn sách:

Đầu tiên dĩ nhiên là cái bìa: Dưới năm chữ Tiến Sĩ Lê Đình Chi màu xám bạc viền đỏ, là hai chữ Dòng Đồi đen đặc rắn chắc. Rồi một bức tranh đen trắng mà sau này, khi mở vào những trang trong, chúng ta sẽ biết là của Họa Sĩ Nguyễn Xuân Tuấn Khanh. Bức tranh “dường như” vẽ một thiếu nữ tóc xỏa mặc áo dài tay cầm... nón lá, đứng tít xa ở cuối đường (?). Bối cảnh là những bệt màu đen và xám nhạt, những khoảng trắng. Có một khoảng trắng tròn ở giữa và kéo dài ra bên phải, bên trái, khiến người đang nhìn có cảm giác rất... hoang mang: Hoang mang vì không biết đây là mặt trời hay mặt trăng? Nhiều phần trăm là mặt trời, vì vô lý mà cô thiếu nữ kia lại... tay cầm nón lá đi giữa đêm trăng! Những mảng núi, những trụ đá hay... gì đó.v.v.. Và dưới cùng, là logo của nhà xuất bản Văn Mới.

Có phải quý độc giả đã bắt đầu hoang mang bắt định rồi phải không? Tác giả đã chua rõ và nhấn mạnh bằng cấp trước tên của mình. Vậy Tiến Sĩ Lê Đình Chi hẳn nhiên là phải viết một cuốn sách biên khảo nghiên cứu về một cái gì đó. Bằng cấp chuyên môn bảo kê cho đề tài nghiên cứu chuyên môn! Đã là sách biên khảo nghiên cứu, sao lại đặt một cái tên hết sức Quỳnh Dao Hồ Biểu Chánh là Dòng Đồi? Ngược lại, nếu Dòng Đồi là một cuốn tiểu thuyết hay một tập truyện, thì ông Lê Đình Chi cần gì phải trưng ra cái bằng Tiến Sĩ....

Vậy thì thử nghĩ chúng ta nên bình tĩnh lật thêm vào những trang sau:

Sau một tờ chừa trắng, tờ kế chỉ có hai chữ Dòng Đồi nằm chênh vênh gần đầu trang. Tờ tiếp theo, mặt A có ba phần:

Lê Đình Chi – Tiến Sĩ Công Pháp.

Dòng Đồi, tên tác phẩm.

Văn Mới – 2003, tên nhà xuất bản và năm xuất bản.

Vẫn không thấy ghi là sách thuộc thể loại gì... Vậy ông Tiến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi phải chăng viết một cuốn sách về Công Pháp Giữa Dòng Đồi Ô Trọc?

Cứ tiếp tục bình tĩnh và kiên nhẫn, chúng ta sẽ tuần tự mà tìm hiểu vấn đề... thì rồi vấn đề dù hóc búa đến đâu, thiết nghĩ cũng sẽ được soi sáng! Và đây, mặt B của tờ này:

-Dòng Đồi

-Tiến Sĩ Lê Đình Chi

-Lời Giới Thiệu: Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh

-Lời Bạt: Nhà Văn Hồ Minh Dũng

-Bìa: Họa Sĩ Nguyễn Xuân Tuấn Khanh

-Trình bày: Nguyễn Vũ Minh

-Hiệu đính: Huyền Quyên

In lần thứ nhất tại Hoa Kỳ 2003

Hàng dưới cùng của trang này là copyright...

Như vậy là hợp lý... và cũng không hợp lý! Sách nghiên cứu của một ông tiến sĩ, nhờ một ông tiến sĩ đề tựa giới thiệu là chuyện tất nhiên. Vấn đề học thuật chuyên môn, phải có người tương đương bằng cấp thẩm định để bâng dâng thiên hạ tin tưởng là chuyện nên làm! Nhưng lại đưa cho một ông nhà văn là Hồ Minh Dũng viết lời bạt là tại làm sao? Một cuốn sách nghiên cứu đâu cần phải có Lời Tựa, Lời Bạt um sùm như vậy...

Vì những “vấn nạn” nêu trên, chúng ta lại phải tiếp tục “nghiên cứu” Dòng Đời”...

Tờ tiếp theo đó, tác giả Tiến Sĩ Lê Đình Chi đề tặng:

-KÍNH DÂNG SONG THÂN

... Mẹ đã qua đời nhưng con vẫn cảm thấy sự hiện diện của Mẹ như ánh sáng soi đường dẫn lối cho con trong bóng đêm tràn ngập cuộc đời...

-THƯƠNG TẶNG HIỀN THÊ HUYỀN-QUYÊN

... người phụ nữ đảm đang, dịu hiền đã gây nguồn cảm hứng và gợi ý chủ đề của các câu truyện trong tuyển tập DÒNG ĐỜI.

-TRAO GỬI CÁC CON, CÁC CHÁU NỘI, NGOẠI

... để suy nghĩ về cuộc đời, về Quê Hương và thân phận con Người, để sống xứng đáng và lương hảo...

Chỉ một cuốn sách, ông Tiến Sĩ Lê Đình Chi sau khi Kính Dâng BỐ MẸ, lại đành đoạn giật lại để tặng cho Vợ Hiền. Bà Vợ Hiền chưa kịp cầm ấm tay, Tiến Sĩ Lê Đình Chi đã đòi lại mang tặng cho các con, các cháu nội ngoại... Chẳng biết thân phận cuốn sách sau đó, có được bình an trong tay các con cháu của ông Tiến Sĩ hay không? Và các con cháu của ông Tiến Sĩ sẽ phải chia chác ra sao cái báu vật Dòng Đời được san sẻ công bằng.... bởi vì nó chỉ có một cuốn?

Tuy nhiên, nhờ đọc các Lời Tặng này mà chúng ta mới phát hiện ra Dòng Đời là một tập truyện!!! Sáng tác một Tập Truyện, thì đâu có cần phải trưng ra cái bằng Tiến Sĩ... Và cũng hà tất phải nhờ một ông Tiến Sĩ khác viết Lời Giới Thiệu...

Tuy nhiên, đã lỡ “nghiên cứu” đến đây, tôi lại thiết nghĩ chúng ta cũng nên biết thêm chút ít về Dòng Đời. Muốn biết về Dòng Đời chứa đựng những văn chương tư tưởng ra sao, mà không phải mất thì giờ đọc hết cuốn sách, cách hay ho nhất là chúng ta cùng đọc Lời Giới Thiệu và Lời Bạt. Mặc dù truyền thống viết Lời Tựa hay Lời Giới Thiệu Lời Bạt xưa nay trong văn học Việt Nam là chỉ được phép và có bổn phận... Khen chứ không khi nào được tẩn mĩ chê bai. Chê bai là đi sai truyền thống, là thiếu văn hóa, là bất lịch sự... Nhưng tôi đoán chắc giữa những dòng chữ tâng bốc của thứ văn hóa Quan Hôn Tang Tế, người tinh ý vẫn nhận ra ít nhiều thực chất của tác phẩm và tác giả.

Như vậy, chúng ta thử “khảo sát” Lời Giới Thiệu” của Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh, xem sự thể ra sao.:

“Tác giả nguyên là giáo sư trường Đại học Luật khoa Sài Gòn. Sau ngày 30. 4. 1975, ông đã bị nhà cầm quyền cộng sản giam giữ trong suốt mười ba năm.

Đến tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ, ông đã cho ra đời năm 1999 truyện dài đầu tiên “Kẻ Giật Dây”. Đây là một câu chuyện đầy xúc động kể lại cuộc đời của một võ sư vì sự liên hệ chính trị đã đem lại cho bản thân và gia đình những thảm họa.

Hôm nay, tôi hân hạnh giới thiệu đến người đọc tuyển tập truyện ngắn “Dòng Đời” của ông. Một số đã được đăng trên các tạp chí Văn Học hải ngoại. Văn từ nhẹ nhàng, trong sáng, xoáy sâu vào tâm hồn người đọc.

Nội dung thâm thúy, chủ đích rõ ràng, dứt khoát với bố cục chặt chẽ, mạch lạc, lời cuốn người đọc đi vào một thế giới thực, một thế giới có nhân tính và chiều sâu, nói lên ước mơ của con người trước những đổi thay của xã hội.

.....

Dù quen biết nhau từ lâu, với tình bạn bè và tình đồng nghiệp, tôi không bao giờ nghĩ tác giả là một người viết văn như một nhà văn mà là một nhà nghiên cứu, luật gia hay học giả. Thế nhưng tình cờ, tôi đọc bài “Quê Hương” của ông trên một tạp chí Văn Học và bài viết đã làm lòng tôi bồi hồi, xúc động, ý văn mộc mạc, lời văn lãng mạn, trữ tình gợi nhớ những bài văn của Thanh Tịnh, Thạch Lam ngày nào. Quê Hương phút chốc đưa tôi trở về một quá khứ xa xăm với hình ảnh thần tiên của một thời thơ ấu mà giờ đây dù bênh bồng nơi đâu, lòng tôi vẫn luôn vương vấn những kỷ niệm êm đềm của một xóm chợ trong ngôi làng nhỏ, của những bà mẹ ngồi sàng gạo trước mái hiên nhà và của những đàn trâu nối đuôi nhau chậm chạp trở về trên con đường đất ngoằn ngoèo nhỏ hẹp... Tôi thấy thấm thía câu nói ngày nào của ông Carnot: “Chốn quê hương là đẹp hơn cả...”

.....

Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh”

Bây giờ, chúng ta đã có một... khái niệm về tác giả Tiến Sĩ Lê Đình Chi lẫn của người viết Lời Giới Thiệu Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh.

Hai ông Tiến Sĩ cùng nhau thường ngoạn và chiêm ngưỡng đại loại thứ hồn vía văn chương của hơn nửa thế kỷ trước, và thậm chí khuôn mẫu của thể loại Công Dân Giáo Dục Đồng Ấu Giáo Khoa Thư.

Cá nhân tôi có tôn trọng văn tài của hai ông Thạch Lam Thanh Tịnh. Vào cái thời mà ngôn ngữ Việt chưa phát triển bao nhiêu, chữ viết theo mẫu tự La Tinh mà chúng ta đang sử dụng hôm nay và thường gọi là chữ... Quốc Ngữ hãy còn trong giai đoạn vượn mình để phát triển, thì văn như hai ông Thạch Lam Thanh Tịnh đáng nên gọi là xuất sắc! Nhưng đã qua rồi bao nhiêu thập kỷ, bao nhiêu biến động của văn hóa chính trị xã hội, ngôn ngữ Việt Nam hôm nay đã rất trưởng thành, đã phát triển đến một tầm vóc khá dĩ chấp chứng bên thềm của thể loại ngôn ngữ Hàn Lâm... thì còn ông Tiến Sĩ Lê Đình Chi viết “ý văn mộc mạc, lời văn lãng mạn trữ tình gợi nhớ những bài văn của Thanh Tịnh, Thạch Lam”... , xin đau lòng nói rằng chả có gì đáng đọc!!! Nếu cần đọc lại văn của hai ông Thanh Tịnh, Thạch Lam chính gốc là chỉ để viết những bài nghiên cứu văn học... chứ đọc để thưởng thức... thì giờ đâu? Văn chương, văn học cận đại và hiện đại trùng điệp ra đó, dù có là một tay mê đọc đến đâu cũng chẳng thể nào đọc cho hết được... cho đến ngày chết, hà có gì chạy ngược thời gian để đọc... Quốc Văn Giáo Khoa Thư.

Ông Carnot thì tôi có nhớ đấy chứ. Câu nói của ông mà thời tôi còn nhỏ có bị xúc động đến bây giờ tôi chẳng thể quên! Mặc dù, câu nói ấy không còn làm tôi xúc động nữa! “Chôn quê hương là đẹp hơn cả” chỉ là một câu nói để ủy lạo chính mình, để tự trấn an nhắc nhở... Thời nhỏ dại, câu nói đó như một thứ thần chú để tuổi thơ tập tành... yêu nước. Khi con người trưởng thành, những câu thần chú loại đó nghe ra chỉ thấy ngô nghê nhược tiều.

Xin minh bạch một điều, là tôi tuy chỉ thuộc loại yêu nước vừa phải. Tuy vậy, tôi luôn nghĩ mình là người Việt Nam chân chính, cho đến chết vẫn yêu nước Việt Nam nhất là chuyện tất nhiên, thiên kinh địa nghĩa. Tôi nhất quyết không bao giờ... bán nước. Không bao giờ làm những điều gì có hại cho Việt Nam... nếu không thể đóng góp chút gì giá trị cho đất nước mình. Nhưng trăm ngàn lần tôi không thể khẳng khái cái chày cái đất nước Việt Nam là đẹp nhất thế giới!

Tôi đã đi gần khắp nước Mỹ. Tôi đã đến khá nhiều những quốc gia trên thế giới... Tôi nhận ra trên địa cầu này có biết bao nhiêu là cảnh thú núi non sông biển thiên nhiên đền đài nhân tạo.v.v... đẹp vô cùng. Cái đẹp chung cho con người có trí tuệ và biết sống thờ thường thức đấm mê. Nhưng sau gần ba mươi năm sống ngoài Việt Nam, tôi vẫn tỉnh táo biết rõ một điều quê hương Việt Nam vẫn là bản sắc của tôi... Và cũng tỉnh táo biết thêm một điều nữa trái đất trần gian là quê hương chung của Con Người. Nó rất đẹp và cũng rất xấu... Cũng như cái quê hương bản sắc Việt Nam ta!

Nhưng dù gì, tôi cũng sẽ rán mà thử đi vào thế giới văn chương của Tiến Sĩ Lê Đình Chi cho phải đạo, vì tôi đã có đặt bút xuống viết về ông và tác phẩm Dòng Đòì này của ông Tiến Sĩ.

Xin đọc thử:

“Tôi bắt đầu cắp sách đến trường tiểu học và lớn lên ở thành phố Huế. Suốt hơn một thế kỷ, Huế là kinh đô của nước Việt Nam.

Từ Hoàng Thành với cột cờ cao vời vợi, nhìn về hướng Nam là núi Ngự Bình, thấp thoáng từ xa như một lá chắn cho trung tâm thành phố. Tuy núi Ngự không cao lắm, không cao bằng Bạch Mã Sơn trên đường quốc lộ đi về phía Nam, nhưng mặt núi bằng phẳng bao phủ bởi ngàn thông cao vút. Bên phải Ngự Bình là núi Hữu Bát, người Huế quen gọi là núi Bàn, bên trái là núi Tả Phù còn gọi là núi Tam Thai. Người xưa thường nói, kinh đô Huế quả là nơi địa linh nhân kiệt, nơi xuất phát nhân tài cho Tổ Quốc. Địa danh Ngự Bình nói lên dụng ý và tâm niệm của Tiên Nhân, giữa là Hoàng Đế, long mạch, hai bên Tả Phù, Hữu Bát để che chở và giữ vững giang sơn xã tắc. Do đó, dù có ba chìm bảy nổi, dù có phải truân chuyên lên thác xuống ghềnh, đất nước cuối cùng vẫn vững vàng như bàn thạch, nền văn hóa truyền thống của Tổ Tiên vẫn trường tồn.

Nhà tôi ở trên đường Phường Đúc hướng về núi đá vôi Long Thọ, nằm trên một nhánh sông Hương lững lờ chảy qua làng Nguyệt Biều. Xa xa bên kia bờ là cổ chùa Thiên Mụ được xây cất từ thời Chúa Nguyễn Phúc Chu cách đây hơn 200 năm. Tôi vẫn quen từ hồi còn nhỏ tiếng chuông của đại hồng chung từ cổ chùa Thiên Mụ vọng về đêm đêm và nhớ lời mẹ thường ru tôi ngủ:

Gió đưa cành trúc là đà,

Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.

(Lê Đình Chi, truyện Quê Hương trong tập Dòng Đòì, tập truyện, Văn Mới xb 2003, trang 15)

Như vậy là văn chương “trong sáng, mộc mạc, lãng mạn, trữ tình” theo kiểu của của một ông Tiến Sĩ Luật Công Pháp chẳng?

Tôi chỉ thấy đoạn văn vừa rồi y khuôn những bài luận văn thời tiểu học khi thầy giáo ra đề:

“Hãy tả quê hương chôn nhau cắt rốn của em.”

Thế là các em cùng nhau gò lưng, niềng đầu, tay cầm cứng cây viết, từng lúc từng lúc chắm vào lọ mực kiểu đáy lòng chảo cho mực không bị dây đổ, cầm cúi “nhập đề luân khởi” vừa “giết văn” vừa phải trả bài địa dư lịch sử và phong tục ca dao và điều bắt buộc chắc chắn là phải tìm ra những ưu điểm của “quê mình” để ngợi ca tới bến! Địa linh nhân kiệt là đòi hỏi tất yếu. Không phải địa linh, cũng rán sao đó tìm cho ra nhân kiệt... Ông Địa đầu làng hay bà Thần Miếu cuối xóm... Hà huống gì cái quê hương của ông Tiến Sĩ Lê Đình Chi lại đúng ngay Huế Minh thì phải biết!!! Nào Tả Phủ Hữu Bật. Nào Long Mạch Hoàng Đế. Nếu Tiến Sĩ Lê Đình Chi không khẳng định Huế là kinh đô của nước Việt Nam hơn một trăm năm, thử hỏi có bao nhiêu người Việt biết đọc tiếng Việt sẽ không biết điều này??? Tôi e rằng bây giờ, trên thế giới và nhất là dân Mỹ và Pháp, người ta đã biết Huế... vốn là Kinh Đô của nước Việt Nam bốn năm ngàn năm văn hiến văn hóa truyền thống từ lâu.

Vả lại, cái long mạch của Hoàng Đế Huế chẳng biết bị chạm môi sút móng ra sao, mà đất nước Việt Nam đã qua tám hồi chín trận, chìm nổi truân chuyên, xuống thác lên ghềnh đã mấy trăm phen mà vẫn ... chưa yên! Cái bàn thạch vẫn biết tằm đâu đó trong truyền thuyết và truyền thống.

Chẳng biết từ những duyên do nào, mà tôi ngày càng ác cảm với hai chữ truyền thống! Tôi mạnh dạn thấy rằng và tin rằng hai con chữ này đã đóng một vai trò rất quan trọng cho sự chậm tiến, ngô nghê, ấu trĩ thậm chí đần độn và tụt hậu của dân tộc đất nước Việt Nam.

Lại xin cùng nhau nhấn nạy đọc thêm một đoạn của Tiến Sĩ Lê Đình Chi:

“Nơi đây, đền đài lăng miếu không chỉ là những thắng cảnh của quê hương mà còn là chỉ điểm nghệ thuật kiến trúc của cư dân xuất phát từ nền văn hóa riêng của dân tộc. Phải chăng, vị trí địa lý đã tạo cho người Huế một cung cách sống riêng, không phải để “tự cô lập” mà là để “hòa đồng”, đặc biệt từ ngày vua Gia Long thống nhất đất nước từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau và Ngài chọn Phú Xuân làm kinh đô của cả nước.”

Hình như, giữa thiên nhiên và con người có một sợi dây thiêng liêng ràng buộc, một sợi chỉ bằng máu của biết bao nhiêu người Việt từ thế hệ này qua thế hệ khác đã đổ xuống nuôi dưỡng ấp ủ quê hương bằng biết bao kỷ niệm để mỗi lần xa quê hương là một lần mơ ước một chuyến động trở về.”

(Lê Đình Chi, Dòng Đời, tập truyện, Văn Mới xb 2003, trang 16 & 17)

Ông Lê Đình Chi học Luật, và có nguyên cả một cái bằng Tiến Sĩ dù không biết là của trường nào cấp. Tuy nhiên, ông đã học Luật, thì đầu óc ít ra cũng phải biết nhận xét, lý luận khả dĩ đâu ra đó! Vậy mà ông có thể xuống bút viết là “... đền đài lăng miếu không chỉ là những thắng cảnh của quê hương mà còn là những chỉ điểm nghệ thuật kiến trúc của cư dân xuất phát từ nền văn hóa riêng của dân tộc.”

Ông Lê Đình Chi hãy chỉ cho tôi một nét đặc thù nào trong kiến trúc những lăng tẩm đền đài nhà Nguyễn ở Huế có tính dân tộc Việt Nam? Cái tính dân tộc là gì và như thế nào, ngay cả

những vua chúa và trí thức thời Nguyễn còn chưa lý giải cho ra hồn. Sá gì đám cư dân sống trong thành nội lẫn thành ngoại, chỉ là những nạn nhân thấp cổ bé miệng bị sự áp bức của vua quan thời phong kiến mà phải nai lưng ra đi lao động, xây từng viên gạch cho những miếu đền lăng tẩm ăn cắp theo lối kiến trúc nửa Trung Hoa nửa Tây Phương mà bất cứ con người hiểu biết bình thường nào cũng dễ dàng nhận ra.

Trong lần về Việt Nam năm 2002, tôi có ra Huế và cùng gia đình đi thăm mấy cái lăng tẩm gì đó. Cô hướng dẫn viên đưa chúng tôi vào “chiêm bái” lăng Khải Định. Những con voi, những con ngựa được đúc từ Pháp mang về từ một thời xa xưa, bây giờ đứng gục đầu ngu ngơ trên sân thềm xi măng giữa cơn nắng diên người. Sau đó, cô hướng dẫn còn đưa chúng tôi vào bên trong lăng, để thưởng lãm tượng Khải Định mà theo cô là đã được đúc bằng size người thật của ông vua này! Nếu tượng quả tình được đúc bằng cỡ người thật thì vua Khải Định thuộc vào loại bệnh hoạn vì rất gầy yếu và lùn thấp. Bộ “long bào” ông vua mặc rộng thùng thình... Ông ngồi trên chiếc “cửu ngư” mà giống y như đứa con nít bảy, tám tuổi... Vua Khải Định chỉ dám ngồi mém vào rìa ghế, vì nếu ông ngồi thoải mái dựa lưng nghếch chân, thì ông sẽ lọt thỏm vào lòng ghế và thần dân sẽ chỉ thấy cái “long y” chứ chẳng thể nào nhìn thấy được nhà vua. Vua Khải Định có một khuôn mặt xương xẩu què mùa. Theo cô hướng dẫn thì vào năm bốn mươi tuổi thì phải, vua Khải Định thấy mình đã “quá thọ” nên chuẩn bị làm Thái Thượng Hoàng. Vua bèn tặng thuế để lấy tiền gửi qua Pháp đúc tượng của ông, hầu để lại “một chút xíu” gì cho thần dân mai sau chiêm bái.

Như vậy, từ những con voi, con ngựa bên ngoài sân lăng Khải Định, cho đến ngay chính tượng của ông ta đều do bóc lột từ sưu thuế của dân để gửi qua Pháp trả công cho chuyên viên Pháp đúc gửi về! Những nét đặc thù trong kiến trúc dân tộc nằm ở cái lăng nào của nhà Nguyễn Gia Miêu tôi chưa biết. Riêng lăng Khải Định và một số những lăng tẩm khác mà tôi có thấy thoáng qua, thì chẳng có cái nào không lai nửa Tàu nửa Tây hết cả.

Phần sau của đoạn vừa trích bên trên của Tiến Sĩ Lê Đình Chi tôi lại càng thấy chẳng thể nào hiểu được! Ông viết: “... áp ủ quê hương bằng biết bao kỷ niệm để mỗi lần xa quê hương là một lần mơ ước một chuyến động trở về.” Một chuyến động trở về là một chuyến động ra sao? Hai chữ chuyển động này của Tiến Sĩ Lê Đình Chi không biết có dây mơ gì đến hai chữ vận động của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc? Nhưng dù có dây mơ hay chẳng, tôi thấy cả hai cặp chữ đều chẳng có nghĩa lý gì hết. Hoặc giả, cái nghĩa lý mà nó có thể có thì rất què mùa và vô duyên.

Ông Nguyễn Hưng Quốc thì viết:

“Mất ý niệm về sự vận động, sự ra đi nào cũng có nghĩa là một sự dừng lại.”

(Nguyễn Hưng Quốc, Sống Và Viết Như Những Người Lưu Vong. Việt số 2/1998. Trang 7.)

Ông Nguyễn Hưng Quốc thì mất ý niệm về sự vận động (hay cử động?), thì sẽ ra đi không được và bắt buộc phải dừng lại.

Tiến Sĩ Lê Đình Chi thì cho biết mỗi lần xa quê hương là một lần mơ ước một chuyến động trở về thế là Tiến Sĩ Lê Đình Chi cứ lâu lâu lại xa quê hương... chơi, cho có cớ mà mơ ước một chuyến động để trở về. Phi cơ chuyển động hay xe đồ, xe lửa chuyển động đều đúng cả.

Tiến Sĩ Lê Đình Chi còn tỏ ra thông thái về văn hóa rất tận tình. Ngoài sự việc “kiến trúc dân tộc từ cư dân”, thì ông đã viết: (mà tôi tin là Tiến Sĩ Lê Đình Chi còn có những phát hiện động trời khác. Tuy nhiên, tôi xin chịu là chẳng dám đọc của Tiến Sĩ thêm.. bài nào khác ngoài cái truyện

Quê Hương này, vì đã lỡ cho lỡ luôn!!!, Tôi sợ đọc nhiều của Tiến Sĩ Lê Đình Chi sẽ bị “tàu hỏa nhập ma!”)

“Huế còn có một vị trí lịch sử quan trọng với nghệ thuật làm đồ gốm Hoa Lam của kinh đô Huế;

Tiến Sĩ Lê Đình Chi quả thật là một người hết sức liều lĩnh và can đảm. Tôi thấy ông viết ngay cả những điều mà tôi chắc chắn là ông chẳng biết gì sớt một cách rất... ngang nhiên và tự tin. Tôi thì chưa từng biết là ở Huế có cái thứ đồ gốm Hoa Lam. Nếu đồ gốm Hoa Lam có thật, và ở Huế từng có ngành thủ công làm đồ gốm này, thì chí ít bây giờ nó cũng phải còn một cái làng, cái xã được nhắc tới về một ngành mỹ thuật danh gia chứ!

Tôi chỉ biết rằng các tay chơi đồ cổ, thường hay nhắc tới Đồ Sứ Cổ Men Lam Huế, vẫn thường hay được gọi tắt là Sứ Men Lam Huế.

Xin đọc:

“KHẢO VỀ ĐỒ SÀNH CỔ, TỤC DANH “ĐỒ SỨ HUẾ” (LES BLUES DE HUẾ) VÌ DO CÁC CUỘC ĐI SỨ SANG TRUNG QUỐC MANG VỀ, TỪ ĐỜI VUA GIA LONG (1802 – 1819) ĐẾN ĐỜI VUA TỰ ĐỨC (1848 – 1883)

Để vanh cánh con vịt cồ xưa nay nhiều người làm đường lạc lối, nên biết và nhớ kỹ, cải chính một lần chút, là: đồ sứ Huế không bao giờ sản xuất và chế tạo tại Huế đô (không kể vài món làm ở Huế đời vua Khải Định). Thuở nay, danh từ “les blues de Huế” là sai. Nên nói “les blues chinois trouvés à Huế”, hay rõ hơn nữa là “les blues fabriqués en Chine, notamment à King-to-tchen, spécialement pour la Cour de Huế”. Người Pháp trước đây, vì lười và muốn cho gọn, nên gọi tắt làm vậy khiến cho hoàn cầu đều lầm theo và ta cũng hiểu sai luôn. Phàm cái gì nói trúng thì ít ai nhớ, bằng cái gì sai lầm thì khắc sâu vào trí óc, gọi rửa không ra. Ngày xưa, nước ta cũng có sản xuất đồ sành, thô hơn đồ sứ Huế rất nhiều, và đó là đồ gốm Bát Tràng, đồ Thổ Hà, làm tại hai làng đó chứ không phải tại Huế đô. Nay thấy rất ít, và vì vậy giá trị có khi lại hơn đồ sứ Huế.”

(Vương Hồng Sển, Khảo Về Đồ Sứ Cổ Men Lam, nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, Chương Duy Nhất, trang 11).

Vậy thì, cái thứ đồ gốm Hoa Lam Huế Tiến Sĩ Lê Đình Chi đã tìm ở đâu ra? Những món quý hiếm như đồ gốm Hoa Lam Huế bây giờ mà Tiến Sĩ Lê Đình Chi mang ra bán đấu giá, chắc chắn thành triệu phú như chơi!!! Thực ra, khi người ta gọi đồ Sứ Men Lam Huế, có nghĩa là đồ gốm do các quan Việt Nam đi Sứ sang Tàu đặt làm mang về. Chữ Sứ ở đây có nghĩa là như vậy, chứ không phải là Sứ Porcelain.

Tiến Sĩ Lê Đình Chi còn hứng chí đá hất ngang trích dẫn:

“Chính vì vậy mà nhà văn Nga A.I. Solzhenitsyn, sau khi bị cộng sản Nga cầm tù và cuối cùng bị trục xuất ra khỏi quê hương, ông đã đồng dục nói: Tôi là người Nga, tôi sinh ra và lớn lên ở nước Nga. Số phận của những người trí thức gắn liền với số phận dân tộc, tôi không bao giờ rời khỏi quê hương.”

(Lê Đình Chi, Dòng Đời, tập truyện, Văn Mới xb 2003, trang 17)

Ừa? Vậy chứ rồi cuối cùng, nhà văn Nga A.I. Solzhenitsyn có rời khỏi nước Nga không vậy kìa? Và nhà trí thức khoa bảng Tiến Sĩ Lê Đình Chi hiện đang sống ở đâu hay là ông vẫn còn đang chu du ở Huế để nghiên cứu về đồ gốm Hoa Lam?

Xin tạ lỗi với Tiến Sĩ Lê Đình Chi là tôi không có can đảm đọc “đàng hoàng” hết cái truyện ngắn “Quê Hương” của ông, dù chỉ một truyện này rồi thôi! Tôi xin phép Tiến Sĩ Lê Đình Chi và xin phép những độc giả đang đọc bài của tôi, là tôi phải... nhảy đoạn cho nó tiện bề lý luận và cho tâm trí được thoải mái.

Ở phần gần cuối, Tiến Sĩ Lê Đình Chi viết:

“Tôi bắt đầu làm quen với nếp sống văn minh. Trường Luật của tôi nằm trên đường Champagne sau đổi là Duy Tân với những hàng me già cao vút, che kín không gian, trong ngôi trường Petit Lycée mà người Pháp vừa trao trả cho chính phủ Việt Nam, tôi không còn cái cảnh ngày hai buổi đến trường và lên bảng trả bài cho thầy cô nữa. Ở đây tôi được tự do đi học và nghỉ học. Thầy giáo chẳng bao giờ quan tâm đến học trò. Những giáo sư trang trọng trong bộ Áo phục, bước vào giảng đường đúng giờ rồi ngồi vào bàn thao thao bất tuyệt trước máy vi âm trong suốt một, hai tiếng đồng hồ, xong ung dung rời lớp học, mặc cho sinh các sinh viên cặm cụi ghi bài, cứ như việc học là của chính mình mà thôi.”

(Lê Đình Chi, Dòng Đồi, tập truyện, Văn Mới xb 2003, trang 21 & 22)

Tiến Sĩ Lê Đình Chi khoe là đã bắt đầu làm quen với nếp sống văn minh từ một thuở xa xưa mạnh mẽ nhất Cộng Hòa... Vậy mà cho đến ngày hôm nay, ông Tiến Sĩ cũng chẳng tỏ ra văn minh tí chút nào cả!!! Ông tả những hàng me hai bên đường Duy Tân, mà sao tôi đọc cứ y như ông đang tả một cái nhà mồ!!! Những hàng me hai bên đường có thể che kín tầm mắt nhìn lên bầu trời, chứ không thể che kín hết cái không gian. Che như vậy, thì con những người đang đi trên đường, rồi Sinh Viên Lê Đình Chi và các bạn đồng song của ông lấy đâu ra không khí để mà thở, mà... sống???

Tiến Sĩ Lê Đình Chi còn chứng tỏ khả năng không thích ứng với sự trưởng thành theo lẽ thiên nhiên tự nhiên của vạn vật và trời đất!!! Làm sinh viên trường Luật rồi, có nghĩa đã lên đến... Đại Học rồi, mà Lê Đình Chi vẫn tức tối vì không được ngày hai buổi lên bảng đen để trả bài công dân giáo dục đức dục và Quốc Văn Giáo Khoa Thư cho quý thầy!!! Ông Tiến Sĩ còn bực dọc vì mấy ông giảng sư đại học sao cứ vô tình vô trách nhiệm. Các vị giảng sư này cứ mỗi ngày tới trường đúng giờ. Bước vào giảng đường, các giảng sư cứ thản nhiên ngồi vào bàn, thử thử micro mấy bận xong là cứ “thao thao bất tuyệt” giảng bài... Chuyện học hành các ông giảng sư này cứ đẩy cho đám sinh viên! Mấy ông giảng sư làm như chuyện đến đây học chỉ là chuyện... của đám sinh viên không bằng!!!

Vậy thì, chẳng biết các ông giảng sư phải nên làm sao... để đúng đạo thầy trò. Phải chăng, Tiến Sĩ Lê Đình Chi buộc rằng, mấy ông giảng sư đại học phải nên tới từng sinh viên, uốn nắn những anh này nên cầm viết như thế nào cho đúng, nên viết câu văn như thế nào cho bài luận được vừa mộc mạc, lại vừa lãng mạn trữ tình? Điều này, tôi thấy Tiến Sĩ Lê Đình Chi nên trưng ra ý kiến để cho mọi người... tham khảo. Nhất là cái tội con cháu của mình, những đứa đang “vật lộn” trong một khuôn viên đại học để chứng nó... hiểu như thế nào là ý niệm đúng đắn của sự học. Biết đâu, nhờ hiểu như thế như thế, tương lai của chúng nó sẽ ngày một khả quan hơn chăng?

Cứ xem như tôi cùng quý độc giả, chúng ta đã đọc hết bài luận văn của Tiến Sĩ Lê Đình Chi. Toàn bộ bài văn đại khái có vậy. Như thế, chúng ta đã đọc Lời Giới Thiệu hay Lời Tựa của Tiến

Sĩ Nguyễn Văn Canh; chúng ta đã đọc truyện ngắn đầu tập của Dòng Đồi: Quê Hương. Bây giờ, chúng ta chỉ còn đọc Lời Bạt của nhà văn Hồ Minh Dũng nữa, là xem như xong việc. Tuy nhiên, khi lật tới cuối tập, tới phần Lời Bạt bắt đầu từ trang 351 bên tay phải, tôi lại tình cờ thấy câu cuối cùng của tập Dòng Đồi nằm ở trang 350 bên trái:

“Làm theo Phật thì dễ, làm theo ma quỷ khó thật”

(Lê Đình Chi, Dòng Đồi, tập truyện, Văn Mới xb 2003, trang 350)

thì tôi thoát giật thót mình. Hóa ra, Tiến Sĩ Lê Đình Chi ngoài khả năng thương nhớ quê hương mình Huế là đẹp nhất, thông hiểu về đồ gốm Hoa Lam và nền kiến trúc cư dân Huế, ông còn là một nhà Tư Tưởng Kinh Dịch nữa. Không Kinh Dịch sao khi một nhân vật tên Duyên nắm chặt tay mẹ, âu yếm nhìn các anh chị em lần cuối nở một nụ cười, rồi lẩm bầm một câu “kinh hồn” như trên !!

Nếu làm theo Phật dễ theo như triết lý hay lý thuyết của Tiến Sĩ Lê Đình Chi, thì quả là một điều cực kỳ may mắn cho chúng sinh Phật tử. Xưa nay, con đường theo chân Phật là con đường thiên nan vạn nan, các tăng sinh hoặc các vị sư thì khởi nói, phải giữ gìn giới luật đủ điều. Các cư sĩ cũng phải luôn giữ tâm hạnh từng giây phút... chỉ lo sợ đang trì tu mà động tâm ma ý quỷ.... Ấy vậy mà Tiến Sĩ Lê Đình Chi lại cho biết “làm theo Phật thì dễ, làm theo ma quỷ... khó thật”... thì quả ông Tiến Sĩ là một người hết sức đặc biệt.

Vì một người đặc biệt như thế, nên học trò của ông, nhà văn Hồ Minh Dũng đã viết lời Bạt cho ông như sau:

“Tôi hân hạnh được thầy Lê Đình Chi cho xem tuyển tập Dòng Đồi, từ trang đầu đến trang cuối.

Sau khi đọc xong, tôi xin mạo muội viết vài dòng, tạm gọi là “bạt” cho một tuyển tập mà tôi yêu thích.

Điều trước tiên, độc giả cùng với chúng tôi không thể tìm ở trong Dòng Đồi này những dòng văn mượt mà bóng bẩy, những gắng gượng tạo nên một lớp sơn xa hoa rực rỡ bao phủ bên ngoài. Lại càng không thể tìm thấy ở đây những hư cấu phù phép, những ngôn ngữ hào nhoáng, viển vông... Mà, chúng tôi cùng với độc giả tìm thấy mình bạch ở Dòng Đồi những gì mà lương tâm con người bình thường đã, đang và sẽ mãi mãi miệt mài khát khao tìm kiếm.

Mười truyện trong Dòng Đồi chúng tôi xem như mười văn bản hoàn chỉnh mang nội dung ý nghĩa trọn vẹn về mặt phát huy bản sắc dân tộc với một văn phong tự tin, mạnh mẽ, không hề lay chuyển bởi bất cứ một hệ lụy của đời sống mà tác giả đã tự mình gian nan đi qua trên con đường vốn quá nhiều mấp mô, hầm hố và cạm bẫy, lúc ở quê nhà cũng như ở quê người”.

(Lê Đình Chi, Dòng Đồi, tập truyện, Văn Mới xb 2003, trang 351)

Như vậy, nhà văn Hồ Minh Dũng đã được Tiến Sĩ Lê Đình Chi cho xem nguyên cả một tập Dòng Đồi từ trang đầu đến trang cuối, mà không bị giật lại nửa chừng! Mừng thay. Còn chuyện lương tâm con người bình thường tuy mới nghe tưởng rằng ai cũng giống ai, nhưng mỗi cá nhân chắc chắn bình thường một cách khác nhau. Giả như, cũng có rất nhiều người rất bình thường, cho nên họ không khi nào dám nghĩ là “làm theo Phật thì dễ, làm theo ma quỷ lại khó thật.”

Tôi thì không tin là: Bản sắc của một dân tộc, nhất là của dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã trải qua quá nhiều những tang thương dâu bể, lại chỉ cần mười cái truyện ngắn với “ý văn mộc mạc, lời văn lãng mạn trữ tình” là có thể thành một văn bản tiêu biểu mang trọn vẹn ý nghĩa về mặt phát huy bản sắc...

Bản sắc của một dân tộc rất cần nhiều thứ khác, chứ không chỉ là những bài học thuộc lòng công dân giáo dục đức dục, tôi yêu tiếng nước tôi, tôi yêu cây đa đầu làng và xa quê hương nhớ mẹ hiền là thành ra bản sắc dân tộc được!

Với kiến thức tấp nham về mặt nhân văn như Tiến Sĩ Lê Đình Chi, tôi không tin là ông ta có thể biểu hiện được chút gì khả tín cho dân tộc Việt Nam. Chuyện ông Tiến Sĩ đã trải qua những mấp mô, hầm hố và cạm bẫy từ lúc ở quê nhà cũng như ở quê người, thì hơn một triệu người Việt Nam lưu xứ cũng đã trải qua. Có khi nhiều người còn trải qua những cái đáng kinh tâm động phách hơn Tiến Sĩ Lê Đình Chi gấp mấy chục lần.

Như tôi đã viết ở phần vào bài, những Lời Tựa, Lời Giới Thiệu hay Lời Bạt trong truyền thống văn học Việt Nam đã trở thành một thứ xã giao Quan Hôn Tang Tế... Nếu thói quen hay truyền thống hủ tục này không được lột bỏ, nó mà biến thành một thứ trong bản sắc dân tộc Việt thì hỡi ơi! Cái bản sắc kiểu này chả có gì đáng hãnh diện và bảo tồn làm chi cho nó mệt!! Nói chi đến chuyện phát triển với lại xiển dương cái thứ bản sắc vô duyên.

Tết Đinh Dậu về không quên Tết Mậu Thân 1968: Bọn sinh viên Việt Cộng giết thầy giết bạn Bạch Diện thư sinh

Câu “Đồ lừa thầy phản bạn” xưa nay là một lời mắng chửi thậm tệ. Vậy mà bọn sinh viên Việt Cộng còn tệ hơn thế nữa. Vì cuồng tín theo đảng Cộng sản, bọn này sẵn sàng giết thầy giết bạn một cách tàn ác.

Hồi Tết Mậu Thân 1968 tại Huế

Đêm Mồng Một Tết Mậu Thân 1968, Cộng quân tràn vào thành phố Huế và làm chủ Huế suốt 25 ngày đêm. Trong thời gian này, bọn Cộng sản đã biến Huế thành địa ngục trần gian. Nhiều ngàn người dân Huế bị thảm sát, trong đó có những nạn nhân là thanh niên, sinh viên, học sinh và cả trẻ em, phụ nữ. Chúng giết dân bằng đủ cách: đâm bằng lưỡi lê, dùng cuốc đập bẻ sọ, dùng súng bắn, chôn sống tập thể đang khi nạn nhân bị trói bằng dây điện hoặc lạt tre... Sau khi Cộng quân bị đánh bật khỏi Huế, lần lượt các nắm mồi tập thể đã được tìm thấy ở trường Gia Hội, Bãi Dâu, chùa Therevada, phía sau Tiểu chủng viện, gần cửa Đông ba, Cồn Hến, Nam Giao, Phú Xuân, cạnh Lăng các vua, khu vực Dòng Thiên An, Phú Xuân, Phù Lương, làng Châu Chữ, cầu An Ninh, trường An Ninh Hạ, Chợ Thông, gần chùa Linh Mục, trường Văn Chí, Phú Thứ, Tiên Nộn, Đồng Di, Tây Hồ, Khe Đá Mài, Khe Lự, sau làng Đình Môn...

Người dân Huế đã nhận diện trong số những đao phủ thủ, có những tên vốn là giáo chức, là sinh viên, học sinh ở Huế: Hầu hết những tên này đã từng tham gia vào Lực lượng Học sinh, Sinh viên Quyết tử hồi Phong trào Phật giáo 1966. Đứng đầu là các tên Hoàng Phủ Ngọc Tường (dạy Việt văn), Hoàng Phủ Ngọc Phan (sinh viên Y khoa năm 2), Nguyễn Đắc Xuân (sinh viên Sư phạm), Nguyễn Thị Đoàn Trinh (sinh viên Dược), Trần Quang Long (sinh viên Sư phạm), Phan Chánh Dinh, tức Phan Duy Nhân, Hoàng Văn Giàu (phụ khảo Văn khoa), Nguyễn

Thiệt (sinh viên Luật), Bửu Chỉ (họa sĩ), Trần Vàng Sao (sinh viên), Ngô Yên Thy (sinh viên Văn khoa), Trương Quang Ân (học sinh), Nguyễn Văn Mễ (học sinh)...

Tội ác của Hoàng Phủ Ngọc Tường:

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một thầy giáo trẻ, dạy Văn giỏi, được giới sinh viên, học sinh Huế ngưỡng mộ, nhưng Tường đã đi theo Cộng sản và trở nên một thành phần cực đoan và tàn bạo. Đến nỗi một số nhà cầm bút gốc Huế xếp Hoàng Phủ Ngọc Tường đứng hàng đầu trong danh sách những đao phủ thủ sát hại dân Huế hồi Tết Mậu Thân 1968. Trong cuốn *Biến Động Miền Trung* (Trang 110 – 112), tác giả Liên Thành trưng ra 6 bằng chứng để khẳng định: “Bằng vào một số chứng cứ rõ ràng, minh bạch, tôi xác nhận Hoàng Phủ Ngọc Tường là người chủ tọa phiên tòa án Nhân Dân của chính quyền Cách Mạng, và ra lệnh sát hại 204 người tại trường học Gia Hội thuộc Quận II, thị xã Huế trong Tết Mậu Thân 1968” (Liên Thành. *Biến Động Miền Trung*. Tập san *Biệt Động Quân* xuất bản. Trang 110). Trong sách, tác giả Liên Thành sung sướng tung hô thầy Tường của mình có “khuôn mặt hiền từ”, “thầy còn giảng dạy cho chúng tôi những lẽ phải, trái, tư cách làm người, đạo đức, và tấm lòng nhân hậu thương yêu mọi người...” (Sđd. Trang 107). Ngay sau đó, tác giả Liên Thành thắc mắc hỏi cái gì làm thầy Tường của ông “mù quáng say mê chủ nghĩa Cộng Sản”, để trở “thành một tên ác quỷ giết người không gớm tay, say máu người còn hơn quỷ dữ” (Sđd. Trang 108). Thêm vào đó, trong bữa tiệc họp mặt sau 1975, bạn của Tường là Gs. Bửu Ý chỉ mặt Tường mà nói: “Tường, mi là một thằng trí thức sắt máu, hèn hạ, giờ này mi chưa sáng mắt, còn chạy theo liếm đít Đảng nữa hay sao” (Sđd. Trang 109).

Trong bộ phim 10 tập *Vietnam History* do một đài truyền hình Anh Quốc thực hiện năm 1982 (Roll 29 of Vietnam Project- Feb. 29, 1982- Interview with Hoang Phu Ngoc Tuong, writer), Hoàng Phủ Ngọc Tường đã được hỏi như sau: “Ông có thể mô tả biến cố về cuộc nổi dậy tại Huế và đặc biệt liên quan đến cuộc thảm sát từ khi ông có mặt tại đây”? Để trả lời, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đổ tội cho đế quốc Mỹ cố tình dựng nên câu chuyện “thảm sát Mậu Thân Huế”. Tường xác nhận có một số bị giết vì: Một là họ bắn vào lực lượng cách mạng; hai là vì họ đã phạm tội bắt bớ, tra tấn, bỏ tù người theo cách mạng cho nên nay bị trả thù. Nhưng Tường cáo giác đa số những xác chết sau này khai quật được ở Huế là nạn nhân đạn bom của Mỹ, cộng với những xác chết bộ đội giải phóng. Tường nói tiếp: “Chẳng hạn, nó đã bỏ bom rơi vào một bệnh viện nhỏ, gần chợ Đông Ba. Nó thả bom làm 200 người vừa chết vừa bị thương. Tôi đã đi trên con đường hẻm vào ban đêm, và tôi tưởng rằng tôi đang dẫm trên đồng bùn. Thế mà khi tôi bật cái đèn pile lên, máu khắp mọi nơi. Cả một khu vực bị bỏ bom bởi bom đạn Mỹ bắn phá. Và thế rồi, những ngày cuối cùng khi chúng tôi triệt thoái ra khỏi thành phố, kẻ thù của chúng tôi đã thu lại và đem đi chôn”. Xin chú ý trong câu trả lời này, Tường xác nhận y có mặt tại Huế trong Tết Mậu Thân 1968. Trong bài *Thảm Sát Mậu Thân 1968 Và Luận Điều Gian Dối Của Hoàng Phủ Ngọc Tường*, nhà văn Huy Phương cũng đặc biệt nhấn mạnh 2 điểm đáng chú ý về câu trả lời trên đây của Hoàng Phủ Ngọc Tường, ông viết: “Chính câu hỏi của phóng viên đài truyền hình ở đầu bài đã xác nhận sự thật, vì nếu Tường không có mặt ở Huế, sẽ không có cuộc phỏng vấn này cũng như nội dung câu hỏi được đặt ra ở trên. Mặt khác, sau này chính y không nhớ là mình đã thú nhận chuyện có mặt ở Huế vào phút thứ 6 của đoạn phim này, vào năm 1982, khi Tường mô tả chuyện y đang đi trong những con đường hẻm vùng Đông Ba và đã nói những câu “khi chúng tôi rút lui” hay “tôi là một chứng nhân” nghe rất rõ ràng” (bacaytruc.com).

Nhưng qua năm 1997, Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời bà Thụy Khuê trên đài RFI thì thấy có 2 điểm quan trọng khác hẳn câu trả lời phỏng vấn năm 1982. Một là Tường chối không có mặt tại Huế khi đang diễn ra cuộc thảm sát. Hai là Tường xác nhận có “những tang tóc thê thảm” ở

Huế do “quân nổi dậy” và nhìn nhận đó là “một sai lầm không thể nào biện bác được”. Nguyên văn câu trả lời của Tường như sau: “Người ta cho tôi là một tên đồ tể Mậu Thân ở Huế thì đó là một sự bịa đặt mang ý định vu khống hoàn toàn. Sự thực là tôi đã từ giã Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966 và chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu thân 1968, tôi không có mặt ở Huế. Điều quan trọng còn lại, tôi xin tỏ bày ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và đã trở về; ấy là nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải chịu cho hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế vào năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc và nhìn từ quan điểm chiến tranh cách mạng” (Bằng Phong Đặng Văn Âu. Thư gửi Nguyễn Đắc Xuân. Batkhuat.net). Tiền hậu bất nhất. Cái lưỡi (Cộng sản bao giờ cũng) không xương (cho nên) nhiều đường lắt léo!

Tội ác của Hoàng Phủ Ngọc Phan:

Hoàng Phủ Ngọc Phan, em của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sinh viên Y khoa năm 2 Huế, đã phạm tội đồng lõa giết chết các giáo sư bác sĩ người Đức (Bs. Slois Altekoster, Bs. Raimund Discher, Bs. Hort Gunther Kranick và vợ) là thầy của y, bằng cách chôn sống.

Chính tên Hoàng Phủ Ngọc Phan bắn chết 3 anh em ruột: Nguyễn Xuân Kính (sinh 1942, Y khoa Huế, bị bắn chết tại nhà ông nội), Nguyễn Xuân Lộc (sinh 1946, sinh viên Luật Huế, bị bắn chết tại nhà ông nội), Nguyễn Thanh Hải (sinh 1949, sinh viên Văn khoa Huế, bị bắn chết tại trường Văn khoa). Giết các cháu xong, Phan còn đang tâm bắn chết cả ông nội của 3 sinh viên này là cụ Nguyễn Tín, 70 tuổi. Sau khi bắt sinh viên Lê Tuấn Văn (sinh viên Văn khoa Huế, là bạn của sinh viên Hải) đào huyệt tại vườn sau nhà cụ Nguyễn Tín để chôn cụ và 3 người cháu của cụ (xác sinh viên Hải đã được em gái là sinh viên Ban Cán sự điều dưỡng Nguyễn Thị Thái Hòa đưa về đây), tên Hoàng Phủ Ngọc Phan hành quyết nốt sinh viên Văn. (Mậu Thân Huế. Câu Chuyện Của Nguyễn Thị Thái Hòa. WordPress.com).

Tội ác của Nguyễn Thị Đoan Trinh:

Nguyễn Thị Đoan Trinh, con gái Nguyễn Đóa, là sinh viên Dược Sài Gòn về Huế ăn Tết. (Hiện nay Đoan Trinh là nữ đại gia tại Sài Gòn). Nguyễn Thị Đoan Trinh được mô tả là “nhất hạng... nữ sát nhân, nữ sát thủ..., y thị cỡi xe Honda, vai mang AK, bất kỳ ai y thị chặn hỏi, nếu trả lời là lính, là Cảnh Sát, cán bộ Chính quyền, không cần một câu trả lời thứ hai, y thị nổ súng bắn chết ngay” (Liên Thành. Sđd. Trang 114).

Tội ác của Nguyễn Đắc Xuân:

Xuân nổi bật lên trong Đoàn Học sinh, Sinh viên Quyết tử với hàng ngàn đoàn viên hồi phong trào Phật giáo Huế 1966. Rồi “nhảy núi”, hay “lên xanh”, theo Việt Cộng. Tết Mậu Thân 1968 trở về chỉ huy Lực lượng Học sinh, Sinh viên Giải phóng Huế. Đồng thời Xuân cùng với Hoàng Phủ Ngọc Phan chỉ huy các Đoàn Thanh niên Võ trang An ninh Bảo vệ Khu phố (các Đội Tự vệ Thành). Lực lượng này đã gieo tang tóc kinh hoàng cho dân Huế trong 3 tuần lễ Cộng quân tạm chiếm thành phố này. Xuân và Phan còn dự phần xét xử trong Tòa án Nhân dân do Hoàng Phủ Ngọc Tường chủ tọa và chúng đã kết án tử hình 204 người dân Huế. Trong hồi kí Giải Khăn Sô Cho Huế, tác giả Nhã Ca đã kể về tội ác giết bạn của Nguyễn Đắc Xuân như sau: “Nguyễn Đắc Xuân, một sinh viên Huế. Thập niên 60 trong phong trào thanh niên sinh viên bị

Việt Cộng nằm vùng giết giây, Nguyễn Đắc Xuân làm thơ, tranh đấu, rồi bỏ vào khu theo Việt Cộng. Để rồi MÙA XUÂN 1968 theo Việt Cộng trở lại Huế có mặt trong những phiên tòa nhân dân, kêu án tử hình hàng loạt người dân Huế với tội “phản cách mạng”. Đích thân Xuân đào một cái hố, bắt một bạn học cũ có xích mích với Xuân từ trước, ra đứng bên hố, để xử tử. Cậu bạn của Nguyễn Đắc Xuân, tên Tý, dơ cái băng đỏ dấu hiệu giải phóng quân lên cao, lạy van Nguyễn Đắc Xuân :

- Em lạy anh. Bây giờ em theo các anh rồi mà. Em có mang băng đỏ rồi mà. Cách mạng muôn năm... Hồ chủ tịch muôn năm...

Nhưng mặc Tý năn nỉ, hoan hô, Nguyễn Đắc Xuân vẫn lạnh lùng nổ súng vào người bạn nhỏ của mình không chút đắn đo...”.

Mấy năm trước đây, Nguyễn Đắc Xuân đã viết bài Nguyễn Đắc Xuân Đọc Hồi Ký Nhã Ca để phản bác mọi cáo buộc tội giết dân, giết bạn của y. Trong đó có đoạn như sau: “...bà đã biết rõ không có chuyện tôi giết người, không có chuyện tôi ngồi xử án ai vậy tại sao bà còn hạ bút viết trong hồi ký những điều ác hơn đến như thế? Nếu bà sống với tôi cùng trong một nền pháp luật tôi sẽ đưa bà ra tòa về tội vu khống”. (Nguyễn Đắc Xuân đọc hồi ký Nhã Ca. lethieunhon.com).

Thế nhưng, từ Houston, tác giả Bằng Phong Đặng Văn Âu, xưa là bạn “ngồi cùng bàn, cùng lớp” của Nguyễn Đắc Xuân, đã gửi emails qua lại với Xuân. Hai bên trao đổi quan điểm lập trường thẳng thắn với nhau. Trong thư thứ 2 viết ngày 14.01.2011, tác giả Đặng Văn Âu nói với Nguyễn Đắc Xuân: “Này Nguyễn Đắc Xuân, lẽ ra mày phải tỏ ra ăn năn, hối hận về việc mày gây tang tóc cho đồng bào ở Huế để nghiệp chướng của mày vơi đi. Mày đã không làm, mày lại càng gây thêm nghiệp chướng. Mày muốn được người ta gọi là nhà sử học, nhà Huế học phải không? Cộng sản là một tuồng nói dối từ trên xuống dưới, ai dám nói thật thì bị bỏ tù. Mày có đủ cái dũng để viết SỰ THẬT không, mà đòi viết sử?..... Nguyễn Đắc Xuân à! Tao không thèm chửi mày đâu! Mày là thứ cộng sản tép riu. Mang tiếng giết bạn bè (Trần Mậu Tý) mà mày chỉ được cộng sản thí cho cái chức hội viên Hội Văn Nghệ Sĩ Thừa Thiên thì danh giá gì?! Hãy sám hối đi! Đừng huyênh hoang cái giọng “chưa biết con ngựa nào tới đích”, nghe lố bịch lắm! Những “trí tuệ hàng đầu” còn chưa biết đằng trước hình thù cái đích ra sao. Cỡ mày mà đòi thách thức thì chú Ba Trương Tấn Sang lên làm Chủ tịch Nước cũng chẳng có gì lấy làm lạ!” (danchimviet.info).

**Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường
Nguyễn Thị Đoan Trinh
Hoàng Phủ Ngọc Phan, Vũ Quang Hùng**

Tội ác của bọn sinh viên, học sinh trong Lực lượng Học sinh, Sinh viên Giải phóng Huế (LLHSSVGP Huế):

Trước khi tấn chiếm Huế vào dịp Tết Mậu Thân 1968, để chuẩn bị cho công tác tạm quản thành phố này, Cộng sản đã lập ra cái gọi là Lực Lượng Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Hòa Bình. Đứng đầu là:

Gs. Lê Văn Hảo: Chủ tịch, kiêm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách Mạng Thành phố Huế; Thích Đôn Hậu: Phó Chủ tịch; Hoàng Phủ Ngọc Tường: Tổng Thư ký; Nguyễn Đắc Xuân: Phụ trách LLHSSVGP Huế, kiêm Trưởng Đoàn Thanh niên Võ trang An Ninh bảo vệ Khu phố; Đào Thị Xuân Yến tức Bà Tuần Chi: Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Cách Mạng Thành phố Huế. Ngoài

ra còn có những thành viên cốt cán như: Tôn Thất Dương Tiềm, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đóa và con gái là Nguyễn Thị Đoan Trinh, v.v...

Chính bọn học sinh viên, sinh viên trong LLHSSVGP Huế đã hết sức hung hăng trong việc chỉ điểm giúp Cộng quân lùng bắt và giết hại các bạn học của mình. Sau này, khi khai quật những mồ chôn tập thể, người ta đã tìm thấy nhiều nạn nhân là học sinh, sinh viên của Huế. Chẳng hạn như bọn chúng đã dắt bộ đội CS vào nhà thờ Phú Cam và nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, rồi gọi tên các sinh viên theo một danh sách và bắt họ mang đi biệt tăm. Sinh viên Lê Hữu Bôi, cựu Chủ tịch Tổng hội SVSG về Huế ăn Tết cũng bị giết trong dịp này. Trong bài Mậu Thân Huế, Dân biểu Nguyễn Lý Tường thuật lại như sau: “Có hơn 300 người đã bị bắt trong đó có Lê Hữu Bôi, Lê Hữu Bá... hai người này từ Nam Giao chạy về Phú Cam hy vọng nơi đây không có VC. Họ đã trốn trong nhà thờ để tránh bom đạn. Những người Phú Cam bị bắt, bị giết tập thể tại khe Đá Mài thuộc vùng núi Đỉnh Môn, Kim Ngọc quận Nam Hòa, Thừa Thiên. Xác chết nằm dưới khe, thịt thối rữa bị nước cuốn trôi đi, chỉ còn sọ và xương lẫn lộn. Tháng 10-1969, sau gần hai năm mới tìm được chỗ đó. Thân nhân đến nhận các dấu vết như thẻ căn cước bọc nhựa, quần áo, đồ dùng, trảng hạt, tượng ảnh. Trong số các di vật này có thẻ căn cước của Lê Hữu Bôi (Bôi là Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, năm 1963 nổi tiếng qua phong trào tranh đấu của Phật tử chống TT. Ngô Đình Diệm). Có những em học sinh bị bắt trong nhà thờ Phú Cam, cũng bị giết chết tập thể bằng đại liên, bằng mìn tại Khe Đá Mài như Bùi Kha (16 tuổi), Phan Minh (16 tuổi), Nguyễn Duyệt (17 tuổi), v.v... (Nguyễn Lý Tường. Mậu Thân Huế. Những Hành Động Dã Man của Việt Cộng. toquocvietnam.org).

Tội ác sinh viên Việt Cộng ở Sài Gòn

Như trên đã thấy, tại Huế, nơi mà hầu hết những tội ác giết thầy, giết bạn mà bọn sinh viên, học sinh theo Việt Cộng đã phạm phải đều diễn ra công khai, trong thế mạnh của những kẻ đang tạm nắm được quyền hành (khoảng 3 tuần lễ). Khác với Huế, tại Sài Gòn, bọn sinh viên, học sinh Việt Cộng cũng giết thầy giết bạn, nhưng giết riêng lẻ, theo từng trường hợp có tính toán và do lệnh của cấp chỉ huy từ mật khu và dĩ nhiên giết bằng cách ám sát vì chúng còn ở thế hoạt động bí mật.

Để độc giả biết qua về hệ thống chỉ huy và điều hành công tác của Cộng sản tại Miền Nam và tại Sài Gòn – Gia Định, xin tóm lược vài hàng như sau: Thời chiến tranh Quốc – Cộng, lãnh đạo cao nhất của Cộng sản tại miền Nam là Trung ương Cục miền Nam (bí danh Cục R). Vào lúc chiến tranh sôi động, Phạm Hùng (Sáu Hồng), rồi Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) làm Bí thư Cục R. Trung ương Cục chỉ huy trực tiếp và hết sức chặt chẽ tổ chức bù nhìn do CSBV đẻ ra là Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Dưới Trung ương Cục là các khu: Khu 7 (miền Đông Nam bộ), Khu 8 (vùng giữa sông Vàm Cỏ và sông Tiền), Khu 9 (đồng bằng sông Cửu Long và Cà Mau) và Đặc khu Sài Gòn – Gia Định.

Đặc khu Sài Gòn – Gia Định: Năm 1965, Bí thư: Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư (sau đó lên Bí thư) Võ Văn Kiệt (Sáu Dân). Trần Bạch Đằng là ủy viên thường trực phụ trách Tuyên huấn, Mặt trận, Trí vận, Hoa vận, Thanh niên (bao gồm cả công tác Sinh viên Học sinh) và Ban cán sự nội thành.

Cuối 1969, Võ Văn Kiệt giao Bí thư Đặc khu cho Trần Bạch Đằng để đi làm Bí thư Khu 9.

Xin đặc biệt chú ý đến nhân vật Trần Bạch Đằng (bí danh Tư Ánh và nhiều bút hiệu). Chính ông ta là người chỉ huy trực tiếp công tác nội thành nói chung, công tác Thanh niên, Sinh viên, Học sinh nói riêng.

Để tập hợp và kết nạp thanh niên, sinh viên, học sinh hoạt động nội thành Sài Gòn – Gia Định, Cục R thành lập ra Thành đoàn. Thành Đoàn là tên tắt của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam hay Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng, tức là Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Vì hoạt động nội thành Sài Gòn – Gia Định cho nên gọi tắt là Thành đoàn.

Tổ chức Thành đoàn có 2 hệ thống: bí mật và công khai.

Tổ chức bí mật: Là tổ chức mặt chìm, quần chúng không thể biết được. Họ ở cấp cao hơn, quyền hành hơn và thực sự chỉ đạo các tổ chức công khai hoặc bán công khai. Đó là Ban chấp hành Thành đoàn, các ủy viên Ban Chấp hành, các Đoàn ủy sinh viên, các Đoàn ủy học sinh và các ban ngành khác, như: Ban Tuyên huấn, Ban Vận động Thanh niên Trí thức, Ban Quân sự, Ban Phụ nữ, Ban An ninh vũ trang. Xin lưu ý Ban An ninh vũ trang, vì chính Ban này ra lệnh cho biệt động thành thi hành lệnh ám sát các giáo sư và sinh viên.

Tổ chức công khai (và bán công khai) là các tổ chức mặt nổi, hoạt động công khai, hợp pháp. Họ là các cán bộ thừa hành nhưng lại được dư luận biết đến nhiều hơn. Đó là các tổ chức đại diện sinh viên, học sinh trong học đường hoặc tôn giáo và các đoàn văn nghệ, xã hội... như: Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (Tổng hội SVSG), một số Ban Đại diện các Phân khoa Đại học và Trường cao đẳng, Tổng hội Sinh viên Vạn Hạnh, Tổng đoàn Học sinh Sài Gòn, Đoàn Sinh viên Phật tử, Thanh lao Công Vườn Xoài, Đoàn Văn nghệ Sinh viên Học sinh, Đoàn Công tác Xã hội Sinh viên Học sinh Sài Gòn, Đoàn Văn nghệ Sinh viên Vạn Hạnh, Ủy ban Đòi Quyền Sống Đồng bào và chiến dịch đốt xe Mỹ, Mặt trận Nhân dân Cứu Đói...

Thành đoàn Cộng sản đánh giá vai trò của Ban Đại diện các phân khoa, nhất là Tổng hội SVSG, là hết sức quan trọng trong mặt trận đô thị nói chung, mặt trận Đại học nói riêng, cho nên họ tìm mọi cách để nắm lấy. Khi nắm được các tổ chức công khai này, họ có quyền hợp pháp, công khai dùng danh nghĩa của cả tập thể để ra tuyên cáo, kháng thư, kêu gọi bãi khóa, bãi thi, tổ chức văn nghệ báo chí, triển lãm, xuống đường ôn hòa, xuống đường bạo động... gây rối loạn triển miên ngay giữa Thủ đô Sài Gòn và tạo ảnh hưởng dư luận xấu về chính quyền VNCH.

Trong nỗ lực chiếm lấy quyền kiểm soát Tổng hội SVSG và Ban Đại diện các phân khoa, khi gặp khó khăn, Thành đoàn Cộng sản dùng mọi thủ đoạn, kể cả bạo lực để đạt thắng lợi. Trên thực tế, Thành đoàn Cộng sản đã xử dụng các hình thức khủng bố như : gửi thư nặc danh đe dọa, rải truyền đơn lên án tử hình, cuối cùng là “khủng bố trắng”, tức là ám sát bằng súng, lựu đạn, bom...

Họ đã thành công và nắm giữ được tổ chức hợp pháp quan trọng là Tổng hội SVSG suốt 4 nhiệm kỳ liên tiếp: Niên khóa 1966-67: Hồ Hữu Nhựt, 1967-68: Nguyễn Đăng Trường, 1968-69: Nguyễn Văn Quỳnh, 1969-70: Huỳnh Tấn Mẫm. Xin lấy một thí dụ: BCH Tổng hội Sinh viên Sài Gòn nhiệm kỳ 1968-1969 có 7 thành viên thì 4 là Việt Cộng, đó là Chủ tịch Nguyễn Văn Quỳnh (Nông Lâm Súc), Phó Chủ tịch Huỳnh Tấn Mẫm (Y khoa), Phó TTK Nguyễn Hoàng Trúc (Cao đẳng Thú y) và Thủ quỹ Nguyễn Thị Yến (Văn khoa). Và Tổng hội SVSG có 7 Ủy ban trực thuộc thì Việt Cộng nắm được 3 với các ủy viên: Ủy viên Văn Nghệ: Nguyễn Văn Sanh, Ủy viên Báo chí, Phát thanh: Tô Thị Thủy; Ủy viên Liên lạc: Nguyễn Tuấn Kiệt.

Riêng **Huỳnh Tấn Mẫm**, trong cương vị là **Chủ tịch Tổng hội SVSG** (1969-1970), đã được dư luận trong và ngoài nước biết tới như là một biểu tượng của phong trào sinh viên phản chiến, tranh đấu đòi hòa bình theo đúng kế hoạch của lãnh đạo Trung ương Cục. Huỳnh Tấn Mẫm được kết nạp đảng ngày 03.02.1966 do Chín Kế, tức Phan Văn Đình, tại nhà một cơ sở ở Bà Queo (Điều Ân. Huỳnh Tấn Mẫm Một Đời Sôi Nổi. Trang 38). Mẫm cũng là Bí thư chi bộ đảng đoàn Tổng hội SVSG (Điều Ân. Sđd. Trang 144). Trần Bạch Đằng viết về Huỳnh Tấn Mẫm: “Trong thư riêng mà tôi còn giữ, có một mảnh giấy ghi thể này “Xin đoàn thể yên tâm, quyết làm tròn nhiệm vụ”-L.71- L.71 là mật hiệu của Huỳnh Tấn Mẫm. Anh viết cho tôi lúc anh đang chễm chệ ở nhà “Quốc khách” do Nguyễn Cao Kỳ mâu thuẫn với Thiệu mà đón anh về, coi nơi này như trụ sở Tổng hội Sinh viên” (Thành Đoàn. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ tái bản lần thứ nhất. Trang 19).

Trước khi đề cập các vụ ám sát sinh viên và giáo sư tại Sài Gòn do Thành đoàn Cộng sản chủ trương, xin mời độc giả xem một đoạn hồi tưởng của Bs. Ngô Thế Vinh, Tổng Thư kí Nguyệt san Tình Thương của sinh viên Y khoa Đại học Sài Gòn (1964) viết tóm tắt về giai đoạn sôi động này: “Cũng nên ghi lại một số sự kiện nay đã thuộc về lịch sử: chỉ riêng với trường Y Khoa, đã có hai giáo sư bị sát hại [Gs Trần Anh, Cơ Thể học và Gs Lê Minh Trí chuyên khoa Tai Mũi Họng], rồi đến sinh viên Y khoa II Trần Quốc Chương [con của Thẩm phán Trần Thúc Linh] có một giai đoạn vào bưng, sau trở về học lại thì bị trói tay bịt miệng ném từ lầu ba xuống đất ngay trong vòng thành trường Y Khoa trên đường Hồng Bàng, một cái chết rất thảm khốc. Sinh viên Luật khoa Lê Khắc Sinh Nhật cũng bị bắn chết. Hai sinh viên khác bên Văn Khoa cũng bị nhóm Biệt Động Thành bắn trọng thương nhưng may mắn sống sót là Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ, hai anh ấy hiện đang sống ở Mỹ.

Rõ ràng có một cái giá phải trả của giới làm báo kể cả làm báo sinh viên trong suốt giai đoạn đó [nói tới sinh hoạt báo chí của Miền Nam 1954- 1975, không thể không nhắc tới sự hy sinh của các nhà báo như Từ Chung ký giả nhật báo Chính Luận [1965], một nạn nhân nổi tiếng khác bị ám sát nhưng thoát chết là nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm nhật báo Sống [1966]...]” (Ngô Thế Vinh. Nguyệt San Tình Thương 1963 – 1967. Gửi Nghiêm Sỹ Tuấn và Các Bạn Nhóm Tình Thương. Diễn đàn Cựu Sinh viên Quân Y. svqy.org/tinhthuong).

Tính mạng của Sinh viên Lê Hữu Bôi và Sinh viên Nguyễn Trọng Nho đã từng được đưa ra thảo luận trong mật khu của Cộng sản:

Sinh viên **Lê Hữu Bôi** (Khóa 10 Quốc Gia Hành Chánh) và Sinh viên **Nguyễn Trọng Nho** (Nông Lâm Súc) nắm Tổng Hội SVSG hồi 1964-1965. Mặc dù hai sinh viên này ngả theo khuynh hướng Phật giáo đấu tranh chống các chính quyền Quốc gia, nhưng họ không phải là Cộng sản. Do đó họ trở thành chướng ngại cho ý đồ nắm lấy quyền lãnh đạo sinh viên Sài Gòn của Thành đoàn Cộng sản. Cũng vì vậy mà sinh mạng của họ đã từng được đưa ra thảo luận trong mật khu của Cộng sản.

Trần Bạch Đằng kể lại: “Chị Ba Võ – mang bầu sắp đẻ – nặng nề đòi diệt các tên lính kín cầm đầu các tổ chức công khai như L.H.B (Lê Hữu Bôi), N.T.N.(Nguyễn Trọng Nho). Thuyết phục chị thật vất vả! Anh Chín Dũng (tức Võ Văn Kiệt) bảo tôi: Bà “bầu” này dữ thiệt!”. (Trần Bạch Đằng. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ. Tái bản lần thứ nhất. Trang 14).

Sinh viên Ngô Thế Vinh và danh sách 17 sinh viên nằm trong sổ bìa đen:

Thực ra, chính Bs. Ngô Thế Vinh, khi còn là sinh viên sinh hoạt báo chí tại Y khoa Sài Gòn, cũng đã bị Thành đoàn Cộng sản ghi vào “sổ bìa đen”. Gs. Nguyễn Văn Trung kể lại: “Tôi vẫn còn giữ một danh sách của đội quyết tử cảnh cáo một số sinh viên thuộc các phân khoa như

Ngô Thế Vinh (Y khoa)". (Nguyễn Văn Trung. Đồi điều trao đổi với nhà văn Mai Kim Ngọc. Văn Học số 124, Hoa Kỳ. Trang 68). Sau khi ra trường, Bs. Ngô Thế Vinh phục vụ tại Liên đoàn 81 Biệt cách Dù lầy lừng; hiện điều trị và giảng dạy tại Nam California; là tác giả Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng (Văn Nghệ, 2001). Bs. Ngô Thế Vinh còn là tác giả của 6 cuốn tiểu thuyết.

Trong lần tái bản cuốn Nửa Thế Kỷ Việt Nam mới đây, nhà văn Song Nhị đã bổ túc thêm một số sinh viên nữa cũng nằm trong danh sách bị Thành đoàn Cộng sản lên án tử hình: "Ngoài những sinh viên đã bị "thi hành án", đã bị giết như SV Lê Khắc Sinh Nhật; đã lãnh đạn như Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ, Nguyễn Văn Tấn, một danh sách gồm 17 người bị cộng sản lên án tử hình còn có: Phạm Quân Khanh, Phạm Phúc Hưng, Phạm Tài Tấn (Thư Sinh), Phạm Bằng Tường, Nguyễn Tường Quý, Khổng Trọng Hình, Nguyễn Văn Tấn (Cao Sơn), Hồng Nguyên Sĩ". (Song Nhị. Nửa Thế Kỷ Việt Nam. Cội Nguồn, ấn bản lần thứ hai, 2010. Tr. 98) Chú thích của Nhà văn Song Nhị về tài liệu nêu trên: "Tài liệu bổ túc do các nhân chứng trong cuộc: Phạm Tài Tấn, Phạm Bằng Tường, Nguyễn Văn Tấn cung cấp trong một cuộc phỏng vấn có thu âm tại San Jose ngày 20-3-2010 cùng tham chiếu bài viết "Chạm Mặt Tử Thần", Hoàng Xuân Sơn, Sài Gòn Nhỏ tuần báo số 961, 23-4-2010, trA6-A7)".

Việt Cộng bắn sinh viên Ngô Vương Toại và Nguyễn Văn Tấn:

Để chuẩn bị mùa bầu cử Ban Đại diện Sinh viên, một chương trình nhạc Trịnh Công Sơn – Khánh Ly được tổ chức tại Văn khoa đêm ngày 20.12.1967. Giữa lúc tạm nghỉ, hai tên thuộc tổ vũ trang tuyên truyền của Thành đoàn Cộng sản nhảy lên cướp diễn đàn, tuyên bố kỉ niệm 7 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (Mặt trận DTGPMN). Sinh viên Ngô Vương Toại, trong Ban tổ chức, vội giật lại micro, và lập tức anh bị bắn trọng thương vào bụng. Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn thuật lại biến cố này như sau: "Giờ giải lao, xuất hiện một đôi nam nữ ăn bận khá lịch sự từ từ tiến lên diễn đàn. Nam: quần màu sẫm, sơ mi trắng, tay thọc túi quần. Nữ: áo dài xanh lá mạ, đeo kính gọng xéch mắt mèo, tay ôm một chiếc cặp lớn, căng phồng. Ngô Vương Toại đang ở trên sân khấu nói qua về công việc bầu ban đại diện sinh viên văn khoa sắp tới.

Nam ngỏ ý xin được góp lời. Nữ đứng sát bên kéo khóa mở cặp. Và rồi trờ tới. Trờ tới nguyên văn: "Xin tất cả anh chị em yên chí. Chúng tôi đã bố trí chung quanh cả rồi – Hôm nay, nhân ngày kỷ niệm 7 năm thành lập Mặt trận Giải phóng Miền Nam . . ." Cái gì mặt trận!? Nam nói chưa dứt câu, Toại phản ứng lẹ như chớp; nhanh tay giật lại micro: "Àu nà, cảm mờm! . . ." Quát: "Đứng im!" Và đoàng đoàng, hai phát súng nổ liên tiếp. Tội hoa mắt thấy thân hình Toại văng bật vào tường dưới bảng đen. Nhiều phát súng nổ liên tiếp sau đó. Nguyễn Văn Tấn tự Tấn Mốc cầm chiếc ghế nhào lên cứu bạn. Và rồi cũng ăn đạn vào chân té quy xuống bục sau đó" (Hoàng Xuân Sơn. Chạm Mặt Tử Thần. damau.org).

Sinh viên Nguyễn Văn Tấn, tức Tấn Mốc (nay là nhà báo Cao Sơn, chủ biên tuần báo Tin Viet News), trước khi xảy ra biến cố Ngô Vương Toại, đã từng lặn lượm 2 con chủy thủ, 'một mình một ngựa', liều mạng tới cứu bạn Trần Lam Giang đang bị bọn sinh viên Việt Cộng xử tử bằng cách đóng đinh 10 li vào đầu vì chống lại chúng trong cuộc hội thảo chuẩn bị xuống đường chống chính phủ tại Dược khoa. Trên vantholacviet, trong Lời giới thiệu bài Chạm Mặt Tử Thần, Chu Long Hoa kể về tác phong anh hùng của Tấn Mốc như sau: "Từ trụ sở Tổng Hội Sinh Viên Saigon ở số 4 Duy Tân, Tấn hay tin do Lê Thành Khôi tức Khôi què, cũng là Sinh Viên Văn Khoa báo, vội một mình lặn theo 2 lưới lê chạy đến hiện trường để cứu Trần Lam Giang. Trước một rừng du đảng do nhóm Sinh Viên thân Cộng thuê, Nguyễn Văn Tấn phải dùng dao đâm hai tên du đảng phụ trách đóng đinh vào đầu anh Trần Lam Giang trên sân khấu

để cảnh cáo những người khác trong hội trường rồi diu Trần Lam Giang ra tận đường Cường Để dưới làn mưa đá do nhóm sinh viên thân Cộng ném vào hai người. Nhưng họ không dám xáp lai gần để tấn công vì Tấn từng tuyên bố ở trong Hội Trường là “chỉ muốn đưa Trần Lam Giang đi cấp cứu, còn ai muốn ngăn cản thì phải chấp nhận “mạng đổi mạng” (Chu Long Hoa. Lời giới thiệu bài Chạm Mặt Tử Thần. vantholacviet).

Bản sinh viên **Bùi Hồng Sĩ**

Sinh viên Bùi Hồng Sĩ, Ban Triết Đông, là Chủ tịch Ban Đại diện sinh viên Văn khoa Sài Gòn, cũng đã bị Thành đoàn Cộng sản thanh toán ngay tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Cũng trong tài liệu trên, Nhà văn Song Nhị thuật lại: “Một biến cố khác, cũng năm 1967, nhóm Sinh viên Quốc Gia tổ chức một đại hội Thanh Niên, Sinh Viên Thế Giới Chống Cộng họp tại Vũng Tàu. Trong khi đang tham dự đại hội này, nhóm sinh viên Văn Khoa được báo tin văn phòng của Nhóm Sử Địa tại đại học Văn Khoa đã bị nhóm sinh viên VC vào chiếm giữ. Bùi Hồng Sĩ liền lên xe đò đi thẳng về đại học Văn Khoa. Sĩ vừa bước vào cửa văn phòng liền bị bắn một phát, đạn xuyên qua cổ, nhưng không chết.

Tại đại hội Thanh Niên, Sinh Viên Thế Giới Chống Cộng ở Vũng Tàu, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu khi lên đọc diễn văn không rõ do ai đưa tin, Tổng Thống lên án cộng sản đã bắn chết SV Bùi Hồng Sĩ tại đại học Văn Khoa, Sài Gòn. Cả hội trường đứng dậy mặc niệm nạn nhân. Từ ngày đó Bùi Hồng Sĩ không bao giờ được đi ra ngoại quốc, vì Tổng thống đã “khai tử” anh SV này!”.

(Song Nhị. Sđd. Tr.98).

Cái chết đầy nghi vấn của sinh viên Y khoa **Trần Quốc Chương** năm 1967:
Trần Quốc Chương là con trai của Thẩm phán Trần Thúc Linh. Trần Thúc Linh là Tổng Thư kí Liên Minh Các Lực lượng Dân tộc Dân Chủ và Hòa bình Việt Nam của Luật sư Trịnh Đình Thảo, là lực lượng do Cộng sản giật dây. Chưa có tài liệu nào về nguyên do cái chết của sinh viên Trần Quốc Chương. Do đó, chỉ có thể đưa ra các giả thuyết: Một là phe quốc gia giết Chương để dằn mặt ông Linh vì ông Linh đang làm công cụ cho Cộng sản. Giả thuyết này không vững, vì thiếu gì trí thức Miền Nam làm tay sai đắc lực cho Việt Cộng, vậy mà bản thân họ, chứ đừng nói tới con cái họ, đang khi hưởng bổng lộc Quốc gia mà vẫn thoải mái chống chính quyền Quốc gia! Vậy không lẽ chính quyền Quốc gia lại chỉ thanh toán con ông Trần Thúc Linh? Giả thuyết 2: Việt Cộng thanh toán Trần Quốc Chương. Chương “có một giai đoạn vào bưng”, nay về thành đi học lại. Việc bỏ bưng biên về thành của Chương có được sự chấp thuận của bưng biên hay là một sự đào thoát? Nếu mà đào thoát, tức là phản bội. Hoặc giả, trong bưng giao công tác hoạt động trong môi trường Đại học mà Chương không chấp hành. Như thế là bất tuân lệnh của “tổ chức”. Đó là những tội phải bị trừng trị để làm gương. Ba là: Có thể trong bưng biên ra lệnh giết Chương, và tìm cách đổ tội cho chính quyền Quốc gia, để Trần Thúc Linh không còn lựa chọn nào khác hơn là căm thù Quốc gia và riu ríu nghe theo sự sai bảo của Cộng sản.

Giết Sinh viên **Lê Khắc Sinh Nhật**

Ngày 28.6.1971, biệt động thành bắn chết Sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngay tại hành lang trường Luật Sài Gòn. Ban ám sát thuộc Thành Đoàn Cộng Sản cử 2 tên tới Đại học Luật khoa số 4, Duy Tân, nhận là người nhà của Lê Khắc Sinh Nhật và muốn gặp anh có việc cần. Lúc đó sắp tới mùa thi cuối niên học, Nhật đang hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất về cách thi cử tại một giảng đường. Nghe báo có người nhà tìm, Nhật đi ra. Vừa tới hành lang trước phòng Ban đại diện sinh viên, tên ám sát nhận diện đúng là Lê Khắc Sinh Nhật, hấn mau lẹ móc súng từ

trong áo jacket ra bắn liền 3 phát trúng ngực Lê Khắc Sinh Nhật. Sau đó, hắn vội vàng phóng ra ngoài và nhảy lên xe, do một tên khác lái, đang nổ máy chờ sẵn. Viên Cảnh sát đứng gác bên ngoài bắn mấy phát chỉ thiên. Trên đường đào tẩu, chúng còn quăng ngược lại một quả lựu đạn, nhưng may mắn lựu đạn không nổ.

Vừa nghe tin Lê Khắc Sinh Nhật bị ám sát, nhạc sĩ Vũ Thành An đã sáng tác ngay một bài hát tưởng niệm, mở đầu như sau: ‘Anh sinh ngày sinh của Chúa, Chúa gọi anh về giữa tuổi đời mơì. Anh sinh ngày sinh của Trời...’.

Thành đoàn CS giết Lê Khắc Sinh Nhật vì 2 lí do: Một là để răn đe các sinh viên thuần túy có tinh thần quốc gia; hai là để trả mối hận gây nên do Liên danh Lê Khắc Sinh Nhật đã thắng liên danh Việt Cộng Trịnh Đình Ban (Bảy Điểm) trong cuộc bầu cử Ban Đại diện sinh viên Luật khoa niên khóa 70-71; đồng thời Nhật còn đứng Phó Nội vụ trong liên danh Lý Bửu Lâm (Kiến trúc) thắng cử trong cuộc bầu Ban Đại diện Tổng hội SVSG, giành lại Tổng hội SVSG từ tay Thành đoàn Cộng sản. Cuộc bầu cử này tổ chức tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc) vào ngày 20.6.1971. Sau khi biết kết quả kiểm phiếu nghiêng về liên danh Lý Bửu Lâm, bọn sinh viên Việt Cộng dờ ngay bản tính côn đồ, chúng nhảy lên bục “đá thùng phiếu để hủy bỏ kết quả bầu cử” và ẩu đả hỗn loạn (Trần Bạch Đằng. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. Tái bản 1. Trang 21).

Bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng hội sinh viên, Thành Đoàn Cộng sản hết sức cay cú. Họ đã đưa ra 2 quyết định: Một là sát hại sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật; hai là chỉ thị Huỳnh Tấn Mẫm tập họp một số sinh viên tại trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật tử số 294 đường Công Lý vào ngày 28 tháng 7 năm 1971 để bầu ra một tổ chức ma, chưa bao giờ có. Đó là ‘Tổng hội Sinh viên Việt Nam’, do Huỳnh Tấn Mẫm làm chủ tịch và Nguyễn Thị Yến làm tổng thư kí.

Quyết định ha sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật là một quyết định tàn ác, đê tiện của Thành Đoàn Cộng Sản. Vì thế, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, mặc dù ho tung ra nhiều tài liệu và sách báo khoe khoang thành tích đấu tranh của các tổ chức Thành Đoàn, nhưng đặc biệt ho không hề dám công khai nhắc tới ‘thành tích’ ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật.

Giết Gs. Nguyễn Văn Bông

Ngày 10.11.1971, sinh viên Việt Cộng Vũ Quang Hùng (bí danh Ba Điệp, năm 3 Khoa học) và tên Lê Văn Châu dùng chất nổ ám sát chết Gs. Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh, tại ngã tư Cao Thắng – Phan Thanh Giản. Hai tên Hùng và Châu thuộc Đội trinh sát võ trang mang bí số S1 hoạt động nội thành Sài Gòn-Chợ Lớn / Ban An ninh T4. Hùng và Châu đều bị bắt, ra tòa và thụ án tại Côn Đảo. Sau 30.4.1975, tên sát nhân Hùng đã viết bài “Tôi ám sát người sắp làm thủ tướng Sài Gòn” hãnh diện kể về thành tích ám sát của mình và đăng trên một số tờ báo, trong đó có tạp chí Đứng Dậy (Đối Diện, Đồng Dao) của Lm. Chân Tín. Tác giả Khánh Dung viết: “ ‘Chiến công’ của Vũ Quang Hùng đã được chính ông ta kể lại trong một bài đăng trên tạp chí Đứng Dậy của Linh Mục Chân Tín năm 1976. Đến tháng 4/2000, trong dịp kỷ niệm 25 năm ngày chiến thắng 30 tháng 4 nhà báo chuyên về các đề tài tình báo Nam Thi của báo Thanh Niên cũng kể lại chuyện này, trong đó có ghi rõ vai trò trợ giúp đắc lực của Nguyễn Hữu Thái” (Khánh Dung. Những người giết Gs. Nguyễn Văn Bông bây giờ ở đâu? vantuyen.net).

Cũng trong bài báo của mình, tên Hùng đã giải thích lí do ám sát Gs. Nguyễn Văn Bông như sau: “Tôi nhớ dặn dò của đồng chí Tám Nam – Phó ban An ninh T4 (tức khu vực Sài Gòn-Gia Định): “Để bảo đảm bí mật, chúng ta sẽ đặt cho mục tiêu bí số G.33. Cần giữ bí mật đến phút chót và theo tin tức tình báo, G.33 đang chuẩn bị lên nắm ghế thủ tướng. Nếu G.33 đã nắm

chức, sẽ rất khó hành động vì khi ấy việc bảo vệ ông ta sẽ khác hẳn. Và nếu tình huống này xảy ra, cách mạng có thể gặp khó khăn hơn bởi Nguyễn Văn Bông là một trí thức có uy tín và chính quyền nguy chuyển từ quân sự sang dân sự mọi diễn tiến sẽ có lợi cho địch”.

Sau 30.4.1975, Hùng nắm chức Phó Tổng biên tập báo Công An Thành phố HCM, Tổng biên tập tạp chí Người Du Lịch và biên tập cho báo Pháp Luật Thành phố HCM.

Giết Gs. Lê Minh Trí và Gs. Trần Anh

Ngày 06.01.1969, lúc 7:50 sáng, bọn ám sát Thành đoàn liệng lựu đạn M6 vào xe của Bs. Lê Minh Trí, Bộ trưởng Giáo dục và Thanh niên và đã giết chết ông tại khúc đường Nguyễn Du rẽ sang Hai Bà Trưng. Sau đó 2 tháng, đến lượt Bs. Trần Anh, Giám đốc Viện Cơ thể học Sài Gòn kiêm tân Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn (lên thay Viện trưởng Trần Quang Đệ bị cách chức vì đào nhiệm), bị bắn chết trước cổng Trường Trung học Chu Văn An, trên đường đi bộ từ Đại học Y khoa về nhà ông, cạnh Đại học xá Minh Mạng, ngang hông nhà thờ Ngã Sáu, Chợ Lớn. Chỉ có suy đoán chứ chưa biết đích xác ai là thủ phạm vụ ám sát

Gs. Trần Anh.

Sự thực, khoảng thời gian đó, tại Đại học Y khoa Sài Gòn, đang có sự chuyển mình sinh ra tranh chấp giữa hai hệ thống giáo dục Pháp và Mỹ, khiến có dư luận: “Ai ai cũng nghĩ rằng cái chết của Bộ trưởng Lê Minh Trí và Giáo sư Trần Anh, Viện trưởng Viện Đại Học Sài Gòn đều có liên quan đến sự can thiệp của phái bộ Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ vào nội tình của trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn”. (Bs. Lê Ánh bút hiệu Lê Phú Thọ. Trường Đại học Y khoa Sài Gòn (1966-1971) Chiến tranh và Chính trị. ninh-hoa.com).

Thế nhưng sau 30.4.1975, Thành đoàn Cộng sản ra sách xác nhận và kể lại “thành tích” vụ ám sát Bộ trưởng Lê Minh Trí của chúng như sau: “Đến năm 1968 lại xuất hiện một tên tay sai có tầm cỡ hơn: Bộ trưởng giáo dục và thanh niên L.M.T. (Bác sĩ Lê Minh Trí, giáo sư chuyên khoa Tai mũi họng). Là một trí thức tay sai đế quốc Mỹ, T. có nhiều bản lĩnh trong việc đem văn hóa trụy lạc, ngoại lai đầu độc thanh niên thành phố. Hắn đòi giải tán các tổ chức hợp pháp của sinh viên, học sinh. Hắn cũng đã chủ trương chiếm và tiến tới dẹp bỏ trụ sở Tổng hội Sinh viên ở số 4 Duy Tân. Trừng trị kịp thời con rắn độc này là một nhiệm vụ chính nghĩa, quang vinh. Ban quân sự Thành đoàn được Thành ủy giao cho nhiệm vụ vinh quang ấy. Đồng chí Ba Tung, phó ban, đội trưởng đội ba trực tiếp đánh...” (Hàng Chức Nguyên. Những Tiếng Nổ Trong Lòng Sài Gòn. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ. Tái bản lần thứ nhất. Trang160).

Kết bài

Chiến tranh để lại những vết thương mà thời gian không thể xóa mờ và những mất mát không bao giờ có thể bù đắp. Những vụ sinh viên Việt Cộng giết thầy giết bạn xảy ra đã trên 40 năm.

Đã hơn 40 năm mà tôi vẫn còn nhớ như in cặp mắt lộ hung tinh của tên sinh viên Việt Cộng Nguyễn Thị Yến, vẫn còn nhớ thị gọi Bùi Hồng Sỹ là “con dê núi”... Và hình ảnh Sinh viên Ngô Vương Toại vui vẻ, hoạt bát vào các giảng đường vận động bầu cử vẫn còn sinh động như mới hôm qua! Rồi quang cảnh hỗn loạn tại Giảng đường 4 Văn khoa đêm hôm xảy ra vụ Tổ Vũ trang Tuyên truyền Thành đoàn Cộng sản cướp diễn đàn và bắn sinh viên Ngô Vương Toại và Sinh viên Nguyễn Văn Tấn...

Đã hơn 40 năm, nhưng những nạn nhân như bà Lê Thị Thu Vân, tức bà Jackie Bông, phu nhân của cố giáo sư lừng danh Nguyễn Văn Bông bị tên Sinh viên Vũ Quang Hùng ám sát, tuy không bao giờ quên nỗi biến cố bi thương bỗng ập xuống cuộc đời bà và các con nhỏ dại của bà năm xưa, nhưng bà đã lấy tâm Phật mà “cầu nguyện cho ông ấy (tức tên Hùng, kẻ đã giết chồng bà)” và mong nhà cầm quyền Hà Nội “mở mắt ra”, “mở tấm lòng ra” (Kí giả Mạc Lâm, RFA, phỏng vấn Bà Lê Thị Thu Vân. Viettop10.com ngày 05.05.2011).

Đang khi đó sau 30.4.1975, với tư thế của kẻ thắng trận, Thành đoàn Cộng sản vẫn còn ra sách, hãnh diện khoe khoang những tội ác giết người của chúng. Đến bây giờ mà chúng vẫn còn ghép tội chết cho Bộ trưởng Giáo dục Lê Minh Trí (bác sĩ, giáo sư) là “tay sai đế quốc Mỹ”, “đem văn hóa truy lạc, ngoại lai đầu độc thanh niên thành phố” và “Trừng trị con rắn độc này là một nhiệm vụ chính nghĩa, quang vinh!” Với cách kết án và hành xử như thế, thì trước những quốc nạn tày trời mà bọn lãnh đạo Cộng sản Hà Nội gây ra cho đất nước, cho đồng bào ngày nay, thì chúng phải bị trừng trị như thế nào cho công bình, cho cân xứng?

Riêng tên sinh viên Khoa học Vũ Quang Hùng, can phạm chủ chốt sát hại Giáo sư Nguyễn Văn Bông, đến nay vẫn không chút ân hận. Tên Hùng đã giết người mà không chịu rửa sạch bàn tay vấy máu. Giữa thời đại khắp thế giới lên án khủng bố, mà tên Hùng vẫn nhiều lần đưa lên một số tờ báo trong nước bài Tội Ám Sát Người Sắp Làm Thủ Tướng Sài Gòn. Coi như hắn muốn tiếp tục giết chết nạn nhân của hắn nhiều lần nữa cho thỏa thú tính. Không biết ngày nay có ai đọc bài viết của Vũ Quang Hùng mà còn khen y là anh hùng hay không, nhưng rõ ràng là có những bài viết, những phản hồi, cả trong nước lẫn ngoài nước, phê phán bài viết của tên Hùng là “phản cảm”, là “khó nuốt...distasteful” (Ts. Nguyễn Văn Tuấn. Ám sát Gs. Nguyễn Văn Bông: Chuyện cũ, Ý nghĩa mới. ngoclinhvugia.wordpress.com).

Cuộc chiến Quốc- Cộng dù giải thích nguyên nhân ra sao, thực tế vẫn là một thảm họa nôi da xáo thịt của dân tộc Việt Nam.

Nhìn ngắm cách giải quyết cuộc nội chiến Nam Bắc Mỹ, cuộc giải thể chế độ Cộng sản ở Nga và Đông Âu trong tình dân tộc, có người Việt Nam yêu nước chân chính nào mà không tiếc xót cho vận nước? Càng xót xa cho nước non, càng “tở tường rồi” (Nhạc sĩ yêu nước Việt Khang) những tội ác Cộng sản Việt Nam đem tới cho quê hương đất nước trong 80 năm qua và hệ lụy có thể sẽ còn kéo dài hàng trăm năm nữa. Đảng Cộng sản Việt Nam xúi giục hận thù để đạt chiến thắng, chiến thắng rồi vẫn tiếp tục chính sách thù hận.